

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM.

Hán dịch: Bát Thích Mật Đé

Việt Dịch: Cư Sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám



Phật Học Viện Quốc Tế Xuất Bản PL 2527 1983

Nguồn: <http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 30 - 6 - 2009

Người thực hiện: Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio: Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

TIÊU SỬ ĐẠO HỮU TÂM MINH LÊ ĐÌNH THÁM

LỜI NÓI ĐẦU

QUYỂN NHẤT

PHẦN THỨ NHẤT - PHẦN TỰA

CHƯƠNG I - TỰA CHUNG

CHƯƠNG II - TỰA RIÊNG

PHẦN THỨ HAI - PHẦN CHÍNH TÔNG

CHƯƠNG I - CHỈ NGAY CHỖ VIÊN NGỘ

QUYỂN NHÌ

QUYỂN BA

QUYỂN BỐN

QUYỂN NĂM

CHƯƠNG II - NƯƠNG CHỖ NGỘ MÀ VIÊN TU

QUYỂN SÁU

CHƯƠNG III - RỘNG ĐỂ LẠI KHUÔN PHÉP TU HÀNH

MỤC I - NHÂN ÔNG A NAN XIN CỨU ĐỘ ĐỜI VỊ LAI, PHẬT
TÓM NÊU RA BA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

MỤC II - CHỈ BÀY BỐN LỜI DẠY BẢO RÕ RÀNG QUYẾT ĐỊNH

QUYỂN BẢY

MỤC III - PHẬT KHAI THỊ VỀ MẬT GIÁO, THÀM GIÚP CHO
NHỮNG NGƯỜI TU HÀNH

MỤC IV - KHAI THỊ NHỮNG PHÁP TẮC LẬP ĐẠO TRÀNG TU
TRÌ

MỤC V - TUYÊN NÓI TÂM CHÚ, RỘNG KHAI THỊ NHỮNG LỢI ÍCH

MỤC VI - KHAI THỊ NHỮNG VỊ TRÍ TU CHÚNG TRƯỚC SAU

QUYỂN TÁM

MỤC VII - CHỈ DẠY TÊN KINH

MỤC VIII - NGHE PHÁP ĐƯỢC TĂNG TIẾN

CHƯƠNG IV - PHÂN BIỆT KỸ CÀNG CÁC NGHIỆP QUẢ, PHÂN TÍCH RẠCH RÒI VỀ TÀ MA NGOẠI ĐẠO

MỤC I - HỎI VỀ NHỮNG TẬP KHÍ VỐN CÓ, SINH KHỞI RA LỤC ĐẠO

MỤC II - HỎI VỀ VIỆC BÁC KHÔNG CÓ NHÂN QUẢ, BỊ SA MÃI VÀO ĐỊA NGỤC VÀ VỀ NGHIỆP CHUNG, NGHIỆP RIÊNG

MỤC III - KHAI THỊ VỀ PHẬN TRONG, PHẬN NGOÀI CỦA CHÚNG SINH

MỤC IV - CHỈ RA MƯỜI TẬP NHÂN VÀ SÁU GIAO BÁO

MỤC V - TU NHÂN RIÊNG BIỆT, THÀNH QUẢ HƯ VỌNG

MỤC VI - CÁC CỠ TRỜI SAI KHÁC

QUYỂN CHÍN

MỤC VII - KHAI THỊ CHỖ HƯ VỌNG CỦA BẢY LOÀI ĐỀ KHUYẾN KHÍCH TU HÀNH CHÍNH PHÁP

MỤC VIII - PHÂN BIỆT CÁC ẤM MA

QUYỂN MƯỜI

MỤC IX - CHỈ RÕ THỨ LỚP TIÊU DIỆT CÁC ẤM VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CÁC ẤM.

PHẦN THỨ BA - PHẦN LƯU THÔNG

CHƯƠNG I - LƯU THÔNG CỦA KINH NÀY

MỤC I - ĐƯỢC PHÚC HƠN CẢ

MỤC II - TIÊU TỘI HƠN CẢ

MỤC III - TRỪ MA HƠN CẢ

CHƯƠNG II - LƯU THÔNG CHUNG

HẾT

TIỂU SỬ ĐẠO HỮU TÂM MINH LÊ ĐÌNH THẨM



Đạo hữu LÊ ĐÌNH THẨM, Pháp Danh TÂM MINH, tự CHÂU HẢI, chánh quán làng Đông Mỹ (Phú Mỹ), Tổng Phú Khương, Phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, là thứ nam của Cụ Đông Các Điện đại học sĩ sung chức Binh bộ Thượng thư LÊ ĐỈNH (Triều Tự Đức), và Cụ kế thất PHAN THỊ HIỆU, sanh năm 1897 (Đinh Dậu) tại Quảng Nam;

Lúc nhỏ theo Nho học, thụ huấn trực tiếp với Cụ Thượng thân sinh ở nhà, cùng với bào huynh là Đông Dương y sĩ LÊ ĐÌNH DƯƠNG (1), tuy tuổi còn non, song cả hai đều thông đạt kinh sách, văn bài thi phú đều làm được, nhất là Đạo hữu có biệt tài ứng đối nhanh, nổi tiếng thần đồng và là một danh kỳ hữu hạng tại quê nhà;

Lớn lên theo tân học, thông minh xuất chúng, được thầy yêu bạn mến, luôn luôn dẫn đầu lớp và chiếm đoạt khôi thủ trong tất cả các kỳ thi từ cấp tiểu học đến đại học, Đạo hữu tốt nghiệp Thủ khoa Đông Dương Y sĩ khóa năm 1916 tại Trường Cao Đẳng Y khoa Đông Dương Hà Nội, và Y khoa Bác sĩ ngạch Pháp quốc khóa năm 1930 tại Y khoa Đại học đường Hà Nội;

Ra trường nhằm lúc Phong Trào Vua DUY TÂN KHỞI NGHĨA thất bại, bào huynh là Đông Dương Y Sĩ LÊ ĐÌNH DƯƠNG bị bắt đày lên Ban mê thuật, Đạo hữu bị nhà cầm quyền Thực dân Pháp tình nghi theo dõi, nên trong suốt thời gian phục vụ tại các Bệnh viện Bình Thuận, Sông Cầu, Qui Nhơn, Tuy Hòa (1916 1923) ngoài công tác chuyên môn, Đạo hữu chỉ lo học hỏi và nghiên cứu thêm về Nho, Y, Lý, Số;

Năm 1926, phụ trách Y sĩ điều trị tại Bệnh viện Hội An, trong một dịp viếng chùa TAM THAI (Ngũ Hành Sơn) được đọc bài Kệ sau đây, ghi trên vách chùa, mà Đạo hữu chú ý đến Phật Giáo:

*Bồ Đề bốn vô thọ,
Minh cảnh diệc phi đài,
Bốn lai vô nhất vật,
Hà xứ nhĩ trần ai. (2)*

Tiếp đó, được tin nhà Cách mạng PHAN CHÂU TRINH từ trần tại Saigon, Đạo hữu cùng một số Thân hào Nhân sĩ và Công chức Trí thức Quảng Nam tổ chức lễ truy điệu trọng thể và cùng thọ tang Cụ PHAN. Một tháng sau, Đạo hữu được khẩn lệnh đi Hà Tĩnh;

Năm 1928, được thuyên chuyển về Huế, làm Y sĩ trưởng tại Viện Bào chế và Vi trùng học PASTEUR, cộng tác với Bác sĩ NORMET, Giám đốc Y tế Trung phần, phát minh ra SÉRUM NORMET, được Y giới Pháp Việt đương thời rất trọng vọng.

Cũng năm ấy, Đạo hữu lên chùa TRÚC LÂM thỉnh giáo Hòa Thượng GIÁC TIÊN về thâm nghĩa bài Kệ chùa TAM THAI rồi phát tâm cùng Thượng tọa THÍCH MẬT KHẾ nghiên cứu Giáo Lý, học hỏi Kinh Điển, tụng Kinh niệm Phật và phát nguyện trường trai, làm lễ Quy Y, thọ Ưu Bà Tắc giới, có Pháp danh TÂM MINH từ đó;

Năm 1929 1932, sau hai năm liên thọ giáo với Hòa Thượng PHƯỚC HUỆ (Hòa Thượng chùa THẬP THÁP, Bình Định), đồng thời chịu ảnh hưởng cuộc Trùng hưng Phật Giáo Trung Hoa của Ngài THÁI HU PHÁP SƯ qua sách báo HẢI TRIỀU ÂM, Đạo hữu vâng lời chư Đại Lão Hòa Thượng PHƯỚC HUỆ, GIÁC TIÊN, GIÁC NHIÊN, TỊNH HẠNH, TỊNH KHIẾT, đứng ra triệu tập 18 vị đồng lữ thảo Điều lệ xin thành lập HỘI AN NAM PHẬT HỌC, đặt trụ sở đầu tiên tại chùa TRÚC LÂM, do Đạo hữu làm Hội trưởng, dưới sự chứng minh sáng lập của quý vị Hòa Thượng nói trên và Đạo hữu bắt đầu thuyết Pháp tại chùa TỪ QUANG, giảng giải Kinh Luận tại tư thất cho một số tín hữu nhiệt tâm cầu Đạo (quý Hòa Thượng GIẢI NGẠN, Sư Bà DIỆU KHÔNG, Thượng Tọa MINH CHÂU, lúc chưa xuất gia, đều được nối tiếp đào tạo trong những khóa giảng này);

Năm 1933, phụ trách Y sĩ Giám đốc Bệnh viện bài Lao Huế, Đạo hữu là một danh y uy tín nhất tại Đế đô.

Về Phật sự, Đạo hữu:

- Khởi công trùng tu Tổ Đình Từ Đàm làm Trụ sở Trung ương của Hội,
 - Cử hành Đại Lễ Phật Đản (Mồng tám tháng Tư Âm lịch) đầu tiên vô cùng trọng thể tại chùa DIỆU ĐẾ, gây ảnh hưởng lớn lao trong mọi giới,
 - Chủ trương xuất bản NGUYỆT SAN VIÊN ÂM, cơ quan ngôn luận và truyền bá Giáo Lý của Hội do Đạo hữu làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút,
 - Thiết lập cơ sở đào tạo Tăng Tài: Cấp Trung Tiểu học tại chùa BẢO QUỐC do Hòa Thượng THÍCH TRÍ ĐỘ làm Đốc Giáo (quý Hòa Thượng THIÊN HOÀ, THIÊN HOA, Thượng tọa THIÊN SIÊU, TRÍ QUANG, THIÊN MINH, TRÍ TỊNH, NHẬT LIÊN... đều xuất thân tại Trường này), cấp Đại học tại chùa TÂY THIÊN do chính Đạo hữu phụ trách giảng diễn về Luận Học và Triết Lý Đông, Tây (quý Hòa Thượng ĐÔN HẬU, TRÍ THỦ, MẬT HIỂN, MẬT NGUYỆN, MẬT THỂ... đều xuất thân tại Trường này),
 - Xúc tiến thành lập các Tỉnh Hội, Chi Hội, Khuông Hội khắp nơi tại Trung Phần, mở đầu là Tỉnh Hội THỪA THIÊN, ĐÀ NẴNG, QUẢNG NAM...;
- Năm 1934, tuy việc chuyên môn, việc Hội, việc Báo chí, việc Phật học viện rất bề bộn, nhưng Đạo hữu không lúc nào xao lãng sự học, sự tu và sở trường của Đạo hữu là giảng diễn Phật Pháp; chính nhờ lối giải thích, trình bày Phật Pháp một cách sáng sủa, hợp cơ mà Đạo hữu đã áp dụng, một số đông đồng học, Cựu học cũng như Tân học, bình dân cũng như trí thức, đã hiểu Đạo Phật rất mau chóng và đứng đắn. Đạo hữu thật xứng đáng là một vị Pháp sư Cư sĩ, vừa Tông Thông vừa Thuyết thông khéo đưa Phật Pháp ra giữa ánh sáng như đưa viên ngọc quý ra khỏi những thế lực vô minh vùi lấp;

Mùa Đông 1934, Hòa Thượng GIÁC TIÊN viên tịch, ý thức được trách nhiệm hoằng dương Chánh Pháp và duy trì sinh hoạt Giáo Hội, nên trong lời ai điếu Hòa Thượng Bôn Sư, Đạo hữu đã phát nguyện dững mãnh như sau:

*"Kiến tướng nguyên vọng, Kiến tánh nguyên chơn,
Viên giác diệu tâm ninh hữu ngã; Chúc Pháp linh truyền,
Chúc sanh linh độ, Thừa đương di huấn khởi vô nhân;"*

Tạm dịch:

*"Tướng các Pháp tuy vọng, Tánh các Pháp vốn chân,
Hòa Thượng đâu có mất, còn; Chánh Pháp, cần phải truyền,
Chúng sanh cần phải độ, lời di huấn đó, con nguyện xin gánh vác";*

Năm 1935, để thích ứng với nhu cầu tiến triển của Hội, bản Điều lệ của Hội được tu chỉnh qua quyết nghị của Đại hội đồng: Một Ban Tổng Trị Sự được thiết lập tại Huế trực tiếp điều hành các Tỉnh Hội và năm nào Đạo hữu cũng được Đại hội tín nhiệm công cử vào chức vụ Hội Trưởng hoặc Cố Vấn để điều hành Phật sự chung;

Mùa Thu năm này, Đạo hữu dời nhà từ Bệnh Viện lên ở số 31 đường Nguyễn Hoàng (độc Bến Ngự), tiếp tục giảng Kinh, viết báo, quy tụ một số thanh niên Phật tử trí thức thành lập ĐOÀN THANH NIÊN PHẬT HỌC ĐỨC DỤC, sáng lập GIA ĐÌNH PHẬT HOÁ PHỔ (tiền thân của GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM ngày nay) nhằm duy trì đạo đức, xây dựng chánh tín cho đàn hậu thế;

Ngoài ra, theo gương Phật giáo Trung Hoa, qua nhiều năm nghiên cứu kế hoạch và vận động phương tiện, quyết tâm xây dựng nền móng vĩnh cửu cho cơ sở đào tạo Tăng Tài, năm 1944, Đạo hữu sắp xếp di chuyển các Phật học viện lên thiết trí tại Kim Sơn, thành lập TỔNG LÂM KIM SƠN (Huế), nhưng thời cuộc không cho phép, công tác đành phải tạm ngưng, sau hai năm hoạt động;

Nhờ công đức của Đạo hữu, vừa Tài thí vừa Pháp thí, chủ trương và duy trì mà HỘI AN NAM PHẬT HỌC, NGUYỆT SAN VIÊN ÂM (3) và PHẬT HỌC VIỆN đã vượt khỏi mọi thăng trầm vất vả, mọi chướng ngại thế gian, gây được một thanh thế lớn giữa trào lưu PHỤC HUNG ĐẠO PHÁP, PHỤC HUNG DÂN TỘC, cổ động PHẬT GIÁO NAM, BẮC đưa PHẬT GIÁO nước nhà từ chỗ quên lãng đến địa vị như ngày nay;

Năm 1945, sau cuộc Đảo chánh Nhật, được Chính Phủ TRẦN TRỌNG KIM mời giữ chức vụ Giám Đốc Y Tế Trung Phần kiêm Giám Đốc Bệnh Viện Huế;

Mùa Đông 1946, chiến cuộc bùng nổ, dân chúng Huế tản cư, Đạo hữu cùng gia đình cũng tản cư về nguyên quán Quảng Nam, tham gia Kháng Chiến chống Pháp;

Năm 1947 1949, làm chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến Miền Nam Trung bộ tại Liên Khu V và tập họp một số cựu Đoàn viên Thanh Niên Phật Học Đức Dục, cựu Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử, cựu Hội viên Hội Phật Học cùng những phần tử trí thức Kháng Chiến thành lập PHONG TRÀO PHẬT GIÁO VÀ DÂN CHỦ MỚI do chính Đạo hữu chủ trì, hướng dẫn nghiên cứu và so sánh giữa Giáo Lý nhà Phật và Chủ thuyết Mác Lê tại Bồng Sơn (Bình Định);

Mùa Hạ 1949, được điện mời ra Bắc, đề bạt làm Chủ Tịch Phong Trào Vận Động Hòa Bình Thế Giới, mặc dù tình thế đảo điên, nhân tâm điên đảo, nhưng Đạo hữu vẫn an nhiên diễn giảng, phiên dịch Phật Pháp. Cuối cùng trọn bộ KINH THỦ LĂNG NGHIÊM. được dịch và xuất bản vào mùa Xuân năm Tân Sửu (1961) tại chùa QUÁN SỨ (Hà Nội) và từ trần ngày 23 – 04 1969 (tức ngày Mùng bảy tháng Ba năm Kỷ Dậu) tại Hà Nội. Thọ 73 tuổi.

Saigon, Mùa Vu Lan năm Quý Sửu.

GHI CHÚ:

(1) Y sĩ LÊ ĐÌNH DƯƠNG tốt nghiệp Á khôi Đông Dương Y sĩ khóa đầu tiên năm 1915 tại Trường Cao đẳng Y khoa Đông Dương, Hà Nội, và được bổ nhiệm Y sĩ điều trị tại bệnh Viện Hội An (Quảng Nam), tham gia VIỆT NAM QUAN PHỤC HỘI, cùng với Cụ TRẦN CAO VÂN, THÁI PHIÊN, PHAN THÀNH TÀI... phụ trách lãnh đạo Phong Trào Vua DUY TÂN KHỞI NGHĨA tại Nam Ngãi và bị thực dân Pháp bắt đày lên Ban mê thuật năm 1916, cuối cùng không chịu nổi sự tủ nhục và đày ải khắc nghiệt của viên Công sứ Thực dân SABATIER nên Y sĩ đã uống Cyanure de Mercure để tự sát năm 1919. Hưởng dương 26 tuổi.

(2) Tác giả là Ngài LỤC TỔ HUỆ NẮNG.

(3) Sau này, một loại sách nữa do Thanh niên Phật tử trí thức được Đạo hữu hướng dẫn biên tập, đó là PHẬT HỌC TỪNG THU.

LỜI NÓI ĐẦU

Chư Phật ra đời chỉ nhằm một mục đích là dạy bảo chỉ bày cho chúng sinh giác ngộ và thật chứng Pháp giới tính như Phật. Pháp giới tính là tính bản nhiên của tất cả sự vật, nghĩa là của tất cả các chuyển động và các hiện tượng trong vũ trụ.

Tính bản nhiên ấy là tính "trùng trùng duyên khởi", nghĩa là tính ảnh hưởng dây chuyền của một sự vật đối với tất cả sự vật, của tất cả sự vật đối với một sự vật. Ví như một con cá nhỏ vẫy đuôi, tuy rung động rất ít, nhưng nếu có khả năng đo lường chính xác, thì cũng có thể thấy ảnh hưởng cùng khắp bốn bề.

Do mỗi sự vật đều chịu ảnh hưởng của tất cả sự vật nên đều chuyển biến không ngừng. Do mỗi sự vật chuyển biến không ngừng nên ảnh hưởng lại tất cả sự vật đều chuyển biến không ngừng. Song ảnh hưởng của các loại sự vật đối với một sự vật không giống nhau, cái thì trực tiếp, cái thì gián tiếp qua một hay nhiều lớp, do đó tác động cũng không giống nhau. Trong ảnh hưởng phức tạp của tất cả sự vật làm cho một sự vật xuất hiện và chuyển biến, đạo Phật đã rút ra một quy luật bản nhiên là luật nhân quả. *(Điều này thực ra là do đạo Bà la môn khởi xướng trước tiên về luật nhân quả, Phật cũng nói điều này. Tuy nhiên, luật nhân quả Phật thuyết dựa trên cái nhìn về Vô Ngã, khác với luật nhân quả của các đạo khác)*

Luật nhân quả là một quy luật rất sinh động không phải luôn luôn đơn giản như trồng lúa thì được lúa. Lại chính việc trồng lúa được lúa cũng không đơn giản lắm, vì phải có đất, có nước, phân, cày, giống, phải kể đến thời tiết thuận nghịch, đến kỹ thuật cấy cày, vên vên... thì mới chắc được lúa và được nhiều lúa. Vì thế nên nhân quả và định mệnh khác nhau rất nhiều.

Định mệnh thì việc gì cũng đã định trước rồi, không làm sao tránh khỏi được; còn nhân quả thì chẳng những có nhân quả khứ sinh quả hiện tại, mà lại còn có nhân hiện tại sinh quả hiện tại (trong đó có cả ảnh hưởng của hoàn cảnh, ảnh hưởng của tư tưởng hành động bản thân). Hai dây chuyền nhân quả đó thường xuyên ảnh hưởng lẫn nhau, làm cho quả báo hiện tại thay đổi từng giờ từng phút. Vật chất có nhân quả vật chất, tâm thức có nhân quả tâm thức; hai bên ảnh hưởng lẫn nhau, nhưng không

nhất thiết giống nhau. Đối với đạo Phật, nhân quả tâm thức là chủ yếu, vì nó quy định sự tiến hóa hay thoái hóa trên con đường giải thoát.

Các vị Thanh văn, Duyên giác, theo đạo lý nhân quả, trừ bỏ nguyên nhân luân hồi và chứng quả vô sinh, nhưng vẫn còn tu chứng trong nhân quả, chứ chưa rõ được then chốt nhân quả.

Then chốt nhân quả là Pháp giới tính trùng trùng duyên khởi, nghĩa là một sự vật duyên tất cả sự vật, tất cả sự vật duyên một sự vật, trong một có tất cả, trong tất cả có một, một tức là tất cả, tất cả tức là một. Tính ấy gọi là tính Chân Như, là thật tướng, là Phật tính, là Như Lai tạng tính, là Pháp tánh, là tâm tính, vân vân...

Tính ấy bình đẳng, không thật có sinh, có diệt, có người, có mình, có tâm, có cảnh, có thời gian, có không gian, không thấp, không cao, không mê, không ngộ; tính ấy duyên khởi ra tất cả sự vật, không có ngăn ngại, đồng thời cũng tức là bản tính của tất cả sự vật, không hề thay đổi.

Tam thế chư Phật, chư Đại Bồ tát, thật chứng và nhập một với Pháp giới tính nên phát khởi vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, hiện ra vô số thân, theo duyên hóa độ vô lượng vô biên chúng sinh, nhưng vẫn không gì ra ngoài Pháp giới tính. Chúng sinh chưa chứng được Pháp giới tính nên theo duyên mà luân hồi trong lục đạo. Nhận thức khác nhau nên chỗ thọ dụng của Phật và của chúng sinh khác nhau, nhưng Pháp giới tính vẫn như vậy, không thêm không bớt.

Pháp giới tính là tính chung của các loài vô tình như cây, như đá và của các loài hữu tình như động vật; nhưng chỉ các loài hữu tình, đặc biệt các loài có trình độ nhận thức khá cao như loài người, mới có khả năng chứng được Pháp giới tính và thành Phật đạo. Do đó nên Pháp giới tính nơi các loài hữu tình cũng gọi là Phật tính.

Các loài hữu tình chủ yếu là những cái tâm làm cho có sống, có cảm giác, có nhận thức, có suy nghĩ, có ghi nhớ, vân vân... Cái tâm là một sự vật nên bản tính vẫn là Pháp giới tính như các sự vật khác.

Khi học đạo và tu chứng, tâm ấy có thể quan sát Pháp giới tính nơi cây, nơi đá, hay quan sát Pháp giới tính nơi tự tâm; nhưng khi xét nhận được Pháp giới tính nơi tự tâm thì có phần dễ nhập một với Pháp giới tính hơn là khi xét nhận được Pháp giới tính nơi cây nơi đá.

Vì thế Phật thường dạy người đời tu chứng Pháp giới tính nơi tự tâm mình và gọi Pháp giới tính đó là tâm tính. Song tâm tính vốn là Pháp giới tính, chứ không phải tính riêng của tự tâm và khi chứng ngộ được tâm tính rồi thì cả tâm riêng cũng không còn nữa.

Phật thuyết Pháp theo căn cơ của chúng sinh, nên Pháp của Phật, khi thấp, khi cao, khi quyền, khi thật, khác nhau. Nhưng đầu Phật dạy "tam quy, ngũ giới, thập thiện", dạy "tứ đế, thập nhị nhân duyên" hay dạy về Pháp tính, Pháp tướng, tâm tính, chân như, chân không, thật tướng, vân vân... Phật luôn luôn nhằm mục đích chỉ bày cho chúng sinh chứng ngộ trí tuệ của Phật, nghĩa là chứng ngộ Pháp giới tính.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là một kinh Đại thừa, chính nơi thấy nghe thông thường của chúng sinh mà chỉ ra tâm tính, rất thích hợp với căn cơ hiện nay.

Chúng tôi chung sức chung trí dịch Kinh ấy ra quốc văn, đồng thời nêu ra đại ý của Kinh để giúp đỡ người học Đạo hiểu thêm những lời Phật dạy. Chúng tôi tìm cách không nói rộng mà nói gọn, không nói khó mà nói dễ, tránh những danh từ không cần thiết và dùng những lời lẽ phổ thông để tiện cho các bạn mới phát tâm nghiên cứu Phật Pháp.

Mặc dầu như thế, chúng tôi cố gắng phản ảnh đầy đủ nghĩa lý nhiệm mầu trong Kinh, hầu mong có vị túc căn túc trí nương theo nghĩa lý ấy mà trực nhận tâm tính thì ba tạng kinh điển tuy nhiều cũng không ra ngoài kinh Thủ Lăng Nghiêm vậy.

Bản nguyện chúng tôi thì lớn, nhưng năng lực còn có hạn, trông mong thập phương thiện trí thức phê bình giúp đỡ cho chúng tôi làm tròn công đức, báo ơn Tam bảo trong muôn một.

*Viết tại chùa Quán Sứ, Hà Nội,
Mùa Xuân năm Tân Sửu (1961)*
TÂM MINH LÊ ĐÌNH THÁM

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYÊN NHẤT ĐỀ MỤC KINH

Kinh Đại Phật Đỉnh, Như Lai mật nhân, tu chứng liễu nghĩa, chư Bồ tát vạn hạnh, Thủ Lăng Nghiêm (Suramgama), gọi tắt là Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Sa môn tên là Bát lạt mật đế, người Thiên Trúc dịch.

Sa môn tên là Di già thích ca người Ô trành, dịch theo tiếng Trung quốc. Đệ tử thọ Bồ tát giới, tên là Phòng Dung, chức Đồng trung thư môn hạ Bình chương sự, ghi chép lời dịch.

PHẦN THỨ NHẤT - PHẦN TỰA CHƯƠNG I - TỰA CHUNG

Như vậy tôi được nghe trong một thời, Phật ở tịnh xá Kỳ Hoàn thành Thất La Phiệt, cùng với chúng đại tỷ khuru một nghìn hai trăm năm mươi vị, đều là bậc vô lậu Đại A la hán. Các vị Phật tử trụ trì, khéo vượt trên chư hữu, ở các quốc độ đầy đủ uy nghi, theo Phật chuyên Pháp luân, có khả năng thực hiện lời di chúc nhiệm mầu của Phật, nghiêm giữ giới luật thanh tịnh để làm khuôn phép cho ba cõi, hiện thân vô số, cứu vớt chúng sinh, tột đời vị lai, khỏi các trần lụy. Các vị tên là: Đại trí Xá lợi phất, Ma ha Mục kiên liên, Ma ha Câu si la, Phú lâu na di đa la ni tử, Tu bồ đề, Ưu ba ni sa đà làm thượng thủ.

Lại có vô số các vị Bích chi vô học và sơ tâm đồng đến chỗ Phật giảng đạo. Nhằm ngày các vị tỷ khuru mãn hạ tự tứ, các vị Bồ tát, từ mười phương đến, xin Phật giải quyết nghi hoặc, kính vâng đức Từ Nghiêm, thỉnh cầu nghĩa thâm mật.

Đức Như Lai giải Pháp tọa, ngồi khoan thai, vì cả trong Hội tỏ bày nghĩa sâu. Chúng Hội thanh tịnh được Pháp chưa từng có. Giọng nói của Phật hòa nhã như tiếng chim Ca lãng tần già, nghe khắp mười phương. Hằng sa Bồ tát đều đến đạo tràng, có ngài Văn Thù sư lợi làm thượng thủ.

CHƯƠNG II - TỰA RIÊNG DUYÊN KHỞI CỦA KINH

Khi ấy vua Ba tư nặc, nhân ngày kỵ phụ vương, mở tiệc chay mời Phật thọ trai nơi cung cấm; vua sắm đủ các món ăn quý báu, rồi thân đến rước Phật và các vị Đại Bồ Tát. Trong thành lại có các trưởng giả cư sĩ đồng thời cùng trai tăng, chờ Phật đến chứng. Phật khiến ngài Văn Thù chia lãnh các vị Bồ Tát và A la hán đi đến các nhà trai chủ.

Duy có ông A Nan trước đã nhận lời mời riêng, đi xa chưa về, không kịp dự hàng tăng chúng. Ông về một mình, không có Thượng tọa và A xà lê cùng đi và ngày ấy cũng không được ai cúng dường. Lúc bấy giờ ông cầm bình bát vào trong một thành trên đường đi, theo thứ lớp khát thực; tâm ông trước hết cầu được một người tối hậu đàn việt làm trai chủ, không kể sang hèn, phát tâm làm sao cho tất cả chúng sinh được viên thành vô lượng công đức. Ông A Nan đã biết Đức Phật Thế Tôn quả ông Tu bồ đề và ông Đại ca diếp làm A la hán mà tâm không công bằng. Ônh kính vâng lời dạy vô giá của Phật độ, thoát mọi điều chê bai nghi hoặc. Ông đến bên thành, thông thả vào cửa, uy nghi nghiêm chỉnh, kính giữ phép hóa trai.

Trong khi khát thực, ông A Nan đi qua nhà người dâm nữ Ma đăng già, bị phép huyền thuật. Nàng ấy dùng tà chú Tiên Phạm Thiên đạo Sa tỳ ca la bắt vào phòng riêng, dựa kê vuốt ve làm cho ông A Nan gần phá giới thể.

Đức Như Lai biết ông A Nan mắc phải dâm thuật, nên dùng trai rồi, liền trở về tịnh xá. Vua cùng đại thân, trưởng giả cư sĩ đều đi theo Phật, mong nghe những Pháp chủ yếu của đạo Phật.

Khi ấy trên đỉnh Đức Thế Tôn, phóng hào quang bách bảo vô úy; trong hào quang hiện ra tòa sen báu nghìn cánh, có hoá thân của Phật kiết già ngồi trên, tuyên đọc thần chú, khiến ngài Văn Thù đem chú này đến giúp đỡ, tiêu diệt tà chú, đưa ông A Nan cùng nàng Ma đăng già đều về chỗ Phật ngự.

Ông A Nan thấy Phật, đỉnh lễ khóc lóc, giận mình từ vô thủy đến nay, một bề học rộng nhớ nhiều, chưa toàn đạo lực, tha thiết xin Phật dạy cho những phép xa ma tha, tam ma, thiên na, là những phương tiện tu hành

đầu tiên để thành đạo Bồ đề của thập phương Như Lai. Lúc ấy lại có hàng sa Bồ tát, Đại A la hán và Bích chi Phật, từ mười phương đến, thấy đều mong nghe Phật dạy, lui về chỗ ngồi, yên lặng lĩnh thọ thánh chỉ của Phật.

PHẦN THỨ HAI - PHẦN CHÍNH TÔNG CHƯƠNG I - CHỈ NGAY CHỖ VIÊN NGỘ

MỤC I - GẶN HỎI CÁI TÂM

ĐOẠN I NÊU TRƯỚC NGUYÊN DO CỦA THƯỜNG TRỤ VÀ LƯU CHUYỂN

Khi ấy Đức Thế Tôn, ở trong đại chúng, đưa cánh tay kim sắc xoa đầu ông A Nan, chỉ bảo ông A Nan và đại chúng rằng: "Có Pháp Tam ma đề tên là Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Vương, gồm đủ muôn hạnh. Thập phương Như Lai đều do một Pháp môn ấy vượt lên đường diệu trang nghiêm. Ông nên chăm chú lắng nghe".

Ông A Nan đĩnh lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Phật bảo ông A Nan: "Tôi với ông đồng phái, tình như anh em ruột; lúc ông mới phát tâm thì ở trong Phật Pháp, thấy những tướng tốt gì mà bỏ được những ân ái sâu nặng thế gian?"

Ông A Nan bạch Phật: "Tôi thấy 32 tướng của Như Lai tốt đẹp lạ thường, hình thể sáng suốt như ngọc lưu ly, thường tự suy nghĩ: Tướng ấy không thể do dục ái sinh ra, vì sao? Giống dâm dục như nhớp, tanh hôi kết cấu, máu mủ xen lộn, làm sao sinh được thân vàng thắm, chói lọi, trong sạch, sáng suốt như vậy, nên tôi ước mong, cắt tóc theo Phật tu học".

Phật dạy: "Lành thay, A Nan, các ông nên biết hết thấy chúng sinh từ vô thủy đến nay sống chết nối liền, đều do không biết thể tính trong sạch, sáng suốt của thường trụ chân tâm mà lại chỉ dùng các vọng tưởng, vì vọng tưởng đó không chân thật nên mới có luân hồi. Nay ông muốn học đạo Vô Thượng Bồ Đề, phát minh chân tính thì nên lấy tâm ngay thẳng

mà đáp lại những câu hỏi của tôi. Thập phương Như Lai đều do một đường thoát ly sinh tử là dùng tâm ngay thẳng. Tâm mà nói là ngay thẳng thì cứ như vậy, từ địa vị đầu đến địa vị cuối cùng, chặng giữa, hẳn không có những tướng quanh co.

A Nan, nay tôi hỏi ông: "Đương khi ông do 32 tướng của Như Lai mà phát tâm thì ông đem cái gì mà thấy và cái gì ưa muốn?"

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, ưa muốn như vậy là dùng cái tâm và con mắt của tôi. Do mắt thấy tướng tốt Như Lai, tâm sinh ưa muốn nên tôi phát tâm muốn tu hành thoát khỏi sống chết".

Phật bảo ông A Nan: "Như lời ông nói: Thật do tâm và con mắt mà có ưa muốn. Nếu không biết tâm và con mắt ở đâu thì không thể hàng phục được trần lao; ví như ông vua một nước bị giặc xâm lấn, phát binh đánh dẹp, thì binh ấy cần biết giặc ở chỗ nào mới đánh dẹp được. Hiện ông còn mắc phải luân hồi là lỗi tại tâm và con mắt của ông". Nay tôi hỏi ông: "Tâm và con mắt ấy hiện ở chỗ nào?"

ĐOẠN II CHẤP TÂM Ở TRONG THÂN

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn tất cả muôn loài chúng sinh trong thế gian đều cho cái tâm hay biết là ở trong thân. Dầu tôi xem con mắt như hoa sen xanh của Như Lai cũng ở trên mặt Phật; tôi thấy con mắt vật chất của tôi ở trên mặt tôi. Như vậy thì tâm hay biết thật ở trong thân".

Phật bảo ông A Nan: "Hiện nay ông ngồi trong giảng đường Như Lai. Ông hãy xem rừng Kỳ đà hiện ở chỗ nào?"

- Thưa Thế Tôn, giảng đường cao lớn thanh tịnh này ở trong vườn Cấp cô độc, còn rừng Kỳ đà hiện thật ở ngoài giảng đường.
- A Nan, nay ông ở trong giảng đường thì ông thấy cái gì trước?

- Thưa Thế Tôn, tôi ở trong giảng đường, trước thấy Như Lai, sau xem đại chúng, rồi trông ra ngoài thấy vườn rừng.
- A Nan, do đâu ông thấy được vườn rừng?
- Thưa Thế Tôn, do các cửa giảng đường mở rộng nên tôi ở trong thấy suốt được đến ra ngoài xa.

Phật bảo ông A Nan: "Như ông vừa nói: Ở trong giảng đường, do cửa mở rộng nên ông trông xa thấy được rừng vườn; phỏng có chúng sinh nào ở trong giảng đường, không thấy Như Lai mà lại thấy được ngoài giảng đường chăng?"

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, ở trong giảng đường không thấy Như Lai mà thấy được rừng suối ở ngoài, thật không có lẽ nào như vậy".

- A Nan, chính ông cũng vậy. Cái tâm của ông rõ biết hết cả. Nếu hiện nay cái tâm rõ biết ấy thật ở trong thân thì trước hết nó phải rõ biết trong thân thể. Vậy có chúng sinh nào, trước thấy bên trong thân, rồi sau mới thấy những vật ở ngoài không? Dầu không thấy được tim gan tì vị, nhưng móng tay mọc, tóc dài ra, gân chuyễn, mạch nhảy, lẽ phải rõ biết, sao lại không biết? Đã không biết bên trong, sao lại biết được bên ngoài? Vậy nên biết rằng ông nói cái tâm hay biết hiện ở trong thân, thật không có lẽ nào như vậy.

ĐOẠN III CHẤP TÂM Ở NGOÀI THÂN.

Ông A Nan cúi đầu bạch Phật: "Tôi nghe lời Phật dạy như vậy, mới rõ tâm tôi thật ở ngoài thân. Vì sao? Ví như đèn thắp trong phòng, trước hết phải chiếu trong phòng, rồi sau mới do nơi cửa chiếu sáng ngoài sân. Hết thấy chúng sinh không thấy bên trong thân mà riêng thấy bên ngoài, cũng như ngọn đèn, để ở ngoài phòng, không thể chiếu sáng trong phòng. Nghĩa ấy rõ ràng, có lẽ không lầm, chưa biết có đúng với nghĩa lý rốt ráo của Phật hay không?"

Phật bảo ông A Nan: "Vừa rồi, các tử khuru theo tôi khất thực trong thành Thất la phiệt, nay đã về rừng Kỳ đà. Tôi đã thọ trai rồi, ông hãy xem trong hàng tử khuru, khi một người ăn thì các người khác có no không?"

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, không; vì rằng các tử khuru tuy là A la hán, nhưng thân thể khác nhau, lẽ nào một người ăn lại làm cho cả chúng đều no được".

Phật bảo ông A Nan: "Nếu cái tâm hay biết của ông thật ở ngoài thân thì thân và tâm riêng cách, tất nhiên không dính líu gì với nhau; vậy cái gì tâm biết thì thân không thể hay, cái gì thân hay thì tâm không thể biết. Nay tôi giơ tay đâu la miên cho ông xem, trong khi mắt ông thấy thì tâm ông có biết là tay của tôi không?"

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, đúng thế".

Phật bảo ông A Nan: "Nếu thân với tâm cùng hay biết một lúc với nhau thì làm sao tâm lại ở ngoài thân? Vậy nên biết rằng ông nói tâm hay biết hiện ở ngoài thân, thật không có lẽ nào như vậy".

ĐOẠN IV CHẤP TÂM NÚP SAU CON MẮT

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, như lời Phật dạy: vì không thấy bên trong, tâm không ở trong thân, vì thân tâm cùng biết, không thể rời nhau, tâm không ở ngoài thân, nay tôi suy nghĩ, biết tâm ở một chỗ!"

Phật dạy: "Chỗ ấy ở đâu?"

Ông A Nan bạch Phật: "Cái tâm hay biết đã không biết bên trong mà lại thấy bên ngoài, theo ý tôi nghĩ thì nó núp sau con mắt. Ví như có người lấy chén lưu ly úp vào hai con mắt, con mắt tuy có vật úp vào nhưng không làm ngăn ngại, con mắt kia liền thấy thì liền phân biệt được ngay. Song tâm hay biết của tôi không thấy bên trong là vì tâm ở nơi con mắt; nhưng lại thấy bên ngoài rõ ràng, không bị ngăn ngại, là vì tâm núp sau con mắt".

Phật bảo ông A Nan: "Như ông vừa nói: Tâm núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly; vậy người kia đương khi lấy chén lưu ly úp vào hai mắt, trông thấy núi sông thì có trông thấy chén lưu ly không?"

- Thưa Thế Tôn, đúng thế, người ấy đương khi lấy chén lưu ly úp vào hai mắt, thật có thấy chén lưu ly.

Phật bảo ông A Nan: "Nếu tâm ông núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly thì trong khi trông thấy núi sông sao không trông thấy con mắt?"

Nếu trông thấy con mắt thì con mắt hình như ngoại cảnh, không thể liền thấy mà liền biết được. Nếu không thấy được con mắt thì sao lại nói rằng tâm hay biết núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly? Vậy nên biết rằng ông nói cái tâm hay biết núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly, thật không có lẽ nào như vậy".

ĐOẠN V

CHẤP NHẢM MẮT THẤY TỐI LÀ THẤY BÊN TRONG THÂN

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, nay tôi lại nghĩ như vậy: Trong thân thể chúng sinh này, phủ tạng ở trong, khiếu huyết ở ngoài, có tạng thì tối, có khiếu thì sáng. Nay tôi trả lời Phật rằng: Mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy bên trong. Nghĩa ấy thế nào?"

Phật bảo ông A Nan: "Đương khi ông nhắm mắt thấy tối, cái cảnh tối ấy là đối với mắt hay không đối với mắt. Nếu đối với mắt thì cái tối trước mắt, sao lại ở trong thân? Nếu thành ở trong thân thì khi ở trong phòng tối, không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn, cái gì ở trong phòng tối đó đều là tam tiêu lục phủ của ông hay sao? Còn như cái tối không đối với mắt, thì làm sao thành ra có thấy? Dầu tách rời lối thấy bên ngoài mà cho rằng con mắt đối vào trong nên thấy tối, thì nhắm mắt thấy tối, gọi là thấy bên trong thân; vậy mở mắt thấy sáng sao lại không thấy cái mặt. Nếu không thấy cái mặt thì cái nghĩa con mắt đối vào trong, không thành lập được. Còn như thấy được cái mặt thì cái tâm hay biết ấy và con mắt đều ở ngoài hư không, sao lại thành ở trong thân được? Nếu tâm và con mắt ở ngoài hư không thì tất nhiên không phải là thể chất của ông, vì không lẽ hiện nay Như Lai thấy mặt ông cũng là thân của ông hay sao? Và như thế thì con mắt đã biết, thân ông lẽ phải không biết. Nếu ông chấp rằng thân và con mắt đều có biết thì ông phải có hai tính biết, rồi chính một thân ông sẽ thành hai Đức Phật hay sao? Vậy nên biết rằng ông nói thấy tối là thấy bên trong thân, thật không có lẽ nào như vậy".

ĐOẠN VI

CHẤP TÂM HỢP VỚI CHỖ NÀO THÌ LIỀN CÓ Ở CHỖ ẤY

Ông A Nan bạch Phật: "Tôi thường nghe Phật chỉ dạy tứ chúng: Do tâm sinh nên các thứ Pháp sinh, do Pháp sinh nên các thứ tâm sinh. Nay tôi suy nghĩ thì tức cái thể suy nghĩ đó thật là tâm tính của tôi, hễ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó, chứ không phải ở trong, ở ngoài hay ở chặng giữa".

Phật bảo ông A Nan: "Nay ông nói rằng: Do Pháp sinh nên các thứ tâm sinh, hễ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó. Cái tâm ấy nếu không có tự thể thì không thể hợp được; chứ còn nếu không có tự thể mà vẫn hợp được thì giới thứ 19 cùng trần thứ 7 hợp lại được hay sao? Nghĩa ấy quyết không đúng. Còn nếu có tự thể thì trong khi ông lấy tay tự gỡ thân ông, cái tâm biết gỡ của ông ở trong thân ra hay từ bên ngoài vào? Như ở trong thân ra thì lại phải thấy bên trong, còn như từ ngoài vào thì trước hết phải thấy cái mặt".

Ông A Nan bạch Phật: "Thấy là con mắt, còn tâm thì biết chứ không phải thấy như con mắt; nói tâm thấy là không đúng nghĩa".

Phật dạy: "Nếu con mắt thấy được thì khi ông ở trong phòng, cái cửa có thấy được không? Lại những người chết rồi, vẫn còn con mắt, lẽ ra phải thấy được vật; mà nếu thấy được vật thì sao gọi là chết. A Nan, lại nếu cái tâm hay biết của ông phải có tự thể thì có một thể hay có nhiều thể? Nay tâm ở nơi thân ông, thể ấy cùng khắp cả mình hay không cùng khắp? Nếu tâm có một thể thì ông lấy tay gỡ một chi, lẽ ra cả tứ chi đều biết; mà nếu đều biết thì lại không biết gỡ ở chỗ nào. Nếu biết chỗ gỡ thì cái thuyết một thể của ông tự nhiên không thể thành lập được. Nếu như có nhiều thể thì thành ra nhiều người, còn biết cái thể nào là thể của ông. Nếu cái thể ấy cùng khắp cả mình thì lại như trước kia, không biết được chỗ gỡ. Nếu còn như không cùng khắp thì khi ông chạm trên đầu, đồng thời cũng chạm dưới chân, hễ đầu có biết, lẽ ra chân phải không biết, nhưng hiện nay ông lại không phải như thế. Vậy nên biết rằng hễ hợp với chỗ nào, tâm liền có ở chỗ đó, thật không có lẽ nào như vậy".

ĐOẠN VII CHẤP TÂM Ở CHẶNG GIỮA

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, trong khi Phật nói thật tướng với các vị Pháp vương tử như ngài Văn thù, tôi có nghe Đức Thế Tôn cũng dạy rằng: Tâm không ở trong, cũng không ở ngoài. Theo ý tôi nghĩ: Tâm ở trong thân, sao lại không thấy bên trong; tâm ở ngoài thân thì thân và tâm không cùng biết. Vì tâm không biết bên trong nên không thể nói tâm ở trong thân, vì thân và tâm cùng biết nên nói tâm ở ngoài cũng không đúng lý. Nay thân và tâm cùng biết, lại tâm không thấy được bên trong thân thì tâm phải ở chặng giữa".

Phật bảo ông A Nan: "Ông nói "ở chặng giữa" thì cái giữa ấy chắc không lẫn lộn và không phải không có chỗ. Nay ông nhận định cái giữa ấy ở chỗ nào, ở nơi cảnh hay ở nơi thân? Nếu ở nơi thân mà ở một bên thì không phải là giữa; còn nếu ở giữa thân thì cũng như ở trong thân. Nếu cái giữa ở nơi cảnh thì có thể nêu ra được hay không thể nêu ra được? Không nêu ra được thì cũng như không có cái giữa, còn nêu ra được thì lại không nhất định ở giữa. Vì sao? Ví như có người lấy một cây nêu, nêu một chỗ làm cái giữa, thì phương Đông trông qua, cái nêu lại ở phương Tây; phương Nam nhìn ra, cái nêu thành ở phương Bắc. Cái giữa nêu ra đã lẫn lộn thì tâm phải rối bời, không rõ ở đâu".

Ông A Nan bạch Phật: "Cái giữa của tôi nói, không phải hai thứ ấy. Như Đức Thế Tôn thường dạy: Nhãn căn và sắc trần làm duyên, phát sinh nhãn thức. Nhãn căn có phân biệt, sắc trần không hay biết, nhãn thức sinh ra ở giữa thì tâm ở chỗ đó".

Phật dạy: "Nếu tâm ông ở giữa căn và trần thì cái thể tâm ấy gồm cả hai bên hay không gồm cả hai bên? Nếu gồm cả hai bên thì ngoại vật và tâm thể xen lộn, còn biết tâm là gì? Ngoại vật không phải có biết như tâm thể; bên có biết, bên không biết, trái hẳn lẫn nhau thì lấy cái gì làm cái ở giữa? Gồm cả hai bên cũng không được và nếu không phải có biết và cũng không phải không biết thì tức là không có thể tính, lấy gì làm cái tướng ở giữa. Vậy nên biết rằng ông nói cái tâm phải ở chặng giữa, thật không có lẽ nào như vậy".

ĐOẠN VIII

CHẤP TÂM KHÔNG DÍNH DÁNG VÀO ĐÂU TẤT CẢ

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, trước đây tôi thấy Phật cùng chuyển Pháp luân với 4 vị đại đệ tử là Đại Mục kiền liên, Tu bồ đề, Phú lâu na, Xá lợi phất, Phật thường dạy: Cái tính của tâm hay biết cũng chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở chặng giữa, chẳng ở chỗ nào cả, không dính dáng vào đâu tất cả thì gọi là tâm. Vậy tôi lấy cái không dính dáng của tôi mà gọi là tâm, có được chăng?"

Phật bảo ông A Nan: "Ông nói tính của tâm hay biết, không ở đâu cả. Vậy các vật tượng thế gian như hư không và các loài thủy, lục, không, hành, gọi là tất cả sự vật mà ông không dính dáng vào, là có hay là không có? Không, thì đồng như lông rùa, sừng thỏ, còn gì mà không dính dáng? Đã có cái không dính dáng thì không thể gọi là không. Không có tướng thì là không, không phải không thì có tướng; có tướng thì có chỗ ở, làm sao lại không dính dáng được. Vậy nên biết rằng ông nói cái không dính dáng vào đâu tất cả gọi là tâm hay biết, thật không có lẽ nào như vậy".

MỤC II - CHỈ RÕ TÍNH THẤY

ĐOẠN I - CẦU ĐI ĐẾN CHO CHÂN THẬT

Khi bấy giờ ông A Nan, ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, đầu gối bên phải chầm đất, chắp tay cung kính mà bạch Phật rằng: "Tôi là em rất nhỏ của Như Lai, nhờ Phật thương yêu, nay tuy được xuất gia, còn y lại nơi lòng thương của Phật. Vì vậy nên tôi học rộng nghe nhiều mà chưa chứng quả vô lậu, không uốn dẹp được chú Sa tỳ cà la, bị nó bắt phải vào nhà dâm nữ; nguyên do là vì không biết đường tu tập đi đến chỗ chân thật. Cầu xin Thế Tôn đại từ thương xót, chỉ dạy cho chúng tôi đường tu Xa ma tha, cũng khiến cho những người không tin trừ bỏ những tư tưởng xấu".

Ông A Nan nói như vậy rồi, nắm vốc gieo xuống đất, cùng với đại chúng, hết lòng mong được nghe lời Phật dạy.

ĐOẠN II
PHÓNG HÀO QUANG NÊU RA
TÍNH THẤY VIÊN MÃN SÁNG SUỐT

Khi bấy giờ Đức Thế Tôn, từ trước mặt, phóng ra các thứ hào quang, hào quang ấy chói sáng như trăm nghìn mặt trời, khắp các thế giới chư Phật, sáu thứ rung động, như thật các cõi nước mười phương, nhiều như vi trần, hiện ra trong một lúc. Oai thần của Phật khiến các thế giới hợp lại thành một thế giới. Trong thế giới này, tất cả các vị Bồ tát hiện có, đều an trụ nơi nước mình, chấp tay vâng nghe lời Phật dạy.

ĐOẠN III
CHỈ HAI THỨ CỘI GỐC ĐỂ PHÂN BIỆT MÊ VÀ NGỘ.

Phật bảo ông A Nan: “Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay điên đảo nhiều cách, giống nghiệp tự nhiên nhóm lại như chum quả ác xoa. Những người tu hành không thành được đạo Vô Thượng Bồ Đề, đến nỗi lại thành Thanh văn, Duyên giác hoặc thành ngoại đạo, chư Thiên, Ma vương hay bà con Ma, đều do không biết hai chữ cội gốc, tu tập sai lầm, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu trải qua nhiều kiếp như vi trần, rốt cuộc vẫn không thể thành được. Thế nào là hai thứ cội gốc? A Nan, một là cái cội gốc sống chết vô thủy, tức như ông ngày nay cùng các chúng sinh dùng cái tâm phan duyên mà làm tự tính. Hai là cái thể Bản Lai Thanh Tịnh Bồ Đề Niết Bàn Vô Thủy thì như hiện nay cái tính bản minh thức tính của ông, sinh ra các duyên ma lại bị bỏ rơi. Do các chúng sinh bỏ rơi cái bản minh ấy nên tuy cả ngày sống trong tính bản minh mà không tự giác, oan uổng vào trong lục đạo.

ĐOẠN IV NƯỞNG CÁI THẤY, GẶN HỎI CÁI TÂM

A Nan, nay ông muốn biết đường tu Xa ma tha ra khỏi sống chết, tôi lại hỏi ông:

Liền đó Đức Như Lai giơ cánh tay kim sắc, co năm ngón tay, bảo ông A Nan: « Ông có thấy không ? »

Ông A Nan bạch Phật: « Thấy ».

Phật bảo: “Ông thấy cái gì?”

Ông A Nan bạch: “Tôi thấy Như Lai giơ cánh tay, co ngón tay thành năm tay sáng ngời, chói tâm và con mắt của tôi”.

Phật bảo: “Ông đem cái gì mà thấy?”.

Ông A Nan bạch: “Tôi cùng đại chúng đều đem con mắt mà thấy”.

Phật bảo ông A Nan: “Ông trả lời tôi rằng Như Lai co ngón tay làm thành năm tay sáng ngời, chói tâm và con mắt của ông; con mắt ông thì thấy được, còn ông lấy cái gì làm tâm để đối với cái năm tay chói sáng của tôi?”.

Ông A Nan bạch: “Như Lai hiện nay gạn hỏi tâm ở chỗ nào, tôi thì dùng tâm suy nghĩ tìm xét: Tức cái biết suy nghĩ ấy, tôi lấy nó làm tâm”.

ĐOẠN V

CHỈ CÁI BIẾT SUY XÉT CÓ THỂ TÍNH.

Phật bảo: “Sai rồi, A Nan, cái ấy không phải là tâm của ông”.

Ông A Nan giựt mình, rời chỗ ngồi, chấp tay đứng dậy bạch Phật: “Cái ấy không phải là tâm tôi thì gọi là cái gì?”

Phật bảo ông A Nan: “Cái ấy là cái tướng tượng những tướng giả dối tiền trần, nó làm mê lầm chân tính của ông. Do từ vô thủy cho đến đời này, ông nhận tên giấc ấy làm con, bỏ mất tính Bản Lai Thường Trụ nên phải chịu luân hồi”.

Ông A Nan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, tôi là em trai yêu của Phật, vì tâm yêu Phật nên tôi xuất gia. Tâm tôi chẳng những cúng dường Đức Như Lai, mà còn trải qua hằng sa quốc độ, thừa sự chư Phật và các vị thiện tri thức; phát lòng đại dũng mãnh, làm tất cả những Pháp sự khó làm, là đều dùng cái tâm ấy. Dầu cho hủy báng Phật Pháp, rời bỏ hẳn thiện căn, cũng nhân cái tâm ấy. Nay Phật phát minh cái ấy không phải là tâm thì tôi thành không có tâm, như cây như đất, vì ngoài cái hay biết ấy ra, tôi lại không còn gì nữa. Sao Đức Như Lai lại bảo cái ấy không phải là tâm? Tôi thật kinh sợ và cả trong đại chúng này không ai là không nghi hoặc, xin Phật rủ lòng từ bi, chỉ dạy cho những chỗ chưa giác ngộ”.

Khi bấy giờ Đức Thế Tôn chỉ dạy ông A Nan và cả đại chúng, khiến cho tâm được vô sinh Pháp nhẫn, nơi sư tử tọa, xoa đầu ông A Nan và bảo ông rằng: “Như Lai thường nói: Các Pháp phát sinh là duy tâm biến hiện, tất cả nhân quả, thế giới, vi trần, đều nhân cái tâm thành có thể tính. A Nan, như trong các thế giới, hết thấy sự vật hiện có, cả đến ngọn cỏ lá, cây, sợi dây, thắt nút, gạn xét cội gốc, đều có thể tính, dầu cho hư không cũng có tên, có tướng; huống chi cái tâm sáng suốt thanh tịnh nhiệm màu, làm cho hết thấy sự vật có thể tính mà tự mình lại không có thể tính.

Nếu ông quyết chấp cái tính hay biết suy xét phân biệt là tâm của ông thì cái tâm ấy phải rời sự nghiệp các trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, riêng có toàn tính; chứ như hiện nay ông vâng nghe Pháp âm của tôi, đó là

nhân cái tiếng mà có phân biệt: dầu cho diệt hết tất cả cái thấy, nghe, hay, biết, bên trong nắm giữ cái u nhân, không biết, không nghĩ thì đó cũng còn là sự phân biệt bóng dáng Pháp trần mà thôi.

Chẳng phải tôi bảo ông chấp cái ấy không phải là tâm, nhưng ông phải, chính nơi tâm ông, suy xét chín chắn, nếu rời tiền trần có tính phân biệt, thì đó mới thật là tâm của ông. Nếu tính phân biệt, rời tiền trần, không còn tự thể thì nó chỉ là sự phân biệt bóng dáng tiền trần. Tiền trần không phải thường trụ, khi thay đổi diệt mất rồi, thì cái tâm nương vào tiền trần ấy cũng đồng như lông rùa sừng thỏ và Pháp thân của ông cũng thành như đoạn diệt, còn gì mà tu chứng vô sinh Pháp nhẫn”.

ĐOẠN VI

CHỈ RÕ TÍNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ CON MẮT

Lúc ấy ông A Nan cùng cả đại chúng lặng im ngơ ngác.

Phật bảo ông A Nan: “Trong thế gian, tất cả những người tu học, hiện tuy đã tu đến chín bậc định, nhưng không diệt hết được mê lầm, thành A la hán, đều do chấp cái vọng tưởng sống chết, làm nó là tính chân thật, vậy nên nay ông tuy được học rộng nghe nhiều mà không thành chính quả”.

Ông A Nan nghe rồi, lại đau xót khóc lóc, nắm tóc gieo xuống đất, quỳ dài chấp tay mà bạch Phật rằng: “Từ khi tôi theo Phật phát tâm xuất gia, ý thị oai thần của Phật, thường tự mình suy nghĩ, không cần phải tu, hầu như cho rằng Đức Như Lai sẽ ban cho phép Tam muội, không biết thân tâm vốn không thay thế nhau được; bỏ mất bản tâm của tôi; thân tuy xuất gia nhưng tâm không đi vào Chánh đạo, cũng như người con cùng khổ, bỏ cha trốn lánh. Ngày nay mới biết, tuy được nghe Phật Pháp nhiều, nếu không tu hành thì chẳng khác gì người không nghe, cũng như người ta nói ăn mà không ăn, rốt cuộc không thể no được.

Thưa Thế Tôn, chúng tôi hiện nay còn bị hai chướng ràng buộc, do vì không biết tâm tính yên lặng thường trụ, xin Đức Như Lai thương xót kẻ nghèo khó rách rưới, phát khởi tâm nhiệm mầu sáng suốt, mở đạo nhãn cho chúng tôi”.

Lúc ấy Đức Như Lai từ chữ Vạn trước ngực, phóng ra hào quang báu, hào quang ấy rực rỡ có trăm nghìn sắc, sáng khắp một lúc tất cả thế giới chư Phật mười phương số như vi trần. Hào quang soi khắp trên đỉnh các Đức Như Lai Thập phương bảo sát, xoay về soi đến ông A Nan và cả đại chúng”, rồi Phật bảo ông A Nan rằng: “Nay tôi vì ông dựng Pháp tràng lớn, đồng thời khiến cho tất cả thập phương chúng sinh được tâm tính nhiệm mầu sâu kín, trong sạch, sáng suốt và đạo nhãn thanh tịnh. A Nan, trước ông trả lời rằng thấy nắm tay chói sáng, cái chói sáng nắm tay ấy do đâu mà có, làm sao thành ra nắm tay, ông đem cái gì mà thấy?”

Ông A Nan bạch: “Toàn thân Phật như vàng Diêm phù đàn, sáng ngời như núi báu, do đức tính thanh tịnh sinh ra nên có hào quang chói sáng. Thật tôi lấy con mắt mà thấy nắm ngón tay Phật co nắm lại, giơ cho người xem, nên có tướng nắm tay”.

Phật bảo ông A Nan: “Như Lai ngày nay xác thật bảo ông. Những người có trí, cần do ví dụ mà được khai ngộ. A Nan, ví như nắm tay tôi, nếu không có bàn tay tôi thì không thành nắm tay tôi, lại nếu không có con mắt ông, thì không thành cái thấy của ông. Lấy cái thấy của ông mà so sánh với nắm tay của tôi, ý nghĩa có cân nhau không?”

Ông A Nan bạch Phật: “Đúng vậy, thưa Thế Tôn, đã không có con mắt của tôi thì không thành cái thấy của tôi, đem cái thấy của tôi so với nắm tay Như Lai, sự nghĩa giống nhau không khác”.

Phật bảo ông A Nan: “Ông nói giống nhau, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Như người không có bàn tay thì tuyệt nhiên không có nắm tay; chứ người không có con mắt kia, không phải hoàn toàn không thấy. Là vì làm sao? Ông thử ra đường hỏi những người đi: Anh thấy cái gì? Thì những người đi kia chắc sẽ trả lời: Hiện nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, không thấy gì khác. Lấy cái nghĩa ấy mà xét thì tiền trần tụi tôi, chứ cái thấy nào có hao kém gì”.

Ông A Nan bạch Phật: “Những người đi trước mắt chỉ thấy tối đen, sao gọi là thấy được”.

Phật bảo ông A Nan: “Các người đui không có con mắt chỉ thấy tối đen, so với người có con mắt ở trong nhà tối thì hai cái tối đen ấy khác nhau hay không khác nhau?”

- Thật vậy, thưa Thế Tôn, người ở trong nhà tối với những người đui kia, so sánh hai cái tối đen thật không thể khác nhau.

- A Nan, nếu người không có con mắt, thấy trước hoàn toàn tối đen, bỗng nhiên được con mắt sáng, trở lại thấy các thứ sắc nơi tiền trần mà gọi là con mắt thấy; thì người ở trong nhà tối kia, thấy trước hoàn toàn tối đen, bỗng nhiên được cái đèn sáng, cũng thấy các thứ sắc nơi tiền trần, lẽ ra phải gọi là cái đèn thấy. Nếu như cái đèn thấy thì đèn đã thấy được, tự nhiên không thể gọi là đèn; lại cái đèn nó thấy thì dính lúu gì đến ông. Vậy nên biết rằng đèn làm tỏ các sắc, nhưng thấy như vậy là mắt chứ không phải đèn; mắt làm tỏ các sắc, nhưng thấy như vậy là tâm chứ không phải mắt”.

Ông A Nan tuy được lời Phật dạy như vậy, cùng với đại chúng, miệng tuy im lặng nhưng tâm chưa khai ngộ, còn mong Đức Như Lai từ tâm chỉ bày, chấp tay sạch lòng, đợi Phật dạy bảo.

ĐOẠN VII **GẶN HỎI Ý NGHĨA HAI CHỮ “KHÁCH TRẦN”** **ĐỂ CHỈ RA CÁI THẤY LÀ CHỦ, LÀ KHÔNG**

Khi bấy giờ Đức Thế Tôn ruỗi tay Đâu la miên sáng ngời, mở năm ngón tay, bảo ông A Nan và đại chúng rằng: “Lúc tôi mới thành đạo, ở trong Lộc viên, có dạy bọn ông A nhã đa, năm vị tử khuu và tứ chúng rằng: ”Tất cả chúng sinh không thành đạo Bồ đề và A la hán, là do những phiền não khách trần mê hoặc. Thuở đó, bọn ông do đâu mà khai ngộ, hiện nay thành được Thánh quả?”

Khi ấy ông Kiền trần na đứng dậy bạch Phật: “Tôi nay già cả, ở trong đại chúng, riêng được cái danh là “Hiểu”, do tôi ngộ được hai chữ “khách trần” mà thành Chính quả. Bạch Thế Tôn, ví như người khách đi đường, vào trọ quán xá, hoặc ngủ hoặc ăn, ăn ngủ xong rồi, xếp đồ lên đường, không ở yên được; nếu thật là người chủ, tự nhiên không phải đi đâu. Tôi nghĩ như vậy: Không ở yên thì gọi là khách, còn ở yên thì gọi là

chủ. Tôi lấy cái “không ở yên” làm ý nghĩa chữ khách. Lại như mưa mới tạnh, mặt trời chiếu sáng trên cao, ánh sáng vào trong lỗ hờ, bày tỏ hình dáng bụi trần giữa hư không. Bụi trần thì lay động, hư không thì yên lặng. Tôi nghĩ như vậy: Đúng lặng gọi là Không, lay động gọi là Trần, tôi lấy cái “lay động” làm ý nghĩa chữ Trần”.

Phật dạy: “Đúng thế”.

Khi bấy giờ Đức Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay, co rồi lại mở, mở rồi lại co, bảo ông A Nan rằng: “Nay ông thấy gì?”.

Ông A Nan đáp: “Tôi thấy bàn tay Bách bảo luân của Như Lai, ở trong chúng, lúc mở lúc nắm”.

Phật bảo ông A Nan: “Ông thấy tay tôi ở trong chúng khi mở khi nắm, đó là tay tôi có mở có nắm hay là cái thấy của ông có mở có nắm?”.

Ông A Nan bạch: “Bàn tay báu của Thế Tôn ở trong chúng khi mở khi nắm; tôi thấy bàn tay Như Lai tự mở tự nắm, chứ không phải tính thấy của tôi có mở có nắm”.

Phật bảo: “Cái gì động, cái gì tĩnh?”.

Ông A Nan bạch: “Bàn tay Phật không ở yên, chứ tính thấy của tôi còn không có tĩnh, lấy gì gọi là không ở yên nữa”.

Phật dạy: “Đúng thế”,

Lúc ấy Đức Như Lai từ trong bàn tay, phát một đạo hào quang báu qua bên phải ông A Nan, ông A Nan liền quay đầu trông qua bên phải, Phật lại phát một đạo hào quang qua bên trái ông A Nan, ông A Nan lại cũng quay đầu trông qua bên trái. Phật bảo ông A Nan: “Hôm nay đầu ông vì sao lại lay động?”

Ông A Nan bạch: “Tôi thấy Đức Như Lai phát hào quang báu qua bên trái và qua bên phải của tôi nên tôi trông qua bên trái bên phải, đầu tự lay động.

- A Nan, ông trông hào quang của Phật mà lay động cái đầu, quay qua bên phải bên trái, đó là cái đầu của ông động hay là cái thấy động?
- Thưa Thế Tôn, đầu tôi tự động chứ tính thấy của tôi còn không ở đâu, lấy gì mà lay động”.

Phật dạy: “Đúng thế”.

Lúc bấy giờ Đức Như Lai bảo với cả đại chúng rằng: “Như các chúng sinh lấy cái lay động mà gọi là trần, lấy cái không ở yên mà gọi là khách, thì các ông hãy xem ông A Nan, đầu tự lay động mà cái thấy không lay động, lại hãy xem bàn tay tôi tự mở tự nắm mà cái thấy không ruỗi không co. Làm sao các ông hiện nay lại lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh, tự đầu đến cuối, niệm niệm sinh diệt, bỏ mất chân tính, làm việc trái ngược; tâm tính mất chỗ chân thật, nhận vật làm mình, xoay vần trong ấy, tự nhận lấy cái trôi lăn trong lục đạo”.

QUYỀN NHÌ

ĐOẠN VIII CHỈ TÍNH THẤY KHÔNG SINH KHÔNG DIỆT

Khi bấy giờ ông A Nan cùng cả đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay, bỏ mất bản tâm, lầm nhận sự phân biệt bóng dáng tiền trần làm tâm, ngày nay được khai ngộ như em bé mất sữa, bỗng gặp mẹ hiền, chấp tay lễ Phật, xin Đức Như Lai, ở nơi thân tâm, chỉ ra chỗ chân chỗ vọng, chỗ hư chỗ thật, ở nơi hiện tiền phát minh ra hai tính sinh diệt, và không sinh diệt.

Khi ấy vua Ba tư nặc đứng dậy bạch Phật: “Trước tôi chưa được vâng nghe lời Phật dạy bảo, tôi thấy bọn Ca chiên diên, Tỳ la chi tử đều nói thân này chết rồi là mất hẳn và gọi đó là Niết bàn; nay tuy được gặp Phật nhưng tôi vẫn còn hồ nghi, xin Phật chỉ rõ thế nào chúng biết tính không sinh diệt nơi tâm này. Hiện nay các hàng hữu lậu trong đại chúng cũng đều trông mong được nghe điều ấy.”

Phật bảo: “Đại vương, thân ông hiện đó, nay tôi hỏi ông: Cái nhục thân đó của ông có như kim cương thường còn, không hư hỏng hay lại cũng biến đổi và tan rã?”

- Bạch Thế Tôn, thân tôi hiện nay rốt cuộc về sau cũng thay đổi và tiêu diệt”.

Phật bảo: “Đại vương, ông chưa hề bị diệt, làm sao lại biết được là phải diệt?”

- Bạch Thế Tôn, cái thân vô thường thay đổi của tôi đây, tuy chưa hề bị diệt; song tôi xét nó hiện nay niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi như lửa thành tro, lần lần tiêu mất; vì tiêu mất, mãi mãi không dừng nên tôi biết chắc thân này rồi phải diệt mất”.

Phật dạy: “Đúng thế, Đại vương, tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày của ông so với lúc còn bé thì như thế nào?”

- Bạch Thế Tôn, lúc tôi bé nhỏ, da thịt mơn mọ, đến khi trưởng thành, huyết khí sung túc; nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần lẩn lộn, tóc bạc mặt nhăn, chùng sống không được bao lâu nữa, so sánh sao được với lúc đương còn trẻ mạnh!”

Phật bảo: “Đại vương, hình dung của ông, nào phải đương trẻ mà già liền đâu?”

Vua bạch: “Thưa Thế Tôn, sự biến hóa thâm thâm dời đổi, tôi thật không hay; nắng mưa thấm thoát, lần đến thế này. Vì sao? Khi 20 tuổi, tuy gọi là trẻ, nhưng mặt mày của tôi đã già hơn khi 10 tuổi; khi 30 tuổi lại sút hơn lúc 20 tuổi và đến nay đã 60 lại thêm hai tuổi, trông lại lúc 50 tuổi, còn khỏe mạnh hơn nhiều. Bạch Thế Tôn, tôi thấy thâm thâm dời đổi như thế; thân này đến nay tuy đã suy yếu, nhưng trong sự thay đổi, còn chia từng 10 năm.

Nếu tôi suy xét chín chắn hơn nữa thì cái biến đổi ấy đâu phải từng một kỷ, thật là mỗi năm mỗi thay đổi; lại đâu mỗi năm mỗi thay đổi mà cũng là mỗi tháng mỗi biến hóa; lại không những mỗi tháng mỗi biến hóa mà còn mỗi ngày mỗi đổi thay; xét cho cùng, nghĩ cho kỹ, trong mỗi sát na,

trong mỗi niệm, nó không thể đứng yên, vậy nên tôi biết thân tôi rất cuộc phải biến đổi và tiêu diệt”.

Phật bảo: “Đại vương, ông thấy biến hóa dời đổi không ngừng, ngộ biết là phải diệt; vậy trong lúc diệt đó, ông có biết trong thân có cái gì không diệt chẳng?”

Vua Ba tư nặc chấp tay bạch Phật: “Thật tôi không biết”.

Phật bảo: “Nay tôi chỉ cho ông cái tính không sinh diệt, Đại vương, khi ông mấy tuổi, mới thấy nước sông Hằng”.

Vua bạch: “Khi tôi ba tuổi, mẹ tôi dắt đi yết lễ thần Kỳ bà thiên thì đã đi qua sông ấy; lúc đó tôi liền biết là nước sông Hằng”.

Phật bảo: “Đại vương, như lời ông nói: Lúc 20 tuổi thì sút hơn lúc lên 10, cho đến nay đã 60 tuổi, từng năm, từng tháng, từng ngày, từng giờ, dời đổi mãi mãi; vậy khi ông 3 tuổi thấy nước sông ấy, rồi đến khi 13 tuổi thì nước ấy thế nào?”

Vua bạch: “Tôi thấy nước ấy cũng giống khi 3 tuổi, như nhau không khác và đến nay tuổi đã 62, cũng vẫn không khác”.

Phật bảo: “Nay ông xét mình đầu bạc mặt nhăn, mặt ông chắc là nhăn hơn lúc trẻ; vậy cái thấy hiện nay của ông thấy sông Hằng so với cái thấy lúc nhỏ thấy sông Hằng, có già trẻ gì không?”

Vua bạch: “Thưa Thế Tôn, không”.

Phật bảo: “Đại vương, mặt ông tuy nhăn, nhưng cái thấy đó chưa hề bị nhăn; cái bị nhăn thì thay đổi, còn cái không bị nhăn thì không có thay đổi. Cái thay đổi thì phải diệt, còn cái không thay đổi kia, vốn không sinh diệt, làm sao trong ấy, lại nhận sống cái chết của ông, mà ông còn dẫn những thuyết của bọn Mạt già lê kia bảo rằng thân này chết rồi diệt hẳn”.

Vua nghe lời Phật dạy như vậy, tin biết về sau bỏ thân này qua thân khác, cùng với đại chúng nhảy nhót vui mừng, được cái chưa từng có.

ĐOẠN IX CHỈ CHỖ TRÁI NGƯỢC

Ông A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật chấp tay, quỳ dài bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, nếu cái thấy nghe đó thật không sinh diệt thì làm sao Đức Thế Tôn lại gọi bọn chúng tôi bỏ mất chân tính, làm việc trái ngược? Xin Phật mở lòng từ bi, rửa sạch trần cấu cho chúng tôi”.

Khi ấy Đức Như Lai ruỗi cánh tay kim sắc, ngón tay chỉ xuống, bảo ông A nan rằng: “Ông nay thấy tay Mầu đà la tôi là chính hay là ngược?”

Ông A Nan bạch: “Chúng sinh thế gian cho đó là ngược, còn tôi thì không biết thế nào là chính, thế nào là ngược”.

Phật bảo ông A Nan: “Nếu người thế gian cho đó là ngược, thì người thế gian gọi thế nào là chính?”

Ông A Nan bạch Phật: “Đức Như Lai đưa cánh tay lên, tay Đâu la miên chỉ lên trên không thì gọi là chính”.

Phật liền giơ cánh tay lên và bảo ông A Nan rằng: “Cái trái ngược như thế, chỉ là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau; các người thế gian lấp đi lấp lại mà xem thấy. Nay lấy cái thân ông và Pháp thân thanh tịnh của chư Như Lai, so theo đó mà phát minh, thì thân của Như Lai gọi là Chánh biến tri, thân của các ông gọi là tính trái ngược; tùy ông xét kỹ nơi thân ông và thân Phật, cái gọi là trái ngược đó, do ở chỗ nào mà gọi là trái ngược?”

Khi ấy ông A Nan cùng cả đại chúng chăm chăm ngó Phật, trông con mắt không lay động, chẳng biết thân tâm chỗ nào trái ngược. Phật phát lòng từ bi, thương xót ông A Nan và đại chúng, phát tiếng hải triều, khắp bảo trong Hội: “Các thiện nam tử, tôi thường nói rằng: “Sắc, tâm, các duyên và các tâm sở, các Pháp sở duyên, đều duy tâm tính biến hiện. Thân ông, tâm ông đều là những vật hiện ra trong tâm tính. Làm sao các ông lại bỏ mất tâm tính quý báu ấy, nhận cái mê trong ngộ. Mê muội thành có hư không, trong hư không mê muội ấy, kết cái mê muội thành ra có sắc; sắc xen với vọng tưởng; tưởng tướng làm thân, nhóm các duyên lay động bên trong, rong ruổi theo cảnh vật bên ngoài; rồi lấy cái tướng mờ mịt lằng xằng đó làm tâm tính. Một phen lầm cái tướng ấy làm tâm thì quyết định lầm cho rằng tâm ở trong sắc thân, mà không biết

sắc thân, cho đến núi sông, hư không, đất liền bên ngoài đều là những vật hiện trong tâm tính; ví như bỏ cả trăm nghìn biển lớn trong lạng, chỉ nhận một cái bọt nước; rồi cho nó là toàn hết cả nước, cùng tột các biển lớn. Bọn ông tức là những người mê lầm nhiều lớp, như cánh tay tôi rủ xuống, không có sai khác. Như Lai gọi là đáng thương xót đó”.

ĐOẠN X

LỰA BỎ TÂM PHAN DUYÊN ĐỂ CHỈ TÍNH THẤY KHÔNG THỂ TRẢ VỀ ĐÂU

Chi I. Trình bày chỗ ngộ, nhưng chưa dám tự nhận.

Ông A Nan vâng nghe lời Phật từ bi cứu độ dạy bảo, khóc lóc tréo tay mà bạch Phật rằng: "Tuy tôi vâng nghe Diệu âm của Phật như vậy, ngộ được chỗ thương trụ viên mãn sẵn có của tâm tính, nhưng tôi ngộ được Pháp âm của Phật vừa dạy là tôi hiện lấy tâm phan duyên mà thỏa mãn chỗ ước mong. Tôi luống được tâm ấy, chưa dám nhận là tâm tính bản lai; mong Phật thương xót, tuyên lời Viên âm, nhổ gốc nghi ngờ của tôi, đem về đạo Vô Thượng."

Chi 2. Trách còn nhận ngón tay chỉ để lựa ra tâm phân biệt đều đã có chỗ trả về.

Phật bảo ông A Nan: "Bọn ông còn lấy tâm phan duyên mà nghe Pháp thì cái Pháp nhận được đó cũng chỉ là sở duyên, chứ không phải nhận được Pháp tính. Ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng cho người khác thì người kia lẽ ra phải nhận ngón tay mà thấy mặt trăng. Nếu như người kia xem ngón tay và cho đó là mặt trăng thì người ấy chẳng những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất cả ngón tay chỉ nữa. Vì sao? Vì nhận ngón tay chỉ làm mặt trăng vậy. Đâu những bỏ mất ngón tay lại cũng không phân biệt được sáng và tối. Vì sao? Vì lấy ngón tay tối làm mặt trăng sáng thì không rõ biết được hai tính sáng tối. Ông cũng như vậy. Nếu lấy cái phân biệt Pháp âm tôi làm tâm của ông thì cái tâm ấy phải rời cái phân biệt tiếng nói, có tính phân biệt.

Ví như người khách ngủ trọ quán trọ, ở tạm rồi đi, rốt cuộc ở mãi không được, còn người giữ trọ thì không đi đâu, gọi là chủ trọ. Tâm cũng như vậy, nếu thật tâm ông thì không đi đâu, làm sao rời cái tiếng,

lại không có tính phân biệt? Nói như thế chẳng những đối với tâm phân biệt các tiếng; cái phân biệt hình dung của tôi, rời các sắc tướng, cũng không có tính phân biệt; như vậy cho đến cái phân biệt đều không, không phải sắc, không phải không, mà bọn Câu xá ly làm là minh đế, thì rời các Pháp trần, cũng không tính phân biệt. Như vậy tâm tính của ông đều có chỗ trả về, lấy gì mà làm chủ?"

Chỉ 3. Khai thị cái thấy không chỗ trả về.

Ông A Nan bạch: "Như tâm tính của tôi đều có chỗ trả về, thì tâm tính của Như Lai dạy, làm sao lại không có chỗ trả về? Xin Phật thương xót chỉ bảo cho tôi điều ấy."

Phật bảo ông A Nan: "Hãy lấy cái tính thấy của ông thấy tôi đây. Tính thấy ấy tuy không phải là tâm tính như mặt trăng thứ hai không phải thật là mặt trăng. Ông hãy nghe cho chín, nay tôi chỉ cho ông cái nghĩa không thể trả về.

A Nan, đại giảng đường này mở rộng phương Đông, khi mặt trời lên thì sáng, nửa đêm vắng trăng, mây mù mờ mịt thì lại tối tăm; chỗ có các cửa thì thấy thông suốt; chỗ có tường nhà thì thấy ngăn bịt; chỗ phân biệt được, thấy cảnh sắc duyên; trong chỗ rỗng trống, toàn là hư không; cảnh tượng mù mịt khi bụi nổi lên; mưa tạnh trời thanh lại thấy trong sạch.

A Nan, ông đều xem rõ các tướng biến hóa ấy, nay tôi trả các tướng ấy về chỗ bản nhân của nó. Thế nào là bản nhân? A Nan, trong các tướng biến hóa, cái sáng trả về cho mặt trời. Vì sao? Vì không mặt trời thì không sáng, nguyên nhân cái sáng thuộc về mặt trời, cho nên trả cho mặt trời. Cái tối trả về cho trăng tối, thông suốt trả về cho các cửa, ngăn bịt trả về cho tường nhà, sắc duyên trả về cho phân biệt, rỗng trống trả về cho hư không, mù mịt trả về cho bụi, trong sáng trả về cho tạnh, và trong thế gian có những cái gì, cũng không ra ngoài mấy loại ấy.

Còn cái tính thấy của ông thấy tám thứ kia thì ông định trả về đâu. Vì sao? Nếu trả về cho sáng thì lúc không sáng lại không thấy tối, nay tuy các thứ sáng tối có sai khác, cái thấy không có sai khác. Các cái thấy có thể trả về tự nhiên không phải là ông, còn cái không thể trả về được thì không phải là ông mà là ai nữa? Vậy thì biết tâm ông vốn là nhiệm màu

trong sạch sáng suốt, ông tự mê lầm, bỏ mất tính bản nhiên mà chịu luân hồi, thường bị chìm đắm trong bể sống chết, nên Như Lai gọi là đáng thương xót".

ĐOẠN XI

LỰA RIÊNG TRẦN CẢNH ĐỂ NÊU RA TÍNH THẤY

Chỉ I. Vật không phải ta.

Ông A Nan bạch: "Tuy tôi biết tính thấy ấy không thể trả về đâu, nhưng làm sao biết được đó là chân tính của tôi".

Phật bảo ông A Nan: "Nay tôi lại hỏi ông: hiện ông chưa được đạo quả vô lậu thanh tịnh, nhờ thần lực của Phật, mới thấy được cõi sơ thiên, không bị ngăn ngại. Ông A Nan luật thì thấy cõi Diêm phù đề như xem quả am ma la trong bàn tay. Các vị Bồ tát thấy trăm nghìn cõi thập phương Như Lai, cùng tột các quốc độ thanh tịnh, số như vi trần, không chỗ nào không thấy. Còn chúng sinh thì thấy rõ được không quá gang tấc.

A Nan, nay tôi cùng ông hãy xem cung điện của Tứ thiên vương, chặng giữa xem khắp các loài thủy, lục, không, hành, tuy có nhiều hình tượng sáng tối khác nhau, nhưng không cái gì là không phải tiền trần chia cắt ngăn ngại.

Ông hãy ở nơi đó phân biệt cái gì là mình, cái gì là vật khác. Nay tôi hãy đưa ông lựa trong sự thấy đó, cái gì là tâm thể của ông, cái gì là cái hình tượng của vật. A Nan, cùng tột sức thấy của ông, từ mặt trời, mặt trăng đều là vật, chứ không phải ông; đến Thất kim sơn (bảy ngọn núi vàng), xem xét cùng khắp, tuy có những thứ hào quang nhưng cũng là vật chứ không phải là ông; lần lần xem đến mây kéo, chim bay, gió động, bụi nổi, cây cối núi sông, cỏ rác, người vật, đều là vật chứ không phải là ông.

Chi 2. Cái thấy không phải là vật.

A Nan, các vật gần xa đó, tuy sai khác nhau, nhưng đồng do cái thấy của ông thanh tịnh trông thấy, thì các thứ vật kia tự có sai khác mà tính thấy của ông không có sai khác. Cái thấy nhiệm màu sáng suốt đó thật là tính thấy của ông.

Nếu cái thấy là vật thì ông cũng có thể thấy cái thấy của tôi. Nếu cho rằng đồng thấy sự vật là thấy cái thấy của tôi thì khi tôi không thấy, sao lại không thấy được cái chỗ không thấy của tôi? Nếu nói rằng thấy cái không thấy thì tự nhiên cái đó không phải là cái tướng của cái không thấy; còn nếu không thấy được chỗ không thấy của tôi, thì cái thấy bản nhiên không phải là vật, làm sao lại không phải là ông?

Chi 3. Vật và ta không thể xen lộn.

Lại như cái thấy là vật thì đương khi ông thấy vật đó, ông đã thấy được vật, vật cũng thấy được ông, thế thì thế tính xen lộn và ông cùng tôi với cả thế gian không thành lập được.

A Nan, nếu khi ông thấy là chính ông thấy, chứ không phải tôi, thì cái thấy cùng khắp đó không phải là ông thì còn là ai nữa.

Làm sao lại tự nghi cái chân tính của ông. Chân tính của ông, ông không tự nhận lấy, lại chấp lời nói của tôi, mà cầu chứng thật".

Chi 4. Nghi cái thấy có lớn nhỏ đứt nối.

Ông A Nan bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, nếu cái tính thấy đó chắc là tôi, chứ không phải ai khác, thì khi tôi cùng Như Lai xem cung điện quý báo của Tứ thiên vương, xem mặt trời mặt trăng, cái thấy ấy cùng khắp cả cõi Sa bà, khi lui về tịnh xá thì chỉ thấy cảnh vườn chùa, đến khi thanh tâm nơi phòng chái thì lại chỉ thấy một chái nhà. Thưa Thế Tôn, cái thấy như vậy, bản thể của nó cùng khắp một cõi, nay ở trong phòng thì chỉ thấy một phòng; thế là cái thấy rút lớn thành nhỏ hay là tường nhà chia cắt làm cho đứt đoạn. Nay tôi không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật vì tôi từ bi chỉ rõ".

Chi 5. Chỉ tiền trần làm ngăn ngại.

Phật bảo ông A Nan: "Tất cả các thứ trong, ngoài, lớn nhỏ của thế gian đều thuộc về tiền trần, không nên nói rằng cái thấy có co có duỗi. Ví như trong đồ vuông thì thấy hư không vuông; nay tôi hỏi ông: Cái hư không vuông thấy được trong đồ vuông ấy, là nhất định vuông hay không nhất định vuông? Nếu nhất định vuông thì khi thay đồ tròn vào, lẽ ra hư không tròn; nếu không nhất định thì trong đồ vuông, lẽ ra không có hư không vuông. Ông nói không biết nghĩa đó do đâu, nghĩa đó như vậy, sao còn do đâu được.

A Nan, nếu muốn nhận được tính không vuông không tròn, chỉ trừ bỏ cái vuông của đồ đạc, chứ bản thể hư không vốn không vuông, không nên nói rằng lại phải trừ cả cái vuông của hư không nữa.

Lại như lời ông hỏi: Khi vào trong phòng, rút cái thấy làm cho nhỏ lại thì khi ngửa xem mặt trời, há lại kéo cái thấy ngang với mặt trời? Nếu xây tường nhà chia cắt cái thấy làm cho đứt đoạn, thì đến khi xoi một lỗ nhỏ, sao lại không thấy dấu nối. Nghĩa ấy không đúng.

Chi 6. Khai thị về chuyên được vật.

Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, lầm mình là vật, bỏ mất tâm tính, bị vật xoay chuyển, cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ. Nếu biết chuyên được vật thì đồng với Như Lai, thân tâm đều viên mãn sáng suốt, nơi đạo tràng bất động đó, trên đầu một mảy lông cũng có thể trùm chứa thập phương quốc độ".

MỤC III - PHẬT NÊU RA TÍNH THẤY RA NGOÀI CÁC NGHĨA "THỊ" VÀ "PHI THỊ"

("Thị" thì tức là cái thấy; "Phi thị" thì ra ngoài cái thấy).

ĐOẠN I NGHI TÍNH THẤY HIỆN Ở TRƯỚC MẮT

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, nếu cái thấy đó, chắc là chân tính của tôi thì cái chân tính đó, hiện ở trước mắt tôi; cái thấy đó đã là chân tính của tôi thì thân tâm tôi, hiện nay, lại là vật gì? Mà nay thân tâm ấy thật có phân biệt, còn cái thấy kia thì không phân biệt riêng gì thân tôi. Nếu nó thật là tâm tôi, làm cho tôi hiện nay có thấy, vậy tính thấy ấy đã thật là tôi, còn thân này không phải là tôi thì nào khác gì Đức Như Lai trước kia đã hỏi vặn rằng: "Vật thấy được tôi". Xin Phật rủ lòng đại từ, chỉ bày cho chỗ chưa ngộ".

ĐOẠN II CHỈ RA "KHÔNG CÓ CÁI GÌ TỨC LÀ CÁI THẤY"

Phật bảo ông A Nan: "Nay ông nói rằng: Cái thấy ở trước mắt ông, nghĩa ấy không đúng. Nếu thật ở trước mắt ông và ông thật thấy được thì cái thấy đó đã có chỗ ở, không phải không chỉ ra được. Vậy nay tôi cùng ông ngồi trong rừng Kỳ đà, trông khắp rừng, suối với các điện, đường, trên đến mặt trời, mặt trăng, trước đối với sông Hằng. Nay ông hãy ở trước sư tử tọa của tôi, giơ tay chỉ bày trong các tướng kia, chỗ râm mát là rừng, cái sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông suốt là hư không, như thế cho đến cỏ cây, mảy mún, tuy lớn nhỏ khác nhau, nhưng đã có hình thì không cái gì là không chỉ đích ra được. Vậy nếu cái thấy, hiện ở trước mắt ông thì ông hãy lấy tay chỉ rõ đích xác cái gì là cái thấy. A Nan, ông nên biết, nếu hư không là cái thấy, thì hư không đã thành cái thấy, còn cái gì mới là hư không; nếu vật là cái thấy, thì vật đã là cái thấy, còn cái gì mới là vật. Ông hãy chín chắn chia chẻ trong muôn hiện tượng, tách ra cái thấy, chỉ bày cho tôi như các vật kia, rõ ràng không lầm lẫn".

Ông A Nan bạch: "Nay tôi ở giảng đường này, trông xa đến sông Hằng, trên đến mặt trời, mặt trăng, giơ tay chỉ ra, đưa mắt trông ra, thì những cái chỉ được đều là vật, chứ không có cái gì là cái thấy. Bạch Thế Tôn,

như lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh văn như chúng tôi, mà cho đến các vị Bồ tát cũng không thể, ở nơi hiện tượng muôn vật, chỉ ra cái thấy, rời tất cả vật, riêng có tự tính".

Phật dạy: "Đúng thế, đúng thế".

ĐOẠN III

CHỈ RA KHÔNG CÓ CÁI GÌ RA NGOÀI CÁI THẤY

Phật lại bảo ông A Nan: "Như lời ông nói: Không có cái thấy, rời tất cả vật, riêng có tự tính; thì trong tất cả các vật đã chỉ được, không có cái gì là cái thấy cả. Nay tôi lại bảo ông: Ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ đà, lại xem rừng vườn cho đến mặt trời, mặt trăng, nhiều thứ hình tượng khác nhau, trong đó, chắc không có cái thấy mà ông có thể chỉ ra được. Vậy ông hãy phát minh trong các vật đó, có cái gì ra ngoài cái thấy?"

Ông A Nan bạch: "Thật tôi thấy khắp rừng Kỳ đà này, không biết trong đó có cái gì ra ngoài cái thấy. Vì sao? Nếu cái cây ra ngoài cái thấy thì sao lại thấy cây, còn nếu cái cây tức là cái thấy thì sao lại là cây; như thế cho đến nếu hư không ra ngoài cái thấy, thì sao thấy được hư không, còn nếu hư không tức là cái thấy, thì sao lại là hư không. Tôi lại suy nghĩ, phát minh chín chắn trong muôn hình tượng, thật không có cái gì ra ngoài cái thấy cả".

Phật dạy: "Đúng thế, đúng thế".

ĐOẠN IV

NGÀI VĂN THÙ KÍNH XIN PHẬT PHÁT MINH HAI THỨ

Khi ấy trong đại chúng, những vị chưa chứng quả vô học, nghe Phật dạy như thế, mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy đầu đuôi thế nào, nên đồng thời sợ hãi, không giữ được tâm thanh tịnh.

Đức Như Lai biết đại chúng tâm niệm rối loạn, sinh lòng thương xót, an ủi ông A Nan và cả đại chúng rằng: "Các thiện nam tử, bậc Vô Thượng Pháp vương, lời nói chân thật, như tính Chân Như mà nói, không lừa không dối, không phải như bốn thứ luận nghị càn rỡ bất tử của bọn Mạt già lê; ông hãy suy nghĩ cho chín chắn, chớ phụ lòng thương mến của tôi".

Lúc ấy ngài Pháp vương tử Văn Thù sư lợi thương xót hàng tứ chúng, ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ chân Phật, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, đại chúng này không ngộ được chỗ Đức Như Lai phát minh ra hai nghĩa "thị" và "phi thị" nơi hai thứ "cái thấy" và "sắc không". Bạch Thế Tôn, nếu những hiện tượng sắc không nơi tiền cảnh, tức là cái thấy, thì lẽ ra có chỗ chỉ được, còn nếu ra ngoài cái thấy, thì lẽ ra không thể thấy được; mà nay đại chúng không rõ nghĩa ấy do đâu, nên mới kinh sợ, chứ không phải vì trước đây thiện căn ít ỏi; kính mong Đức Như Lai thương xót, phát minh cho rõ các vật tượng ấy và cái thấy ấy vốn là vật gì, mà ở trong đó, lại không có các nghĩa "thị" và "phi thị".

ĐOẠN V

CHỈ ĐÍCH TÍNH THẤY KHÔNG CÓ CÁC NGHĨA "THỊ" VÀ "PHI THỊ"

Phật bảo ngài Văn Thù cùng cả đại chúng rằng: "Thập phương Như Lai và các vị đại Bồ tát ở trong tự trụ Tam ma địa, thì cái "thấy", cái "bị thấy" và các tướng hoa đốm hư không, vốn không có gì. Cái "thấy" và cái "bị thấy" đó vốn là tâm tính Bồ đề nhiệm màu trong sạch sáng suốt, làm sao trong đó, lại còn có các nghĩa "thị" và "phi thị"?"

Văn Thù, nay tôi hỏi ông: Như ông đây là Văn Thù, nơi ông lại có cái tức là Văn Thù hay không có Văn thù?

- Bạch Thế Tôn, đúng thế. Tôi đây thật là Văn Thù, nơi tôi không có cái gì tức là Văn Thù, vì sao? Vì nếu có cái ấy, thì thành ra hai Văn Thù, nhưng tôi hiện nay không phải là không Văn Thù; trong đó thật không có hai tướng "thị" và "phi thị".

Phật bảo: "Tính thấy nhiệm màu sáng suốt với các thứ sắc, không thì cũng như vậy. Vốn một tâm tính Vô Thượng Bồ đề, làm nhận là sắc, không cùng với nghe, thấy, như dụi con mắt, thấy có hai mặt trắng, thì mặt trắng nào mới thật là mặt trắng, còn mặt trắng nào lại không phải là mặt trắng. Văn Thù, chỉ có một mặt trắng thật, trong ấy tự không có cái gì thật là mặt trắng hay không phải là mặt trắng. Vậy nên hiện nay, các ông phát minh ra các thứ xem thấy và trần cảnh, đều gọi là vọng tưởng, không thể ở trong đó, chỉ ra các nghĩa "thị" và "phi thị". Nhưng do tất cả đều là tâm tính nhiệm màu sáng suốt nên có thể làm cho các ông ra ngoài các nghĩa "chỉ được" và "không chỉ được".

MỤC IV - PHÁ NHỮNG THUYẾT NHÂN DUYÊN TỰ NHIÊN ĐỂ BÀY TỎ SỰ THẬT NHẬN THẤY TÍNH THẤY

ĐOẠN I NGHI TÂM TÍNH TỰ NHIÊN NHƯ THÀN NGÃ

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, thật như lời Pháp vương dạy, tâm tính cùng khắp thập phương thế giới, yên lặng thường trụ, không có sinh diệt; điều ấy so với thuyết ông Phạm chí Sa tỳ ca la ngày xưa nói về minh đế, hay các thuyết ngoại đạo như bọn Đầu hói nói có chân ngã cùng khắp mười phương, khác nhau thế nào? Ở núi Lăng già, Đức Thế Tôn đã từng, vì các ông Đại Huệ, chỉ dạy rằng: Bọn ngoại đạo kia thường nói tự nhiên, còn Phật nói nhân duyên, không phải cảnh giới của bọn kia. Nay tôi xét cái tâm tính đó tự nhiên, không phải sinh, không phải diệt, xa rời tất cả các điều trái ngược, luống dối, giống như không phải là nhân duyên, cũng không phải là cái tự nhiên của bọn kia. Xin Phật khai thị thế nào, cho chúng tôi khỏi mắc tà kiến và được tâm tính trong sạch nhiệm màu sáng suốt".

ĐOẠN II CHỈ RA KHÔNG PHẢI LÀ TỰ NHIÊN

Phật bảo ông A Nan: "Nay tôi phương tiện chỉ bày, chân thật bảo ông như vậy, ông còn chưa ngộ, lại lầm là tự nhiên. A Nan, nếu chắc là tự nhiên, tự phải chỉ rõ thể tính tự nhiên. Ông hãy xét cái tính thấy kia lấy cái gì làm tự thể. Cái thấy đó lại là lấy cái sáng làm tự thể, lấy cái tối làm tự thể, lấy hư không làm tự thể hay lấy ngăn bịt làm tự thể. A Nan, nếu lấy cái sáng làm tự thể thì lẽ ra không thấy được tối, nếu lấy hư không làm tự thể thì lẽ ra không thấy được ngăn bịt, như vậy cho đến lấy các tướng tối mà làm tự thể thì đến khi sáng, tính thấy đã diệt mất rồi, làm sao còn thấy được sáng?"

ĐOẠN III NGHI LÀ NHÂN DUYÊN

Ông A Nan bạch: "Chắc cái tính thấy ấy không phải là tự nhiên, thì nay tôi phát minh được, nó do nhân duyên mà sinh; nhưng tâm còn chưa rõ, xin hỏi Đức Như Lai, nghĩa lý thế nào cho hợp với tính nhân duyên".

ĐOẠN IV CHỈ RA TÍNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ NHÂN DUYÊN VÀ KẾT LUẬN TÍNH THẤY RỜI CÁC DANH TƯỚNG

Phật dạy: "Ông nói nhân duyên, tôi lại hỏi ông: Nay ông do nhân duyên mà có thấy; tính thấy hiện trước đó, vậy tính thấy, ấy lại là nhân cái sáng mà có thấy, nhân cái tối mà có thấy, nhân hư không mà có thấy hay nhân ngăn bịt mà có thấy? A Nan, nếu tính thấy nhân cái sáng mà có, thì lẽ ra không thấy được tối, còn như nhân cái tối mà có, thì lẽ ra không được sáng; như vậy cho đến nhân hư không, nhân ngăn bịt, thì cũng đồng như nhân cái sáng và cái tối. Lại nữa, A Nan, cái thấy ấy lại là nương cái sáng mà có thấy, nương cái tối mà có thấy, nương hư không mà có thấy hay là nương ngăn bịt mà có thấy? A Nan, nếu nương hư không mà có thấy, thì lẽ ra không thấy được ngăn bịt; nếu nương ngăn bịt mà có thấy, thì lẽ ra không thấy được hư không; như vậy cho đến nương cái sáng, nương cái tối cũng đồng như nương hư không, nương ngăn bịt. Nên biết tính thấy như vậy, không phải nhân, không phải duyên, không phải tự nhiên, cũng không phải không tự nhiên, không có nghĩa "không phải" hay "không không phải", không có nghĩa "tức là" hay "không tức là", rời hết tất cả các tướng, tức là tất cả sự vật; làm sao trong ấy, ông lại định đem các danh tướng hí luận thế gian mà phân biệt cho được. Thế cũng như lấy bàn tay, nắm bắt hư không, chỉ thêm nhọc sức, chứ làm sao hư không lại để cho ông nắm bắt".

ĐOẠN V LẠI NGHI NHÂN DUYÊN

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, chắc cái tâm tính ấy, không phải nhân duyên, thế sao Đức Thế Tôn lại thường chỉ dạy cho các hàng tỳ khuru rằng: Tính thấy có bốn thứ nhân duyên, nghĩa là nhân hư không, nhân ánh sáng, nhân cái tâm và nhân con mắt. Nghĩa đó thế nào?"

ĐOẠN VI PHẬT LẠI BÁC NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN ĐỂ NÊU RA TÍNH THẤY RỒI CẢ BỐN TƯỚNG

Phật bảo: A Nan, tôi nói như thế là nói về các tướng nhân duyên thế gian, đó không phải là đệ nhất nghĩa. A Nan, tôi lại hỏi ông: Các người thế gian nói: Tôi thấy được, thì thế nào, họ gọi là thấy, còn thế nào, họ gọi là không thấy?"

Ông A Nan bạch: Người đời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn, thấy các hình tướng, thì gọi là thấy, còn nếu không có ba thứ ánh sáng đó, thì không thể thấy được."

- A Nan, nếu khi không sáng mà gọi là không thấy, thì lẽ ra không thấy được tối; nếu đã thấy được tối, thì khi đó, chỉ là không sáng, chứ đâu phải là không thấy. A Nan, nếu trong lúc tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy; vậy nay, trong lúc sáng, không thấy cái tối, thì lại cũng phải gọi là không thấy; thế thì cả hai lúc sáng, tối, cũng đều gọi là không thấy cả. Còn nếu như hai cái sáng và tối tự lẫn át nhau, chứ không phải trong đó, tính thấy của ông tạm thời không có; thế thì biết cả hai lúc đều gọi là thấy, chứ sao lại gọi là không thấy. A Nan, vì vậy ông nên biết rằng: Trong lúc thấy sáng, cái thấy không phải là cái sáng, trong lúc thấy tối, cái thấy không phải là cái tối, trong lúc thấy hư không, cái thấy không phải là hư không, trong lúc thấy ngăn bịt, cái thấy không phải là ngăn bịt.

ĐOẠN VII

CHỈ THĂNG SỰ THẬT NHẬN THẤY TÍNH THẤY

"Bốn nghĩa đó đã thành lập rồi, ông lại nên biết: Khi nhận thấy tính thấy thì tính thấy không phải là cái thấy. Tính thấy còn rời cả cái thấy và cái thấy không thể đến nơi tính thấy được; làm sao, ông còn nói đến những nhân duyên, tự nhiên và tướng hòa hợp? Bọn Thanh văn ông hẹp hòi không biết, không thông suốt được sự thật thanh tịnh, nay tôi chỉ dạy cho ông, ông nên khéo suy nghĩ, không được trể nải trên đường Bồ đề nhiệm mầu".

MỤC V - CHỈ RA CÁI NHẬN THỨC SAI LÂM ĐỂ BÀY TỔ THỂ TÍNH CHÂN THẬT

ĐOẠN I

XIN CHỈ DẠY CÁI NGHĨA: NHẬN THẤY TÍNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ CÁI THẤY

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, như Đức Thế Tôn, vì bọn chúng tôi, chỉ dạy về nhân duyên, tự nhiên các tướng hòa hợp và không hòa hợp, tâm tôi còn chưa khai ngộ; nay lại nghe Phật dạy "nhận thấy tính thấy không phải là cái thấy" thì càng thêm lúng túng, cúi xin Phật thương xót, bố thí cho con mắt đại trí tuệ, chỉ bày cho chúng tôi tâm tính trong sạch sáng suốt". Ông A Nan nói như vậy rồi, khóc lóc đĩnh lễ, vâng nghe thánh chỉ của Phật.

ĐOẠN II

TRƯỚC KHI DẠY PHÉP TỔNG TRÌ, DẶN BẢO PHẢI NGHE CHO CHÍN CHẮN

Khi bấy giờ. Đức Thế Tôn thương xót ông A Nan và cả đại chúng, định sẽ chỉ dạy phép đại tổng trì là con đường tu hành nhiệm mầu các Pháp Tam ma đề, bảo ông A Nan rằng: "Ông tuy nhớ lâu, chỉ thêm phần học rộng, nhưng nơi vi mật quán chiếu Xa ma tha, tâm còn chưa rõ. Nay ông hãy nghe cho chín chắn, tôi sẽ vì ông phân tích chỉ bày, đồng thời cũng khiến cho những kẻ hữu lậu tương lai được quả Bồ đề.

ĐOẠN III

CHỈ RA HAI THỨ NHẬN THỨC SAI LẦM

Chi 1. Chỉ ra hai thứ sai lầm

A Nan, tất cả chúng sinh luân hồi trong thế gian đều do hai nhận thức sai lầm, phân biệt trái ngược, chính nơi tâm tính mà phát sinh, chính theo nghiệp báo mà xoay vần. Hai nhận thức ấy là gì? Một là nhận thức sai lầm nghiệp riêng của chúng sinh, hai là nhận thức sai lầm nghiệp chung của chúng sinh.

Chi 2. – Nhận thức sai lầm nghiệp riêng.

Thế nào gọi là nhận thức sai lầm nghiệp riêng? A Nan, như người thế gian, con mắt bị bệnh lòa thì ban đêm trông ngọn đèn, riêng có thấy bóng tròn ngũ sắc bao phủ. Ý ông nghĩ thế nào? Cái bóng tròn hiện ra nơi ngọn đèn, đó, là sắc của ngọn đèn hay là sắc của cái thấy? A Nan, nếu như là cái sắc của ngọn đèn, thì sao những người không lòa lại không cùng thấy, mà chỉ có người lòa mới thấy bóng tròn. Nếu như là sắc của cái thấy, thì cái thấy đã thành sắc rồi, còn cái người lòa kia thấy được bóng tròn thì gọi là cái gì?

Lại nữa, A Nan, nếu cái bóng tròn kia ngoài ngọn đèn, riêng mình tự có, thì lẽ ra khi trông qua bình phong, bức màn, bàn trà, ghế ngồi, đều có bóng tròn hiện ra; còn nếu ngoài cái thấy, bóng tròn, riêng mình tự có, thì lẽ ra không thể thấy được, làm sao người lòa lại thấy bóng tròn. Vậy nên biết rằng: Sắc thật ở nơi ngọn đèn, cái thấy bị bệnh làm ra có bóng tròn. Cả cái bóng tròn và cái thấy bóng tròn đều là bệnh lòa. Nhận thấy được bệnh lòa thì cái nhận thấy đó không phải là bệnh; rốt cuộc không nên nói rằng bóng tròn là ngọn đèn hay là cái thấy, trong đó còn có bệnh lòa không phải ngọn đèn, không phải cái thấy. Ví như mặt trăng thứ hai, không phải thật thể mặt trăng và cũng không phải là cái bóng của mặt trăng. Vì sao? Vì thấy có mặt trăng thứ hai là do dục mắt mà thành ra vậy. Các người có trí, không nên bảo rằng mặt trăng dục mắt mà thành ra đó, là hình tướng hay không phải là hình tướng, là ra ngoài cái thấy hay không ra ngoài cái thấy. Bóng tròn cũng như vậy, nó do bệnh lòa mắt mà thành; nay dầu muốn gọi cái gì là ngọn đèn hay là cái thấy cũng không được, huống nữa, còn phân biệt là không phải ngọn đèn hay không phải là cái thấy!

Chi 3. Nhận thức sai lầm nghiệp chung.

Thế nào gọi là nhận thức sai lầm nghiệp chung?

A Nan, cõi Diệm phù đề này, trừ nước biển cả ra, trong đó đất bằng có 3.000 châu, châu lớn chính giữa, bao quát từ Đông sang Tây, có đến 2.300 nước lớn. Còn các châu nhỏ khác ở trong các biển, trong đó có châu đến 200, 300 nước hoặc có một chục, hai chục, cho đến 30, 40, 50, nước. A Nan, nếu ở trong đó có một châu nhỏ, chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước đồng cảm ác duyên, thì chúng sinh trong nước đó thấy tất cả những cảnh giới không tốt; hoặc thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng, cho đến thấy nhiều ác tướng khác, như vụng, thích, bội, quyết, tuệ, bột, phi, lưu, phụ nhĩ, hồng nghê; chỉ nước đó thấy, còn chúng sinh nước bên kia, thì vốn không thấy và cũng không nghe.

ĐOẠN IV

SO SÁNH CÁI THẤY HIỆN TIỀN ĐỂ CHỈ RÕ Ý NGHĨA: "NHẬN THẤY TÍNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ CÁI THẤY" XA RỜI TƯỞNG HÒA HỢP, VIÊN MÃN ĐẠO BỒ ĐỀ.

Chi 1. Dùng nhận thức nghiệp riêng để chỉ rõ thế nào là nhận thấy tính thấy.

"A Nan, tôi nay đem hai việc đó, lui tới kết hợp mà chỉ rõ.

A Nan, như cái nhận thức sai lầm nghiệp riêng của chúng sinh kia, thấy nơi ngọn đèn hiện ra bóng tròn, tuy giống như tiền cảnh, nhưng rốt cuộc là do bệnh lòa của người ấy tạo thành. Lòa là bệnh của cái thấy, không phải do sắc tướng tạo ra; song người nhận thấy được bệnh lòa vẫn không có lỗi lầm gì về cái thấy cả.

So sánh với hiện nay, ông dùng con mắt xem thấy núi sông, cõi nước và các chúng sinh, đều là do bệnh thấy vô thủy tạo thành. Cái thấy và cái bị thấy duyên nhau, hình như hiện ra tiền cảnh, thật chất vốn là bệnh lòa, năng kiến sở kiến của tâm tính mà thôi.

Giác ngộ rằng thấy như thế tức là bệnh lòa, thì cái tâm giác ngộ đó nhận

thức không lừa. Giác ngộ thấy như thế là bệnh lừa, thì cái giác ngộ đó không phải trong phạm vi bệnh lừa; đó thật là nhận thấy tính thấy, sao còn gọi là thấy, nghe, hay, biết.

Vậy nên nay ông thấy tôi cùng ông và thập loại chúng sinh trong thế gian đều là thấy lừa, chứ không phải là thấy được cái bị bệnh lừa. Cái tính thấy chân thật kia, vốn ra ngoài bệnh lừa, cho nên không gọi là cái thấy.

Chi 2. Lấy nghiệp chung so với nghiệp riêng đi đến nhận rõ sự thật mười phương.

A Nan, như lấy nhận thức sai lầm nghiệp chung kia của chúng sinh, so với nhận thức sai lầm nghiệp riêng của một người, thì một người đau mắt cũng đồng như cả một nước kia; người đau mắt thấy bóng tròn là do bệnh lừa giả dối sinh ra; còn trong một nước kia, hiện ra các thứ không tốt là do ác duyên nghiệp chung của chúng sinh tạo nên; cả hai đều do nhận thức sai lầm vô thủy giả dối sinh ra. Tỷ lệ với 3000 châu, với bốn biển lớn trong cõi Diêm phù đề, với thế giới Sa bà cho đến nước hữu lậu và các chúng sinh trong mười phương, đồng là nơi tâm tính nhiệm màu sáng suốt, các bệnh duyên thấy, nghe, hay, biết, sai lầm, hòa hợp giả dối sinh ra, hòa hợp giả dối diệt mất. Nếu xa rời được các bệnh duyên hòa hợp và không hòa hợp thì cũng diệt trừ được các nguyên nhân chết sống, đầu đủ tính Bồ đề không sinh diệt, bản tâm thanh tịnh, bản giác thường an trụ.

Chi 3. Phá xích nghĩa hòa hợp.

A Nan, ông tuy đã ngộ tâm tính nhiệm màu sáng suốt, vốn không phải nhân duyên, không phải tự nhiên, nhưng còn chưa rõ tâm tính như vậy không phải hòa hợp mà sinh, cũng không phải không hòa hợp.

A Nan, nay tôi lại lấy nơi tiền trần hỏi ông, ông còn đem tất cả những tính nhân duyên hòa hợp của tư tưởng sai lầm thế gian mà tự nghi ngờ rằng chúng tâm Bồ đề cũng do hòa hợp mà phát khởi. Thì hiện nay, cái thấy của ông lại là hòa với cái sáng, hòa với cái tối, hòa với cái thông suốt hay hòa với cái ngăn bịt? Nếu hòa với cái sáng thì ông đang thấy sáng, cái sáng hiện đó, vậy chỗ nào xen lộn với cái thấy? Cái thấy cái

sáng có thể nhận rõ, còn hình trạng xen lộn, thì như thế nào? Nếu cái sáng ra ngoài cái thấy, thì làm sao thấy được sáng? Còn nếu cái sáng tức là cái thấy, thì làm sao lại thấy được cái thấy? Như cái thấy cùng khắp, thì còn chỗ nào hòa được với cái sáng, còn như cái sáng cùng khắp, thì lẽ ra không hòa được với cái thấy. Cái thấy đã khác với cái sáng thì khi xen lộn vào, tất phải làm mất tính cách của cái sáng. Cái thấy xen vào, làm mất tính cách của cái sáng mà nói hòa với cái sáng là không đúng nghĩa. Đối với cái tối, cái thông suốt và cái ngăn bịt thì cũng như vậy.

Lại nữa, A Nan, hiện nay cái thấy nhiệm màu sáng suốt của ông lại là hợp với cái sáng, hợp với cái tối, hợp với cái thông suốt hay hợp với cái ngăn bịt? Nếu hợp với cái sáng thì đến khi tối, cái sáng đã mất rồi, cái thấy đó đã không hợp với cái tối, làm sao thấy được cái tối? Nếu khi thấy tối mà không hợp với cái tối thì lẽ ra khi hợp với cái sáng, không thấy được cái sáng; mà đã không thấy được sáng thì làm sao hợp với cái sáng và rõ biết cái sáng không phải là tối. Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bịt thì cũng như vậy".

Chi 4. Phá xích nghĩa không hòa hợp.

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, như chỗ tôi suy nghĩ, cái tâm tính ấy đối với các trần cảnh và các tâm niệm nhớ nghĩ, không hòa hợp chăng?"

Phật dạy: "Nay ông lại nói tâm tính không hòa hợp thì tôi lại hỏi ông: Cái tính thấy gọi là không hòa hợp đó, lại là không hòa với cái sáng, không hòa với cái tối, không hòa với cái thông suốt, hay không hòa với cái ngăn bịt?"

Nếu không hòa với cái sáng, thì giữa cái thấy và cái sáng phải có ranh giới. Ông nay hãy xét cho kỹ: Chỗ nào là cái sáng, chỗ nào là cái thấy. Nơi cái thấy và nơi cái sáng, thì lấy từ đâu làm ranh giới. A Nan, nếu bên cái sáng, chắc không có cái thấy, thì hai cái không đến với nhau, cái thấy tự nhiên không biết được cái sáng ở đâu, làm sao mà thành lập được ranh giới. Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bịt thì cũng như vậy.

Lại cái thấy, gọi là không hòa hợp đó, là không hợp với cái sáng, không hợp với cái tối, không hợp với cái thông suốt hay không hợp với cái ngăn bịt?

Nếu không hợp với cái sáng, thì cái thấy với cái sáng, tính trái ngược nhau, như cái nghe với cái sáng, không đụng chạm gì với nhau cả; thế thì, cái thấy còn không biết cái sáng ở đâu, làm sao phát minh được những lẽ hợp hay không hợp? Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bịt thì cũng như vậy.

MỤC VI - TÓM THU BỐN KHOA VÀ BẢY ĐẠI VỀ NHƯ LAI TẠNG ĐỂ PHÁT KHỞI CHỖ CHÂN NGỘ

ĐOẠN I - TÓM THU

"A Nan, ông còn chưa rõ tất cả các tướng huyễn hóa nơi tiền trần, chính nơi tâm mà sinh ra, rồi theo nơi tâm mà diệt mất. Cái huyễn hóa giả dối gọi là tướng, mà cái tính chính là tâm tính nhiệm màu sáng suốt; như vậy, cho đến 5 âm, 6 nhập, 12 xứ và 18 giới, nhân duyên hòa hợp giả dối có sinh ra, nhân duyên chia lìa giả dối gọi rằng diệt; mà không biết rằng sinh, diệt, đi, lại đều vốn là tính chân như cùng khắp, không lay động, nhiệm màu, sáng suốt, thường trụ của Như Lai tạng. Trong tâm tính chân thường đó, cầu cho ra những cái đi, lại, mê, ngộ, sống, chết, hẳn không thể được.

ĐOẠN II THU NĂM ẤM LÀ SẮC, THỌ, TƯỚNG, HÀNH, THỨC

Chi I. Thu sắc ấm.

"A Nan, làm sao 5 ấm vốn là tính chân như nhiệm màu của Như Lai tạng. A Nan, ví như có người đem con mắt trong sạch, xem hư không trong sáng, chỉ thấy một hư không trong sáng, hẳn không thấy gì. Người kia, không lý do gì, lại bắt con mắt không lay động; ngó chăm mãi, phát ra mỗi một thì ở giữa hư không, riêng thấy có hoa đóm lãng xãng và có tất cả những tướng giả dối lộn xộn; nên biết sắc ấm cũng lại như vậy.

A Nan, các hoa đốm lãng xãng ấy, không phải từ hư không mà đến, không phải từ con mắt mà ra. Thật vậy, A Nan, nếu từ hư không mà đến, thì đã từ hư không mà đến, rồi phải trở vào hư không; mà đã có ra có vào, thì không phải là hư không nữa. Hư không, nếu lại không phải là hư không, thì tự nhiên không thể dung nạp hoa đốm sinh diệt trong ấy, như thân thể ông A Nan, không dung nạp được một ông A Nan nữa.

Nếu, hoa đốm từ con mắt mà ra, thì đã từ con mắt mà ra, rồi phải trở vào con mắt; lại cái tính hoa đốm ấy đã từ con mắt mà ra, thì lẽ ra phải có thấy. Nếu như có thấy thì khi đi ra, đã làm hoa đốm giữa hư không, đến khi xoay về, phải thấy được con mắt. Nếu không có thấy, thì khi đi ra đã làm mờ hư không, đến khi trở về phải làm mờ con mắt. Lại như thế, khi thấy hoa đốm, lẽ ra con mắt không mờ, làm sao, chỉ khi thấy hư không trong suốt, thì mới gọi là con mắt trong sáng? Vậy nên biết rằng sắc âm là giả dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 2. Thu Thọ ấm.

A Nan, ví như có người tay chân yên ổn, trăm vóc điều hòa, bỗng như quên mình, không có gì là trái là thuận; người ấy không lý do gì, lấy hai bàn tay xoa nhau giữa hư không, thì nơi hai bàn tay giả dối sinh ra những cảm xúc trơn, rít, lạnh, nóng. Nên biết thọ ấm cũng lại như vậy.

A Nan, các cảm xúc giả dối kia, không phải từ hư không mà đến, không phải từ bàn tay mà ra. Thật vậy, A Nan, nếu từ hư không mà đến, thì đã sinh cảm xúc nơi bàn tay, sao lại không sinh cảm xúc nơi thân thể, không lẽ hư không lại biết lựa chỗ sinh ra cảm xúc. Nếu như từ bàn tay mà ra, thì lẽ ra không cần hai bàn tay phải hợp lại. Lại đã từ bàn tay mà ra, thì khi bàn tay hợp lại, biết có cảm xúc, đến khi bàn tay rời ra, thì cảm xúc phải chạy vào và xương tủy cánh tay, lẽ ra phải biết đường vào của cảm xúc; rồi lại phải có tâm hay biết, biết ra, biết vào, và phải có một vật đi lại trong thân, sao lại phải chờ đến hai tay hợp lại mới gọi là cảm xúc. Vậy nên biết rằng thọ ấm là giả dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 3. Thu tướng âm

A Nan, ví như có người, khi nghe nói đến quả mơ chua thì trong miệng có nước bọt chảy ra; khi nghĩ đến đứng trên dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn. Nên biết tướng âm cũng lại như vậy.

A Nan, câu chuyện mơ chua như thế, không phải do quả mơ sinh ra, không phải do cái miệng mà vào. Thật vậy, A Nan, nếu do quả mơ sinh ra, thì quả mơ tự nói lấy, sao phải đợi người ta nói; nếu do cái miệng mà vào, thì lẽ ra cái miệng tự nghe lấy, cần gì đến lỗ tai; nếu riêng mình lỗ tai nghe, thì nước bọt kia, sao không từ lỗ tai chảy ra. Câu chuyện nghĩ đến đứng trên dốc cao cũng giống như vậy. Vậy nên biết rằng tướng âm là giả dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 4. Thu hành âm.

A Nan, ví như dòng nước dốc, sóng mòi nối nhau, lớp trước lớp sau, không vượt khỏi nhau. Nên biết hành âm cũng lại như vậy.

A Nan, dòng nước như vậy không nhân hư không mà sinh, không nhân nước mà có, không phải tính nước, cũng không ra ngoài hư không và nước. Thật vậy, A Nan, nếu nhân hư không mà sinh, thì cả thập phương hư không vô cùng tận, phải thành dòng nước vô cùng tận và tự nhiên thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu nhân nước mà có, thì dòng nước dốc ấy bản tính lẽ ra không phải là nước nữa và hiện nay, đã có thể chỉ ra hai tướng của nước và của dòng nước khác nhau. Nếu dòng nước dốc tức là tính nước thì khi nước đứng lại, lẽ ra không phải là nước nữa; nếu ra ngoài hư không và nước thì không có cái gì ở ngoài hư không và, ngoài nước ra, không thể có dòng nước. Vậy nên biết rằng hành âm là giả dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 5. Thu thức âm.

A Nan, ví như có người lấy bình tần già, bịt cả hai lỗ, rồi vác đầy bình hư không, đi xa nghìn dặm, đem cho nước khác. Nên biết thức âm cũng lại như vậy.

A Nan, cái hư không đó, không phải đến từ phương kia, cũng không phải đưa vào phương này. Thật vậy, A Nan, nếu đến từ phương kia, thì trong cái bình đã đựng hư không đem đi, ở chỗ cũ cái bình phải thiếu hư không; nếu đưa vào phương này, thì khi mở miệng bình trút ra, phải thấy hư không ra. Vậy nên biết rằng thức ám là giả dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

QUYỂN BA

ĐOẠN III

THU 6 NHẬP: NHÃN NHẬP, NHĨ NHẬP, TỶ NHẬP, THIỆT NHẬP, THÂN NHẬP VÀ Ý NHẬP

Chi 1. Thu nhãn nhập.

"Lại nữa, A Nan, vì sao bản tính của 6 nhập, vốn là tính chân như nhiệm màu của Như Lai tạng? A Nan, tức nơi trong con mắt kia, ngó chăm phát ra mỗi mảy, thì cả cái thấy và cái mỗi mảy đó đều là thể tính Bồ đề chăm chú phát ra tướng mỗi mảy.

Nhân nơi hai thứ vọng trần sáng và tối, phát ra cái thấy bên trong, thu nạp các trần tượng ấy gọi là tính thấy; cái thấy đó rời hai trần sáng và tối kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A Nan, ông nên biết cái thấy đó không phải từ nơi sáng, nơi tối mà đến, không phải từ nơi con mắt mà ra, cũng không phải do cái hư không mà sinh. Ví có sao ? Nếu từ cái sáng mà đến, thì khi tối đã theo cái sáng mà diệt, lẽ ra không thấy được tối. Nếu từ cái tối mà đến, thì khi sáng phải theo cái tối mà diệt, lẽ ra không thấy được sáng. Nếu do con mắt mà sinh, hẳn không có sáng, có tối, thì cái thấy như vậy vốn không tự tính. Nếu do hư không mà ra, thì ngó trước thấy các trần tượng, xoay về phải thấy con mắt; lại hư không tự thấy, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng nhãn nhập là luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 2. Thu nhĩ nhập.

"A Nan, ví như người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng; cả cái nghe cùng cái mỗi một đồng là thể tính Bồ đề chăm chú phát ra tướng mỗi một.

Nhân nơi hai thứ vọng trần động và tĩnh, phát ra cái nghe ở trong, thu nạp cái trần tượng đó, gọi là tính nghe. Tính nghe ấy rời hai trần động, tĩnh kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A Nan, ông nên biết, cái nghe đó không phải từ nơi động, nơi tĩnh mà đến, không phải từ nơi lỗ tai mà ra, không phải do hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu cái nghe kia từ nơi tĩnh mà đến, thì khi động phải theo cái tĩnh mà diệt, lẽ ra không nghe được động. Nếu từ nơi động mà đến, thì khi tĩnh sẽ theo cái động mà diệt, lẽ ra không biết được tĩnh. Nếu do lỗ tai mà sinh, hẳn không có động, có tĩnh, thì cái nghe như vậy vốn không tự tính. Nếu do hư không mà ra, thì đã có tính nghe, chắc không phải là hư không nữa; lại hư không tự nghe, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng nhĩ nhập là luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 3. Thu tỷ nhập.

"A Nan, ví như có người bịt gấp hai lỗ mũi, bịt lâu thành ra mỗi một thì ở trong lỗ mũi, nghe có cảm xúc lạnh; nhân những cảm xúc như thế, mà phân biệt được là thông, là ngăn bịt, là rộng, là đặc, cho đến các mùi thơm, thối; cả cái ngửi cùng cái mỗi một đồng là thể tính Bồ đề chăm chú phát ra tướng mỗi một.

Nhân nơi hai thứ vọng trần thông và bịt, phát ra cái ngửi ở trong, thu nạp các trần tượng đó gọi là tính biết ngửi. Cái ngửi đó rời hai trần thông và bịt kia, rốt ráo không có tự thể. Nên biết cái ngửi đó, không phải từ cái thông, cái bịt mà đến, không phải từ nơi lỗ mũi mà ra, cũng không phải do hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu từ cái thông mà đến, thì khi bịt, cái ngửi đã mất rồi, làm sao mà biết được bịt; nếu nhân cái bịt mà có, thì khi thông, không còn cái ngửi, làm sao biết được các mùi thơm, thối. Nếu từ lỗ mũi sinh ra, hẳn không có cái thông, cái bịt, thì cái ngửi như vậy vốn không tự tính. Nếu do hư không mà ra, thì cái ngửi đó, phải xoay lại ngửi lỗ mũi của ông; lại hư không tự ngửi, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng tỷ nhập là luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 4. Thu thiệt nhập.

"A Nan, ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sinh ra mỗi mệ. Nếu người đó có bệnh thì có vị đắng. Còn người không có bệnh thì có chút vị ngọt. Do những cảm xúc ngọt, đắng, mà bày tỏ cái tính nếm; còn khi không động thì thường có tính nhạt. Cả cái nếm và cái mỗi mệ đồng là thể tính Bồ đề chăm chú phát ra tướng mỗi mệ.

Nhân nơi hai thứ vọng trần nhạt và ngọt, đắng, phát cái nếm ở trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là tính biết nếm. Tính biết nếm ấy rời hai trần nhạt và ngọt, đắng kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A Nan, ông nên biết rằng cái biết đắng, biết nhạt như vậy, không phải từ vị ngọt, đắng mà đến, không phải nhân tính nhạt mà có, không phải từ nơi lưỡi mà ra, cũng không phải do hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu từ các vị ngọt đắng mà đến, thì khi nhạt, cái biết nếm đã diệt rồi, làm sao biết được nhạt; nếu từ cái nhạt mà ra thì khi ngọt, cái nếm đã mất rồi, làm sao biết được vị ngọt, đắng. Nếu do cái lưỡi sinh ra, hẳn không có những vị ngọt, đắng và nhạt, thì cái biết nếm ấy vốn không tự tính. Nếu do hư không mà ra, thì hư không tự nếm, chứ không phải lưỡi ông nếm; lại hư không tự biết, nào có dính gì đến chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng thiệt nhập là luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 5. Thu thân nhập.

"A Nan, ví dụ như có người dùng bàn tay lạnh chạm bàn tay nóng, nếu thể bên lạnh nhiều hơn, thì bên nóng cũng thành lạnh theo, nếu thể bên nóng nhiều hơn, thì bên lạnh cũng thành ra nóng; rồi như vậy, do cái cảm xúc nhận biết trong lúc hợp lại mà rõ sự nhận biết lúc rời ra. Nếu cái thể chênh lệch hiện thành giữa nóng và lạnh, thì nhân đó phát ra mỗi mệ mà có cảm xúc. Cả cái biết cảm xúc cùng cái mỗi mệ đồng là thể tính Bồ đề chăm chú phát ra tướng mỗi mệ.

Nhân nơi hai vọng trần ly và hợp, phát ra cái hay biết ở trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là cái biết cảm xúc. Cái biết như thế, rời hai trần ly và hợp, trái và thuận kia, rốt ráo không có tự thể; thật vậy, A Nan, ông nên biết cái cảm xúc đó, không phải từ cái ly, cái hợp mà tới, không phải từ cái trái, cái thuận mà có, không phải do nơi thân thể mà ra, cũng

không phải do nơi hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu từ cái hợp mà đến thì khi ly, cái biết đã mất rồi, làm sao biết được cái ly; đối với hai tướng trái và thuận thì cũng như vậy. Nếu từ thân thể mà ra, hẳn không có những tướng ly, hợp, trái, thuận, thì cái biết cảm xúc của ông vốn không tự tính. Nếu từ nơi hư không mà ra, thì hư không tự hay biết, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng thân nhập là luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 6. Thu ý nhập.

"A Nan, ví như có người nhọc mỏi thì ngủ, ngủ chán thì thức dậy, khi nhận biết trần cảnh thì nhớ, khi hết nhớ thì gọi là quên. Các món sinh, trụ, di, diệt, trái ngược đó, thói quen thu nạp đưa vào trong, không lẫn lộn nhau, gọi là ý căn. Cả cái ý căn cùng cái mỗi một, đồng là thể tính Bồ đề chăm chú phát ra tướng mỗi một.

Nhân nơi hai thứ vọng trần sinh và diệt, nhóm cái biết ở trong, thu nạp Pháp trần bên trong, dòng thấy nghe đi ngược lại vào bên trong mà không đến đâu, gọi là cái ý hay biết. Cái ý hay biết đó rời hai trần thức và ngủ, sinh và diệt kia, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A Nan, nên biết cái ý căn hay biết như thế, không phải từ nơi thức, nơi ngủ mà đến, không phải do cái sinh, cái diệt mà có, không phải từ nơi ý căn mà phát ra, cũng không phải do nơi hư không mà sinh. Ví có sao? Nếu từ nơi thức mà đến, thì khi ngủ đã theo cái thức mà diệt rồi, còn lấy cái gì làm cái ngủ; nếu chắc lúc sinh mới có, thì khi diệt, đã hóa như không có rồi, thì lấy cái gì mà biết là diệt. Nếu do cái diệt mà có, thì khi sinh, không có diệt nữa, lấy gì mà biết là sinh. Nếu do ý căn mà ra, thì hai tướng thức, ngủ thay đổi lẫn nhau nơi thân thể, nếu rời hai tướng ấy ra, thì cái ý hay biết đó, cũng như hoa đóm hư không, rốt ráo không có tự tính. Nếu do hư không mà sinh, thì hư không tự biết, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông. Vậy nên biết rằng ý nhập là luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

ĐOẠN IV THU MƯỜI HAI XỨ (6 CĂN VÀ 6 TRẦN)

Chi 1. Thu 2 xứ sắc trần và nhĩ căn.

"Lại nữa, A Nan, vì sao bản tính của 12 xứ, vốn là tính chân như nhiệm màu của Như Lai tạng?"

A Nan, ông hãy xem rừng cây Kỳ đà và các suối ao đó; ý ông nghĩ thế nào? Như thế là sắc trần sinh ra cái thấy, hay cái thấy sinh ra sắc tướng?"

A Nan, nếu cái thấy sinh ra sắc tướng, thì khi thấy hư không, không có sắc tướng, lẽ ra tính thấy sinh ra sắc tướng đã tiêu mất rồi. Mà đã tiêu mất, thì tỏ ra hết thấy đều không; sắc tướng đã không, thì lấy gì rõ được tướng hư không? Đối với hư không thì cũng như vậy.

Lại nếu sắc trần sinh ra cái thấy, thì khi thấy hư không, không có sắc, cái thấy liền tiêu mất đi, tiêu mất thì tất cả đều không, lấy gì rõ được hư không và sắc tướng?"

Vậy nên biết rằng cái thấy cùng sắc, không, đều không có xứ sở; tức sắc trần và cái thấy, hai xứ đó đều luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 2. Thu 2 xứ thanh trần và nhĩ căn.

"A Nan, ông lại nghe trong vườn Kỳ đà này, khi đồ ăn dọn rồi thì đánh trống, khi chúng nhóm lại thì đánh chuông, tiếng chuông, tiếng trống trước sau nối nhau. Ý ông nghĩ thế nào? Như thế là, cái tiếng đến bên cái nghe hay cái nghe đến chỗ cái tiếng? A Nan, nếu như cái tiếng đó đến bên cái nghe, thì cũng như tôi khát thực trong thành Thất la phiệt, tại rừng Kỳ đà không có tôi nữa. Cái tiếng đó đã đến bên cái nghe của ông A Nan, thì lẽ ra ông Mục Liên, ông Ca Diếp không cùng nghe một lần, hưởng chi, trong này có 1250 vị Sa môn, một khi nghe tiếng chuông, đồng đến chỗ ăn cơm cả."

Lại như cái nghe của ông đến bên cái tiếng, thì cũng như tôi đã về rừng Kỳ đà rồi, trong thành Thất la phiệt, không còn tôi nữa; vậy khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến nơi tiếng trống rồi, thì khi tiếng chuông cũng phát ra, lẽ ra ông không thể nghe cả hai bên, huống nữa, ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều tiếng khác. Còn nếu không đi đến với nhau, thì lại không nghe.

Vậy nên biết rằng cái nghe và cái tiếng đều không có xứ sở; tức cái nghe và thanh trần, hai xứ đều luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 3. Thu 2 xứ hương trần và tử căn.

"A Nan, ông hãy ngửi hương chiên đàn trong lư này, hương ấy, nếu đốt đến một thù, thì cả thành Thất la phiệt, trong 40 dặm, đồng thời đều ngửi mùi thơm. Ý ông nghĩ thế nào? Mùi thơm ấy sinh ra, do cây chiên đàn, do nơi lỗ mũi của ông hay do nơi hư không?"

Nếu như mùi thơm ấy sinh ra do lỗ mũi của ông, thì đã gọi là do lỗ mũi sinh ra, tất phải từ lỗ mũi mà ra, lỗ mũi không phải chiên đàn, làm sao trong lỗ mũi, lại có được mùi thơm chiên đàn? Lại đã gọi rằng ông ngửi mùi thơm, thì mùi thơm phải vào trong lỗ mũi, còn trong lỗ mũi phát ra mùi thơm, mà nói rằng ngửi được, thì không đúng nghĩa.

Nếu sinh ra do nơi hư không, thì tính hư không thường còn, mùi thơm cũng phải thường có, cần gì phải đốt cây khô chiên đàn trong lư rồi mới có. Nếu mùi thơm sinh ra do cây chiên đàn, thì cái chất thơm ấy nhân đốt mà thành khói; nếu lỗ mũi ngửi được, thì lẽ ra khói phải xông đến lỗ mũi, làm sao, khói đó lên trên không, chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đều ngửi thơm cả.

Vậy, nên biết rằng hương trần và cái ngửi đều không có xứ sở, tức cái ngửi và hương trần hai xứ đều luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 4. Thu 2 xứ vị trần và thiết căn.

"A Nan, ông thường hai thời, ở trong chúng cầm bình bát khát thực. Trong đó, hoặc gặp những món tô, lạc, đề hồ, gọi là vị quý. Ý ông nghĩ thế nào? Vị đó sinh ra, do nơi hư không, do nơi cái lưỡi hay do nơi đồ ăn?

A Nan, nếu vị ấy sinh ra do nơi cái lưỡi của ông, thì ở trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi; cái lưỡi lúc bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra cái vị không dòi dôi, mà nếu không dòi dôi, thì không gọi được là biết vị, còn nếu dòi dôi, thì cái lưỡi không phải có nhiều tự thể, làm sao, một cái lưỡi lại biết được nhiều vị?

Nếu sinh ra do đồ ăn, thì đồ ăn không có tri giác, làm sao tự biết được vị? Lại đồ ăn tự biết, thì cũng đồng như người khác ăn, nào có dính gì đến ông, mà gọi rằng ông biết vị?

Nếu sinh ra do hư không, thì ông hãy ném cái hư không xem là vị gì. Nếu cái hư không đó vị mặn, thì đã làm mặn cái lưỡi của ông, cũng phải làm mặn cái mặt của ông và mọi người trong cõi này, cũng giống như cá bễ, đã thường chịu cái mặn, không còn biết thế nào là nhạt nữa. Nhưng nếu không biết nhạt, thì lại cũng không biết mặn. Mà đã không biết cái gì, thì làm sao còn gọi là biết vị?

Vậy nên biết rằng các vị và cái lưỡi biết ném đều không có xứ sở; tức cái biết ném cùng với các vị, hai xứ đều luống dôi, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 5. Thu 2 xứ xúc trần và thân căn.

"A Nan, ông thường sớm mai lấy tay xoa đầu, ý ông nghĩ thế nào? Trong việc biết xoa đó, lấy cái gì làm cái biết cảm xúc? Cái biết ở nơi tay hay ở nơi đầu? Nếu nó ở nơi tay, mà cái đầu không biết, thì làm sao thành cái cảm xúc ấy? Còn nếu nó ở nơi đầu, mà cái tay vô dụng, thì làm sao gọi là cảm xúc được. Nếu cả cái đầu và cái tay, mỗi cái đều có biết, thì một mình ông A Nan phải có hai cái biết cảm xúc.

Nếu cả đầu và tay đều do một cảm xúc sinh ra, thì tay và đầu lẽ ra chỉ có một tự thể; mà nếu chỉ có một tự thể, thì không năng, không sở, cảm xúc không thành lập được. Còn nếu là hai thể, thì cảm xúc ở phía nào, ở bên năng, thì không ở bên sở, ở bên sở, thì không ở bên năng; không lẽ hư không tạo thành cảm xúc cho ông?

Vậy nên biết rằng cảm xúc và thân căn đều không có xứ sở; tức cái thân biết cảm xúc cùng cái cảm xúc, hai thứ đều luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 6. Thu 2 xứ Pháp trần và ý căn.

"A Nan, ông thường trong ý duyên với ba tính: thiện, ác và vô ký, sinh ra có các Pháp trần. Những Pháp trần đó tức nơi tâm mà sinh ra hay là rời cái tâm, riêng có chỗ khác?

A Nan, nếu tức nơi tâm, thì Pháp trần không phải là trần cảnh nữa, và như thế, thì nó không phải là cái sở duyên của tự tâm, làm sao thành một xứ được?

Nếu rời cái tâm, riêng có chỗ khác, thì bản tính của Pháp trần là có biết hay không có biết?

Nếu có biết, thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và không phải trần cảnh, thì cũng như cái tâm của người khác; còn nếu nó tức là ông và cũng tức là tâm, thì làm sao cái tâm nơi ông lại thành hai được?

Lại nếu như không có biết, cái Pháp trần đó đã không phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì nó sẽ ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không, không thể chỉ nó ra được; không lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không?

Không có cảnh sở duyên, thì ý căn do đâu mà lập thành một xứ được?

Vậy nên biết rằng Pháp trần cùng ý căn đều không có xứ sở; tức ý căn cùng Pháp trần, hai xứ đều luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

ĐOẠN V
THU MƯỜI TÁM GIỚI
(6 CĂN, 6 TRẦN VÀ 6 THỨC)

Chi 1. Thu nhãn, sắc và nhãn thức giới.

"Lại nữa A Nan, làm sao 18 giới vốn là tính chân như nhiệm màu của Như lai tạng?"

A Nan, như ông bày tỏ: Nhãn căn và sắc trần làm duyên, sinh ra nhãn thức. Thức đó lại là nhân nhãn căn sinh ra, lấy nhãn căn làm giới, hay nhân sắc trần sinh ra, lấy sắc trần làm giới?"

A Nan, nếu nhân nhãn căn sinh ra, mà không có sắc có không, thì không thể phân biệt, dầu cho có cái thức của ông thì đem ra dùng về việc gì? Cái thấy của ông, ngoài những sắc xanh, vàng, trắng, đỏ, thì không thể biểu hiện được; vậy do đâu mà lập thành ra giới?"

Nếu nhân sắc trần sinh ra, thì khi chỉ có hư không, không có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt, làm sao còn biết được là hư không? Nếu khi sắc tướng biến đổi thành hư không, ông cũng biết rằng sắc tướng biến đổi, mà cái thức của ông thì không biến đổi; thế thì, do đâu mà lập sắc trần làm giới?"

Nếu theo sắc trần mà biến đổi, thì tự nhiên sắc trần không thành giới được. Nếu không biến đổi, thì là thường hằng, cái thức đã do sắc trần sinh ra, lẽ ra không thể biết hư không ở đâu?"

Nếu gồm hai thứ nhãn căn và sắc trần chung cùng sinh ra ; vậy, như hợp lại, thì ở giữa phải ly, còn như ly ra, thì hai bên lại hợp, thế tính xen lộn, làm sao thành được giới?"

Vậy nên biết rằng nhãn căn sắc trần làm duyên, sinh ra giới nhãn thức, cả ba chỗ đều không, và ba giới nhãn căn, sắc trần và nhãn thức, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 2. Thu nhĩ, thanh và nhĩ thức giới.

"A Nan, lại như ông bày tỏ: Nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sinh ra nhĩ thức. Thức đó nhân nhĩ căn sinh ra, lấy nhĩ căn làm giới, hay nhân thanh trần sinh ra, lấy thanh trần làm giới?"

A Nan, nếu nhân nhĩ căn sinh ra, mà không có hai tướng động, tĩnh hiện tiền, thì cái biết của nhĩ căn cũng không thành; mà đã không biết gì, thì cái biết còn không thành, huống nữa cái thức phân biệt còn có hình trạng gì.

Nếu nhân lỗ tai nghe thì đã không động, tĩnh, cái nghe cũng không thành; làm sao lấy hình sắc lỗ tai đối với xúc trần, mà gọi được là giới nhĩ thức; và cái giới nhĩ thức như thế, do đâu mà lập ra.

Nếu nhân thanh trần mà sinh, thì cái nhĩ thức nhân thanh trần mà có, không có dính líu gì đến cái nghe; mà đã không nghe, thì cũng không biết các tướng thanh trần ở đâu. Lại nói nhĩ thức do thanh trần sinh ra, dầu cho rằng thanh trần, nhân cái nghe mà có tướng, thì cái nghe, lẽ phải nghe được nhĩ thức. Nếu không nghe được nhĩ thức, thì thanh trần không phải là giới của nhĩ thức. Nếu nghe được, thì nhĩ thức cũng đồng như thanh trần, và nhĩ thức đã bị nghe, thì lấy cái gì biết được rằng đã nghe cái thức? Còn nếu cái thức không biết, thì cũng như cỏ như cây.

Lại không lẽ thanh trần và cái nghe xen lộn, thành ra giới ở giữa? Giới ở giữa đã không có, thì các tướng nội căn, ngoại trần, do đâu mà thành lập được.

Vậy, nên biết rằng nhĩ căn, thanh trần làm duyên, sinh ra giới nhĩ thức, cả ba chỗ đều không và ba giới nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 3. Thu tử, hương và tử thức giới.

"A Nan, lại như ông bày tỏ: Tử căn và hương trần làm duyên, sinh ra tử thức. Thức đó lại nhân tử căn sinh ra, lấy tử căn làm giới, hay nhân hương trần sinh ra, lấy hương trần làm giới?"

A Nan, nếu nhân tử căn sinh ra, thì trong tâm ông lấy cái gì làm tử căn? Ông lấy cái hình tướng mũi thịt như hai móng tay, hay lấy cái tính người biết lay động làm tử căn?

Nếu lấy cái hình tướng mũi thịt, thì chất thịt là thân căn và cái biết của thân căn là cái biết cảm xúc. Đã gọi là thân căn thì không phải là tử căn, đã gọi rằng cảm xúc, thì đó là xúc trần đối với thân căn. Vậy, còn không có gì đáng gọi là tử căn, do đâu mà lập thành giới?

Nếu lấy cái người biết làm tử căn, thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái có người biết? Nếu lấy lỗ mũi thịt, thì cái biết của chất thịt là xúc trần, chứ không phải như tử căn; nếu lấy cái hư không làm cái có người biết, thì hư không tự biết, còn xác thịt lẽ ra không biết, như thế, thì lẽ ra hư không là ông; thân của ông mà không có biết, thì ông A Nan hiện nay lẽ cũng không còn đâu nữa.

Nếu lấy cái hương làm cái có người biết, thì cái biết thuộc về hương trần, nào dính gì đến ông?

Nếu các mùi thơm, thối sinh ra do tử căn của ông, thì hai mùi thơm, thối kia không sinh ra do cây y lan và cây chiên đàn; hai vật đó không tới, ông tự người lỗ mũi là thơm hay là thối; thối thì không phải thơm, thơm thì không phải thối; nếu cả hai mùi thơm, thối đều người được cả, thì một người ông phải có hai tử căn và đứng trước tôi hỏi đạo phải có hai ông A Nan, thì ông nào mới là tự thể của ông. Còn nếu tử căn là một, thì thơm, thối không hai, thối đã thành thơm, thơm đã thành thối, hai tính đó đã không có, thì lấy gì lập được thành giới?

Lại nếu nhân hương trần mà có, thì tử thức đã nhân hương trần mà có, cũng như nhân con mắt có thấy, không thể thấy được con mắt; tử thức nhân hương trần mà có, lẽ ra không biết được hương trần. Nếu biết được

hương trần, thì không phải do hương trần sinh ra, nếu không biết được hương trần, thì không phải là tử thức.

Hương trần mà không người biết là có, thì cái giới hương trần không thành; tử thức mà không biết hương trần, thì cái giới của nó, không phải do hương trần mà lập. Đã không có cái thức trung gian, thì nội căn, ngoại trần cũng không thành và tất cả những điều người biết kia rốt ráo đều luống dối.

Vậy, nên biết rằng tử căn, hương trần làm duyên, sinh ra tử thức, cả ba chỗ đều không và ba giới tử căn, hương trần và tử thức, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 4. Thu thiệt, vị và thiệt thức giới.

"A Nan, lại như ông bày tỏ: Thiệt căn và vị trần làm duyên, sinh ra thiệt thức. Thức đó lại nhân thiệt căn sinh ra, lấy thiệt căn làm giới, hay nhân vị trần sinh ra, lấy vị trần làm giới?"

A Nan, nếu nhân thiệt căn sinh ra, thì như trong thế gian, những loại mía ngọt, mơ chua, hoàng liên đắng, muối mặn, té tân, gừng, quế cay, đều không có vị, ông tự nếm cái lưỡi là ngọt hay là đắng. Nếu cái lưỡi là đắng, thì lấy cái gì mà nếm cái lưỡi; cái lưỡi đã không thể tự nếm được, thì lấy gì mà có hay biết; còn nếu cái lưỡi không đắng, thì tự nhiên vị trần không sinh ra, làm sao mà lập được thành giới?

Nếu nhân vị trần sinh ra; vậy thiệt thức đã là vị rồi, thì cũng đồng như thiệt căn, không thể tự nếm được, làm sao còn biết được là có vị hay không có vị?

Lại tất cả các vị không phải do một vật sinh ra. Các vị đã do nhiều vật sinh ra, thì cái thiệt thức do vị trần sinh ra, cũng phải có nhiều tự thể. Nếu tự thể của thiệt thức là một và tự thể đó thật do vị trần sinh ra, thì các vị mặn, nhạt, chua, cay và nhiều vị khác nhau, do các thứ đó hòa hợp cùng sinh ra, đều chỉ là một vị, lẽ ra không có phân biệt; mà đã không có phân biệt, thì không thể gọi là thức, làm sao còn gọi là giới thiệt thức? Không lẽ hư không lại sinh được cái thức của ông?

Nếu thiết căn, vị trần, hòa hợp mà sinh ra cái thức ở giữa, vốn không tự tính, làm sao mà lập được thành giới?

Vậy, nên biết rằng thiết căn, vị trần làm duyên, sinh ra thiết thức, cả ba chỗ đều không, và ba giới thiết căn, vị trần và thiết thức, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 5. Thu thân, xúc và thân thức giới.

"A Nan, lại như ông bày tỏ: Thân căn và xúc trần làm duyên, sinh ra thân thức. Thức đó lại là nhân thân căn sinh ra, lấy thân căn làm giới, hay nhân xúc trần sinh ra, lấy xúc trần làm giới?"

A Nan, nếu nhân thân căn sinh ra, không có cái duyên của hai cảm xúc hợp và ly, thì thân căn còn biết gì. Nếu nhân xúc trần sinh ra mà không có thân căn của ông, thì có ai không có thân căn mà biết hợp, biết ly được.

A Nan, vật thì không biết cảm xúc, thân căn có biết, mới có cảm xúc; tức nơi cảm xúc, mà biết có thân căn, tức nơi thân căn mà biết có cảm xúc; nhưng đã tức là cảm xúc, thì không phải thân căn, mà đã tức là thân căn, thì không phải cảm xúc; cả hai tướng thân căn và xúc trần, vốn không có xứ sở.

Nếu xúc trần hợp một với thân căn, thì tức là tự thể của thân căn rồi; còn nếu rời hẳn với thân căn, thì thành không có gì, như các tướng hư không.

Nội căn, ngoại trần đã không thành, thì làm sao lập được cái thức ở giữa; cái thức ở giữa đã không lập được, thì nội căn, ngoại trần, bản tính cũng rỗng không và cái thức của ông do đâu mà lập được thành giới.

Vậy, nên biết rằng thân căn, xúc trần làm duyên, sinh ra thân thức, cả ba chỗ đều không, và ba giới thân căn, xúc trần và thân thức, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên.

Chi 6. Thu ý, Pháp và ý thức giới.

"A Nan, lại như ông bày tỏ: Ý căn và Pháp trần làm duyên, sinh ra ý thức. Thức đó lại là nhân ý căn sinh ra, lấy ý căn làm giới, hay nhân Pháp trần sinh ra, lấy Pháp trần làm giới?"

A Nan, nếu nhân ý căn sinh ra, thì trong ý ông, chắc phải có chỗ nghĩ ngợi mới phát minh được cái ý của ông ; nếu không có các Pháp trần, thì ý căn không thể sinh ra được. Rồi các Pháp trần, ý căn còn không có hình tướng, thì đem ý thức ra mà dùng vào việc gì?

Lại cái thức tâm của ông với các thứ nghĩ ngợi, các sự rõ biết là đồng nhau hay khác nhau. Nếu đồng với ý căn, thì tức là ý căn rồi, làm sao lại do ý căn sinh ra? Nếu khác, mà không đồng với ý căn, thì lẽ ra không còn biết gì.

Nếu không biết gì, thì làm sao lại do ý căn sinh ra; còng nếu có biết, thì làm sao lại chia ra ý thứ và ý căn? Chỉ hai tính đồng nhau, khác nhau còn không thành, làm sao lập được thành giới?

Nếu nhân Pháp trần sinh ra, thì các Pháp trong thế gian, không ngoài năm trần. Ông hãy xét các Pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, có tướng rõ ràng đối với năm căn, đều không thuộc về phần thu nạp của ý căn. Nếu ý thức của ông quyết định nương nơi Pháp trần mà sinh ra, thì ông hãy xét từng Pháp, từng Pháp, hình trạng thế nào. Nếu rời hẳn các tướng sắc, không, động, tĩnh, thông, biệt, hợp, ly, sinh, diệt, thì rốt ráo không thành một Pháp nào cả.

Lại, sinh cũng là các Pháp như sắc, như không sinh ra, diệt cũng như các Pháp như sắc, như không diệt mất. Các nguyên nhân đã không thành, thì cái thức do nó sinh ra, còn có hình tướng gì; hình tướng còn không có, làm sao mà lập được thành giới. Vậy, nên biết rằng ý căn, Pháp trần làm duyên, sinh ra ý thức, cả ba chỗ đều không, và ba giới ý căn, Pháp trần và ý thức, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên".

ĐOẠN VI
THU BẢY ĐẠI: ĐỊA ĐẠI, THỦY ĐẠI, HỎA ĐẠI,
PHONG ĐẠI, KHÔNG ĐẠI, KIẾN ĐẠI VÀ THỨC ĐẠI.

Chi 1. Xin khai thị về tứ đại hòa hợp.

Ông A Nan bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, Đức Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp rằng: Tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều nhân bốn món "Đại" hòa hợp mà phát ra. Làm sao Đức Như Lai lại bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên. Nay tôi không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót chỉ bày cho chúng sinh nghĩa rốt ráo của trung đạo, không còn các điều hý luận."

Chi 2. Chỉ rõ thể tính tứ đại không phải hòa hợp.

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ông A Nan rằng: "Trước đây ông nhầm chán các Pháp tiểu thừa Thanh Văn, Duyên giác, phát tâm tha thiết cầu đạo Vô Thượng Bồ đề, nên tôi lúc này chỉ bày cho ông đệ nhất nghĩa đế, làm sao ông lại còn đem những nhân duyên vọng tưởng hý luận thế gian mà tự ràng buộc mình? Ông tuy nghe được nhiều Pháp, nhưng cũng như người nói tên vị thuốc, mà đến khi thuốc thật ở trước mắt, thì lại không phân biệt được. Như Lai gọi là rất đáng thương xót. Nay ông hãy nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông phân tách chỉ bày và cũng để cho những người tu Đại thừa sau này thông suốt được thật tướng."

Ông A Nan yên lặng kính vâng thánh chỉ của Phật.

Phật dạy: "A Nan, như ông đã nói: Bốn món "Đại" hòa hợp phát ra các thứ biến hóa trong thế gian. A Nan, nếu tính các món đại kia không phải hòa hợp, thì không thể lẫn lộn với các đại khác, cũng như hư không không thể hòa hợp được với các sắc tướng. Nếu tính của các đại là hòa hợp, thì cũng đồng như các thứ biến hóa, thủy chung thành nhau, sinh diệt nối nhau, sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, sinh sinh diệt diệt, như vòng lửa quay tròn chưa hề dừng nghỉ. A Nan, như nước thành giá, giá lại thành nước.

Chi 3. Thu địa đại.

Ông hãy xét cái tính của địa đại, to thì làm đất liền, nhỏ thì làm vi trần, cho đến lân hư trần, do chẻ chất cực vi, là sắc tướng nhỏ tốt, ra 7 phần mà thành. Nếu chẻ lân hư trần nữa, thì thật là tính hư không.

A Nan, nếu cái lân hư trần đó, chẻ ra thành được hư không, thì biết hư không cũng sinh ra được sắc tướng. Nay ông hỏi rằng do hòa hợp mà sinh ra các tướng biến hóa trong thế gian, thì ông hãy xét một cái lân hư trần, phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có, không thể lân hư trần hợp lại thành lân hư trần. Lại lân hư trần đã chẻ được thành hư không, thì phải dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại, mới thành cả hư không. Nhưng nếu sắc tướng hợp lại, thì hợp sắc tướng lại, không thể thành được hư không; còn nếu hư không hợp lại, thì hợp hư không lại, không thể thành được sắc tướng; sắc tướng còn có thể chẻ được, chứ hư không thì làm sao mà hợp được?

Ông vốn không biết trong Như Lai tạng, tính sắc là chân không, tính không là chân sắc, bản nhiên thanh tịnh, cùng khắp Pháp giới, theo tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết, theo nghiệp mà phát hiện; thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tính tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

Chi 4. Thu hỏa đại.

"A Nan, hỏa đại không có tự thể, gửi nơi các duyên mà phát hiện. Ông hãy xem các nhà, chưa ăn ở trong thành, khi muốn nhóm bếp, thì tay cầm kính hiển vi, đưa trước ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

A Nan, phạm gọi là hòa hợp, thì như tôi cùng ông và 1.250 vị tỷ khưu, hiện nay, hợp thành một chúng; tuy chúng chỉ có một, song gạn xét về căn bản, thì mỗi người đều có thân, đều có danh tự họ hàng của mình, như ông Xá lợi phát, thì thuộc dòng Bà la môn, ông Ưu lâu tần loa, thì thuộc dòng Ca điếp ba, cho đến ông A Nan, thì thuộc dòng họ Cù đàm.

A Nan, nếu lửa đó nhân hòa hợp mà có, thì khi người kia cầm kính lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa đó từ trong kính mà ra, do bụi nhụi mà có hay từ mặt trời mà đến?

A Nan, nếu từ mặt trời mà đến, thì lửa ấy đã đốt được bụi nhùi trong tay của ông, những rừng cây mà ánh sáng mặt trời đi qua, lẽ ra đều bị đốt cả. Nếu từ trong kính mà ra, thì lửa ấy đã có thể từ trong kính ra đốt cháy bụi nhùi, làm sao cái kính lại không cháy; cho đến cả cái tay ông cầm kính còn không thấy nóng, thì làm sao kính lại cháy được. Nếu do bụi nhùi sinh ra, thì cần gì ánh sáng mặt trời và kính tiếp đối với nhau, rồi sau lửa mới sinh ra. Ông hãy xét cho kỹ, kính do tay cầm, mặt trời thì đi trên trời, còn bụi nhùi thì từ đất sinh ra, vậy lửa từ phương nào đi đến chỗ đó. Mặt trời và kính xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ lửa kia, không do đâu mà tự có.

Ông còn không biết trong Như Lai tạng, tính hỏa là chân không, tính không là chân hỏa, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp Pháp giới, theo tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết.

A Nan, ông nên biết rằng người đời cầm kính một chỗ, thì một chỗ có lửa sinh ra, khắp Pháp giới đều cầm kính, thì khắp Pháp giới bốc lửa. Lửa bốc khắp thế gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tính tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

Chi 5. Thu thủy đại.

"A Nan, tính nước không nhất định, khi chảy, khi đứng không chùng. Như trong thành Thất la phiệt, các ông tiên Ca tỳ la, Chước ca la và các nhà đại huyễn thuật Bát đầu ma, Ha tát đa, vân vân... muốn cầu tinh Thái âm để hòa với các thuốc huyễn thuật, thì các ông ấy, trong lúc sáng trăng trong, tay cầm hạt châu Phương chư, hứng nước trong ánh mặt trăng. Vậy, nước ấy từ trong hạt châu mà ra, do hư không mà có hay từ mặt trăng mà đến?"

A Nan, nếu từ mặt trăng mà đến, thì ở phương xa còn có thể làm cho hạt châu chảy ra nước, những rừng cây ánh sáng mặt trăng đi qua, lẽ ra đều phải phun nước; mà nếu phun nước, thì sao lại phải đợi có hạt châu Phương như mới chảy nước được? Còn nếu không phun nước, thì rõ ràng nước đó, không phải từ mặt trăng mà xuống. Nếu từ hạt châu mà ra, thì trong hạt châu ấy, thường phải chảy nước, sao còn phải đợi ánh sáng mặt trăng trong lúc nửa đêm? Nếu do hư không mà sinh, thì hư không

không bờ bến, nước cũng không giới hạn; vậy từ cõi người đến cõi trời, lẽ ra đều phải chìm ngập cả, làm sao lại còn có thủy, lục, không, hành?

Ông hãy xét cho kỹ, mặt trăng từ trên trời đi qua, hạt châu do tay cầm, còn cái mâm hứng nước thì do người sắp đặt; vậy nước kia từ phương nào mà chảy đến đó. Mặt trăng và hạt châu xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ nước kia, không do đâu mà tự có.

Ông cần biết trong Như Lai tạng, tính thủy là chân không, tính không là chân thủy, bản nhiên thanh tịnh, cùng khắp Pháp giới, theo tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết. Một chỗ cầm hạt châu, thì một chỗ nước chảy ra, khắp Pháp giới cầm hạt châu, thì đầy Pháp giới nước sinh ra. Thủy đại sinh khắp thế gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện; thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tính tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

Chi 6. Thu phong đại.

"A Nan, phong đại không có tự thể, khi động, khi tĩnh không chùng. Ông thường sửa áo, vào trong đại chúng, gấu áo Tăng già lê động đến người bên cạnh, thì có chút gió phẩy qua mặt người kia. Gió đó lại là, do gấu áo ca sa mà ra, do hư không mà phát khởi hay do mặt người kia mà sinh?

A Nan, nếu gió đó phát ra do gấu áo ca sa, thì ông đã mặc cả gió, lẽ ra cái áo phải bay tung ra, rời khỏi thân thể của ông. Nay tôi thuyết Pháp, rũ áo ở trong Hội này, ông hãy xem cái áo tôi, gió ở chỗ nào? Không lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió.

Nếu gió đó do hư không sinh ra, thì khi cái áo ông không động, vì sao lại không phải gió? Và tính hư không thường còn, thì gió lại phải thường sinh ra; khi không có gió, thì hư không phải diệt mất. Gió diệt, thì có thể thấy được, còn hư không diệt, thì hình trạng thế nào? Lại nếu có sinh diệt, thì không gọi là hư không và đã gọi là hư không, thì làm sao lại phát ra gió được?

Nếu gió đó sinh ra do cái mặt người bị phảy, thì đã do mặt người đó sinh ra, lẽ ra phải phảy lại ông, sao tự ông sửa áo mà lại phảy ngược lại người kia?

Ông hãy xét cho kỹ: Sửa áo là do nơi ông, cái mặt thì thuộc về người kia, hư không thì vắng lặng, không thể lay động, vậy gió từ phương nào rong ruổi đến đó. Tính gió và tính hư không cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ gió kia, không do đâu mà tự có.

Ông thật không biết trong Như Lai tạng, tính phong là tính chân không, tính không là phong, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp Pháp giới, theo tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết. A Nan, như một mình ông hơi động cái áo, thì có chút gió phát ra; khắp Pháp giới đều phảy, thì khắp cõi nước sinh ra phong đại. Phong đại đầy rẫy thế gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, làm là nhân duyên và tính tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

Chi 7. Thu không đại.

"A Nan, hư không không có hình, nhân sắc tướng mà tỏ bày ra. Như trong thành Thất la phiệt, chỗ cách xa sông, những người dòng Sát lợi, dòng Bà la môn, dòng Tỳ xá, dòng Thủ đà hay dòng Phả la đọa, dòng Chiên đà la, vân vân... khi dựng nhà mới, thì đào giếng mà lấy nước, đào đất ra một thước, thì trong đó có một thước hư không, như vậy cho đến đào đất ra một trượng, thì trong đó lại được một trượng hư không, hư không nông hay sâu, tùy đào đất ra nhiều hay ít. Hư không đó là nhân đất mà ra, nhân đào mà có hay không nhân gì mà tự sinh?

A Nan, nếu hư không đó không nhân gì mà tự sinh, thì khi trước khi chưa đào đất, sao nơi đó lại không trống rỗng, mà chỉ thấy đất liền, hẳn không thông suốt. Nếu nhân đất mà ra, thì khi đất ra, phải thấy hư không vào; nếu đất ra trước, mà không thấy hư không vào, thì làm sao hư không lại nhân đất mà ra. Còn nếu không ra, không vào, thì hư không với đất vốn không khác nhau; không khác tức là đồng, thì khi đất ra, sao hư không lại không ra. Nếu nhân đào mà ra, thì phải đào ra hư không, chứ không đào ra đất; nếu không nhân đào mà ra, thì tự đào ra đất, làm sao lại thấy hư không?

Ông hãy xét cho kỹ, nhận rõ xét chín: Đào, thì do tay người, theo phương hướng mà vận chuyển, đất, thì từ nơi đất liền mà dời đi, còn hư không, như vậy, thì nhân đâu mà ra. Đào là thật sự, hư không là rỗng trống, không có tác dụng gì với nhau, không phải hòa, không phải hợp, không lẽ hư không không do đâu mà tự ra. Nếu cái hư không đó, bản tính viên mãn cùng khắp, không có lay động, thì nên biết hiện tiền hư không và bốn thứ địa, thủy, hỏa, phong, đều gọi là năm đại, tính thật viên dung, vốn là tính Như Lai tạng, không sinh, không diệt.

A Nan, tâm ông mê muội, không ngộ được bốn đại vốn là tính Như Lai tạng, ông hãy xét cái hư không là ra, là vào hay không ra, không vào. Ông toàn không biết trong Như Lai tạng, tính giác là chân không, tính không là chân giác, bản nhiên thanh tịnh, cùng khắp Pháp giới, theo tâm chúng sinh, đáp ứng với lượng hay biết. A Nan, như một giếng trống không, thì hư không sinh trong một giếng; hư không thập phương, thì cũng như vậy. Không đại cùng khắp mười phương, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện; thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tính tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

Chi 8. Thu kiến đại.

"A Nan, kiến đại có giác quan mà không phân biệt, nhân các thứ sắc, không mà có. Như hiện nay ông ở trong rừng Kỳ đà, sớm mai thì sáng, ban đêm thì tối, đến lúc nửa đêm, trăng tròn thì sáng, vắng trăng thì tối; những tướng sáng, tối ấy do cái thấy phân tách. Cái thấy đó, lại là đồng một thể với các tướng sáng, tối và cả hư không, hay không đồng một thể. Hoặc cũng đồng, cũng không phải đồng, hoặc cũng khác, cũng không phải khác?

A Nan, nếu cái thấy đó, cùng với sáng, tối và hư không vốn là một thể, thì cái sáng, cái tối tiêu diệt lẫn nhau, khi tối, thì không sáng, khi sáng thì không tối; nếu như cái thấy cùng một thể với cái tối, thì khi sáng, cái thấy phải tiêu mất; nếu cùng một thể với cái sáng, thì khi tối, cái thấy phải diệt rồi, mà đã diệt, thì làm sao còn thấy được sáng, thấy được tối. Còn như sáng và tối khác nhau, còn cái thấy thì không sinh không diệt, thì làm sao lại thành đồng một thể được?

Nếu cái thấy đó không phải đồng một thể với cái tối và cái sáng, thì ngoài cái sáng, cái tối và hư không ra, ông hãy phân tách cái thấy thành hình tướng gì; rời cái sáng, cái tối và hư không, cái thấy đó cũng đồng như lông rùa sừng thỏ; nếu tách hẳn ba thứ sáng, tối và hư không, thì do đâu mà thành lập được cái thấy?

Sáng và tối trái ngược lẫn nhau, làm sao hoặc cũng là đồng; rời ba thứ sáng, tối và hư không, cái thấy vốn không còn gì, làm sao hoặc cũng là khác. Bên hư không, bên cái thấy, vốn không có bờ cõi, làm sao lại không phải đồng; thấy cái tối, thấy cái sáng, tính không dôi dãi, làm sao lại không phải khác?

Ông hãy xét cho kỹ, suy xét chín chắn, nhận cho cùng, xét cho rõ, sáng là do mặt trời, tối là do đêm không trăng, thông suốt thuộc về hư không, ngăn bịt thuộc về đất liền còn cái thấy, như vậy nhân đâu mà ra. Cái thấy có giác quan, hư không thì không hay biết, không phải hòa, không phải hợp; không lẽ cái thấy, không do đâu mà tự phát ra. Còn như tất cả các sự thấy, nghe, hay, biết, bản tính viên mãn cùng khắp, vốn không lay động, thì nên biết kiến đại cùng với hư không không bờ bến, không lay động và bốn món đại: địa, thủy, hỏa, phong, có lay động, đều gọi là sáu đại, tính thật là viên dung, vốn là tính Như Lai tạng, không sinh, không diệt.

A Nan, tính ông chìm đắm, không ngộ được những sự thấy, nghe, hay, biết của ông vốn là tính Như Lai tạng; ông hãy xét những thấy, nghe, hay, biết, đó là sinh hay diệt, là đồng hay là khác, là không phải sinh, không phải diệt, hay không phải đồng, không phải khác. Ông chưa từng biết trong Như Lai tạng, cái thấy nơi tâm tính là cái tính minh của bản giác; cái tính minh của bản giác biểu lộ ra nơi cái thấy, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp Pháp giới, theo tâm chúng sinh đáp ứng với lượng hay biết.

Như nơi nhãn căn, cái thấy cùng khắp Pháp giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết xúc, biết các Pháp, công năng nhiệm màu sáng suốt cũng cùng khắp Pháp giới, đầy đủ thập phương hư không, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tính tự nhiên, đều là những phân biệt so đo của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật.

Chi 9. Thu thức đại.

"A Nan, thức đại không có nguồn gốc, nhân nơi sáu thứ căn, trần giả dối phát ra. Nay ông hãy xem khắp thánh chúng trong Hội này; ông dùng con mắt lướt qua, mắt ông trông khắp, chỉ như bóng trong gương, không phân tách riêng biệt. Cái thức ông, trong ấy theo thứ lớp chỉ ra đây là ông Văn Thù, đây là ông Phú lâu na, đây là ông Mục kiên liên, đây là ông Tu bồ đề, đây là ông Xá lợi phát. Cái thức nhận biết như thế sinh ra do cái thấy, do các tướng, do hư không, hay không nhân gì bỗng nhiên sinh ra?

A Nan, nếu cái thức của ông sinh ra do cái thấy; mà như không có các tướng sáng, tối và sắc, không, thì không còn cái thấy của ông; cái thấy còn không có, do đâu mà phát ra được cái thức? Nếu cái thức của ông sinh ra do các tướng, chứ không do cái thấy, thì đã không thấy sáng, cũng không thấy tối; sáng và tối đã không thấy, thì cũng không có sắc, không; các tướng kia còn không có, thì cái thức do đâu mà phát ra? Nếu cái thức sinh ra do hư không, ngoài các tướng và ngoài cái thấy, thì ngoài cái thấy không có cảm giác, tự nhiên không thể biết được cái sáng, cái tối, các sắc tướng và hư không; ngoài các tướng, thì không có các duyên của tiền trần, sự thấy, nghe, hay, biết, không do đâu mà thành lập được. Ngoài hai thứ căn trần ra, nếu là không, thì cũng đồng như không có, còn nếu là có, thì cũng không đồng như các vật, dầu cho phát ra cái thức của ông, thì đem ra mà phân biệt cái gì?

Nếu cái thức không nhân gì bỗng nhiên mà phát ra, làm sao lại không phân biệt mặt trăng sáng, trong lúc mặt trời đứng bóng?

Ông hãy xét kỹ, nhận xét chín chắn, cái thấy gá vào mắt của ông, các tướng thì trả về cho tiền cảnh, cái gì có thể hình trạng được, thì mới thành có, cái gì không có tướng, thì thành ra không; còn cái thức như vậy, nhân đâu mà ra?

Cái thức thì lay động, cái thấy thì đứng lặng, không phải hòa, không phải hợp, cho đến các sự nghe, ngửi, hay, biết, cũng đều như vậy. Không lẽ cái thức nhận biết không do đâu mà phát ra.

Nếu cái thức đó không do đâu, thì nên biết cái thức đại nhận biết và cái căn đại thấy, nghe, hay, biết, vắng lặng cùng khắp, bản tính không nương vào đâu mà có; hai món đại ấy cùng với hư không, địa, thủy, hỏa, phong, đều gọi là bầy đại, tính thật là viên dung, vốn là tính Như Lai tạng, không sinh, không diệt.

A Nan, tâm ông nông nổi, không ngộ được cái nhận biết các điều thấy nghe, vốn là tính Như Lai tạng. Ông hãy xét sáu cái thức là đồng hay là khác, là không hay là có, là không phải đồng, không phải khác, hay không phải không, không phải có. Ông vốn không biết trong Như Lai tạng, cái thức nơi tâm tính là cái tác dụng nhận biết của tính minh bản giác, và tính minh bản giác thật là chân tính của thức đại; bản giác diệu minh yên lặng cùng khắp Pháp giới, ẩn hiện thập phương hư không, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên, và tính tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chân thật".

ĐOẠN VII GIÁC NGỘ VÀ PHÁT NGUYỆN

Khi bấy giờ, ông A Nan và cả đại chúng nhờ Phật nhiệm màu chỉ bày, thân tâm vắng lặng, không điều ngăn ngại. Cả trong đại chúng đó, mỗi người tự biết tâm tính cùng khắp mười phương, trông mười phương hư không như xem cái vật, cái lá nắm trong bàn tay; tất cả những vật có ra trong thế gian, đều tức là tâm tính Bồ đề nhiệm màu sáng suốt. Tâm tính viên mãn cùng khắp, trùm chứa mười phương, trở lại xem cái thân cha mẹ sinh ra cũng như trong mười phương hư không kia, thổi một vi trần, dầu còn, dầu mất, chẳng khác biển lớn yên lặng, nổi lên một bọt nước, dầu sinh hay diệt, cũng không dính dáng gì. Rõ vậy tự biết nhận được tâm tính bản lai thường trụ không diệt, lễ Phật chấp tay, được cái chưa từng có, ở trước Đức Như Lai, nói bài kệ tán thán Phật:

"Đức Thế Tôn bất động,
Tông trì tính diệu trạm,
Nói Pháp Thủ Lăng Nghiêm.,
Thật hy hữu trong đời,
Khiến chúng tôi tiêu diệt
Vọng tưởng trong ức kiếp,
Không trải qua tăng kỳ
Mà chứng được Pháp thân.
Nguyên nay đã chứng quả
Thành được vị Bảo vương
Lại hóa độ như thế
Cho cả hàng sa chúng.
Dem thâm tâm phụng sự
Cõi nước như vi trần,
Làm được như vậy mới
Gọi là báo ơn Phật.
Cúi xin Đức Thế Tôn
Chứng minh cho chúng tôi,
Thệ nguyện quyết vào trước
Trong ngũ trược ác thế;
Nếu còn một chúng sinh
Chưa thành được Phật đạo,
Quyết không ở nơi đó
Chịu chứng quả Niết Bàn.
Kính thưa Đức Đại Hùng,
Đại Lực, Đại Từ Bi,
Trông mong lại xét trừ
Những điều lâm nhỏ nhiệm,
Cho chúng tôi sớm lên
Đến bậc Vô Thượng Giác,
Nơi thập phương thế giới
Ngồi đạo tràng thuyết Pháp.
Tính hư không bất diệt
Dầu có thể tiêu mất,
Tâm nguyện chắc chắn này,
Quyết không hề lay động."

QUYỀN BỐN

MỤC VII - CHỈ RÕ SỰ TIẾP TỤC GIẢ DỐI SINH RA VÀ CÁC "ĐẠI" KHÔNG NGĂN NGẠI LẤN NHAU.

ĐOẠN I

ÔNG MẶN TỪ KHEN NGỢI PHẬT VÀ TRÌNH BÀY CHỖ NGHỈ.

Khi bấy giờ, ông Phú lâu na di đa la ni tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, đầu gối bên phải chầm đất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn có oai đức lớn, khéo vì chúng sinh diễn bày Đệ nhất nghĩa đế của Như Lai. Đức Thế Tôn thường cho rằng trong những người thuyết Pháp, tôi là bậc nhất, song nay tôi nghe Pháp âm nhiệm mầu của Như Lai, cũng như người điếc, cách xa trăm bước, nghe tiếng muỗi quạt, vốn đã không thấy, hướng nữa lại nghe. Tuy Phật chỉ rõ, khiến cho tôi trừ được lầm lạc, nhưng tôi chưa rõ chỗ rốt ráo, không còn nghi hoặc của nghĩa ấy.

Bạch Thế Tôn, như bọn ông A Nan, tuy được khai ngộ, nhưng chưa trừ hết tập khí hữu lậu, còn bọn chúng tôi là những người đã lên đến bậc vô lậu trong Hội này, thì tuy đã hết các lậu, nhưng nay nghe Pháp âm của Như Lai vừa dạy, còn mắc phải những điều nghi hời.

ĐOẠN II

THIỆT LẬP HAI ĐIỀU NẠN HỎI

"Bạch Thế Tôn, nếu như hết thảy các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới, vân vân... trong thế gian, đều là tính thanh tịnh bản nhiên Như Lai tạng, thì làm sao bỗng nhiên lại sinh ra các tướng hữu vi như núi, sông, đất liền, thứ lớp dời dời, trước sau quanh lộn.

Lại Đức Như Lai nói bốn món đại địa, thủy, hỏa, phong, bản tính viên mãn dung hòa, cùng khắp Pháp giới, vắng lặng thường trụ. Bạch Thế Tôn, nếu tính địa đại cùng khắp, sao lại dung được thủy đại; nếu tính thủy đại cùng khắp thì hỏa đại không thể phát sinh; làm sao lại phát minh hai tính thủy đại và hỏa đại đều cùng khắp hư không, không diệt

lẫn nhau? Bạch Thế Tôn, tính địa đại là ngăn ngại, tính hư không là rộng suốt, làm sao hai đại ấy lại đều cùng khắp Pháp giới. Tôi nay không biết nghĩa ấy do đâu, xin Phật phát lòng đại từ, vén mây mê làm cho tôi và trong đại chúng." Ông Mãn từ nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi Vô Thượng của Đức Như Lai.

ĐOẠN III PHẬT HỨA CHỈ BÀY THẮNG NGHĨA,

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ông Phú lâu na và các vị A la hán lậu tận vô học trong Hội rằng: "Ngày nay Như Lai khắp vì trong Hội này chỉ bày tính chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa, khiến cho ở trong Hội này, những hàng định tính Thanh Văn và hết thảy các bậc A la hán, chưa được hai pháp: Nhân không và Pháp không, phát tâm hướng về thượng thừa, đều được chỗ tu hành chân chính, thiết thực không xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa. Ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói".

Các ông Phú lâu na kính vâng Pháp âm của Phật, lắng lặng vâng nghe.

ĐOẠN IV NẾU BẢN TÍNH ĐỂ CHỈ RÕ CĂN NGUYÊN HƯ VỌNG

Phật dạy: "Ông Phú lâu na, như ông vừa nói: Đã là bản nhiên thanh tịnh, làm sao bỗng nhiên lại sinh ra có núi sông, đất liền. Vậy ông không thường nghe Như Lai chỉ dạy: Tính giác là diệu minh, bản giác là minh diệu, hay sao?"

Ông Phú lâu na bạch: "Thưa Thế Tôn, vâng, tôi thường nghe Phật chỉ dạy nghĩa ấy."

Phật bảo: "Ông bảo cái giác là minh, lại là vì bản tính nó là minh, nên gọi nó là giác, hay là vì giác được cái không minh, mà gọi là minh giác?"

Ông Phú lâu na bạch: "Nếu cái không minh đó mà gọi là giác, thì nó không minh được cái gì."

Phật dạy: "Nếu không có sở minh là không có minh giác, thì có sở không phải là giác, mà không sở, lại không phải là minh; và không

minh, thì lại không phải là giác tính trạm minh. Vậy tính giác chắc là minh, do vọng tưởng mà làm ra có minh giác. Giác không có gì là sở minh, nhân có minh mà lập ra thành sở; đã giả dối lập ra có sở, mới sinh ra cái năng hư vọng của các ông".

ĐOẠN V

CHỈ TƯỞNG NGUYÊN NHÂN CỦA THẾ GIỚI SỰ VẬT, HƯ KHÔNG VÀ CHÚNG SINH

"Trong tính không đồng, không khác, nổi dậy thành ra có khác; khác với cái khác kia, thì nhân cái khác đó, mà lập thành cái đồng. Phát minh cái đồng, cái khác rồi, thì nhân đó, mà lập ra cái không đồng, không khác. Rồi loạn như vậy, đối đãi với nhau sinh ra lao lự; lao lự mãi phát ra trần tướng, tự vẫn đục lẫn nhau; do đó, đưa đến những trần lao phiền não. Nổi lên thì thành thế giới, lặn xuống thì thành hư không; hư không là đồng, thế giới là khác; cái không đồng, không khác kia, thật là Pháp hữu vi.

ĐOẠN VI

CHỈ BA TƯỞNG KẾT QUẢ TIẾP TỤC

"Cái giác là sáng suốt, cái hư không thì không hay biết, hai cái đối đãi với nhau, thành có lay động, cho nên có phong luân nắm giữ thế giới. Nhân cái hư không, mà sinh ra có lay động, phát minh tính cứng, thì thành có ngăn ngại; các loại kim bảo đều do minh giác lập ra tính cứng, cho nên có kim luân nắm giữ cõi nước. Biết cái cứng, thì thành có kim bảo, rõ cái lay động, thì phong đại phát ra; phong đại và kim bảo cọ xát nhau, cho nên có hỏa đại làm tính biến hóa. Ngọn lửa xông lên, kim bảo sinh ra tính ướt, cho nên có thủy luân trùm khắp các cõi mười phương. Lửa bốc lên, nước sa xuống, giao nhau phát hiện, mà lập thành tính cứng; chỗ ướt là bể lớn, chỗ khô là gò nổi; do cái nghĩa ấy, trong bể lớn kia, hơi nóng thường bốc lên; trong gò nổi kia, sông ngòi thường chảy xuống. Thế nước kém thế lửa, thì kết thành núi cao, vậy nên đá núi, đập thì có tia lửa, nấu thì chảy ra nước. Thế đất kém thế nước, rút ra thành cỏ cây, vậy nên rừng rú bị đốt thì thành đất, vắt ra thì có nước. Vọng tưởng giao xen phát sinh, xoay vần làm chùng tử cho nhau; do nhân duyên ấy mà thế giới tiếp tục.

Lại nữa, Phú lâu na, vọng tưởng chẳng phải gì khác, do tính giác minh hóa ra làm lỗi; cái sở minh hư vọng đã lập, thì phạm vi của cái năng minh không vượt khỏi được. Do nhân duyên ấy, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc, sáu cái vọng: Sắc, hương, vị, xúc vân vân..., đã thành lập, thì do đó, chia ra có thấy, nghe, hay, biết.

Đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà hợp, mà ly, mà thành, mà hóa. Cái thấy phát minh, thì các sắc phát ra; nhận rõ nơi sự thấy, thì thành có tư tưởng; rồi ý kiến khác nhau, thì thành ra ghét, tưởng niệm đồng nhau, thì thành ra yêu. Lan cái yêu ra, thành hạt giống, thu nạp tưởng niệm, thành ra cái thai, giao xen phát sinh, hấp dẫn bọn đồng nghiệp, nên có nhân duyên sinh ra yết la lam, át bồ đàm, vân vân... Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh hay hóa sinh là tùy phần sở ưng: Noãn chỉ do tưởng niệm mà sinh, thai thì nhân ái tình mà có, thấp sinh thì cơ cảm mà hợp lại, còn hóa sinh thì phân ly mà ứng hiện.

Khi tình, khi tưởng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau, nên các loài chịu nghiệp báo cũng theo đó mà lên xuống; do nhân duyên ấy, chúng sinh tiếp tục.

Phú lâu na, tư tưởng thương yêu ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời, thì những cha mẹ con cháu trong thế gian sinh nhau không ngớt, hạng này thì lấy dục tham làm gốc. Lòng tham, lòng yêu giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không thôi, thì các loài thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau; bọn này thì lấy sát tham làm gốc. Lấy thân người ăn con dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười loài chúng sinh chết sống, sống chết, ăn nuốt lẫn nhau, nghiệp dữ cùng sinh ra tội đời vị lai, hạng này thì lấy đạo tham làm gốc.

Người này mắc nợ thân mệnh người kia, người kia trả nợ cũ cho người này; do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong đường sống chết. Người này yêu cái tâm người kia, người kia ưa cái sắc người này, do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong vòng ràng buộc. Duy ba món sát, đạo, dâm làm gốc và vì nhân duyên đó, nghiệp quả tiếp tục.

Phú lâu na, ba thứ tiếp tục điên đảo ấy, đều do tính sáng suốt rõ biết của giác minh, nhân rõ biết phát ra có tướng, theo vọng tưởng mà kiến chấp sinh ra, các tướng hữu vi núi sông, đất liền thứ lớp dời đổi, đều nhân cái hư vọng đó, mà xoay vần sau trước".

ĐOẠN VII CHỈ RÕ GIÁC KHÔNG SINH MÊ

Ông Phú lâu na bạch: "Nếu cái diệu giác đó, bản tính là diệu minh, cùng với tâm Như Lai, không thêm không bớt, mà không có gì bỗng nhiên lại sinh ra các tướng hữu vi núi sông, đất liền; vậy Như Lai hiện nay đã chứng được bản giác diệu minh, không có phân biệt, thì đến lúc nào lại sinh ra núi sông, đất liền và các tập lậu hữu vi?"

Phật bảo ông Phú lâu na: "Ví như người mê, nơi một xóm làng, làm phương Nam làm phương Bắc, thì cái mê ấy, lại là nhân mê mà có hay nhân ngộ mà ra?"

Ông Phú lâu na bạch: "Người mê như vậy, cũng không nhân mê, cũng không nhân ngộ. Vì sao? Mê, vốn không có gốc, làm sao lại nhân mê? Còn ngộ, không phải cái sinh ra mê, làm sao lại nhân ngộ?"

Phật dạy: "Người mê kia, chính trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho được ngộ. Phú lâu na, ý ông nghĩ thế nào? Người ấy giải trừ được cái mê đi, thì đối với xóm làng đó, còn có sanh mê nữa không?"

- Thừa Thế Tôn, không.
- Phú lâu na, Như Lai mười phương thì cũng như vậy. Cái mê đó không có gốc, tính nó rất rảo là rỗng không; xưa vốn không mê, chỉ hình như có mê, có giác; giác được cái mê thì cái mê diệt và giác không sinh ra mê. Cũng như người lòa thấy hoa đốm giữa hư không, nếu trừ được bệnh lòa, thì hoa đốm nơi hư không diệt mất. Bỗng có người ngu, ở chỗ hư không mà hoa đốm kia đã diệt rồi, lại mong đợi hoa đốm sinh lại. Ông xét người ấy, là ngu hay là trí tuệ?"

Ông Phú lâu na bạch: "Hư không vốn không có hoa đốm, vì hư vọng mà

thấy có sinh diệt; thấy hoa đốm diệt mất nơi hư không đã là điên đảo rồi; lại còn muốn bảo nó sinh lại, thì thật là điên dại; làm sao còn gọi người điên như vậy, là ngu hay là trí tuệ."

Phật dạy: "Ông hiểu như vậy, làm sao còn hỏi tính giác diệu minh, không có phân biệt của chư Phật Như Lai, lúc nào lại sinh ra núi sông, đất liền.

Lại như quặng vàng lộn với vàng ròng, khi vàng đã luyện thành ròng rồi, thì không xen lộn được nữa; cũng như cây đã đốt ra tro, thì không thành cây được nữa; Bồ đề Niết bàn chư Phật Như Lai thì cũng như vậy.

ĐOẠN VIII CHỈ CÁC ĐẠI CỐ THỂ DUNG NHAU

"Phú lâu na, ông lại hỏi về địa, thủy, hỏa, phong, bản tính viên mãn dung hòa, cùng khắp Pháp giới, nghi sao tính nước, tính lửa lại không lẫn nhau, diệt nhau và nêu ra hư không và địa đại đều cùng khắp Pháp giới, lẽ ra không dung được nhau.

Phú lâu na, ví như hư không, bản thể không phải các tướng, mà không ngăn cản các tướng phát huy. Vì sao? Phú lâu na, nơi hư không kia, mặt trời soi thì sáng, mây kéo thì tối, gió lay động, trời tạnh thì trong, hơi động thì đục, bụi nổi thì mù, nước đứng thì ánh. Ý ông nghĩ thế nào? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy, nhân các cái kia mà sinh, hay nhân hư không mà có. Phú lâu na, nếu như do các cái kia sinh ra, thì khi mặt trời soi, đã là mặt trời sáng, mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao giữa hư không, lại còn thấy mặt trời tròn. Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự soi lấy, làm sao lúc giữa đêm mây mù, lại không sinh ra sáng chói. Vậy nên biết rằng cái sáng đó, không phải mặt trời, không phải hư không và cũng không ra ngoài hư không và mặt trời. Xét cái tướng vốn là vọng, không thể chỉ bày, cũng như muốn hoa đốm hư không kết thành quả hư không, làm sao còn gạn hỏi cái nghĩa lẫn diệt lẫn nhau? Xét cái tính, vốn là chân, chỉ là tính giác diệu minh, tính giác diệu minh, vốn không phải là nước hay là lửa, làm sao còn hỏi về nghĩa không dung được nhau?

Bản tính diệu minh chân thật thì cũng như vậy. Ông phát minh cái hư không, thì có hư không hiện ra; địa, thủy, hỏa, phong, mỗi mỗi phát minh, thì mỗi mỗi hiện ra; nếu cùng phát minh, thì cùng hiện ra.

Thế nào là cùng hiện ra? Phú lâu na, như trong một chỗ có nước, hiện ra bóng mặt trời, hai người đồng xem mặt trời trong nước; rồi một người đi phương Đông, một người đi phương Tây, thì hai bên đều có mặt trời theo mình cùng đi, một cái về phương Đông, một cái về phương Tây, không có chuẩn đích nhất định. Không nên gạn hỏi rằng, mặt trời đó là một, sao lại mỗi cái đi theo mỗi người? Các mặt trời đã thành hai, làm sao trước kia chỉ hiện ra có một? Hư vọng quanh lộn như thế, không thể lấy gì làm bằng cứ.

MỤC VIII - CHỈ TÍNH DIỆU MINH HỢP VỀ NHƯ LAI TẠNG, RỜI CẢ HAI NGHĨA "PHI" (KHÔNG LÀ) VÀ "TỨC" (TỨC LÀ)

ĐOẠN I CHỈ VỀ TRÁI VỚI GIÁC TÍNH, HỢP VỚI TRẦN TƯỚNG

"Phú lâu na, ông đem cái sắc, cái không, mà lẩn cướp lẫn nhau nơi Như Lai tạng, thì Như Lai tạng theo ông làm sắc, làm không, cùng khắp Pháp giới; vậy nên trong ấy, gió thổi thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối: Chúng sinh mê lầm, trái với giác tính, hợp với trần tướng, cho nên phát ra trần lao, có các tướng thế gian."

ĐOẠN II CHỈ TÍNH DIỆU MINH HỢP VỚI NHƯ LAI TẠNG

"Tôi lấy tính diệu minh, không diệt không sinh, hợp với Như Lai tạng, thì Như Lai tạng chỉ là tính giác diệu minh, soi khắp Pháp giới; vậy nên trong ấy, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, đạo tràng bất động cùng khắp thế giới mười phương, thân trùm cả hư không vô tận mười phương, nơi đầu một mảy lông, hiện ra cõi Bảo vương, ngồi trong vi trần, chuyển bánh xe Pháp lớn; diệt trần tướng, hợp giác tính, nên phát ra tính giác chân như nhiệm màu sáng suốt.

ĐOẠN III

CHỈ NHƯ LAI TẠNG LÀ "PHI" TẤT CẢ

"Nhưng Như Lai tạng bản tính diệu viên, không phải là tâm, là không, là địa, là thủy, là phong, là hỏa; không phải là nhãn, là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không phải là sắc, là thanh, hương, vị, xúc, Pháp; không phải là nhãn thức giới, cho đến không phải là ý thức giới; không phải là minh, là vô minh, là hết minh, là hết vô minh, cho đến không phải là lão, là tử, là hết lão tử; không phải là khổ, là tập, là diệt, là đạo; không phải là trí, là đắc; không phải là bố thí, là trì giới, là tinh tiến, là nhẫn nhục, là thiền định, là trí tuệ, là Ba la mật đa, cho đến cũng không phải là Như Lai, là Ứng cúng, là Chính biến tri; không phải là Đại niết bàn, là đức Thường, ức Lạc, đức Ngã, đức Tịnh, vì cái đó, đều không là các Pháp thế gian và xuất thế gian vậy."

ĐOẠN IV

CHỈ NHƯ LAI TẠNG "TỨC" LÀ TẤT CẢ

"Tức cái bản tính minh diệu Như Lai tạng, cũng tức là tâm, là không, là địa, là thủy, là phong, là hỏa; tức là nhãn, là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; tức là sắc, là thanh, hương, vị, xúc, Pháp; tức là nhãn thức giới, cho đến là ý thức giới; tức là minh, là vô minh, là hết minh, là hết vô minh, cho đến tức là lão, là tử, là hết lão tử; tức là khổ, là tập, là diệt, là đạo; tức là trí, là đắc; tức là bố thí, là trì giới, là tinh tiến, là nhẫn nhục, là thiền định, là trí tuệ, là Ba la mật đa, cho đến tức là Như Lai, là Ứng cúng, là Chính biến tri; tức là Đại niết bàn, là đức Thường, đức Lạc, đức Ngã, đức Tịnh; do cái đó, tức là các Pháp thế gian và xuất thế gian vậy."

ĐOẠN V
CHỈ RA NGOÀI CÁC NGHĨA "PHI" VÀ "TỨC"
VÀ PHẢI NHỜ ĐẾN NGÓN TAY HAY.

"Tức cái tính giác diệu minh Như Lai tạng, rời cả các nghĩa "tức", "phi" và cũng là "tức", là "phi"; làm sao chúng sinh ba cõi thế gian và các hàng Thanh văn, Duyên giác xuất thế gian, lấy cái tâm hay biết sự vật, mà đo lường được Vô Thượng Bồ đề của Như Lai, dùng tiếng nói thế gian, mà vào được tri kiến của Phật. Ví như, những cây đàn cầm, sắt, không hầu, tỳ bà, tuy có tiếng hay, nhưng nếu không có ngón tay hay, thì rút cuộc cũng không phát ra được. Ông cùng chúng sinh thì cũng như vậy. Tâm tính chân thật, mỗi người đều đầy đủ, nhưng khi tôi ấn ngón tay, thì hải ấn phát ra hào quang, còn các ông tạm móng tâm lên, thì trần lao đã nổi, do vì không siêng năng cầu đạo Vô Thượng Giác, ưa nhớ tiểu thừa, được một ít đã cho là đủ".

MỤC IX - CHỈ MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NHÂN,
HẾT MÊ TỨC LÀ BỒ ĐỀ.

ĐOẠN I
NGHI GIÁC TÍNH VÌ NHÂN GÌ MÀ CÓ VỌNG

Ông Phú lâu na bạch: "Chân tâm viên giác diệu minh của tôi và của Như lai, đều viên mãn không hai, mà tôi, trước kia mắc vọng tưởng vô thủy, ở lâu trong luân hồi, nay được Thánh thừa, còn chưa rốt ráo; Thế Tôn, thì khắp tất cả các vọng đều diệt trọn, chỉ có diệu dụng tính chân thường. Xin hỏi Đức Như Lai, hết thấy chúng sinh, vì nhân gì mà có vọng, tự che tính diệu minh, mà chịu chìm đắm như vậy?"

ĐOẠN II

CHỈ MÊ VỐN KHÔNG NHÂN

Phật bảo ông Phú lâu na: "Ông tuy trừ được lòng nghi, nhưng còn những điều làm chưa dứt hết. Nay tôi lại đem những việc hiện tiền thế gian mà hỏi ông. Há ông không nghe trong thành Thất la phiệt, có anh Diễn nhã đạt đa, buổi mai lấy gương soi mặt, bỗng nhiên ưa cái đầu trong gương, lông mày, con mắt có thể thấy được, rồi giận trách cái đầu mình, sao lại không thấy mặt mày, cho là giống yêu quái, rồi không có gì phát điên bỏ chạy. Ý ông nghĩ thế nào, người đó vì nguyên nhân gì, vô có phát điên bỏ chạy?"

Ông Phú lâu na bạch: "Tâm người ấy điên, chứ không có có gì khác."

Phật dạy: "Tính diệu giác viên mãn sáng suốt, bản lai là diệu minh cùng khắp; đã gọi là vọng, thì làm sao có nhân, nếu có nguyên nhân, thì sao gọi là vọng? Chỉ tự các vọng tưởng xoay vần làm nguyên nhân cho nhau, theo cái mê, chứa cái mê, trải qua kiếp số như vi trần; tuy Phật phát minh, còn không biết trở về. Nguyên nhân cái mê như vậy, là nhân mê tự có, biết cái mê không có nhân, thì cái vọng không chỗ nương tựa, còn không có sinh, thì muốn đem cái gì mà làm cái diệt. Người được đạo Bồ đề như người tỉnh giấc kể chuyện trong chiêm bao; tâm dầu rõ ràng, nhưng không thể có nhân duyên gì lấy được những vật trong chiêm bao; huống nữa, cái mê lại không có nhân, vốn không có gì cả. Như anh Diễn nhã đạt đa trong thành kia, đâu có nhân duyên, mà tự sợ đầu mình bỏ chạy, bỗng nhiên hết điên, thì cái đầu đâu phải từ ngoài đưa tới; dầu chưa hết điên, cái đầu cũng không hề mất. Phú lâu na, tính của cái vọng là như vậy, làm sao còn có nguyên nhân được."

ĐOẠN III

CHỈ DỨT CÁC DUYÊN THÌ HẾT ĐIÊN VÀ GIÁC TÍNH VỐN CÙNG KHẮP

"Ông chỉ không theo phân biệt ba thứ tiếp tục nơi thế gian, nghiệp quả, chúng sinh", thì ba duyên đã đoạn rồi, ba nhân không sinh ra nữa, và tính điên của anh Diễn nhã đạt đa trong tâm ông tự hết. Hết, tức là tâm tính Bồ đề trong sạch sáng suốt, bản lai cùng khắp Pháp giới, không do ai đưa lại, nào cần gì phải tu chứng nhọc nhằn vất vả.

Ví như có người, ở nơi áo mình, buộc một hạt châu như ý, mà không hay biết, nên phải xin ăn rong ruổi phương xa, nghèo nàn rách rưới; tuy người ấy thật nghèo nàn, nhưng hạt châu không hề bị mất; bỗng nhiên có người khôn, chỉ hạt châu ra cho, thì người ấy muốn gì được nấy, thành giàu có lớn, rồi mới ngộ được hạt châu quý hóa ấy, không phải do ở ngoài đưa tới".

MỤC X - LẠI PHÁ XÍCH NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN VÀ TRÁCH CHỈ BIẾT NGHE NHIỀU

ĐOẠN I

PHÁT NGHI MÀ HỎI

Khi bấy giờ ông A Nan, ở trong đại chúng, đảnh lễ chân Phật, đứng dậy bạch Phật: "Đức Thế Tôn hiện nói về các nghiệp sát, đạo, dâm. Về ba duyên đoạn rồi, thì ba nhân không sinh và tính điên anh Diễn nhã đạt đa trong tâm tự hết; hết, tức là Bồ đề, không do người khác đưa tới; như thế, rõ ràng là nhân duyên rồi, làm sao Đức Như Lai lại bỏ nghĩa nhân duyên? Chính tôi, do nhân duyên, mà tâm được khai ngộ.

Bạch Thế Tôn, nghĩa ấy đâu chỉ đối với hàng Thanh văn hữu học, ít tuổi như chúng tôi, mà hiện nay, trong Hội này, ông Đại mục kiên liên, ông Xá lợi phát, ông Tu bồ đề, vân vân ... cũng từ ông Lão Phạm Chí nghe lý nhân duyên của Phật, mà phát tâm khai ngộ, được thành quả vô lậu. Nay Phật dạy rằng Bồ đề không do nhân duyên, thì các thuyết tự nhiên của bọn Câu xá ly, thành Vương xá, lại thành đệ nhất nghĩa. Xin Phật rủ lòng đại bi, khai phá chỗ mê lầm cho chúng tôi".

ĐOẠN II GẶN CÙNG CHỖ NGHĨ

Phật bảo ông A Nan: "Tức như anh Diễn nhả đọt đa trong thành, nếu diệt trừ được nhân duyên tính điên, thì tính không điên tự nhiên hiện ra; các lý nhân duyên, tự nhiên, cuối cùng chỉ như vậy."

ĐOẠN III LẤY VÍ DỤ CÁI ĐẦU KHÔNG MẮT ĐỂ CHỈ CÁI ĐIÊN LÀ HƯ VỌNG

"A Nan, như cái đầu anh Diễn nhả đọt đa vốn là tự nhiên, nó đã tự nhiên như thế, thì có lúc nào lại không tự nhiên, vậy vì nhân duyên gì, mà sợ cái đầu, phát điên bỏ chạy? Nếu cái đầu tự nhiên, vì nhân duyên mà điên, thì sao không tự nhiên, vì nhân duyên mà mất đi? Cái đầu vốn không mất, điên sợ giả dối phát ra, chứ nào có thay đổi gì mà phải nhờ đến nhân duyên. Nếu tính điên vốn là tự nhiên và vốn có sẵn tính điên sợ, thì khi chưa điên, cái điên núp vào chỗ nào? Nếu tính không điên là tự nhiên, thì cái đầu vẫn không việc gì, sao lại phát điên bỏ chạy? Nếu ngộ được cái đầu sẵn có, biết mình vì phát điên mà bỏ chạy, thì nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận."

ĐOẠN IV PHÁ XÍCH NHÂN DUYÊN VÀ TỰ NHIÊN, DẪN VÀO BỒ ĐỀ

"Vậy nên tôi nói: Ba duyên đoạn trừ rồi, tức là tâm Bồ đề. Tâm Bồ đề sinh, tâm sinh diệt diệt, đó chỉ là sinh diệt. Diệt và sinh đều hết, thì gọi là vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như vậy là phát minh tâm tự nhiên sinh, tâm sinh diệt diệt, thế cũng là sinh diệt và lấy cái không sinh diệt, gọi là tự nhiên. Cũng như, trong thế gian các tướng hòa lẫn thành ra một thể, gọi là tính hòa hợp; cái không phải hòa hợp, thì gọi là tính bản nhiên. Bản nhiên không phải bản nhiên, hòa hợp không phải hòa hợp, hòa hợp và bản nhiên đều rời bỏ, rời bỏ và không rời bỏ đều "phi", câu nói này, mới gọi là Pháp không hý luận."

"Bồ đề Niết bàn còn ở xa xôi, nếu ông không trải qua nhiều kiếp siêng năng tu chứng, thì tuy ghi nhớ diệu lý thanh tịnh mười hai bộ kinh của thập phương Như Lai, như cát sông Hằng, cũng chỉ càng thêm hý luận."

Ông tuy nói lý nhân duyên, tự nhiên chắc chắn rõ ràng, người đời gọi ông là đa văn bậc nhất. Với cái huân tập đa văn nhiều kiếp đó, ông không thoát khỏi được nạn Ma đăng già, phải đợi thần chú Phật đỉnh của tôi, làm cho lửa dâm trong tâm nàng Ma đăng già hết đi và nàng được quả A na hàm, ở trong Phật Pháp thành rừng tinh tiến, sông ái khô cạn, mới khiến cho ông được giải thoát. Vậy nên ông A Nan, tuy ông nhiều kiếp ghi nhớ những Pháp bí mật diệu nghiêm của Như Lai, cũng không bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa rời hai khổ ưa ghét thế gian. Như nàng Ma đăng già, trước kia là dâm nữ, do sức thần chú, tiêu diệt lòng ưa muốn, nay ở trong Phật Pháp, gọi tên là Tính tử khu ni, cùng với mẹ La hầu la là Gia du đà la, đồng ngộ nhân trước, biết đã trải qua nhiều đời, nhân vì tham ái mà khổ, một niệm huân tu Pháp vô lậu thiện, thì người đã ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ ký, làm sao, ông còn tự dối mình, mắc mứu mãi trong vòng nghe thấy".

MỤC XI - CHỈ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

ĐOẠN I

THUẬT LẠI CHỖ NGỘ, THỈNH CẦU PHÉP TU HÀNH

Ông A Nan và cả đại chúng nghe lời Phật dạy, tiêu hết nghi hoặc, ngộ được thật tướng, thân và ý đều yên lành, được Pháp chưa từng có. Rồi lại thương khóc, đỉnh lễ chân Phật, quỳ dài chấp tay mà bạch Phật rằng: "Đức Vô Thượng Đại Bi Thanh Tịnh Bảo Vương, khéo khai ngộ cho tâm chúng tôi, dùng các nhân duyên như thế, phương tiện dắt dìu những kẻ chìm đắm ra khỏi bể khổ. Bạch Thế Tôn, nay tôi tuy được vâng nghe Pháp âm như vậy, nhận biết tâm tính diệu minh Như Lai tạc cùng khắp thế giới mười phương, trùm chứa các cõi Phật bảo nghiêm thanh tịnh trong thập phương quốc độ; Như Lai lại trách tôi nghe nhiều mà vô dụng, không kịp thời tu tập. Nay tôi, giống như người lên đênh xiêu bạt, bỗng nhiên gặp vị Thiên vương cho cái nhà tốt; tuy được nhà lớn, nhưng cốt yếu phải biết cửa mà vào; xin nguyện Đức Như Lai không ngót lòng đại bi, chỉ bày cho những kẻ mờ tối trong Hội này, rời bỏ Pháp Tiểu thừa và đều nhận được con đường phát tâm tu tập đi đến Vô Du Niết Bàn của Như Lai, khiến cho những hàng hữu học biết cách uốn dẹp tâm phan duyên lâu đời, được Pháp tổng trì, chúng nhập tri kiến của Phật". Ông A Nan nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ở trong Hội một lòng, mong đợi từ chỉ của Phật.

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn thương xót các hàng Thanh văn, Duyên giác trong Hội, chưa được tự tại nơi tâm Bồ đề, và những chúng sinh phát Bồ đề tâm trong đời Mạt Pháp về sau, khi Phật đã diệt độ rồi, khai thị cho đường tu hành nhiệm mầu Pháp Vô Thượng thừa, và chỉ dạy ông A Nan với cả đại chúng rằng: "Các ông quyết định phát tâm Bồ đề, đối với Pháp Tam ma đề chư Phật Như Lai, không sinh mệt mỏi, thì trước hết, nên rõ hai nghĩa quyết định, trong lúc bắt đầu phát tâm tự giác."

ĐOẠN II

XÉT VỀ PHÁT TÂM TRONG LÚC TU NHÂN

Chi 1. Dùng hư không để ví với chính nhân và chia ra bên trong, bên đục.

"Thế nào là hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm. A Nan, nghĩa thứ nhất là: Nếu các ông muốn rời bỏ pháp Thanh văn, tu thừa Bồ tát, vào tri kiến của Phật, thì nên xét kỹ chỗ phát tâm trong lúc tu nhân với chỗ giác ngộ trong lúc chứng quả, là đồng hay là khác nhau. A Nan, nếu trong lúc tu nhân, đem cái tâm sinh diệt làm cái nhân tu hành, đề cầu cho được cái quả bất sinh bất diệt của Phật thừa, thì thật không thể được. Do cái nghĩa đó, ông nên xét các Pháp, có thể làm ra trong khí thể gian, đều phải thay đổi diệt mất.

A Nan, ông xét các Pháp, có thể làm ra trong thể gian, có cái gì là không hư nát, nhưng không bao giờ nghe hư không tan rã, vì sao? Vì hư không không phải là cái bị làm ra, do đó, trước sau không hề tan mất. Thì trong thân ông, tướng cứng là địa đại, thấm ướt là thủy đại, hơi ấm là hỏa đại, lay động là phong đại; do bốn cái ấy ràng buộc, mà chia cái tâm tính diệu minh vắng lặng, cùng khắp của ông, làm ra cái thấy, cái nghe, cái biết, cái xét, từ đầu đến cuối, tạo thành năm lớp ô trược.

"Thế nào là trược? A Nan, ví như nước trong, bản nhiên là trong sạch, lại như những thứ bụi, đất, tro, cát, bản chất là ngăn ngại; hai bên bản nhiên thể chất khác nhau, không hợp nhau được. Có người thể gian lấy đất bụi kia, ném vào nước sạch, thì đất mất ngăn ngại, nước mất trong sạch, hình trạng đục vẩn, gọi đó là trược; năm lớp ô trược của ông cũng giống như vậy.

Chi 2. Khai thị về ngũ trực.

A Nan, ông thấy hư không khắp thập phương thế giới. Bên không, bên thấy, không tách rời nhau; có cái không mà không thật thể, có cái thấy mà không hay biết, hai bên xen lộn giả dối thành ra lớp thứ nhất, gọi là kiếp trực.

Thân ông hiện ôm bốn món đại làm tự thể, che bít những sự thấy, nghe, hay, biết, thành bị ngăn ngại và trở lại làm cho các thứ địa, thủy, hỏa, phong, thành có hay biết; các điều đó xen lộn giả dối thành ra lớp thứ hai, gọi là kiến trực.

Lại trong tâm ông, những sự nhớ biết học tập, phát ra tri kiến, hiện ra tướng sáu trần, thì những sự đó, rời tiền trần không có tướng, rời tri giác không có tính, xen lộn giả dối thành ra lớp thứ ba, gọi là phiền não trực.

Lại tâm ông ngày đêm sinh diệt không ngừng, tri kiến thì muốn lưu mãi ở thế gian, nhưng nghiệp báo xoay vần thì lại thường đời đời cõi này cõi khác, những điều đó xen lộn giả dối thành ra lớp thứ tư, gọi là chúng sinh trực.

Cái thấy, cái nghe của ông, bản tính vốn không khác nhau, do các trần cách trở, mà không duyên có gì, lại sinh ra khác nhau; trong tính thì vẫn biết nhau, nhưng trong dụng thì trái ngược nhau, cái đồng và cái khác đã mất hẳn chuẩn đích, xen lộn giả dối thành ra lớp thứ năm, gọi là mệnh trực.

Chi 3. Kết thành cái tâm tu nhân

A Nan, nay ông muốn cho cái sự thấy, nghe, hay, biết, xa xa hợp với bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai, thì trước hết, phải lựa bỏ cội gốc sống chết, nương theo cái không sinh diệt mà thành tựu tính yên lặng cùng khắp.

Dùng cái yên lặng mà xoay các thứ sinh diệt hư vọng trở về nơi bản giác, được tính không sinh diệt của bản giác làm cái tâm tu nhân, thì về sau mới viên thành chỗ tu chứng của quả vị. Như lắng nước đục đọng

trong một cái đồ để yên, để yên mãi không lay động, thì đất cát tự chìm xuống và nước trong hiện ra, thế gọi là bắt đầu uốn dẹp các khách trần phiền não; gạn bùn hết sạch, chỉ còn nước trong, thì gọi là dứt hẳn căn bản vô minh; tướng sáng suốt đã tinh thuần, thì tất cả các điều biến hiện đều không gây ra phiền não và hợp với đức màu thanh tịnh của Niết bàn.

ĐOẠN III XÉT RÕ CỘI GỐC PHIỀN NÃO

Chi 1. Xét chỗ điên đảo nơi căn và trần

Nghĩa thứ hai là các ông quyết muốn phát tâm Bồ đề, nơi thừa Bồ tát, sinh lòng đại dũng mãnh, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi, thì nên xét rõ cội gốc phiền não, những cái vô minh phát nghiệp và nhuận sinh vô thủy đó, là ai làm, ai chịu?

A Nan, ông tu đạo Bồ đề, nếu không suy xét cội gốc phiền não, thì không thể biết những căn trần phiền não, thì không thể biết những căn trần hư vọng, nó điên đảo ở chỗ nào; chỗ điên đảo còn không biết, thì làm sao uốn dẹp được nó và chứng được quả vị Như Lai.

A Nan, ông hãy xem người thế gian cởi nút, hề không thấy chỗ thắt nút, thì không biết cởi, chứ không hề nghe hư không bị phá tan; vì sao? Vì hư không không có hình tướng, không thắt, không cởi vậy. Thì như ông hiện nay, sáu thứ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý làm mai mối cho giấc, tự cướp của báu trong nhà; do đó, từ vô thủy, thế giới chúng sinh sinh ra ràng buộc, không thể vượt khỏi thế gian sự vật.

Chi 2. Chỉ rõ sự ràng buộc và siêu thoát của thế giới chúng sinh.

A Nan, thế nào gọi là thế giới chúng sinh? Thế là đời đời, giới là phương hướng. Nay ông nên biết những phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên, phương dưới là giới. Còn quá khứ, vị lai, hiện tại là thế. Phương hướng có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba, hết thấy chúng sinh dệt cái vọng mà thành như vậy; nơi sự đời đời trong thân, thế và giới gắn bó với nhau. Nhưng cái tính của giới đó, tuy là mười phương, song có chỗ nhất định có thể chỉ rõ, thì thế gian chỉ nhận phương Đông, phương Tây, phương Nam,

phương Bắc; phía trên, phía dưới, thì không có vị trí rõ ràng; ở giữa cũng không có chỗ nhất định. Số bốn đã rõ rồi, nhân với số thế, thì ba lần bốn, bốn lần ba, xoay vẫn là số mười hai, nhân luôn ba lớp, một chục thành trăm, thành nghìn, thì tổng quát trước sau, ở trong sáu căn, mỗi mỗi có thể có đến một nghìn hai trăm công năng.

A Nan, trong sáu căn đó, ông lại xét định chỗ hơn, chỗ kém. Như nhãn căn xem thấy, phía sau thì tối, phía trước thì sáng, phương trước toàn sáng, phương sau toàn tối, kể cả ngó qua bên phải bên trái, thì ba phần chỉ thấy được hai; tóm lại công năng của nhãn căn không toàn vẹn, trong ba phần công năng thì một phần không có; vậy nên biết nhãn căn chỉ có tám trăm công năng.

Như nhĩ căn nghe khắp, mười phương không sót, động thì giống như có xa có gần, tĩnh thì không có bờ bến; vậy nên biết nhĩ căn đầy đủ một nghìn hai trăm công năng.

Như tỷ căn ngửi biết cả lúc thở ra, thở vào; chỉ có trong lúc thở ra, thở vào mà còn thiếu trong lúc hơi thở giao tiếp; xét nơi tỷ căn, ba phần còn thiếu một; vậy nên biết tỷ căn chỉ có tám trăm công năng.

Như thiệt căn phô bày cùng tốt trí thế gian và xuất thế gian; lời nói có chừng hạn, nhưng lý thì vô cùng vô tận; vậy nên biết thiệt căn đầy đủ một nghìn hai trăm công năng.

Như thân căn biết xúc trần, biết các cảm xúc trái và thuận; khi hợp lại thì biết, khi rời ra thì không biết, rời chỉ có một, hợp thì có hai; xét nơi thân căn, ba phần còn thiếu một; vậy nên biết thân căn chỉ có tám trăm công năng.

Như ý căn thâm lắng dung nạp tất cả các Pháp thế gian, xuất thế gian trong mười phương ba đời; dù Thánh hay Phàm, không Pháp nào không bao dung cùng tốt bờ bến; vậy nên biết ý căn đầy đủ một nghìn hai trăm công năng.

A Nan, nay ông muốn ngược dòng sinh tử, xoay về tốt gốc lưu chuyển, đến chỗ không sinh diệt, thì nên xét trong sáu căn hiện đương thọ dụng, cái gì là hợp, cái gì là ly, cái gì là sâu, cái gì là nông, cái gì là viên thông,

cái gì là không viên mãn. Nếu ngộ được căn tính viên thông nơi đó, ngược lại dòng nghiệp dật vọng vô thủy kia và theo được tính viên thông, thì đối với sự tu hành nơi cái căn không viên thông, hiệu quả xấp bội, một ngày bằng một kiếp. Tôi nay đã chỉ rõ sáu căn viên minh, vốn có những số lượng công năng như thế; tùy ông lựa chọn nơi căn nào, có thể nhập đạo được, thì tôi sẽ phát minh, để cho ông được tăng tiến trên đường tu hành. Thập phương Như Lai, nơi mười tám giới, mỗi giới đều tu hành được viên mãn vô thượng Bồ đề; trong các giới đó, cũng không có gì là hơn, là kém. Chỉ vì ông căn cơ thấp kém, chưa thể viên mãn trí tuệ, tự tại trong ấy được, nên tôi bảo ông chỉ đi sâu vào một căn, đi sâu đến chỗ không còn vọng tưởng, thì cả sáu căn kia một thời đều thanh tịnh".

Chi 3. Chỉ rõ chỗ hư vọng của sáu căn

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, làm sao ngược dòng hư vọng, đi sâu vào một căn, lại có thể khiến cho sáu căn một thời đều thanh tịnh?"

Phật bảo ông A Nan: "Ông nay đã được quả Tu đà hoàn, đã diệt được kiến hoặc của ba cõi thế gian chúng sinh, song còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy; các tập khí kia, phải nhân tu đạo rồi mới đoạn được, huống chi, trong đó còn có rất nhiều phân loại, số mục sinh trụ dị diệt.

Nay ông hãy xét sáu căn hiện tiền là một, hay là sáu. A Nan, nếu nói là một, thì lỗ tai sao không thấy, con mắt sao không nghe, đầu sao không đi, chân sao không nói; còn nếu sáu căn đó quyết định là sáu, thì như trong Hội này, tôi chỉ dạy Pháp môn nhiệm mầu cho ông, trong sáu căn của ông, cái gì linh thọ?"

Ông A Nan bạch: "Tôi dùng lỗ tai nghe".

Phật dạy: "Lỗ tai ông tự nghe, nào dính gì đến thân với miệng, mà miệng ông thì hỏi nghĩa, thân ông thì đứng dậy kính vâng. Vậy nên biết rằng chẳng phải một, mà cuối cùng thành sáu, chẳng phải sáu, mà cuối cùng thành một, rốt cuộc cái căn của ông, vốn không phải là một, hay là sáu. A Nan, ông nên biết cái căn ấy không phải một, không phải sáu; do từ

vô thủy đả chấp trái ngược, nên nơi tính viên trạm, sinh ra có cái một, cái sáu. Nay ông được quả Tu đà hoàn, tuy đã tiêu được cái sáu, nhưng còn chưa quên cái một.

Như cái hư không, tham hợp với các khí mẫn; do hình trạng khí mẫn khác nhau, mà gọi là hư không khác nhau, đến khi trừ bỏ khí mẫn mà xem cái hư không, thì nói hư không là một; chứ cái hư không kia, làm sao lại vì ông mà thành đồng hay không đồng, huống nữa, lại gọi là một hay không phải một.

Sáu căn hay biết của ông thì cũng như vậy.

Do hai thứ sáng và tối, tỏ bày lẫn nhau, nơi tính diệu viên, làm dính tính yên lặng, phát ra cái thấy; cái thấy ánh ra thành sắc, kết cái sắc lại thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể con mắt như quả bồ đào; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo sắc.

Do hai thứ động và tĩnh, đối chọi lẫn nhau, nơi tính diệu viên, làm dính tính yên lặng, phát ra cái nghe; cái nghe ánh ra thành tiếng, cuốn cái tiếng lại thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái tai như lá mới cuốn; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo tiếng.

Do hai thứ thông và bịt, phát hiện lẫn nhau, nơi tính diệu viên, làm dính tính yên lặng, phát ra cái ngửi; cái ngửi ánh ra thành hương, thu nạp cái hương thành căn, gốc căn, thì gọi đó là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái mũi như hai móng tay rủ xuống; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo hương.

Do hai thứ nhạt và có vị, tham chước lẫn nhau, nơi tính diệu viên, làm dính tính yên lặng, phát ra cái nếm; cái nếm ánh ra thành vị, thưởng thức cái vị thành, thưởng thức cái vị thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái lưỡi như mặt trăng mới khuyết; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo vị.

Do hai thứ ly và hợp, so sánh lẫn nhau, nơi tính diệu viên, làm dính tính yên lặng, phát ra cái biết xúc; cái biết xúc ánh ra thành xúc, ôm nắm cái

xúc thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái thân như dáng trống cơm, bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo xúc.

Do hai thứ sinh và diệt, tiếp tục lẫn nhau, nơi tính diệu viên, làm dính tính yên lặng, phát ra cái biết; cái biết ánh ra thành các Pháp, tóm thu các Pháp thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ đại thanh tịnh, nhân gọi cái ý như cái thấy trong phòng tối; bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo Pháp".

Chi 4. Chỉ ra hư vọng không thật. Phát minh chân tính thì viên thoát.

"A Nan, sáu căn như vậy do tính giác minh kia chuyển thành minh giác, mắt tính sáng suốt, dính với cái vọng mà phát ra hay biết. Vậy nên ông nay rời sáng rời tối, thì không có cái thấy, rời động rời tĩnh, thì không có cái nghe, không thông không bịt, thì cái ngữi không sinh, không vị không nhạt, thì cái nếm không phát ra, không ly không hợp, thì cái biết xúc vốn không, không diệt không sinh, thì cái rõ biết không gá vào đâu.

Ông chỉ đi theo những động tĩnh, hợp ly, không vị có vị, thông bịt, sáng tối, sinh diệt, cả mười hai tướng hữu vi đó, đi đến rút được một căn ra khỏi cái dính, phục vào bên trong, phục trở về tính bản chân, phát ra tính sáng suốt bản lai; tính sáng suốt đó đã phát minh, thì năm chỗ dính khác cũng liền đó được giải thoát.

Không do tiền trần mà khởi ra tri kiến thì cái sáng suốt không đi theo căn, chỉ gửi nơi căn mà phát ra; nhân đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.

A Nan, há ông không biết ở trong Hội này, ông A na luật đà không có mắt mà thấy, rồng Bạt nan đà không có tai mà nghe, thần nữ Căng già không có mũi mà nghe hương, ông Kiều phạm bát đề lưỡi khác mà biết vị, thần Thuần nhã đà không có thân mà biết xúc, do hào quang Như Lai ánh ra, làm cho ông ấy tạm thời hiện ra có thân, chứ bản chất của ông là gió, thì thân thể vốn không có; các vị Thanh văn được tịch diệt trong diệt tận định, như ông Ma ha ca diếp trong Hội này, đã diệt ý căn lâu rồi mà vẫn rõ biết cùng khắp, không nhân tâm niệm.

A Nan, nếu các căn của ông đều được giải thoát trọn đủ, thì cái sáng suốt trong tâm tính phát ra; như thế, thì các phù trần và các tướng biến hoá trong thế gian sự vật đều tiêu mất, như giá gặp nước sôi, ngay đó, liền hóa thành Vô Thượng tri giác.

A Nan, như người thế gian kia, nhóm cái thấy nơi con mắt; nếu bảo nhắm kín, thì tướng tối hiện ra, cả sáu căn đều tối, đầu và chân giống nhau. Người kia lấy tay sờ quanh ngoài thân thể, thì tuy không thấy, nhưng một phen nhận được đầu và chân rồi, thì cái hay biết vẫn đồng như trước kia.

Duyên vì cái thấy nhân nơi sáng, nên khi tối thành ra không thấy, chứ không có sáng mà tự phát ra cái thấy, thì các thứ tối hẳn không thể làm mờ được. Căn và trần đã tiêu rồi, làm sao tính giác minh lại không thành nhiệm màu cùng khắp".

MỤC XII - ĐÁNH CHUÔNG THẬT NGHIỆM TÍNH THƯỜNG

ĐOẠN I NGHI CĂN TÍNH KHÔNG CÓ TỰ THỂ

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy, chỗ phát tâm cầu được thường trụ trong lúc tu nhân, cốt yếu cần phải cân xứng với những đức tính trong lúc chứng quả. Bạch Thế Tôn, như trong quả vị, nào là Bồ đề, Niết bàn, Chân như, Phật tính, Am ma la thức, Không Như Lai tạng, Đại viên kính trí; bảy thứ danh hiệu tuy có khác nhau, nhưng thể tính đều thanh tịnh viên mãn, vững chắc như Kim cương vương, thường trụ, không hư nát.

Nếu cái thấy nghe, ngoài những tướng sáng tối, động tĩnh, thông bị, rốt ráo không có tự thể cũng như cái tâm niệm, rời tiền trần ra, vốn không có gì, thì làm sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt ấy làm cái nhân tu hành, để được bảy quả thường trụ của Như Lai.

Bạch Thế Tôn, nếu rời sáng tối, thì cái thấy rốt ráo là không; nếu không có tiền trần, thì tự tính tâm niệm diệt mất, lui tới vẩn xoay, suy xét chín chắn, vốn không có tâm tôi và tâm sở của tôi; vậy đem cái gì làm nhân, để cầu được Vô Thượng Giác. Đức Như Lai trước kia nói cái tính hay

biết yên lặng là viên mãn thường trụ, nhưng đã trái với lẽ thường, thì rốt cuộc chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói Như Lai là chân thật. Xin Phật rủ lòng đại từ, mở chỗ mê chấp cho tôi".

ĐOẠN II

CHỈ RA TÍNH NGHE LÀ THƯỜNG TRỤ

Phật bảo ông A Nan rằng: "Ông học về mặt nghe nhiều, chưa hết các điều lậu lạc, trong tâm chỉ biết suông cái nhân điên đảo mà cái điên đảo hiện thật trước đó thì chưa biết được, e ông thành thật còn chưa tin phục. Nay tôi thử đem những việc trần tục để thử cái nghi của ông." Khi bấy giờ, Đức Như Lai bảo ông La hầu la đánh một tiếng chuông, rồi hỏi ông A Nan rằng: "Nay ông có nghe chăng?"

Ông A Nan và đại chúng đều nói: "Có nghe".

Chuông hết kêu, không tiếng,

Phật lại hỏi rằng: "Nay ông có nghe chăng?"

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: "Không nghe".

Khi đó, ông La hầu la lại đánh một tiếng,

Phật lại hỏi rằng: "Nay ông có nghe chăng?"

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: "Có nghe".

Phật hỏi ông A Nan: "Thế nào, thì ông có nghe, còn thế nào, thì ông không nghe?"

Ông A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông nếu đánh lên, thì chúng tôi được nghe; đánh lâu tiếng hết, tầm vang đều không còn, thì gọi là không nghe."

Như Lai lại bảo ông La hầu la đánh chuông, rồi hỏi ông A Nan rằng: "Theo ông, nay có tiếng không?"

Ông A Nan và đại chúng đều nói: "Có tiếng".

Ít lâu tiếng dứt, Phật lại hỏi rằng: "Theo ông, nay có tiếng không?"

Ông A Nan và đại chúng đều đáp: "Không tiếng."

Lát sau, ông La hâu la lại đánh chuông, Phật lại hỏi rằng: "Theo ông, nay có tiếng không?"

Ông A Nan và đại chúng đều nói: "Có tiếng".

Phật hỏi ông A Nan: "Thế nào, ông gọi là có tiếng, còn thế nào, thì gọi là không tiếng?"

Ông A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông, nếu đánh lên, thì gọi là có tiếng, đánh lâu tiếng hết, tắt vang đều không còn, thì gọi là không tiếng".

Phật bảo ông A Nan và đại chúng rằng: "Hôm nay các ông sao nói trái ngược, lộn xộn như thế?"

Đại chúng và ông A Nan đồng thời bạch Phật: "Làm sao Phật bảo chúng tôi trái ngược lộn xộn?"

Phật dạy: "Tôi hỏi ông về nghe, thì ông nói là nghe, tôi hỏi về tiếng, thì ông nói là tiếng, chỉ cái nghe và cái tiếng mà trả lời không nhất định như thế, sao lại không gọi là trái ngược lộn xộn?"

A Nan, tiếng tiêu mất, không tắt vang, thì ông gọi là không nghe; nếu thật không nghe, thì tính nghe đã diệt rồi đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên, làm sao ông còn biết được. Biết có, biết không là tự cái tiếng hoặc không, hoặc có, đâu phải tính nghe kia vì đó mà có, mà không; nếu tính nghe thật là không, thì còn cái gì biết là không nữa.

Vậy nên A Nan, cái tiếng ở trong cái nghe tự có sinh, có diệt, không phải vì ông nghe cái tiếng sinh diệt, mà làm cho tính nghe của ông thành có, thành không. Ông còn lộn lạo, làm cái tiếng làm cái nghe, lạ gì chẳng mê mờ, lấy cái thường làm cái đoạn. Tóm lại, ông không nên nói rằng rồi các thứ động tĩnh, đóng mở, thông bịt, thì cái nghe không có tính.

Như người ngủ mê, nằm trên giường gối; trong nhà có người, trong lúc người kia ngủ, giã một cối gạo; người ấy trong chiêm bao nghe tiếng giã gạo, lầm thành vật khác, hoặc cho là đánh trống, hoặc cho là đánh chuông. Tức trong chiêm bao người ấy cũng lấy làm lạ rằng sao tiếng chuông lại vang lên như cây, như đá. Khi chợt tỉnh dậy, liền nghe tiếng chày, thì người ấy tự bảo người nhà rằng chính trong lúc chiêm bao, tôi đã lầm tiếng chày này là tiếng trống. A Nan, người đó, trong chiêm bao, đâu nhớ những chuyện động tĩnh, đóng mở, thông bịt; hình người kia tuy ngủ nhưng tính nghe không mờ, dầu cho hình ông tiêu tan, thân mạng dòi dổi diệt mất, làm sao tính nghe ấy lại vì ông mà tiêu diệt được.

Do các chúng sinh, từ vô thủy đến nay, đi theo sắc thanh, theo niệm mà lưu chuyển, không hề khai ngộ bản tính thanh tịnh diệu thường; không theo cái thường, chỉ theo các thứ sinh diệt, do đó, đời đời bị tạp nhiễm mà phải lưu chuyển.

Nếu bỏ cái sinh diệt, giữ tính chân thường; cái sáng suốt chân thường hiện tiền, thì các tâm niệm căn, trần, thức, ngay đó đều tiêu mất; tướng vọng tưởng là trần, tính phân biệt là cấu, hai cái đó đã xa rời, thì Pháp nhãn của ông liền được trong suốt, làm sao lại không thành bậc Vô Thượng tri giác?"

QUYỀN NĂM

CHƯƠNG II - NUƠNG CHỖ NGỘ MÀ VIÊN TU

MỤC I - NÊU RA CÁI CĂN ĐỂ CHỈ CHỖ MÊ

ĐOẠN I XIN KHAI THỊ CÁCH CỎI NÚT

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, tuy Như Lai đã dạy nghĩa quyết định thứ hai, song tôi xem trong thế gian, những người cỏi nút, nếu không biết đầu nút ở đâu, thì chắc không thể cỏi được. Bạch Thế Tôn, tôi và các hàng hữu học Thanh văn trong Hội này cũng giống như vậy. Từ vô thủy đến nay, chúng tôi cùng sinh, cùng diệt với các thứ vô minh, tuy được thiện căn nghe nhiều Phật Pháp thế này, nhưng tiếng là xuất gia mà cũng như người sốt rét cách nhật; xin nguyện Đức Đại từ thương xót kẻ chìm đắm, chính nơi thân tâm hiện nay, chỉ cho chúng tôi thế nào là nút, do đâu mà cỏi, cũng khiến cho chúng sinh khổ não vị lai được khỏi luân hồi, không sa vào ba cõi."

Nói lời ấy rồi, ông A Nan và cả đại chúng, năm vóc gieo xuống đất, khóc lóc thành khăn, trông mong lời khai thị Vô Thượng của Đức Như Lai.

ĐOẠN II THẬP PHƯƠNG NHƯ LAI PHÓNG HÀO QUANG, ĐỒNG MỘT LỜI NÊU RA CÁI CĂN

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn thương xót ông A Nan và hàng hữu học trong Hội, lại cũng vì tất cả chúng sinh đời vị lai tạo cái nhân xuất thế, làm cái đạo nhân tương lai; Ngài dùng tay sáng ngời xoa đỉnh đầu ông A Nan. Liên khi ấy, trong tất cả thế giới, chư Phật mười phương, sáu thứ rung động; các Đức Như Lai, số như vi trần; trong các cõi ấy, mỗi Ngài đều có hào quang báu từ nơi đỉnh đầu phát ra; hào quang ấy, đồng một thời từ các cõi kia đến rừng Kỳ đà, soi nơi đỉnh đầu của Đức Như Lai; tất cả đại chúng đều được cái chưa từng có.

Khi bấy giờ, ông A Nan và cả đại chúng đều nghe các Đức Như Lai mười phương, số như vi trần, tuy khác miệng, nhưng đồng một lời, bảo ông A Nan rằng: "Lành thay cho A Nan! Ông muốn biết cái câu sinh vô minh là cái đầu nút, khiến ông phải luân hồi sinh tử, thì nó chính là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác; ông lại muốn biết tính Vô Thượng Bồ đề, khiến ông chóng chứng đạo quả an vui, giải thoát, vắng lặng, diệu thường, thì cũng chính là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác".

ĐOẠN III CHỈ RÕ CĂN TRẦN ĐỂ LỰA BỎ CÁI VỌNG THỨC

Ông A Nan, tuy được nghe Pháp âm như vậy, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật: "Làm sao cái khiến cho tôi bị luân hồi, sống chết hay được an vui, diệu thường, cũng đều là sáu căn, chứ không phải vật gì khác?"

Phật bảo ông A Nan: "Căn và trần, đồng một nguồn, cột và cửi không phải hai, cái thức phân biệt là luống dối như hoa đóm giữa hư không. A Nan, nhân cái trần, mà phát ra cái biết của căn, nhân cái căn, mà có ra cái tướng của trần, tướng phân sở kiến và kiến phần năng kiến đều không có tự tính, như những hình cây lau gác vào nhau.

ĐOẠN IV LỰA BỎ CÁI VỌNG ĐỂ BÀY TỎ CHỖ THANH TỊNH CHÂN THẬT

Vậy nên nay ông chính nơi tri kiến, lập ra tướng tri kiến, thì tức là cội gốc vô minh; chính nơi tri kiến, không có tướng tri kiến, thì đó là vô lậu chân tịnh Niết bàn, làm sao trong ấy lại còn có vật gì khác."

ĐOẠN V NÓI BÀI KỆ CHỈ RÕ CHÂN VÀ VỌNG KHÔNG CÓ TÍNH, HỄ THEO TÍNH VIÊN THÔNG THÌ XOAY VỀ BẢN GIÁC

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này mà nói bài kệ rằng:

"Nơi chân tính hữu vi là không,
Vi duyên sinh, nên giống như huyễn;
Vô vi, thì không sinh, không diệt,
Chẳng thật như hoa đốm hư không.
Nói cái vọng để tỏ cái chân,
Vọng, chân ấy, cả hai đều vọng;
Còn không phải chân và phi chân,
Làm sao có năng kiến, sở kiến,
Thức ở giữa, không có thật tính,
Vây nên, như hình lau gác nhau.
Cột và cửi đồng một sở nhân,
Thánh và phàm không có hai đường.
Hãy xét tính hình lau gác nhau,
Đâu phải là không hay là có.
Mê mờ nghĩa đó, là vô minh,
Phát minh nghĩa đó, thì giải thoát.
Cửi nút, tuy phải theo thứ lớp,
Sáu đã cửi, một cũng không còn.
Nơi các căn, chọn tính viên thông,
Nhập lưu được, thì thành Chánh giác.
Thức A đà na rất nhỏ nhiệm,
Tập khí lưu hành như nước dóc;
E lâm là chân hay phi chân,
Nên tôi thường không diễn giảng đến,
Tự tâm trở chấp lấy tự tâm,
Không phải huyễn, thành ra Pháp huyễn.
Không chấp trước, không gì phi huyễn
Cả cái phi huyễn còn không sinh,
Pháp huyễn, làm sao thành lập được.
Áy gọi như huyễn Tam ma đề,
Bảo giác chắc như Kim cương vương,
Không nhiễm, tịnh như diệu liên hoa;
Gãy ngón tay, vượt hàng vô học;
Pháp ấy, không gì so sánh được,
Là một đường thẳng vào Niết bàn,
Của các Đức Thế Tôn mười phương".

MỤC II - CỘT KHĂN ĐỀ CHỈ ĐÀU NÚT

ĐOẠN I THUẬT CHỖ TỔ NGỘ

Lúc ấy, ông A Nan và cả đại chúng nghe lời từ bi dạy bảo của Phật, kệ tụng tinh tủy, diệu lý trong suốt, tâm được khai ngộ, đồng tán thán là Pháp chưa từng có.

ĐOẠN II CẦU KHAI THỊ THỨ LỚP CỎI NÚT

Ông A Nan chấp tay đảnh lễ bạch Phật: "Nay tôi nghe Phật mở lòng vô giá đại từ dạy cho những câu Pháp chân thật thanh tịnh diệu thường, nhưng tâm còn chưa rõ thứ lớp cỏi nút, đi đến cỏi cả sáu, thì một cũng không còn, xin Phật rủ lòng đại bi thương xót trong Hội này và những kẻ tương lai, bố thí cho Pháp âm, rửa sạch những câu nhiễm trầm trọng của chúng tôi.

ĐOẠN III CỘT NÚT CHO XEM VÀ GẶN HỎI ĐÀU NÚT

Liên khi ấy Đức Như Lai, nơi sư tử tọa, sửa áo niết bàn tăng, vén áo tăng già lê, dựa ghế thất bảo, đưa tay nơi ghế, lấy cái khăn hoa của cõi trời Kiếp ba la đã cúng cho ngài, rồi ở trước đại chúng, cột thành một nút, đưa cho ông A Nan xem và bảo rằng: "Cái này gọi là gì?" Ông A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: "Cái này gọi là nút". Lúc ấy Đức Như Lai lại cột khăn hoa thành một nút nữa và hỏi ông A Nan: "Cái này gọi là gì?". Ông A Nan và đại chúng lại bạch Phật rằng: "Cái ấy cũng gọi là nút". Phật tuần tự cột khăn hoa như vậy, tổng cộng thành sáu nút, mỗi khi cột xong một nút, đều lấy cái nút vừa cột xong trong tay, đưa hỏi ông A Nan: "Cái này gọi là gì?" Ông A Nan và đại chúng cũng tuần tự đáp lại Phật: "Cái ấy gọi là nút".

Phật bảo ông A Nan: "Khi tôi mới cột khăn thì ông gọi là nút, cái khăn hoa này trước kia chỉ có một cái, cứ sao lần thứ hai, lần thứ ba, các ông cũng gọi là nút?"

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, cái khăn hoa thêu dệt quý báu này vốn chỉ một thể, song theo ý tôi suy nghĩ, Như Lai cột một lần, thì được gọi là một nút, nếu cột một trăm lần, thì rốt cuộc phải gọi là trăm nút, huống chi, khăn này chỉ có sáu nút, không lên đến bảy, cũng không đứng ở số năm, sao Đức Như Lai chỉ cho cái đầu là nút, còn cái thứ hai, thứ ba, thì không gọi là nút?"

Phật bảo ông A Nan: "Cái khăn hoa báu này, ông biết nó vốn chỉ có một cái, đến khi tôi cột sáu lần, thì ông gọi là sáu nút; ông hãy xem xét bản thể cái khăn này là đồng, nhân vì các nút mà hóa ra khác. Ý ông nghĩ sao, khi mới cột nút ban đầu, thì gọi là nút thứ nhất, như thế, cho đến cột lần thứ sáu, thì gọi là nút thứ sáu. Nay, tôi muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất, có được không?"

Bạch Thế Tôn, không; nếu còn sáu nút, thì cái gọi là thứ sáu, rốt cuộc không phải là cái thứ nhất; dầu cho tôi cố gắng biện bạch suốt đời, cũng không thể làm cho sáu nút đổi tên được".

Phật dạy: "Đúng thế, sáu nút không đồng nhau; tuy xét về bản thân, vẫn do một cái khăn tạo ra, nhưng rốt cuộc không thể làm cho sáu nút xáo lộn lẫn nhau. Sáu căn của ông thì cũng như vậy; trong thể ráo rốt đồng nhau, sinh ra ráo rốt khác nhau".

MỤC III - CHỈ CỎI NÚT TRƯỚC SAU

ĐOẠN I GẠY HỎI ĐỂ CHỈ RÕ ĐẦU NÚT

Phật bảo ông A Nan: "Chắc hẳn ông không muốn thành ra sáu nút và trông mong chỉ thành một thể, thì ông phải làm thế nào?"

Ông A Nan bạch: "Nếu còn những nút đó, thì thị phi sôi nổi, trong đó, tự sinh ra nút này không phải nút kia, nút kia không phải nút này. Nếu ngày nay, Đức Như Lai cởi bỏ tất cả, không sinh nút nữa thì, không có bỉ thử, còn không gọi là một, làm sao mà thành sáu được".

Phật dạy: "Cái nghĩa cởi cả sáu, một cũng không còn, thì cũng như thế. Do từ vô thủy, tâm ông điên loạn, tri kiến vọng phát ra, vọng phát mãi không thôi, làm cho tri kiến sinh bệnh, phát ra trần tướng; như trông con mắt mỗi một, thì có hoa đốm lăng xăng; tất cả những tướng thế gian, núi sông, đất liền, sống chết, Niết bàn, không nhân gì rời rít khởi lên, trong tính sáng suốt yên lặng, đều là những tướng hoa đốm điên đảo do bệnh mê lầm phát ra".

ĐOẠN II HỎI CÁCH CỎI NÚT

Ông A Nan bạch: "Cái bệnh mê lầm giống như cái nút kia, làm sao cởi bỏ cho được?"

Đức Như Lai, lấy tay cầm cái khăn có nút, kéo riêng mối bên trái, rồi hỏi ông A Nan rằng: "Thế này có cởi được chăng?"

- Thừa Thế Tôn, không.

Phật liền lấy tay kéo riêng mối bên phải, rồi lại hỏi ông A Nan: "Thế này có cởi được chăng?"

- Thừa Thế Tôn, không.

Phật bảo ông A Nan: "Nay tôi lấy tay kéo mỗi bên phải, bên trái mà rốt cuộc không cởi được, vậy ông dùng phương tiện thế nào mà cởi cho được".

ĐOẠN III

XÉT NHẬN TRỪ BỎ TRUNG TÂM CÁI NÚT THÌ TIÊU ĐƯỢC VỌNG, TRỞ VỀ CHÂN.

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, nên mở nơi trung tâm cái nút thì tan rã ngay".

Phật bảo ông A Nan: "Đúng thế, đúng thế, muốn trừ cái nút thì phải cởi nơi trung tâm.

A Nan, tôi nói Phật Pháp do nhân duyên sinh, không phải lấy những tướng hòa hợp thô phù của thế gian. Như Lai phát minh các Pháp thế gian và xuất thế gian, đều biết rõ bản nhân của nó theo những duyên gì mà phát ra, cho đến một giọt mưa ở ngoài häng sa thế giới cũng biết số mục, hiện tiền các thứ cây tùng thẳng, cây gai cong, chim học trắng, chim quạ đen, đều rõ nguyên do. Vậy nên A Nan, tùy tâm ông lựa chọn nơi sáu căn; nếu trừ được cái nút nơi căn ấy rồi, thì trần tướng tự tiêu diệt; các vọng đã tiêu mất, thì chẳng phải chân là gì.

ĐOẠN IV

CHỈ VỀ CỘT LẠI CÓ THỨ LỚP, THÌ CỞI RA CŨNG PHẢI CÓ TRƯỚC SAU

"A Nan, nay tôi lại hỏi ông: "Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, nếu đồng một thời cởi ra, thì có thể đồng một thời trừ hết được chăng?"

- Thưa Thế Tôn, không. Những cái nút này, khi cột lại, vốn có thứ lớp, thì ngày nay cũng theo thứ lớp mà cởi; sáu cái nút tuy đồng một thể, nhưng cột lại không đồng một thời, thì khi cởi nút, làm sao đồng một thời, mà trừ hết được?

Phật dạy: "Việc cởi trừ cái nút nơi sáu căn cũng giống như vậy. Căn ấy khi bắt đầu cởi ra, thì trước hết được nhân không, đến khi tính không viên mãn sáng suốt, thì giải thoát Pháp chấp. Pháp chấp được giải thoát rồi, cả cái nhân không và Pháp không cũng không còn; thế thì gọi là Bồ tát do Tam ma đề mà chứng được vô sinh nhẫn".

MỤC IV - GẶN HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ VIÊN THÔNG

ĐOẠN I TRÌNH BÀY CHỖ NGỘ, XIN CHỈ DẠY CĂN TÍNH VIÊN THÔNG

Ông A Nan và cả đại chúng, nhờ Phật khai thị, tuệ nhãn được viên dung, thông suốt, không còn điều gì nghi hoặc, đồng thời chấp tay, đảnh lễ nơi hai chân mà bạch Phật rằng: "Ngày nay, chúng tôi thân tâm sáng suốt, chóng được vô ngại; song tuy ngộ được cái nghĩa một và sáu đều không còn, nhưng còn chưa rõ căn tính bản lai viên thông. Thưa Thế Tôn, chúng tôi xiêu giạt bơ vơ nhiều kiếp, ngờ đâu lại được dự vào dòng giống của Phật, như đứa con mất sữa, bỗng nhiên gặp được từ mẫu. Nếu nhân cơ hội này mà được thành đạo, chỗ bản ngộ phù hợp với đạo lý vi diệu đã được nghe, thì cùng với những người chưa nghe, không có sai khác. Xin Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng tôi những Pháp bí mật trang nghiêm; thành tựu lời chỉ dạy cuối cùng của Như Lai." Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, lui về an trụ nơi cơ cảm sâu nhiệm, trông mong Phật tâm truyền cho.

ĐOẠN II GẶN HỎI TRONG ĐẠI CHÚNG

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo khắp các vị Đại bồ tát và các vị lậu tận Đại a la hán trong chúng rằng: "Các ông là những vị Bồ tát và A la hán sinh trưởng trong Phật Pháp, đã chứng quả vô học, nay tôi hỏi các ông: Trong lúc ban đầu mới phát tâm, trong thập bát giới, ngộ được viên thông ở giới nào và do phương tiện gì được Tam ma đề?"

ĐOẠN III VIÊN THÔNG VỀ THANH TRẦN

Bọn ông Kiều trần na, năm vị tử khuu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Ở Lộc uyển và ở Kê viên, chúng tôi được xem thấy Đức Như Lai khi mới thành đạo. Chúng tôi do tiếng nói của Phật, tỏ ngộ được Tứ đế. Phật hỏi trong hàng tử khuu, thì trước tiên tôi thưa đã hiểu. Như Lai ấn chứng cho tôi cái tên là A nhã đa. Đi sâu vào bản tính nhiệm mầu, thì âm thanh thật là viên dung; tôi do âm thanh mà được quả A la hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì do âm thanh là hơn cả".

ĐOẠN IV VIÊN THÔNG VỀ SẮC TRẦN

Ông Ưu ba ni sa ã liên từ chỗ ngồi đứng dậy, ãnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi cũng ãược thấy Phật trong lúc mới thành ãạo; tôi quán tướng bất tịnh, sinh lòng nhảm chán rời bỏ tột bậc, ngộ cái tính của các sắc, từ tướng bất tịnh ãến tướng xương trắng, tướng vi trần, rồi tan về hư không; cả hai cái không và cái sắc ãều không, thành ãạo vô học. Đức Như Lai ấn chứng cho tôi cái tên là Ni sa ãà; sắc của trần cảnh ãã hết, sắc của tính diệu ãược mật viên. Tôi do sắc tướng mà chứng quả A la hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì do sắc trần là hơn cả".

ĐOẠN V VIÊN THÔNG VỀ HƯƠNG TRẦN

Ông Hương Nghiêm ãồng tử liên từ chỗ ngồi đứng dậy, ãnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi nghe Đức Như Lai dạy tôi quan sát chín chắn các tướng hữu vi. Khi ấy tôi từ giã Phật, ãầu hôm về tĩnh tọa trong nhà thanh trai, thấy các tử khru ãốt hương trầm thủy, hơi hương vắng lặng bay vào trong mũi tôi. Tôi quán cái hơi ấy, không phải là cây, không phải là không, không phải là khói, không phải là lửa, ãi ra không ãính vào ãâu, ãến nơi cũng không do ãâu; do ãó, ý niệm phân biệt tiêu diệt, phát minh tính vô lậu. Đức Như Lai ấn chứng cho tôi cái hiệu là Hương Nghiêm. Tướng hương tiền trần ãồng diệt, thì diệu tính của hương là mật viên. Tôi do hương nghiêm mà chứng quả A la hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì do hương trần là hơn cả".

ĐOẠN VI VIÊN THÔNG VỀ VI TRẦN

Hai vị Pháp vương tử Dược Vương, Dược Thượng, cùng với năm trăm Phạm thiên trong Hội, liên từ chỗ ngồi đứng dậy, ãnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Từ kiếp vô thủy, chúng tôi làm lương y thế gian, trong miệng thường nếm những cỏ cây, kim thạch trong thế giới Sa bà này, số mục lên ãến mười vạn tám nghìn, biết hết các vị ãắng, chua, mặn, nhạt, ngọt, cay vân vân..., cùng với các vị biến ãổi, do các vị kia hòa hợp cùng sinh ra; thứ nào là lạnh, thứ nào là nóng, thứ nào có ãộc, thứ nào không ãộc, tôi ãều biết cả. Dược thừa sự các Đức Như Lai, rõ

biết bản tính của vị trần, không phải không, không phải có, không phải tức là thân tâm, không phải thoát ly thân tâm; do phân biệt đúng bản tính vị trần mà được khai ngộ. Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng tôi cái danh hiệu là Dược Vương và Dược Thượng Bồ tát; nay ở trong Hội này làm vị Pháp vương tử. Chúng tôi nhân vị trần mà giác ngộ, lên bậc Bồ tát. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng tôi, thì do vị trần là hơn cả".

ĐOẠN VII VIÊN THÔNG VỀ XÚC TRẦN

Ông Bạt đà bà la, với mười sáu vị Khai sĩ đồng bạn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Bọn tôi, trước kia nơi Đức Phật Uy Âm Vương, nghe Pháp xuất gia. Trong lúc chur tăng tám, tôi theo thứ lớp vào phòng tắm; bỗng nhiên ngộ được chân tính của nước, đã không rửa bụi, cũng không rửa mình, chặng giữa yên lặng, được chỗ không có gì. Túc tập không quên, nên đến ngày nay theo Phật xuất gia, được thành quả vô học. Đức Phật kia, gọi tôi tên là Bạt đà bà la. Do phát minh diệu tính của xúc trần, thành được bậc Phật tử trụ. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì do xúc trần là hơn cả."

ĐOẠN VIII VIÊN THÔNG VỀ PHÁP TRẦN

Ông Ma ha ca diếp và bà Tử Kim quang tử khuu ny, vân vân... liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Kiếp xưa, trong cõi này, có Đức Phật ra đời, tên là Nhật Nguyệt Đăng diệt độ rồi, chúng tôi thấp đèn sáng mãi cúng dàng xá lợi, lại lấy vàng thắm thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời nào đời nào, thân thể thường viên mãn, sáng ngời như vàng thắm. Bọn Tử kim quang tử khuu ny này, tức là quyến thuộc của tôi lúc đó, cũng đồng một thời phát tâm như tôi. Tôi quán trong thế gian, sáu trần đều đời đời tan nát, chỉ dùng Pháp không tịch, tu định diệt tận, thì thân tâm mới có thể trải qua trăm nghìn kiếp như một thời gian gảy ngón tay. Tôi do quán được các Pháp là rỗng không, mà thành quả A la hán. Đức Thế Tôn bảo tôi tu hạnh đầu đà bậc nhất. Diệu tính của các Pháp được khai ngộ, thì tiêu diệt các lậu. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì do Pháp trần là hơn cả."

ĐOẠN IX VIÊN THÔNG VỀ NHÂN CĂN

Ông A na luật đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Lúc tôi mới xuất gia, thường thích nằm ngủ, nên Đức Như Lai quở tôi là loài súc sinh. Nghe lời Phật quở, tôi khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt. Đức Thế Tôn dạy tôi tu Pháp "Lạc Kiến Chiêu Minh Kim Cương Tam Muội". Tôi không do con mắt mà xem thấy mùi hương rộng suốt tinh tường như xem cái quả trong bàn tay; Đức Như Lai ấn chứng cho tôi thành quả A la hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì xoay cái thấy trở về bản tính, đó là thứ nhất".

ĐOẠN X VIÊN THÔNG VỀ TỬ CĂN

Ông Chu lợi bàn đặc ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi thiếu tụng trì, không có tuệ đa văn. Khi mới gặp Phật, nghe Pháp và xuất gia, tôi cố nhớ một câu kệ của Như Lai, song trong một trăm ngày, hễ nhớ trước thì quên sau, mà nhớ sau thì quên trước. Phật thương tôi ngu muội, dạy tôi phép an cư, điều hòa hơi thở ra vào. Tôi quán hơi thở, cùng tột các tướng sinh, trụ, dị, diệt nhỏ nhiệm, đến từng sát na; tâm tôi rộng suốt, được đại vô ngại, cho đến hết các lậu, thành quả A la hán, trước Pháp tọa của Phật, được ấn chứng thành quả vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì xoay hơi thở về tính rộng không, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XI VIÊN THÔNG VỀ THIỆT CĂN

Ông Kiêu phạm bát đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi mắc khẩu nghiệp, khinh rẻ, chế giễu vị sa môn trong kiếp quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai lại như trâu. Đức Như Lai chỉ dạy cho tôi Pháp môn "Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa". Tôi nhờ vậy, mà diệt được phân biệt, vào Tam ma đề; tôi quán tính biết vị, không phải thân thể, không phải ngoại vật, liền đó vượt khỏi các lậu thế gian, bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài rời bỏ thế giới, xa rời ba cõi như chim sỏ lông, rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng, nên Pháp nhãn

được thanh tịnh, thành quả A la hán. Đức Như Lai ấn chứng cho tôi lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, trả các vị về phân biệt, xoay cái biết về tự tính, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XII VIÊN THÔNG VỀ THÂN CĂN

Ông Tất lãng già bà ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi lúc mới phát tâm theo Phật nhập đạo, thường nghe Đức Như Lai dạy về những việc không vui được trong thế gian. Lúc đi khất thực trong thành, tâm tôi đang suy nghĩ Pháp môn Phật dạy, giữa đường, không ngờ bị gai độc đâm vào chân, cả mình đau đớn. Tâm niệm tôi có biết cái đau đớn ấy; tuy biết đau đớn nhưng đồng thời giác biết nơi tâm thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau. Tôi lại suy nghĩ: Một thân thể này, lẽ đâu có hai tính biết; nhiếp niệm chưa bao lâu, thì thân tâm bỗng nhiên rỗng không; trong ba lần bảy ngày, các lậu đều tiêu hết, thành quả A la hán; được Phật ấn chứng lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì thuần một giác tính, rời bỏ thân thể, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XIII VIÊN THÔNG VỀ Ý CĂN

Ông Tu bồ đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Từ nhiều kiếp đến nay, tâm tôi được vô ngại, tự nhớ thọ sinh nhiều đời như số cát sông Hằng; lúc còn trong thai mẹ, cũng liền biết tính không tịch, như thế cho đến mười phương đều thành rỗng không và cũng khiến cho chúng sinh chứng được tính Không; nhờ Đức Như Lai phát minh tính giác là chân không, nên tính không được viên mãn sáng suốt, chứng quả A la hán, liền vào Bảo Minh Không Hải của Như Lai, tri kiến đồng như Phật, được ấn chứng thành quả vô học; tính giải thoát rỗng không, tôi là hơn cả. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi: Các tướng đều xoay vào phi tướng, năng phi và sở phi đều hết, xoay các Pháp trở về chỗ không có gì, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XIV

VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC

Ông Xá lợi phát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Từ nhiều kiếp đến nay, chỗ nhận thấy của tôi được thanh tịnh; tuy tôi thọ sinh nhiều đời như số cát sông Hằng như vậy, mà đối với các Pháp biến hóa thế gian và xuất thế gian, hề thấy được đều thông suốt, không có ngăn ngại. Tôi ở giữa đường, gặp anh em ông Ca diếp ba theo, rồi nói Pháp nhân duyên, thì ngộ được tâm không có bờ bến. Tôi theo Phật xuất gia, chỗ nhận thấy sáng suốt viên mãn, được Pháp đại vô úy, thành quả A la hán, làm trưởng tử của Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, do Pháp Phật mà hóa sinh. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì tính thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XV

VIÊN THÔNG VỀ NHĨ THỨC

Ngài Phổ Hiền Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi đã từng làm Pháp vương tử cho các Đức Như Lai như số cát sông Hằng; thập phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ tát, tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó, do tôi mà đặt tên như vậy. Thừa Đức Thế Tôn, tôi dùng tính nghe của tâm thể phân biệt tất cả tri kiến của chúng sinh. Nếu ở phương khác, cách ngoài hằng sa thế giới, có một chúng sinh, trong tâm phát được hạnh nguyện Phổ Hiền, thì liền trong lúc ấy, tôi cười voi sáu ngà, phân thân thành trăm nghìn, đến chỗ người ấy. Dầu cho người ấy nghiệp chướng còn sâu, chưa thấy được tôi, tôi cũng thầm kín xoa đỉnh đầu người ấy, ủng hộ an ủi, khiến cho được thành tựu. Phật hỏi về viên thông, tôi nói chỗ bản nhân của tôi là phát minh tính nghe của tâm thể, phân biệt được tự tại, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XVI VIÊN THÔNG VỀ TỶ THỨC

Ông Tôn giả A Nan Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Lúc tôi mới xuất gia theo Phật nhập đạo, tuy giữ đủ giới luật, nhưng trong lúc tu Tam ma đề, tâm thường tán loạn, chưa được quả vô lậu. Đức Thế Tôn dạy tôi và ông Câu si la quán đầu lỗ mũi trắng. Lúc tôi bắt đầu tu quán ấy, trải qua ba lần bảy ngày, thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói, thân tâm bên trong sáng soi thông suốt thế giới, khắp nơi thành trống không thanh tịnh, như ngọc lưu ly; tướng khói lần lần tiêu mất, hơi thở hóa thành trắng, đến khi tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch, thì những hơi thở ra vào hóa thành hào quang, soi khắp thập phương thế giới, được quả A la hán. Đức Thế Tôn thọ ký cho tôi sẽ được quả Bồ đề. Phật hỏi về viên thông, tôi dùng phép nhiếp thu ý niệm nơi hơi thở, yên lặng lâu ngày, phát ra sáng suốt, sáng suốt viên mãn, diệt hết các lậu, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XVII VIÊN THÔNG VỀ THIỆT THỨC

Ông Phú lâu na di đa la ni tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi từ nhiều kiếp đến nay, tài biện thuyết được vô ngại, tuyên dương các Pháp Khổ, Không, thấu suốt tướng chân thật, như thế cho đến các Pháp môn bí mật hàng sa Như Lai, tôi phương tiện chỉ bày trong chúng, được sức vô úy. Đức Thế Tôn biết tôi có tài biện thuyết lớn lao, nên dùng Pháp luân âm thanh, dạy tôi tuyên dương Chính Pháp. Tôi ở trước Phật, giúp Phật chuyển Pháp luân, nhân nói Chính Pháp, thành quả A la hán. Đức Thế Tôn ấn chứng cho tôi thuyết Pháp hơn cả. Phật hỏi về viên thông, tôi dùng Pháp âm hàng phục tà ma ngoại đạo, tiêu diệt các lậu, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XVIII VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC

Ông Ưu ba ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Chính tôi được theo Phật vượt thành xuất gia, xem thấy Đức Như Lai sáu năm siêng tu khổ hạnh, thấy Đức Như Lai hàng phục bọn tà ma, đối trị các ngoại đạo, giải thoát các lậu tham dục thế gian; tôi được

nhờ Phật dạy giữ giới, cho đến ba nghìn uy nghi, tám vạn hạnh vi tế, các tính nghiệp và giá nghiệp thấy đều thanh tịnh; do đó, thân tâm được tịch diệt, thành quả A la hán, nay làm vị cương kỷ trong chúng của Như Lai; Phật ấn chứng cho tôi giữ giới tu thân hơn cả trong chúng. Phật hỏi viên thông, tôi do chấp trì cái thân mà thân được tự tại, lần đến chấp trì cái tâm mà tâm được thông suốt, về sau cả thân và tâm tất cả đều viên thông, tự tại, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XIX VIÊN THÔNG VỀ Ý THỨC

Ông Đại mục kiên liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Lúc trước tôi khát thực giữa đường, gặp ba anh em họ Ca diếp ba là ông Ưu lâu tần loa, ông Già gia và ông Na đề, giảng nói nghĩa lý nhân duyên sâu xa của Như Lai; tôi liền phát tâm, được rất thông suốt; Như Lai ban cho áo ca sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng. Tôi đi khắp mười phương được không ngăn ngại, phát minh thần thông, được trong chúng suy tôn là đệ nhất thần thông, thành quả A la hán. Không những riêng Đức Thế Tôn, mà thập phương Như Lai đều khen sức thần thông của tôi thanh tịnh tròn sáng, tự tại không e sợ, Phật hỏi về viên thông, tôi do xoay ý niệm trở về tính viên trạm nên tâm trí mở bày, như lắng nước đục, lâu thành trong sáng, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XX VIÊN THÔNG VỀ HỎA ĐẠI

Ông Ô xô sắt ma, ở trước Đức Như Lai, chấp tay đỉnh lễ nơi hai chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi thường nhớ trước kia, trong kiếp xa xôi, tính có nhiều tham dục; lúc ấy, có Đức Phật ra đời hiệu là Không Vương, bảo người đa dâm như đóng lửa hồng và dạy tôi quán khắp những hơi nóng lạnh nơi trăm vóc tứ chi; tôi nhờ quán như vậy, mà được giác tính sáng suốt lặng đứng bên trong, hoá tâm đa dâm thành lửa trí tuệ. Từ ấy, các Đức Phật đều gọi tên tôi là Hỏa Đầu. Tôi dùng sức hỏa quang tam muội mà thành quả A la hán; trong tâm phát đại nguyện, khi các Đức Phật thành đạo, thì làm lực sĩ, thân ở bên Phật, uốn dẹp bọn tà ma quấy phá. Phật hỏi về viên thông, tôi dùng Pháp quán các hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại; các lậu đã tiêu, sinh ra ngọn lửa đại trí quý báu, lên bậc Vô Thượng Giác, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XXI

VIÊN THÔNG VỀ ĐỊA ĐẠI

Ngài Trì Địa Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi nhớ kiếp xưa, khi Đức Phật Phổ Quang ra đời, tôi làm tỳ khưu, thường ở nơi các nẻo đường bên đò, đất đai hiểm trở eo hẹp, không đúng nguyên tắc, có thể làm tổn hại đến xe ngựa, thì tôi đều đắp bằng, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát; siêng năng khó nhọc như vậy trong suốt thời gian vô lượng Phật ra đời. Hoặc có chúng sinh, ở nơi chợ búa, cần người mang đồ vật, trước tiên tôi mang hộ đến nơi, đến chốn, để đồ vật xuống, liền đi ngay, không lấy tiền thuê."

Khi Đức Phật Tỳ Xá Phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém; tôi cũng giúp người, không kể gần xa, chỉ lấy một đồng tiền; hoặc có xe trâu sa xuống bùn lầy, tôi dùng sức mạnh đẩy bánh xe lên cho khỏi khổ não. Ông vua trong nước thưở đó thết trai mời Phật; lúc ấy, tôi liền sửa sang đường đất bằng phẳng, đợi Phật đi qua. Đức Tỳ Xá Như Lai xoa đĩnh đầu tôi mà bảo rằng: "Nên bình cái tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều bình". Tôi liền khai ngộ, thấy vi trần nơi thân thể cùng với tất cả vi trần tạo thành thế giới đều bình đẳng không sai khác, tự tính của vi trần không chạm xát nhau, cho đến các thứ đao binh cũng không đụng chạm gì; tôi do nơi Pháp tính ngộ được vô sinh nhẫn, thành quả A la hán, xoay tâm về Đại thừa, nên hiện nay, ở trong hàng Bồ tát; khi nghe các Đức Như Lai dạy về chỗ tri kiến của Phật như Diệu liên hoa, thì tôi chứng tỏ đầu tiên, làm vị thượng thủ. Phật hỏi về viên thông, do tôi quán kỹ hai thứ trần nơi căn thân và khí giới đều bình đẳng không sai khác, vốn là Như Lai tạng giả dối phát ra trần tướng; trần tướng đã tiêu diệt, thì trí tuệ được viên mãn, thành đạo vô thượng, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XXII

VIÊN THÔNG VỀ THỦY ĐẠI

Ngài Nguyệt Quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi nhớ hằng sa kiếp về trước, có Đức Phật ra đời, hiệu là Thủy Thiên, dạy hàng Bồ tát tu tập phép quán thủy để vào Tam ma đề; nghĩa là quán ở trong thân, tính nước không gì ngăn ngại, quán từ nước mũi, nước bọt cho đến tất cả các thứ tân, dịch tinh, huyết, đại tiện, tiểu tiện; xoay vần trong thân đều đồng một tính nước, quán

thấy nước trong thân cùng nước các bể hương thủy của Phù tràng vương sát ở ngoài thế giới, đều bình đẳng không sai khác.

Tôi trong lúc ấy, mới thành tựu phép quán này, chỉ thấy được nước, chưa được không có thân; lúc đang làm tỷ khứu, tọa thiền trong phòng, tôi có người đệ tử dòm cửa sổ trông vào phòng chỉ thấy nước trong, đầy khắp trong phòng, chứ không có gì; nó nhỏ dại không biết, liền lấy một miếng ngói ném vào trong nước, đập vào nước phát ra tiếng, ngó quanh rồi bỏ đi; về sau, tôi xuất định, liền thấy đau tim như ông Xá lợi phát bị con quỷ Vi hại đập. Tôi tự suy nghĩ: Nay tôi đã được đạo A la hán, đã lâu không còn nhân duyên mắc bệnh được nữa, làm sao ngày nay lại sinh ra đau tim, không lẽ đã bị thoái thất rồi chăng? Khi bấy giờ, đệ tử của tôi đi đến, kể lại cho tôi những việc như trước, tôi mới bảo nó, sau này, nếu lại thấy nước, thì nên mở cửa, vào lấy viên ngói trong nước ấy đi. Đệ tử vâng lời tôi bảo; Về sau, khi tôi nhập định, nó lại thấy nước với viên ngói rõ ràng, nó liền mở cửa, lấy viên ngói ra. Sau đó, tôi xuất định, thì thân thể lại được như cũ.

Tôi đã gặp được vô lượng chư Phật, đến Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, thì tôi mới được không còn thân riêng và cùng với nước bể hương thủy thập phương thế giới, đồng một tính chân không, không hai không khác; hiện nay, ở nơi Đức Như Lai, được danh hiệu là Đồng chân, dự Hội Bồ tát.

Phật hỏi về viên thông, tôi do quán tính nước một mực lưu thông, được phép vô sinh nhẫn, viên mãn đạo Bồ đề, đó là thứ nhất."

ĐOẠN XXIII VIÊN THÔNG VỀ PHONG ĐẠI

Ngài Lưu Ly Quang Pháp vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi nhớ hằng sa kiếp về trước, có Đức Phật ra đời, hiệu là Vô Lượng Thanh; ngài khai thị tính bản giác diệu minh cho các hàng Bồ tát và dạy quán thế giới, quán thân chúng sinh này đều do sức lay động của vọng duyên chuyển biến ra. Tôi lúc bấy giờ, quán cái không gian an lập, quán cái thời gian thiên lưu, quán cái thân thể khi động, khi yên, quán cái thức tâm niệm niệm sinh diệt, tất cả đều lay động như nhau, bình đẳng không sai khác. Khi bấy giờ, tôi

giác ngộ cái tính các thứ động ấy, đến không do đâu, đi không tới đâu; tất cả chúng sinh điên đảo, số như vi trần trong mười phương đều đồng một hư vọng; như vậy, cho đến tất cả chúng sinh trong một tam thiên đại thiên thế giới, cũng như hàng trăm loài muỗi mọt đặng trong một đồ đặng, vo vo kêu âm, ở trong gang tấc, ồn ào rối rít.

Tôi gặp Phật chưa bao lâu, thì được Pháp vô sinh nhẫn; khi bấy giờ, tâm đã khai ngộ, mới thấy cõi Phật Diệu Hỷ của Đức Phật Bất Động phương Đông, làm vị Pháp vương tử. Tôi thừa sự thập phương Phật, thân tâm phát ra sáng suốt, rộng thâu không ngăn ngại. Phật hỏi về viên thông, tôi do quan sát sức lay động không nương vào đâu, ngộ được tâm Bồ đề, vào được Tam ma địa, hợp với nhất diệu tâm mà thập phương Phật truyền dạy, đó là thứ nhất".

ĐOẠN XXIV VIÊN THÔNG VỀ KHÔNG ĐẠI

Ngài Hư Không Tạng Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi cùng Đức Như Lai chứng được thân vô biên nơi Đức Phật Định Quang; lúc ấy, tay tôi cầm bốn hạt châu báu lớn, soi tỏ cõi Phật thập phương số như vi trần, đều hóa thành hư không; lại ở nơi tự tâm hiện ra trí Đại viên kính, trong ấy phóng ra mười thứ hào quang, vi diệu quý báu, soi khắp các Phù trang vương sát cùng tột hư không mười phương, đều vào trong viên kính ấy, nhập với thân tôi và thân tôi đồng như hư không, không có ngăn ngại lẫn nhau, thân tôi lại khéo vào vi trần quốc độ, rộng làm việc Phật, được đại tùy thuận. Thần lực lớn đó là do tôi quán kỹ tứ đại không nương vào đâu, do vọng tưởng mà có sinh diệt, hư không không có hai và cõi Phật vốn là đồng, do phát minh được tính đồng mà chứng vô sinh nhẫn.

Phật hỏi về viên thông, tôi quán hư không không bờ bến; vào Tam ma đề, diệu lực viên mãn sáng suốt, đó là thứ nhất".

ĐOẠN XXV VIÊN THÔNG VỀ THỨC ĐẠI

Ngài Di Lạc Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi nhớ vi trần kiếp về trước, có Đức Phật ra đời tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh; tôi được xuất gia theo Đức Phật kia, nhưng tâm còn trọng hư danh thế gian, ưa giao du với các vọng tộc. Lúc ấy Đức Thế Tôn dạy tôi tu tập định duy tâm thức, tôi được vào Tam ma đề; trải qua nhiều kiếp đến nay, dùng Pháp Tam muội ấy phụng sự hằng sa Phật, tâm cầu hư danh thế gian diệt hết không còn. Đến khi Đức Phật Nhiên Đăng ra đời, tôi mới được thành tựu Vô Thượng diệu viên thức tâm tam muội. Tất cả cõi nước Như Lai tốt bờ bến hư không, cho đến những điều tịnh, uế, có, không, đều do tâm tôi biến hóa hiện ra. Bạch Thế Tôn, do tôi rõ được tính duy tâm thức như vậy, nên nơi thức tính, xuất hiện vô lượng Như Lai và hiện nay, tôi được thọ ký, liền sau đây, bổ xứ thành Phật nơi cõi này. Phật hỏi về viên thông, tôi dùng phép quán mười phương đều duy thức, thức tâm được tròn sáng, chứng nhập tính viên thành thật, xa rời tính y tha khởi và tính biến kế chấp, được Pháp vô sinh nhẫn, đó là thứ nhất".

ĐOẠN XXVI VIÊN THÔNG VỀ KIẾN ĐẠI

Ngài Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng với năm mươi hai vị Bồ tát đồng tu một Pháp môn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Tôi nhớ hằng sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời, tên là Vô Lượng Quang; lúc ấy mười hai Đức Như Lai kế nhau thành Phật, trong một kiếp Đức Phật sau hết, hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, dạy cho tôi phép Niệm Phật tam muội. Ví như có người, một đấng chuyên nhớ, một đấng chuyên quên, thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng là không thấy; nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ mãi, khắc sâu vào tâm niệm, thì đồng như hình với bóng, cho đến từ đời này sang đời khác, không bao giờ cách xa nhau. Thập phương Như Lai thương tưởng chúng sinh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh, thì tuy nhớ, nào có ích gì; nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không cách xa nhau. Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật, tưởng Phật, thì hiện nay hay về sau, nhất định thấy Phật; cách Phật không xa thì không cần phương tiện, tâm tự được khai ngộ như người ướp hương thì thân thể có mùi thơm, ấy gọi là hương quang trang nghiêm. Bản nhân

của tôi là dùng tâm niệm Phật mà vào Pháp vô sinh nhẫn, nay ở cõi này tiếp dẫn những người niệm Phật về cõi Tịnh độ.

Phật hỏi về viên thông, tôi thu nhiếp tất cả sáu căn, không có lựa chọn, tịnh niệm kế tiếp, được vào Tam ma đề, đó là thứ nhất."

QUYỂN SÁU

ĐOẠN XXVII VIÊN THÔNG VỀ NHỊ CĂN

Chi 1. Thuật lại chỗ tu chứng.

Bấy giờ, ngài Quán Thế Âm Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, tôi nhớ vô số hàng sa kiếp về trước, có Đức Phật ra đời, hiệu là Quán Thế Âm; từ Đức Phật kia, tôi phát tâm Bồ đề. Đức Phật kia dạy tôi, do nghe, nghĩ và tu, mà vào Tam ma đề.

Ban đầu, ở trong tính nghe, vào được dòng viên thông, không còn tướng sở văn nữa. Trần tướng đã vắng lặng, hai tướng động, tĩnh rõ thật không sinh. Như vậy thêm lần, các tướng năng văn, sở văn đều hết. Không dừng lại nơi chỗ dứt hết năng văn, sở văn mà tiến lên nữa, thì năng giác, sở giác, đều không. Không giác tốt bậc viên mãn, các tướng năng không, sở không đều diệt. Sinh diệt đã diệt, thì bản tính tịch diệt hiện tiền. Bỗng nhiên, vượt ngoài thế gian và xuất thế gian, sáng suốt cùng khắp mười phương, được hai cái thù thắng: Một là, trên hợp với bản giác diệu tâm thập phương chư Phật, cùng với chư Phật Như Lai đồng một từ lực; hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh lục đạo mười phương, cùng với các chúng sinh đồng một bi gương.

Chi 2. Do từ lực, hiện ra 32 ứng thân

Bạch Thế Tôn, do tôi cúng dường Đức Quán Âm Như Lai, nhờ Ngài truyền thọ cho tôi Như Huyền Văn Huân Văn Tu Kim Cương Tam Muội, được cùng chư Phật đồng một từ lực, nên làm cho thân tôi thành tựu 32 ứng thân vào các cõi nước.

Bạch Thế Tôn, nếu các vị Bồ tát vào Tam ma đề, tiên tu Pháp vô lậu, thắng giải hiện đã viên mãn, tôi hiện ra thân Phật, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học tu phép Diệu minh vắng lặng, chỗ thắng diệu đã viên mãn. Tôi ở trước người kia, hiện ra thân Độc giác, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học đoạn 12 Nhân duyên; do các nhân duyên đã đoạn mà phát ra thắng tính và thắng tính đó hiện đã viên mãn, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Duyên giác, vì họ mà thuyết Pháp khiến cho được giải thoát.

Nếu các hàng hữu học được phép Không của Tứ đế, tu đạo đế vào diệt đế, thắng tính hiện viên mãn, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Thanh văn, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được giải thoát.

Nếu chúng sinh muốn tâm được tỏ ngộ, không phạm vào cảnh ngũ dục và muốn cho thân được thanh tịnh, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Phạm vương, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được giải thoát.

Nếu các chúng sinh muốn làm Thiên chúa, thống lĩnh chư thiên, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Đế Thích, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh muốn thân được tự tại, đi khắp mười phương, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Tự Tại thiên, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh muốn thân được tự tại, bay đi trên hư không, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Đại Tự Tại thiên, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp cõi nước, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Thiên Đại tướng quân, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh muốn sống nơi thiên cung, sai khiến quỷ thần, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Thái tử, con của Tứ thiên vương, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh muốn làm vua cõi người, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Vua, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh muốn làm chủ gia đình danh tiếng, thế gian kính nhường, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Trưởng giả vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh thích đàm luận những lời hay, giữ mình trong sạch, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Cư sĩ, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh muốn trị cõi nước, chia đoán các bang, các ấp, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Tể quan, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu các chúng sinh thích các số thuật, tự mình nhiếp tâm giữ thân, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Bà la môn, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có người con trai muốn học phép xuất gia, giữ các giới luật, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Tỷ khưu, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có người con gái muốn học phép xuất gia, giữ các cấm giới, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Tỷ khưu ni, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có người con trai thích giữ ngũ giới, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Ưu bà tắc, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có người con gái tự giữ ngũ giới, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Ưu bà di, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có người con gái lập thân trong nội chính, đề tu sửa nhà nước, tôi ở trước người kia, hiện ra thân Nữ chúa hay thân Quốc phu nhân, mệnh phụ, đại gia, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có chúng sinh không phá nam căn, tôi ở trước người kia, hiện ra thân đồng nam, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có người xử nữ, thích thân xử nữ, không cầu sự xâm bạo, tôi ở trước người kia, hiện ra thân đồng nữ, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có chư thiên muốn ra khỏi loài trời, tôi hiện ra thân chư thiên, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có các con rồng muốn ra khỏi loài rồng, tôi hiện ra thân rồng, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có Dược xoa muốn thoát khỏi loài mình, tôi ở trước họ, hiện ra thân Dược xoa, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có Càn thất bà muốn thoát khỏi loài mình, tôi ở trước họ, hiện ra thân Càn thất bà, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có A tu la, muốn thoát khỏi loài mình, tôi ở trước họ, hiện ra thân A tu la, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có Khẩn na la muốn thoát khỏi loài mình, tôi ở trước họ, hiện ra thân Khẩn na la, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có Ma hô la già muốn thoát khỏi loài mình; tôi ở trước họ, hiện ra thân Ma hô la già, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có chúng sinh thích làm người, tu cho được thân người, tôi hiện ra thân người, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc không hình, hoặc có tướng, hoặc không tướng, muốn thoát khỏi loài mình, tôi ở trước họ, hiện ra thân như họ, vì họ mà thuyết Pháp, khiến cho được thành tựu.

Ấy gọi là 32 ứng thân diệu tịnh, vào các cõi nước. Những thân ấy đều do vô tác diệu lực của Văn Huân Văn Tu Tam Muội, mà tự tại thành tựu.

Chi 3. Do bi ngưỡng, bố thí 14 công đức vô úy.

"Bạch Thế Tôn, do tôi lại dùng vô tác diệu lực của Văn Huân Văn Tu Kim Cương Tam Muội ấy, cùng với tất cả lực đạo chúng sinh trong mười phương ba đời, đồng một lòng bi ngưỡng, nên khiến các chúng sinh, nơi thân tâm tôi, được 14 thứ công đức vô úy:

Một, là do tôi không tự quán cái tiếng, mà quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sinh khổ não thập phương kia, quán cái âm thanh, thì liền được giải thoát.

Hai, là tri kiến đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sinh, dầu vào đồng lửa, lửa không thể đốt được.

Ba, là quán cái nghe đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sinh bị nước lớn cuốn đi, mà không chết đuối.

Bốn, là diệt hết vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến các chúng sinh vào những nước quý, quý không thể hại được.

Năm, là huân tập và thành tựu được tính nghe, cả sáu căn đều tiêu về bản tính, đồng như cái nghe, cái tiếng, có thể khiến cho chúng sinh, lúc đương bị hại, dao gậy từng đoạn, khiến cho các binh khí chạm vào thân người như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, bản tính không hề lay động.

Sáu, là huân tập tính nghe sáng suốt thấu khắp Pháp giới, thì các tính tối tăm không thể toàn được, có thể khiến cho chúng sinh, tuy các loài Dược xoa, La sát, Cưu bàn trà, Tỳ xá già, Phú đản na, vân vân ... ở gần một bên, con mắt chúng vẫn không thể thấy được.

Bảy, là các tiếng đều viên tiêu, thấy nghe đã xoay vào tự tính, rời các trần cảnh hư vọng, có thể khiến cho các chúng sinh, những thứ cùm, dây, gông, xiềng không thể dính vào mình được.

Tám, là diệt tướng âm thanh, viên thông tính nghe, phát sinh từ lực cùng khắp, có thể khiến cho chúng sinh đi qua đường hiểm, giặc không cướp được.

Chín, là huân tập phát ra tính nghe, rời các trần tướng, sắc dục không lôi kéo được, có thể khiến cho tất cả chúng sinh đa dâm, xa rời lòng tham dục.

Mười, là thuần một thật tướng của âm thanh, không còn gì là tiền trần, căn và cảnh điều viên dung, không có năng, sở đối đãi, có thể khiến cho tất cả chúng sinh nóng giận, rời bỏ lòng thù ghét.

Mười một, là tiêu diệt trần tướng, xoay về tính bản minh, thì Pháp giới, thân, tâm đều như ngọc lưu ly, sáng suốt không ngăn ngại, có thể khiến cho những kẻ ngu ngốc, u mê, xa rời hẳn sự si mê, tối tăm.

Mười hai, là viên dung các hình tướng, xoay tính nghe trở về đạo tràng bất động, hòa vào thế gian mà không hủy hoại thế giới, cúng dường được chư Phật Như Lai như số vi trần, cùng khắp mười phương, ở bên mỗi mỗi Đức Phật, làm vị Pháp vương tử, có thể khiến cho trong Pháp giới, những chúng sinh không con, cầu có con trai, sinh ra đứa con trai có phúc đức trí tuệ.

Mười ba, là sáu căn viên thông, soi sáng không hai, trùm khắp thập phương thế giới, thành lập Đại Viên Kính Không Như Lai tạng, vãng lĩnh Pháp môn bí mật của thập phương vi trần Như Lai, không có thiếu sót, có thể khiến cho trong Pháp giới, những chúng sinh không con, cầu có con gái, sinh ra người con gái có tướng tốt, đoan chính, phúc đức, dịu dàng, được mọi người yêu kính.

Mười bốn, là trong tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian, số lượng có đến 62 số cát sông Hằng, đều tu Phật Pháp, nêu gương mẫu, giáo hóa chúng sinh, tùy thuận chúng sinh, phương tiện trí tuệ của mỗi mỗi vị không đồng nhau. Do tôi được tính viên thông, phát ra diệu tính của nhĩ căn, cho đến thân tâm nhiệm mầu bao trùm khắp Pháp giới, nên có thể khiến cho chúng sinh chấp trì danh hiệu của tôi, so với những người chấp trì danh hiệu của tất cả các vị Pháp vương tử số lượng bằng 62 số cát sông Hằng kia, phúc đức hai bên thật bằng bậc, không sai khác.

Bạch Thế Tôn, một danh hiệu của tôi cùng với rất nhiều danh hiệu kia không khác, là do tôi tu tập được tính viên thông chân thật. Ấy gọi là 14 sức thí vô úy, đem phúc khắp cho chúng sinh.

Chi 4. Theo cơ cảm hiện ra 4 diệu đức không nghĩ bàn.

"Bạch Thế Tôn, do tôi đã được Đạo tu chứng viên thông Vô Thượng đó, nên lại khéo được 4 vô tác diệu đức không nghĩ bàn:

Một, là do tôi chứng được tính nghe chí diệu, nơi tâm tính không còn có tướng năng văn, các sự thấy, nghe, hay, biết không còn cách biệt và đều thành một bảo giác viên dung thanh tịnh, nên tôi có thể hiện ra rất nhiều hình dung nhiệm mầu, nói ra vô số thần chú bí mật. Trong đó, hoặc hiện ra một đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, như thế cho đến 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu, 84.000 cái đầu, đầy đủ các tướng; hoặc hiện ra hai tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14, 16, 18, 20, 24, như thế cho đến 108 tay, 1000 tay, 10.000 tay, 84.000 cái tay bất ấn; hoặc hiện ra hai mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, như thế cho đến 108 mắt, 1.000 mắt, 10.000 mắt, 84.000 con mắt báu thanh tịnh; hoặc khi thì từ ái, hiền minh hoặc khi thì oai nghiêm, phẫn nộ hoặc khi thì định, hoặc khi thì tuệ, cứu giúp chúng sinh được rất tự tại.

Hai, là do cái nghe, cái nghĩ của tôi, thoát ra ngoài sáu trần như cái tiếng qua bức tường, không thể bị ngăn ngại, cho nên diệu dụng của tôi có thể hiện mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú, hình đó, chú đó đều có thể đem sức vô úy mà bố thí cho các chúng sinh; vì thế, cõi nước thập phương như vi trần đều gọi tôi là vị Thí vô úy.

Ba, là tôi tu tập, phát ra căn tính bản diệu viên thông thanh tịnh, nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân, xả đồ trân bảo, cầu tôi thương xót.

Bốn, là do tôi được tâm Phật, chúng đến chỗ rốt ráo, nên có thể đem các thứ quý báu cúng dường thập phương Như Lai, cả đến chúng sinh lục đạo trong Pháp giới, ai cầu vợ thì được vợ, cầu con thì được con, cầu Tam muội thì được Tam muội, cầu sống lâu thì được sống lâu, như thế, cho đến cầu Đại niết bàn thì được Đại niết bàn.

Chi 5. Kết luận về viên thông nhĩ căn.

"Phật hỏi về viên thông, tôi do Văn Chiếu Tam muội nơi nhĩ căn mà duyên tâm được tự tại; nhân tướng nhập lưu, được Tam ma đề, thành tựu quả Bồ đề, đó là thứ nhất.

Bạch Thế Tôn, Đức Phật Như Lai kia, khen tôi khéo được Pháp môn viên thông, ở trong Đại hội, thọ ký cho tôi cái hiệu là Quán Thế Âm; do tôi thấy nghe thấu suốt mười phương, nên danh tiếng Quán Âm cùng khắp thập phương thế giới".

MỤC V - CHỈ ĐÍCH PHÉP VIÊN TU

ĐOẠN I

PHÓNG HÀO QUANG, HIỆN ĐIỀM LÀNH

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn nơi sư tử tọa, năm vóc đồng phóng ra hào quang báu, rọi xa trên đỉnh thập phương Như Lai số như vi trần và trên đỉnh các vị Pháp vương tử, các vị Bồ tát. Các Đức Như Lai kia, năm vóc cũng đồng phóng ra hào quang báu, từ các thế giới số như vi trần đến rọi trên đỉnh Phật và trên đỉnh các vị Đại Bồ Tát và A la hán trong Hội; rùng cây, ao hồ đều diễn ra Pháp âm; hào quang giao xen cùng nhau như lưới tơ báu. Cả trong đại chúng được cái chưa từng có; tất cả đều được Kim Cương tam muội. Liền khi ấy, trời mưa hoa sen bách bảo màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng xen lộn lẫn nhau, thập phương hư không hóa thành sắc thất bảo. Đất liền, núi sông của cõi Sa bà này cùng một lúc không hiện ra, chỉ thấy vi trần quốc độ thập phương hợp thành một giới, tiếng hát ca ngợi tự nhiên nổi lên.

ĐOẠN II

PHẬT BẢO NGÀI VĂN THÙ LỰA CHỌN CĂN VIÊN THÔNG

Khi bấy giờ, Đức Như Lai bảo Ngài Văn Thù sư lợi Pháp vương tử rằng: "Ông hãy xét trong 25 vị vô học Đại bồ tát và A la hán, mỗi mỗi đều trình bày phương tiện hành đạo lúc đầu, đều nói tu tập tính viên thông chân thật; chỗ tu hành của các vị kia, thật không có hơn, kém, trước, sau gì khác nhau. Nay tôi muốn khiến cho ông A Nan khai ngộ, thì trong 25 phép tu, phép nào hợp với căn cơ của ông ấy; Lại, sau khi tôi diệt độ rồi, chúng sinh trong cõi này vào thừa Bồ tát, cầu đạo vô thượng, thì do Pháp môn phương tiện gì, được dễ thành tựu hơn?"

ĐOẠN III

LỰA RA NHỮNG CĂN KHÔNG PHẢI VIÊN

Chi I. Tán thán tính giác vốn diệu và chỉ rõ mê vọng vốn không.

Ngài Văn Thù sư lợi Pháp vương tử, vâng từ chỉ của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ nơi chân Phật, dựa vào uy thần của Phật, nói bài kệ đáp lại:

*"Bản tính biển Giác khắp đứng lặng,
Tính khắp đứng lặng vốn nhiệm mầu,
Bản minh chiếu ra hình như sở,
Lập tướng sở, bỏ mất bản minh.
Do mê vọng, mà có hư không,
Nương hư không, lập thành thế giới;
Tư tưởng chăm chú thành cõi nước,
Hay biết mọi việc, là chúng sinh.
Hư không sinh ra trong đại giác,
Như một bọt nước sinh trong bể;
Các nước hữu lậu, như vi trần
Đều nương hư không, mà phát sinh;
Bọt nước diệt, vốn không hư không,
Huống nữa là, hình tướng ba cõi.*

Chi 2. Nói rõ phương tiện có mau, có chậm

"Bản tính xoay về, vốn không hai,
Phương tiện tu chứng có nhiều cách,
Cách nào cũng thông vào bản tính,
Nói thuận, nghịch, chỉ là phương tiện;
Do hàng sơ tâm vào Tam muội,
Bên mau, bên chậm không đồng nhau.

Chi 3. Lựa ra 6 trần

"Vọng tưởng kết lại thành sắc trần,
Hay biết không thể thông suốt được;
Làm sao, chính chỗ không thông suốt,
Tu hành, lại được tính viên thông?
Âm thanh xen lộn với lời nói,
Chỉ nương theo ý vị danh từ;
Nếu một, không trùm được tất cả,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Hương, chỉ lúc hợp, mới rõ biết,
Lúc rời cách, thì vốn không có;
Nếu sở giác, không được thường xuyên,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Vị, không phải bản nhiên tự có,
Cần phải nếm, mới biết có vị;
Nếu giác quan, không thường duy nhất,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Xúc, do các vật chạm mà biết,
Không vật chạm, thì không thành xúc;
Khi hợp, khi ly, không nhất định,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Pháp, cũng có tên là nội trần,
Nương theo trần, tất phải có sở;
Nếu sở, không viên dung nhập một,
Thì làm sao, được tính viên thông?"

Chi 4. Lựa ra 5 căn

"Cái thấy, tuy rộng suốt rất xa,
Nhưng thấy trước, mà không thấy sau;
Bốn bề, còn thiếu mất một nửa,
Thì làm sao, được tính viên thông!
Mũi, có thở ra và thở vào,
Chặng giữa, hiện không có hơi thở,
Nếu không viên dung sự cách bức,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Ngoài sở nhập, tính ném không thành,
Nhân các vị, mới có hay biết;
Không có vị, rốt ráo không có,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Thân biết xúc với cảnh sở xúc,
Đều có hạn, không phải cùng khắp;
Nếu không nhận tính không bờ bến,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Ý căn xen với các loạn tướng,
Đứng lạng, rốt cuộc không thấy gì;
Nếu không thoát được các tướng niệm,
Thì làm sao, được tính viên thông?"

Chi 5. Lựa ra 6 thức.

"Nhãn thức, phát khởi nhờ căn trần,
Gạn cùng, vốn không có tự tướng;
Cả tự thể, còn không nhất định,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Tâm nghe rộng thấu cả mười phương,
Là do sức hoằng thệ rộng lớn;
Sơ tâm, không thể đến chỗ ấy
Thì làm sao, được tính viên thông?
Quán đầu mũi, vốn là duyên cơ,
Chỉ để nhiếp tâm được an trụ;
Nếu cảnh quán, lại thành sở trụ,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Thuyết Pháp, diệu dụng các danh từ;
Cốt phải đã được khai ngộ trước;

*Nếu lời nói, không phải vô lậu,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Giữ giới, chỉ cầu thức cái thân,
Ngoài cái thân, lấy gì cầu thức;
Vốn không phải cùng khắp tất cả,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Thần thông, do túc tập từ trước,
Nào dính gì ý thức phân biệt;
Tưởng niệm, không thoát ly sự vật,
Thì làm sao, được tính viên thông?*

Chi 6. Lựa ra 7 đại

*"Nếu quán cái tính của địa đại,
Thì nó ngăn ngại, không thông suốt;
Pháp hữu vi, không phải chân tính,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Nếu quán cái tính của thủy đại,
Quán tướng, đâu phải là chân thật,
Nếu không đi đến Diệu chân như,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Nếu quán hỏa đại, trừ dâm dục,
Chán cái có, không phải thật ly;
Phương tiện, không hợp với sơ tâm,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Nếu quán cái tính của phong đại,
Động, tĩnh, đâu phải không đối đãi;
Đối đãi, trái với Vô Thượng Giác,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Nếu quán cái tính của không đại,
Hư không vô tri, không hay biết;
Không biết, khác hẳn với Bồ đề,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Nếu quán cái tính của thức đại,
Thức sinh diệt, đâu phải thường trụ,
Đề tâm trong phân biệt hư vọng,
Thì làm sao, được tính viên thông?
Tất cả các hành đều vô thường,
Tưởng niệm, vốn trong vòng sinh diệt,*

*Nhân và quả, khác nhau như thế,
Thì làm sao, được tính viên thông?"*

ĐOẠN IV

CHỌN LẤY CÁI CĂN VIÊN THÔNG

Chi I. Họp với giáo thể cõi Sa bà

*"Tôi nay xin bạch Đức Thế Tôn,
Phật ra đời trong cõi Sa bà,
Trong cõi này, lời dạy chân thật,
Thanh tịnh, do chỗ nói và nghe;
Nay muốn tu chứng Tam ma đề,
Thật nên do cái nghe mà vào."*

Chi 2. Xung tán ngài Quán Thế Âm

*"Rời cái khổ và được giải thoát,
Lành thay cho ngài Quán Thế Âm;
Trong kiếp số như cát sông Hằng,
Vào cõi Phật như số vi trần,
Được sức tự tại rất to lớn,
Bồ thí vô úy cho chúng sinh.
Ngài Quán Thế Âm, tiếng nhiệm màu (Diệu Âm),
Tiếng trong sạch (Phạm Âm) và
tiếng hải triều (biển trào – Hải Triều Âm),
Cứu đời, mọi việc được yên lành,
Xuất thế gian, được quả thường trụ."*

Chi 3. Xung tán nhĩ căn.

*"Tôi nay kính bạch Đức Như Lai,
Như lời ngài Quán Âm vừa nói:
Ví như, có người trong yên lặng,
Chung quanh mười phương đều đánh trống,
Thì đồng thời nghe khắp mười nơi,
Như thế, mới là viên chân thật.
Mắt bị ngăn che, không thấy được,
Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy,*

Thân căn, lúc hợp mới biết xúc,
Ý căn, phân vân không manh mối;
Cách tường, nhĩ căn vẫn nghe tiếng,
Dầu xa, dầu gần, đều nghe được;
Năm căn so sánh thật không bằng,
Như thế, mới là thông chân thật.
Tính thanh trần, có động, có tĩnh,
Trong tính nghe thành có, thành không;
Khi không tiếng, gọi là không nghe,
Đâu phải thật không còn tính nghe;
Không tiếng, tính nghe đã không diệt,
Có tiếng, tính nghe đâu phải sinh;
Trọn rời cả hai thứ sinh diệt,
Như thế, mới là thường chân thật.
Dầu cho, trong lúc đương ngủ mê,
Không vì không nghĩ, mà không nghe;
Tính nghe ra ngoài sự suy nghĩ,
Thân, ý không thể so bằng được.

Chi 4. Chuyển mê thành ngộ

“Hiện nay, trong cõi Sa bà này,
Các thứ thanh luận được truyền bá,
Do chúng sinh bỏ mất tính nghe,
Theo thanh trần, nên bị lưu chuyển;
A Nan, tuy có tính nhớ dai,
Vẫn không khỏi mắc các tà niệm;
Há không phải tùy chỗ chìm đắm,
Xoay ngược dòng, thoát khỏi hư vọng.
A Nan, ông hãy nghe cho chín,
Nay tôi nương uy lực của Phật,
Tuyên nói phép Tam muội chân thật,
Chắc như Kim cương vương, như huyễn,
Không nghĩ bàn, xuất sinh chư Phật.
Ông nghe tất cả Pháp bí mật
Của chư Phật, số như vi trần,
Nếu trước hết, không trừ dục lậu,
Nghe nhiều, chưa chấp thành lâm lỗi;

Dùng cái nghe thọ trì Phật Pháp,
Sao lại không tự nghe cái nghe?
Tính nghe không phải tự nhiên sinh,
Nhân thanh trần mà có danh hiệu,
Xoay cái nghe, thoát ly thanh trần,
Cái thoát ly ấy, gọi là gì?
Một căn, đã trở về bản tính,
Thì cả sáu căn, được giải thoát,
Thấy, nghe như bệnh lòa huyễn hóa,
Ba cõi như hoa đốm hư không;
Xoay tính nghe, gốc lòa tiêu trừ,
Trần tướng tiêu, giác tính viên tịnh.
Tột thanh tịnh, trí quang thông suốt,
Thể tịch chiếu trùm khắp hư không,
Trở lại xem các việc thế gian
Thật giống như chiêm bao không khác.
Nàng Ma đang già là chiêm bao
Thì còn ai bắt ông được nữa?
Như các huyễn sư khéo trong đời,
Làm trò, thành ra các trai, gái;
Tuy thấy các căn đều cử động,
Cốt yếu, do cái máy giạt dây;
Nghỉ máy, tất cả đều yên lặng,
Các trò, trở thành không bản tính.
Cả sáu căn cũng giống như thế,
Vốn đều nương một tính tinh minh
Chia ra thành sáu thứ hòa hợp;
Một nơi, đã rời bỏ quay về,
Thì cả sáu, đều không thành lập;
Trong một niệm, trần cấu đều tiêu,
Chuyển thành tính Viên minh tịnh diệu,
Còn sót trần cấu là học vị,
Sáng suốt cùng tột, tức Như Lai.
Hỡi đại chúng và ông A Nan,
Hãy xoay lại cái nghe điên đảo,
Xoay cái nghe về, nghe tự tính,
Nhận tự tính, thành đạo vô thượng;
Thật tính viên thông là như thế."

Chi 5. Chọn lấy nhĩ căn làm phương tiện thích hợp.

*"Đây thật là một đường thẳng tiến
Vào Niết bàn của vi trần Phật;
Các Đức Như Lai trong quá khứ
Đều đã thành tựu Pháp môn này;
Các vị Bồ tát trong hiện tại
Điều viên minh vào Pháp môn ấy;
Những người tu học đời vị lai
Đều nên nương theo Pháp môn đó;
Tôi cũng do Pháp ấy mà chứng,
Không phải chỉ ngài Quán Thế Âm.
Thật như lời Đức Phật Thế Tôn
Đã hỏi tôi về các phương tiện
Để cứu giúp, trong đời Mạt Pháp,
Những người cầu Pháp xuất thế gian
Thành tựu được tâm tính Niết bàn
Thì ngài Quán Âm là hơn cả.
Còn tất cả các phương tiện khác
Đều là nhờ uy thần của Phật,
Tức nơi sự, rời bỏ trần lao,
Không phải phép tu học thường xuyên,
Nông hay sâu cũng đồng nghe được.*

Chi 6. Đỉnh lễ cầu gia bị.

*"Xin đỉnh lễ tính Như Lai tạng,
Vô lậu, không còn sự nghĩ bàn,
Nguyện gia bị cho đời vị lai,
Nơi Pháp môn này, không làm lẫn.
Đây là phương tiện để thành tựu,
Nên đem dạy cho ông A Nan
Cùng những kẻ trầm luân mạt kiếp,
Chỉ dùng nhĩ căn mà tu tập,
Thì viên thông chóng hơn Pháp khác;
Tâm tính chân thật là như thế."*

ĐOẠN V NGHE PHÁP ĐƯỢC CHÚNG

Lúc ấy, ông A Nan cùng cả đại chúng, thân tâm tỏ rõ, nhận được sự khai thị to lớn, xem quả Bồ đề và Đại niết bàn của Phật, cũng như có người nhân có việc phải đi xa, tuy chưa trở về được, song đã biết rõ con đường về nhà. Trong Pháp hội, cả đại chúng, Thiên Long bát bộ, hàng Nhị thừa hữu học và tất cả các Bồ tát mới phát tâm, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, đều được bản tâm xa trần tướng, rời cấu nhiễm, được Pháp nhãn thanh tịnh. Bà Tịch tử khuru ni nghe nói bài kệ xong, thành quả A la hán; vô lượng chúng sinh đều phát tâm Vô Đẳng Đẳng Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

CHƯƠNG III - RỘNG ĐỀ LẠI KHUÔN PHÉP TU HÀNH

MỤC I - NHÂN ÔNG A NAN XIN CỨU ĐỘ ĐỜI VỊ LAI, PHẬT TÓM NÊU RA BA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

Ông A Nan sửa áo chỉnh tề, ở trong đại chúng, chấp tay đỉnh lễ; tâm tích trọn sáng, vừa mừng vừa tủi; vì muốn lợi ích cho các chúng sinh vị lai, cúi đầu bạch Phật: "Thưa Đức Thế Tôn đại bi, tôi nay đã ngộ được Pháp môn thành Phật, tu hành trong đó, được không nghi hoặc. Tôi thường nghe Đức Như Lai dạy như thế này: Tự mình chưa được độ, trước đã độ người, đó là chỗ phát tâm của các vị Bồ tát; tự mình giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ kẻ khác, đó là sự ứng thế của các Đức Như Lai. Tôi tuy chưa được độ, song nguyện độ tất cả chúng sinh trong đời Mạt Pháp. Bạch Thế Tôn, các chúng sinh đó cách Phật ngày càng xa, những tà sư thuyết Pháp; số như cát sông Hằng; nếu muốn họ nhiếp tâm vào Tam ma đề, thì nên khiến họ dựng lập đạo tràng thế nào để rời các ma sự, được không thoái khuất nơi tâm Bồ đề."

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn, ở trong đại chúng, khen ngợi ông A Nan: "Hay lắm, hay lắm, như chỗ ông hỏi về dựng lập đạo tràng, cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời Mạt Pháp, ông hãy nghe cho chín, tôi sẽ vì ông mà nói".

Ông A Nan và cả đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Phật bảo ông A Nan: "Ông thường nghe tôi, trong Tỳ nại gia, tuyên nói ba nghĩa quyết định của sự tu hành, đó là thu nhiếp cái tâm là giới, nhân giới mà sinh định, nhân định mà phát tuệ, thế gọi là 3 Pháp Vô lậu học."

MỤC II - CHỈ BÀY BỐN LỜI DẠY BẢO RÕ RÀNG QUYẾT ĐỊNH

ĐOẠN I CHỈ VỀ QUYẾT ĐỊNH ĐOẠN LÒNG DÂM

"A Nan, thế nào thu nhiếp cái tâm thì gọi là giới?"

Nếu chúng sinh lục đạo các thế giới, cái tâm không dâm, thì không đi theo dòng sinh tử tiếp tục. Ông tu phép Tam muội cốt để ra khỏi trần lao, nếu không trừ lòng dâm, thì không thể ra khỏi trần lao được. Dầu có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu không đoạn lòng dâm, cũng chắc lạc vào ma đạo, hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ; các bọn ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành đạo vô thượng.

Sau khi tôi diệt độ rồi, trong đời Mạt Pháp, có nhiều bọn ma này sôi nổi trong thế gian, gây nhiều việc tham dâm, lại giả làm người thiện tri thức, khiến cho các chúng sinh sa vào hầm ái kiến; bỏ mất con đường Bồ đề. Ông dạy người đời tu Pháp Tam ma đề, trước hết phải đoạn cái dâm trong tự tâm. Ấy gọi là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các Đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn. Vậy nên ông A Nan, nếu không đoạn lòng dâm mà tu thiên định, thì cũng như nấu cát, nấu đá muốn cho thành cơm, dầu trải qua trăm nghìn kiếp cũng chỉ gọi là cát nóng, đá nóng, vì có sao? Vì đó là giống cát, giống đá, không phải là bản nhân của cơm vậy.

Ông đem thân dâm cầu diệu quả của Phật, dầu được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm, cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi, còn đường nào tu chứng Niết bàn Như Lai. Chắc phải khiến cho thân tâm đều đoạn hết giống dâm, cho đến tính đoạn cũng không còn nữa, thì mới trông mong chứng quả Bồ đề của Phật. Như lời tôi nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần."

ĐOẠN II CHỈ VỀ QUYẾT ĐỊNH ĐOẠN LÒNG SÁT

"A Nan, lại các chúng sinh lục đạo trong các thế giới, nếu cái tâm không sát, thì không theo dòng sinh tử tiếp tục. Ông tu phép Tam muội, cốt ra khỏi trần lao, nếu không trừ lòng sát, thì không thể ra khỏi trần lao được. Dầu có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu không đoạn lòng sát, thì chắc phải lạc vào thân đạo; người bậc trên thì thành đại lực quý, người bậc giữa thì thành phi hành dạ xoa và các loài quý soái, người bậc dưới thì thành địa hành la sát, các loài quý thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành đạo vô thượng.

Sau khi tôi diệt độ rồi, trong đời Mạt Pháp, có nhiều quỷ thần này sôi nổi trong thế gian, tự nói rằng ăn thịt, được đạo Bồ đề. A Nan, tôi khiến hàng tỷ khuru ăn năm thứ tịnh nhục, thịt kia đều do thần lực tôi hóa sinh ra, vốn không có mạng căn. Xứ Bà la môn các ông, đất đai phần nhiều nóng ướt, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được; tôi dùng sức đại bi gia bị, nhân sức đại từ bi, giả gọi là thịt và các ông cũng nhận được cái vị như thịt; làm sao sau khi Như Lai diệt độ, người ăn thịt chúng sinh, lại gọi là Phật tử! Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dầu cho tâm được khai ngộ, giống như Tam ma đề, đều là loài la sát, quả báo hết rồi, phải chìm đắm trong bể khổ, không phải đệ tử Phật. Những người như vậy, giết nhau, nuốt nhau, ăn nhau chưa thôi, làm sao, lại được ra khỏi ba cõi. Ông dạy người đời tu phép Tam ma đề, thứ nữa, phải đoạn lòng sát. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các Đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Vậy nên A Nan, nếu không đoạn lòng sát mà tu thiên định, thì cũng ví như có người tự bịt lỗ tai, cất tiếng kêu to mà trông mong người khác không nghe; bọn này gọi là muốn giấu thì càng lộ. Hàng tỷ khuru thanh tịnh và các vị Bồ tát đi trong đường rẽ, không dẫm cỏ non, hướng nữa là lấy tay nhỏ cỏ; làm sao Đức Đại bi, lại lấy máu thịt của các chúng sinh, mà làm đồ ăn?

Nếu các hàng tử khuru không mặc những đồ tơ lụa, là lượt phương Đông và không dùng những giày dép, áo cừu, áo len hay các thứ sữa, phó mát, đề hồ, thì những tử khuru như thế, đối với thế gian, thật là giải thoát, trả hết nợ cũ xong, thì không vào trong ba cõi nữa, vì có sao? Dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, thì đều bị ảnh hưởng chúng sinh, cũng như con người ăn giống bách cốc trong đất, thì chân không rời khỏi đất. Quyết phải khiến cho thân tâm, đối với thân thể hay bộ phận thân thể của chúng sinh, đều không mặc, không ăn, thì những người như thế, tôi mới gọi thật là giải thoát. Như lời tôi nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần."

ĐOẠN III

CHỈ VỀ QUYẾT ĐỊNH ĐOẠN LÒNG THẬU ĐẠO

"A Nan, lại như chúng sinh lục đạo trong thế giới, tâm không thấu đạo, thì không theo dòng sinh tử tiếp tục. Ông tu phép Tam muội, cốt ra khỏi trần lao, nếu lòng thấu đạo không trừ, thì không thể ra khỏi trần lao được; dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu không đoạn được lòng thấu đạo, thì chắc phải lạc vào tà đạo, hạng trên thì thành tinh linh, hạng giữa thì thành yêu mị, hạng dưới thì thành người tà đạo bị các loài quỷ mị nhập vào; các bọn tà đạo kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành đạo vô thượng.

Sau khi tôi diệt độ rồi, trong đời Mạt Pháp, có nhiều những hạng yêu mị tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian, chúng lén núp gian dối, tự xưng là thiện tri thức, mỗi người tự xưng đã được đạo Pháp thượng nhân, lừa gạt kẻ không biết, doạ dẫm khiến cho mất lòng chánh tín; chúng đi qua đến đâu, cửa nhà người ta đều bị hao tổn tan nát. Tôi dạy hàng tử khuru theo thứ lớp khát thực để bỏ lòng tham, thành đạo Bồ đề. Các hàng tử khuru không tự nấu ăn, gửi cái sống thừa tạm bợ trong ba cõi, thị hiện chỉ đi về một phen, đi rồi không trở lại nữa. Làm sao, bọn giặc mượn y phục đạo Phật, buôn bán Như Lai, gây các thứ nghiệp mà đều gọi là Phật Pháp, lại còn chê bai các vị tử khuru đầy đủ giới luật xuất gia là đạo Tiểu thừa; do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đọa vào ngục vô gián.

Sau khi tôi diệt độ rồi, nếu có tử khuru phát tâm quyết định tu phép Tam ma đề, biết ở trước hình tượng Như Lai, chính mình thắp một cây đèn, đốt một đốt ngón tay hay ở trên thân, đốt một mùi hương, tôi nói người ấy, tức trái vô thủy, trong một thời trả hết, cáo từ thế gian, thoát hẳn các lậu. Người ấy, tuy chưa hiểu rõ đạo Vô Thượng Giác, nhưng đối với Phật Pháp, tâm đã quyết định; nếu không làm được cái nhân nhỏ mọn xả thân ấy, thì dầu thành đạo vô vi, cũng phải lại sinh làm người, trả các nợ củ, như quả báo mã mạch của tôi, thật không sai khác. Ông dạy người đời tu phép Tam ma đề, sau nữa, phải đoạn lòng thâm đạo. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các Đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Vậy nên ông A Nan, nếu không đoạn lòng thâm đạo mà tu thiên định, thì cũng như người lấy nước rót vào chén thủng, mong cho đầy chén, dầu trải qua kiếp số như vi trần, rót cuộc không thể đầy được. Nếu các hàng tử khuru, ngoài y bát ra, mảy may không tích trữ, xin ăn có dư, thì bố thí cho chúng sinh đói, nơi nhóm Hội lớn, chấp tay vái chào đại chúng, có người đánh trống cũng đồng như khen ngợi, quyết định rời bỏ cả thân và tâm, thân thịt xương máu thành sở hữu chung của chúng sinh, không đem những lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của mình, khiến cho kẻ sơ học phải lầm lạc, thì Phật ấn chứng người ấy, thật được Tam muội. Như lời tôi nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần."

ĐOẠN IV CHỈ VỀ QUYẾT ĐỊNH ĐOẠN LÒNG VỌNG

"A Nan, chúng sinh lục đạo trong thế giới như thế, tuy nơi thân tâm không còn sát, đạo, dâm, cả ba hạnh đã được viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì Tam ma đề không được thanh tịnh, thành giống ma ái kiến và mắt giống Như Lai; tức như chưa được gọi rằng được, chưa chứng gọi rằng chứng, hoặc để cầu thế gian tôn trọng tột bậc, bảo người khác rằng: Nay tôi đã được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, đạo A la hán, thừa Bích chi Phật hay các quả vị Bồ tát trong thập địa hay trước thập địa, trông mong người kia lễ sấm, tham sự cúng dường. Những tên nhất điên ca ấy, tự tiêu diệt giống Phật, như người lấy dao chặt cây đa la; Phật ấn ký người ấy, mắt hẳn thiện căn, không còn chính tri kiến, chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu Pháp Tam muội.

Tôi bảo các hàng Bồ tát và A la hán, sau khi tôi diệt độ rồi, hiện ra ứng thân, sinh trong đời Mạt Pháp kia, hiện ra nhiều hình tướng khác nhau, đề độ những người còn trong vòng luân hồi, hoặc làm sa môn, bạch y cư sĩ, vua chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ, như thế cho đến người dâm nữ, người quả phụ, người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, buôn bán, để khen ngợi Phật thừa với những người đồng sự, khiến cho thân tâm của họ vào được Tam ma đề; nhưng rất ráo không tự bảo rằng tôi thật là Bồ tát, thật là A la hán, khinh xuất nói với những người chưa học, làm tiết lậu mật nhân của Phật, chỉ trừ đến lâm chung, hoặc chẳng, thậm có những lời di chúc; làm sao, lại còn có lừa gạt chúng sinh, thành tội đại vọng ngữ. Ông dạy người đời tu phép Tam ma đề, sau rất phải đoạn trừ các đại vọng ngữ. Ấy gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các Đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Vậy nên ông A Nan, nếu không đoạn trừ lòng đại vọng ngữ, thì cũng như khắc phân người làm thành hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm, thật không có lẽ nào như vậy. Tôi dạy hàng tỷ khuru lấy trực tâm làm đạo trường, trong hết thấy hành động, nơi bốn uy nghi, còn không có giả dối, làm sao, lại có kẻ tự xưng đã được đạo Pháp thượng nhân! Ví như người dân cùng xưng càn là đế vương để tự chuốc lấy sự tru diệt, hưởng nữa, là vị Pháp vương, làm sao, lại dám xưng càn! Nhân đã không thật, quả ắt quanh co, như thế, mà cầu đạo Bồ đề của Phật, thì cũng như người muốn cắn rốn, làm sao, mà thành tựu được. Nếu như các hàng tỷ khuru, tâm như dây đàn thẳng, tất cả đều chân thật mà vào Tam ma đề, thì hẳn không có các ma sự, tôi ấn chứng người đó, thành tựu được Vô Thượng tri giác của các hàng Bồ tát. Như lời tôi nói đây, gọi là lời nói của Phật; không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba tuần."

QUYỀN BẢY
MỤC III - PHẬT KHAI THỊ VỀ MẠT GIÁO,
THẨM GIÚP CHO NHỮNG NGƯỜI TU HÀNH

"A Nan, ông hỏi cách nhiếp trì tâm niệm, thì tôi đã nói rằng: Người muốn vào Tam ma đề, tu học Pháp môn nhiệm mầu, cầu đạo Bồ tát; trước hết cần giữ 4 thứ luật nghi đó trong sáng như giá, như sương, tự không thể sinh ra được tất cả ngành lá; ba ý nghiệp, bốn khẩu nghiệp ác chẵn không còn có nhân mà sinh được. A Nan, nếu giữ 4 việc như vậy không thiếu sót, thì tâm còn không duyên với sắc, hương, vị, xúc, tất cả ma sự làm sao mà phát sinh được. Nếu có tập khí cũ không thể diệt trừ, ông dạy người đó nhất tâm tụng thần chú Vô Thượng "Phật Đỉnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra" của tôi, đó là cái tâm chú do Vô vi tâm Phật của Vô Kiến đỉnh tướng Như Lai, từ nơi đỉnh hiện ra, ngồi trên hoa sen báu mà nói.

Vả lại, ông cùng nàng Ma đăng già, do nhân duyên nhiều kiếp đời trước thành tập khí ân ái, không phải một đời hay là một kiếp; song, một phen tôi tuyên dương thần chú, thì Nàng Ma đăng già thoát hẳn khỏi lòng yêu, thành quả A la hán. Nàng kia, còn là dâm nữ, không có tâm tu hành, do sức thần chú giúp, cũng mau chứng quả vô học; thế thì bọn ông, những hàng Thanh văn trong Hội này, cầu Tối thượng thừa, thì quyết định sẽ thành Phật, cũng ví như bụi bay gặp gió thuận, có khó khăn gì?

Nếu có người, trong đời Mạt Pháp, muốn ngồi đạo tràng tu hành, trước hết phải giữ cấm giới tử khuu thanh tịnh và cần phải lựa chọn những vị sa môn giữ giới thanh tịnh bậc nhất để làm thầy mình; nếu không gặp được tăng chúng thật thanh tịnh, thì giới luật nghi chắc không thành tựu được. Sau khi giới được thành tựu rồi, người đó đắp y mới, sạch sẽ, đốt hương, ở riêng một mình, tụng thần chú, do tâm Phật nói, một trăm tám biến; về sau, kết giới dựng lập đạo tràng, cầu các Đức Vô Thượng Như Lai, hiện ở trong các cõi nước mười phương, phóng hào quang đại bi đến rọi nơi đỉnh đầu mình.

A Nan, những hàng thanh tịnh tử khuu, hoặc tử khuu ni, hoặc bạch y đàn việt như vậy, trong đời Mạt Pháp, tâm diệt được tham dâm, giữ giới thanh tịnh của Phật, ở trong đạo tràng, phát nguyện Bồ tát, khi ra, khi vào, khi tắm, khi rửa, cả trong sáu thời đều hành đạo như vậy, không ngủ, đến ba lần bảy ngày, thì tôi tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đỉnh an ủi, khiến cho khai ngộ".

MỤC IV - KHAI THỊ NHỮNG PHÁP TẮC LẬP ĐẠO TRÀNG TU TRÌ

ĐOẠN I

ÔNG A NAN XIN HỎI VỀ QUY TẮC ĐẠO TRÀNG

Ông A Nan bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, tôi nhớ lời từ bi dạy bảo vô thượng của Đức Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành quả vô học, song, những người tu hành, trong đời Mạt Pháp, muốn lập đạo tràng, cần kết giới thể nào, cho hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn?"

ĐOẠN II

KHAI THỊ NGHI THỨC ĐẠO TRÀNG

Phật bảo ông A Nan: "Nếu người trong đời Mạt Pháp, muốn lập đạo tràng, trước hết, phải lấy phân con đại lục bạch ngưu ở núi Tuyết sơn, bạch ngưu này, ăn cỏ thơm ngon tốt trong núi và chỉ uống nước trong trên núi Tuyết sơn, nên cái phân mịn màng; nên lấy cái phân nó, hòa hợp với hương chiên đàn để quét trên mặt đất. Nếu, không phải ở Tuyết sơn, thì phân bạch ngưu hôi nhớp, không thể trát đất được. Vậy thì, phải riêng ở nơi bình nguyên, đào bỏ các lớp đất trên mặt, lấy thứ đất vàng từ 5 thước trở xuống; rồi lấy 10 thứ hương là chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiệt, nghiền rây thành bột, trộn với đất ấy thành bùn, để trát trên mặt đất đạo tràng, mỗi bề 1 trượng 6, thành cái đàn bát giác. Giữa trung tâm đàn, an trí một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, cây, giữa hoa để một cái bát, trong bát đựng trước nước mù sương tháng Tám và trong nước ấy tùy ý cắm các hoa lá hiện có. Rồi lấy 8 cái gương tròn, mỗi cái để một phía, chung quanh hoa sen và bát hoa. Bên ngoài những gương ấy, an trí 16 hoa sen và giữa các hoa sen để 16 lư hương cho trang hoàng. Trong lư hương đốt toàn hương trầm thủy, không cho thấy lửa. Lấy sữa bạch ngưu để trong 16 khí mảnh; lấy sữa làm bánh nướng và các thứ đường cát, bánh rán, bột sữa, tô hộp, mút gừng, mật ong, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ 16 khí mảnh, đặt ở ngoài hoa sen và quanh vòng hoa sen; để cúng dâng chư Phật và các vị Đại bồ tát.

Trong mỗi thời ăn cơm và ở giữa đêm, lấy nửa thăng mật và 3 cáp bơ, trước đàn để riêng một lư lửa nhỏ; lấy hương đầu lâu bà, nấu lấy nước

thơm, rửa than cho sạch; rồi đốt than đỏ hồng trong lư và rót mật bơ vào, đốt cho hết khói để cúng dường chư Phật, Bồ tát.

Ở 4 phía ngoài, treo khắp tràng phan và hoa; ở trong phòng đàn, an trí hình tượng hiện có của thập phương Như Lai và các vị Bồ tát nơi 4 vách. Nên ở chính giữa để hình tượng Phật Lô xá na, Phật Thích ca, Phật Di lặc, Phật A xơ, Phật Di đà và các hình tượng đại biến hóa của Ngài Quán Âm, lại thêm, hình tượng các vị Kim Cương Tạng Bồ tát để ở hai bên; những tượng của Đế Thích, Phạm vương, Ô sô sắt ma, Lam địa ca, Quân trà lợi, Tỳ câu chi và Tứ thiên vương, Tỳ Na Dạ Ca, vân vân..., treo ở hai bên cửa; lại lấy 8 cái gương treo úp trên hư không, mặt gương này đối chiếu với 8 gương trước, đã để trong đàn tràng, làm cho các hình ảnh lồng nhau nhiều lớp.

ĐOẠN III KHAİ THỊ TU TRÌ ĐƯỢC CHỨNG

Trong tuần 7 ngày đầu, chí thành đĩnh lễ danh hiệu thập phương Như Lai, các vị Đại bồ tát và A la hán, thường trọn 6 thời tụng chú đi quanh đàn, chí tâm hành đạo, một thời thường là 108 biến.

Trong tuần 7 ngày thứ 2, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ tát, tâm không gián đoạn; trong luật nghi đạo, ta đã có chỉ dạy về nguyện.

Trong tuần 7 ngày thứ 3, trong cả 12 thời, một mặt trì chú Bát đát ra của Phật; đến ngày thứ 7, thì thấy thập phương Như Lai một thời xuất hiện, trong chỗ ánh sáng các mặt gương giao xen và được Phật xoa đĩnh. Rồi, liền ở nơi đạo tràng đó, tu phép Tam ma đề, có thể khiến cho những người tu học như vậy, trong đời Mạt Pháp, thân tâm được sáng suốt, trong sạch như ngọc lưu ly.

A Nan, nếu trong các thầy truyền giới cho vị tử khuru ấy, hay trong 10 vị tử khuru đồng hội, có một người giới hạnh không thanh tịnh, thì những đạo trường như thế, phần nhiều là không thành tựu.

Từ sau 3 tuần 7 ngày, ngồi nghiêm chỉnh an cư, trải qua một trăm ngày, thì những người có lợi căn, không rời khỏi chỗ ngồi, đã được quả Tu đà hoàn; dầu cho nơi thân tâm thánh quả chưa thành, nhưng đã quyết định tự biết sẽ thành Phật, không sai chạy. Ông hỏi về đạo tràng, thì cách dựng lập như vậy".

MỤC V - TUYÊN NÓI TÂM CHÚ, RỘNG KHAI THỊ NHỮNG LỢI ÍCH

ĐOẠN I PHÓNG HÀO QUANG, KHẮP THỊ HIỆN

Ông A Nan đĩnh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng: "Từ khi xuất gia, tôi ỷ lại nơi lòng thương yêu của Phật; vì cầu tuệ đa văn, chưa chứng quả vô vi, nên bị tà thuật Phạm thiên kia bắt buộc; tâm tuy rõ ràng, nhưng sức không tự do, nhờ gặp ngài Văn thù, khiến cho tôi được giải thoát. Tuy tôi thâm nhờ sức của thần chú Phật Đĩnh Như Lai, nhưng chính mình còn chưa được nghe chú ấy, xin nguyện Đức Đại từ tuyên nói lại cho, thương xót cứu giúp các hàng tu hành trong Hội này và những người đời sau, còn trong luân hồi, được nhờ Mật âm của Phật, mà thân ý được giải thoát". Lúc bấy giờ, tất cả đại chúng trong Hội thấy đều làm lễ, chờ nghe những câu chú bí mật của Như Lai.

Lúc đó, Đức Thế Tôn, từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang báu, trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa thân Như Lai ngồi trong hoa sen, trên đỉnh phóng ra mười đạo hào quang bách bảo; trong mỗi mỗi đạo hào quang, đều hiện ra những vị Kim Cương Mật Tích, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, xách núi, cầm xử, khắp cõi hư không. Đại chúng ngửa lên xem, vừa yêu vừa sợ, cầu Phật thương xót che chở, một tâm nghe Đức Phóng Quang Như Lai, nơi Vô Kiến Đỉnh Tướng của Phật, tuyên nói thần chú:

ĐOẠN II
TUYÊN ĐỌC THẦN CHÚ PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM.

1. Na mô tát dát tha tô già đa gia a la ha đế tam điều tam bồ đà tả.
2. Tát dát tha Phật đà câu chi sất ni sam.
3. Na mô tát bà bột đà bột địa tát đá bệ tộ.
4. Na mô tát đa nẵm tam điều tam bồ đà câu chi nẵm.
5. Sa xá ra bà ca tăng già nẵm.
6. Na mô lô kê a la hán đá nẵm.
7. Na mô tô lô đa ba na nẵm.
8. Na mô sa yết rị đà già di nẵm.
9. Na mô lô kê tam điều già đá nẵm.
10. Tam điều già ba ra đế ba đa na nẵm.
11. Na mô đề bà ly sất xiển.
12. Na mô tát đà gia tỳ địa gia đà ra ly sất xiển.
13. Xá ba nô yết ra ha sa ha sa ra ma tha nẵm.
14. Na mô bạt ra ha ma nê.
15. Na mô nhân đà ra gia.
16. Na mô bà già bà đế.
17. Rô đà ra gia.
18. Ô ma bát đế.
19. Sa hê dạ gia.
20. Na mô bà già bà đế.
21. Na ra dã noa gia.
22. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.
23. Na mô tát yết rị đa gia.
24. Na mô bà già bà đế.
25. Ma ha ca ra gia.
26. Địa rị bát lạt na già ra.
27. Tỳ đà ra ba noa ca ra gia.
28. A địa mục đế.
29. Thi ma xá na nê bà tát nê.
30. Ma dát rị già noa.
31. Na mô tát yết rị đa gia.
32. Na mô bà già bà đế.
33. Đa tha già đá câu ra gia.
34. Na mô bát đầu ma câu ra gia.
35. Na mô bạt xà la câu ra gia.

36. Na mô ma ni câu ra gia.
37. Na mô già xà câu ra gia.
38. Na mô bà già bà đế.
39. Đế rị trà thâu ra tây na.
40. Ba ra ha ra noa ra xà gia.
41. Đá tha già đa gia.
42. Na mô bà già bà đế.
43. Na mô a di đa bà gia.
44. Đá tha già đa gia.
45. A ra ha đế.
46. Tam diểu tam bồ đà gia.
47. Na mô bà già bà đế.
48. A sô bệ gia.
49. Đá tha già đa gia.
50. A ra ha đế.
51. Tam diểu tam bồ đà gia.
52. Na mô bà già bà đế.
53. Bệ sa xà gia câu rô phệ trụ rị gia.
54. Bát ra bà ra xà gia.
55. Đá tha già đa gia.
56. Na mô bà già bà đế.
57. Tam bồ sư bí đa.
58. Tát lân nại ra lạt xà gia.
59. Đá tha già đa gia.
60. A ra ha đế.
61. Tam diểu tam bồ đà gia.
62. Na mô bà già bà đế.
63. Xá kê dã mẫu na duệ.
64. Đá tha già đa gia.
65. A ra ha đế.
66. Tam diểu tam bồ đà gia.
67. Na mô bà già bà đế.
68. Lạt đá na kê đô ra xà gia.
69. Đá tha già đa gia.
70. A ra ha đế.
71. Tam diểu tam bồ đà gia.
72. Đế biều na mô tát yết rị đa.
73. Ế đàm bà già bà đa.

74. Tát đất tha già đô sắt ni sam.
75. Tát đất đa bát đất lam.
76. Na mô a bà ra thị đām.
77. Bát ra đế dương kỳ ra.
78. Tát ra bà bộ đa yết ra ha.
79. Ni yết ra ha yết ca ra ha ni.
80. Bạt ra bí địa gia sắt đà nễ.
81. A ca ra mật rị trụ.
82. Bát rị đất ra gia nãnh yết rị.
83. Tát ra bà bàn đà na mục xoa ni.
84. Tát ra bà đột sắt tra.
85. Đột tát phạp bát na nễ phạp ra ni.
86. Giả đô ra thất đế nẫm.
87. Yết ra ha sa ha tát ra nhã xà.
88. Tỳ đa băng sa na yết rị.
89. A sắt cha băng xa đế nẫm.
90. Na xoa sát đất ra nhã xà.
91. Ba ra tát đà na yết rị.
92. A sắt cha nẫm.
93. Ma ha yết ra ha nhã xà.
94. Tỳ đa băng tát na yết rị.
95. Tát bà xá đô rô nễ bà ra nhã xà.
96. Hô lam đột tát phạp nan giá na xá ni.
97. Bí sa xá tất đất ra.
98. A cát ni ô đà ca ra nhã xà.
99. A bát ra thị đa cụ ra.
100. Ma ha bát ra chiến trì.
101. Ma ha điệp đa.
102. Ma ha đế xà.
103. Ma ha thuế đa xà bà ra.
104. Ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nễ.
105. A rị gia đa ra.
106. Tỳ rị câu chi.
107. Thệ bà tỳ xà gia.
108. Bạt xà ra ma lễ đế.
109. Tỳ xá rô đa.
110. Bột đàng đồng ca.
111. Bạt xà ra chế hát na a giá.

112. Ma ra chế bà bát ra chất đa.
113. Bạt xà ra thiện trì.
114. Tỳ xá ra giá.
115. Phiến đa xá bộ đề bà bồ thị đa.
116. Tô ma rô ba.
117. Ma ha thuế đa.
118. A ri gia đa ra.
119. Ma ha bà ra a bát ra.
120. Bạt xà ra thương yết ra chế bà.
121. Bạt xà ra câu ma rị.
122. Câu lam đà rị.
123. Bạt xà ra hát tát đa giá.
124. Tỳ địa gia kiên giá na ma rị ca.
125. Hốt tô mẫu bà yết ra đá na.
126. Bộ rô giá na câu rị gia.
127. Dạ ra thổ sắt ni sam.
128. Tỳ chiết lam bà ma ni giá.
129. Bạt xà ra ca na ca ba ra bà.
130. Rô xà na bạt xà ra đôn trī giá.
131. Thế đa giá ca ma ra.
132. Sát xa thi ba ra bà.
133. Ế đế di đế.
134. Mẫu đà ra yết noa.
135. Sa bộ ra sám.
136. Quật phạm đô.
137. Ẩn thổ na mạ mạ tả.
138. Ô huân.
139. Rị sắt yết noa.
140. Bát lạt xá tất đa.
141. Tát đát tha già đô sắt ni sam.
142. Hổ luân.
143. Đô rô úng.
144. Chiêm bà na.
145. Hổ huân.
146. Đô rô úng.
147. Tất đam bà na.
148. Hổ huân.
149. Đô rô úng.

150. Ba ra sắt địa gia tam bát xoa noa yết ra.
151. Hồ huân.
152. Đô rô úng.
153. Tát bà dược xoa hát ra sát sa.
154. Yết ra ha nhã xà
155. Tỳ đằng băng tát na yết ra.
156. Hồ huân.
157. Đô rô úng.
158. Giả đô ra thi để nẫm.
159. Yết ra ha sa ha tát ra nẫm.
160. Tỳ đằng băng tát na ra.
161. Hồ huân.
162. Đô rô úng.
163. Ra xoa.
164. Bà già phạm.
165. Tát đất tha già đô sắt ni sam.
166. Ba ra điếm xà cát rị.
167. Ma ha sa ha cát ra
168. Bội thụ sa ha tát ra thất rị sa.
169. Câu chi sa ha tát nê đế lệ.
170. A tộ đề thị bà rị đa.
171. Cha cha anh ca.
172. Ma ha bạt xà rô đà ra.
173. Đế rị, bò bà na.
174. Mạn trà ra.
175. Ô huân.
176. Sa tát đế bạc bà đô.
177. Mạ mạ.
178. Ẩn thổ na mạ mạ tả.
179. ra xà bà dạ.
180. Chủ ra bạt dạ.
181. A kỳ ni bà dạ.
182. Ô đà ca bà dạ.
183. Tỳ sa bà dạ.
184. Xá tát đa ra bà dạ.
185. Bà ra chức yết ra bà dạ.
186. Đột sắt noa bà dạ.
187. A xá nễ bà dạ.

188. A ca ra mật rị trụ bà dạ.
189. Đà ra ni bộ di kiểm ba già ba đà bà dạ
190. Ô ca ra bà đa bà dạ.
191. Lạt xà đàn trà bà dạ.
192. Na già bà dạ.
193. Tỳ điều đất bà dạ.
194. Tô ba ra noa bà dạ.
195. Dược xoa yết ra ha.
196. Ra xoa tư yết ra ha.
197. Tất rị đa yết ra ha
198. Tỳ xá giá yết ra ha.
199. Bộ đa yết ra ha.
200. Cưu bàn trà yết ra ha.
201. Bồ đan na yết ra ha.
202. Ca cha bồ đan na yết ra ha.
203. Tất kiên độ yết ra ha.
204. A bá tất ma ra yết ra ha.
205. Ô đàn ma đà yết ra ha.
206. Sa dạ yết ra ha.
207. Hê rị bà đế yết ra ha.
208. Xã đa ha rị nẫm.
209. Yết bà ha rị nẫm.
210. Rô địa ra ha rị nẫm.
211. Mang sa ha rị nẫm.
212. Mế đà ha rị nẫm.
213. Ma xà ha rị nẫm.
214. Xà đa ha rị nữ.
215. Thị tử đa ha rị nẫm.
216. Tỳ đa ha rị nẫm.
217. Bà đa ha rị nẫm.
218. A thâu giá ha rị nữ.
219. Chát đa ha rị nữ.
220. Đế sam tát bệ sam.
221. Tát bà yết ra ha nẫm.
222. Tỳ đà da xà sân đà dạ di.
223. Kê ra dạ di.
224. Ba rị bặt ra giả ca hát rị dẫm.
225. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.

226. Kê ra dạ di.
227. Trà diễn ni hát rị dãm.
228. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
229. Kê ra dạ di.
230. Ma ha bát thâu bát đát dạ.
231. Rô đà ra hát rị dãm.
232. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
233. Kê ra dạ di.
234. Na ra dạ noa hát rị dãm.
235. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
236. Kê ra dạ di.
237. Đát đỏa già rô trà tây hát rị dãm.
238. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
239. Kê ra dạ di.
240. Ma ha ca ra ma đát rị già noa hát rị dãm.
241. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
242. Kê ra dạ di.
243. Ca ba rị ca hát rị dãm.
244. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
245. Kê ra dạ di.
246. Xà gia yết ra ma độ yết ra.
247. Tát bà ra tha sa đạt na hát rị dãm.
248. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
249. Kê ra dạ di.
250. Giả đót ra bà kỳ nễ hát rị dãm.
251. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
252. Kê ra dạ di.
253. Tỳ rị dương hát rị tri.
254. Nan đà kê sa ra già noa bát đế.
255. Sách hê dạ hát rị dãm.
256. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ ri.
257. Kê ra dạ di.
258. Na yết na xá ra bà noa hát rị dãm.
259. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
260. Kê ra dạ di.
261. A la hán hát rị dãm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
262. Kê ra dạ di.
263. Tỳ đa ra già hát rị dãm.

264. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
265. Kê ra dạ di bạt xà ra ba nễ.
266. Cự hê dạ cụ hê dạ.
267. Ca địa bát đế hất rị đãm.
268. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
269. Kê ra dạ di.
270. Ra xoa vông.
271. Bà già phạm.
272. Án thổ na mạ mạ tả.
273. Bà già phạm.
274. Tát đát đa bát đát ra.
275. Na mô tụy đô đế.
276. A tất đa na ra lạt ca.
277. Ba ra bà tất phổ tra.
278. Tỳ ca tát đát đa bát đế rị.
279. Thập Phật ra thập Phật ra.
280. Đà ra đà ra.
281. Tần đà ra tần đà ra sân đà sân đà.
282. Hồ huân.
283. Hồ huân.
284. Phần tra.
285. Phần tra phần tra phần tra phần tra phần tra.
286. Sa ha.
287. Hê hê phần.
288. A mưu ca gia phần.
289. A ba ra đề ha đa phần.
290. Bà ra ba ra đà phần.
291. A tổ ra tỳ đà ra ba ca phần.
292. Tát bà đề bệ tộ phần.
293. Tát bà na già tộ phần.
294. Tát bà dược xoa tộ phần.
295. Tát bà càn thát bà tộ phần.
296. Tát bà bồ đan na tộ phần.
297. Ca tra bồ đan na tộ phần.
298. Tát bà đột lang chỉ đế tộ phần.
299. Tát bà đột sáp tỳ rê hất sắt đế tộ phần.
300. Tát bà thập bà rị tộ phần.
301. Tát bà a bá tất ma rê tộ phần.

302. Tát bà xá ra bà noa tộ phần.
303. Tát bà địa đế kê tộ phần.
304. Tát bà đất ma đà kế tộ phần.
305. Tát bà tỳ đà gia ra thệ giá rê tộ phần.
306. Xà dạ yết ra ma độ yết ra.
307. Tát bà ra tha sa đà kê tộ phần.
308. Tỳ địa dạ giá rê tộ phần.
309. Giả đô ra phộc kỳ nễ tộ phần.
310. Bạt xà ra câu ma rị.
311. Tỳ đà dạ ra thệ tộ phần.
312. Ma ha ba ra đing dương xoa kỳ rị tộ phần.
313. Bạt xà ra thương yết ra dạ.
314. Ba ra trượng kỳ ra xà gia phần.
315. Ma ha ca ra dạ.
316. Ma ha mặt đất rị ca noa.
317. Na mô sa yết rị đa dạ phần.
318. Bí sắt noa tì duệ phần.
319. Bội ra ha mưu ni duệ phần.
320. A kỳ ni duệ phần.
321. Ma ha yết rị duệ phần.
322. Yết ra đàn trì duệ phần.
323. Miệt đất rị duệ phần.
324. Rạo đất rị duệ phần.
325. Giá văn trà duệ phần.
326. Yết lã ra đất rị duệ phần.
327. Ca bát rị duệ phần.
328. A địa mục chất đa ca thi ma xá na.
329. Bà tư nễ duệ phần.
330. Diễn cát chất.
331. Tát đỏa bà tả.
332. Mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tả.
333. Đột sắt tra chất đa.
334. A mặt đất rị chất đa.
335. Ô xà ha ra.
336. Già bà ha ra.
337. Rô địa ra ha ra.
338. Bà sa ha ra.
339. Ma xà ha ra.

340. Xà đa ha ra.
341. Thị bí đa ha ra.
342. Bạt lược dạ ha ra.
343. Càn đà ha ra.
344. Bồ sử ba ha ra.
345. Phả ra ha ra.
346. Bà tả ha ra.
347. Bát ba chất đa.
348. Đột sắt tra chất đa.
349. Lạo đà ra chất đa.
350. Dược xoa yết ra ha.
351. Ra sát sa yết ra ha.
352. Bé lệ đa yết ra ha.
353. Tỳ xá giá yết ra ha.
354. Bộ đa yết ra ha.
355. Cưu bàn trà yết ra ha.
356. Tất càn đà yết ra ha.
357. Ô đát ma đà yết ra ha.
358. Sa dạ yết ra ha.
359. A bá tát ma ra yết ra ha.
360. Trạch khư cách trà kỳ ni yết ra ha.
361. Rị Phật đế yết ra ha.
362. Xà di ca yết ra ha.
363. Xá câu ni yết ra ha.
364. Mỗ đà rA Nan địa ca yết ra ha.
365. A lam bà yết ra ha.
366. Càn độ ba ni yết ra ha.
367. Thập phạt ra yên ca hê ca.
368. Trụ đế dược ca.
369. Đát lệ đế dược ca.
370. Giả đột thác ca.
371. Nặc đề thập phạt ra bí sam ma thập phạt ra.
372. Bạc đề ca.
373. Tị đề ca.
374. Thất lệ sắt mật ca.
375. Sa nễ bát đề ca.
376. Tát bà thập phạt ra.
377. Thất rô cát đế.

378. Mạt bà bệ đạt rô chế kiếm.
379. A ý rô kiếm.
380. Mục khư rô kiếm.
381. Yết rị đột rô kiếm.
382. Yết ra ha yết lam.
383. Yết noa thâu lam.
384. Đạn đa thâu lam.
385. Hắt rị dạ thâu lam.
386. Mạt mạ thâu lam.
387. Bạt rị thất bà thâu lam.
388. Bí lật sắt tra thâu lam.
389. Ô đà ra thâu lam.
390. Yết tri thâu lam.
391. Bạt tất đế thâu lam.
392. Ô rô thâu lam.
393. Thường già thâu lam.
394. Hắt tất đa thâu lam.
395. Bạt đà thâu lam.
396. Sa phòng áng già bát ra trượng già thâu lam.
397. Bộ đa bí đá trà.
398. Chà kỳ ni thập bà ra.
399. Đà đột rô ca kiến đột rô cát tri bà lộ đa tỳ.
400. Tất bát rô ha lãng già.
401. Thâu sa đát ra sa na yết ra.
402. Tỳ sa dụ ca.
403. A kỳ ni ô đà ca.
404. Mạt ra bê ra kiến đá ra.
405. A ca ra mạt rị đột đát liếm bộ ca.
406. Địa lật lật tra.
407. Bí rị sắt chất ca.
408. Tất bà na câu ra.
409. Tứ dẫn già tộ yết ra rị dục xoa đát ra sô.
410. Mạt ra thị phệ đế sam sa bệ sam.
411. Tất đát đa bát đát ra.
412. Ma ha bạt xà rô sắt ni sam.
413. Ma ha bát lật trượng kỳ lam.
414. Dạ ba đột đà xá dụ xà na.
415. Biện đát lệ noa.

- 416. Tỳ đà gia bàn đàm ca rô di.
- 417. Đế thù bàn đàm ca rô di.
- 418. Bát ra tỳ đà bàn đàm ca rô di.
- 419. Đá diệt tha.
- 420. Úm.
- 421. A na lệ.
- 422. Tỳ xá đề.
- 423. Bệ ra bạt xà ra đà rị.
- 424. Bàn đà bàn đà nễ.
- 425. Bà xà ra báng ni phần.
- 426. Hồ huân đô rô úng phần.
- 427. Sa bà ha.

ĐẠI PHẬT ĐỈNH THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ

(Bản ghi trong Kinh Lăng Nghiêm của Ngài Bát Lạt Mật Đê)

*) Phục hồi và dịch nghĩa Phạm Văn: HUYỀN THANH

I. HỘI THỨ NHẤT:

_NAMO STATHÀGATÀYA SUGATÀYA ARHATE SAMYAK SAM-BUDDHÀ-YA: Quy mệnh tất cả Như Lai Thiện Thệ Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác.

_NAMAHA SARVA BUDDHÀ BODHISATVE BHIAH: Quy mệnh tất cả Phật Bồ Tát Đẳng

_NAMO SAPTÀNÀM SAMYAK SAMBUDDHA KOTINÀM SA'SRÀVAKA SAMGHÀNÀM: Quy mệnh bảy ức (700 Triệu) Chính Đẳng Chính Giác với chúng Diệu Thanh Văn Tăng

_NAMO LOKE ARHANTÀNÀM: Quy mệnh chúng A La Hán trong Thế Gian

_NAMO SROTÀPANNÀNÀM: Quy mệnh chúng Dự Lưu Quả

_NAMO SUKRTÀGÀMÌNÀM: Quy mệnh chúng Nhất Lai Quả

_NAMO ANÀGAMÌNÀM: Quy mệnh Chúng Bất Hoàn Quả

_NAMO LOKE SAMYAG GATÀNÀM SAMYAK PRATIPANNÀNÀM: Quy mệnh chúng đạt bốn Quả và Chúng đạt bốn Hướng trong Thế Gian

_NAMO DEVA RSÌNÀM: Quy mệnh chúng Thiên Tiên

_NAMO SIDDHA VIDYÀDHÀRÀNÀM: Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh

_NAMO SIDDHA VIDYÀDHÀRA RSÌNÀM 'SAPÀNU GRAHÀ SAHASRA MATHÀNÀM: Quy mệnh chúng Thành Tựu Trì Minh Tiên với chúng Nhiếp Ác Tác Thiện

_NAMO BRAHMANE: Quy mệnh chúng Phạm Thiên

_NAMO INDRÀYA: Quy mệnh chúng Đế Thích Thiên

_NAMO BHAGAVATE RUDRÀYA UMÀPATÌ SAHEYÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Tụ Tại Thiên, Thiên Hậu Ô Ma với hàng quyền thuộc

_NAMO BHAGAVATE NÀRAYANÀYA PAMCA MAHÀ MUDRA AKÀMAPUTRA NAMASKRTÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Na La Diên Thiên, năm Đại Ấn là nơi kính lễ của Vô Ái Tử

_NAMO BHAGAVATE MAHÀ KÀLÀYA TRPURA NAGARA VIDARAPANA KÀRÀYA_ADHIMUKTIKA MÀTRGANA NAMA-SKRTÀYA 'SMA'SANA VASINI: Quy mệnh Thế Tôn Đại Hắc Thiên phá hoại ba cung thành vui thích ở mộ địa là nơi kính lễ của chúng Quỷ Mẫu

_ NAMO BHAGAVATE TATHÀGATÀ KULÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Như Lai Bộ Tộc

_ NAMO PADMA KULÀYA: Quy mệnh Liên Hoa Bộ Tộc

_ NAMO VAJRA KULÀYA: Quy mệnh Kim Cương Bộ Tộc

_ NAMO MANI KULÀYA: Quy mệnh Bảo Bộ Tộc

_ NAMO GARJA KULÀYA: Quy mệnh Khó Tàng Bộ Tộc

_NAMO BHAGAVATE DRDHA 'SURASENA PRAHARANA RÀJÀ YA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Kiên Cố Dũng Mãnh Quân Kịch Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_NAMO BHAGAVATE SAMYAK SAMBUDDHÀYA AMITÀBHÀ YA TATHÀGATÀYA ARHATE: Quy mệnh Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE AKSOBHYÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Bất Động Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_ NAMO BHAGAVATE BHAISAIJYA GÙRU VAIDURYA PRABHA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_NAMO BHAGAVATE SAMPUSPITÀ SÀLENDRA RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUNÀYE TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_NAMO BHAGAVATE RATNA KUSUMA KETU RÀJÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHÀYA: Quy mệnh Thế Tôn Bảo Hoa Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

_EBHYO NAMAHSKRTVA: Kính lễ các Đẳng ấy xong rồi

_IDÀM BHAGAVATE, STATHÀGATA USNÌSA, SITÀTA-PATRAM NAMA: Con xin kính lễ Đức Thế Tôn Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Bạch Tản Cái này

_APARÀJITAM PRATYU GIRA: Ngài là Vô Năng Thắng Thập Năng Điều Phục Mẫu

_SARVA BHÙTA GRAHÀ NIGRAHÀ KARÌM: Ngài hay giáng phục tất cả loài Quỷ ác gây phiền não

_PARAVIDYÀ CCHEDANA KARÌM: Ngài hay cắt đứt Minh Chú khác

_ÀKÀLA MRTYU PRA'SAMANA KARÌM: Ngài hay chặn đứng sự chết yểu không đúng thời.

_SARVA BANDHANA MUKSANA KARÌM: Ngài hay giải thoát tất cả sự trói buộc

_SARVA DUSTA DUHSVAPNA NIVÀRANÌM: Ngài hay ngăn chặn tất cả giấc mộng xấu ác

_CATUR A'SITÌNÀM GRAHÀ SAHASRÀNÀM VIDHVAM-SANA KARÌM: Ngài hay tòi hoại tám mươi bốn ngàn phiền não

_ASTA VIM'SATÌNÀM NAKSATRÀNÀM PRASÀDANA KARÌM: Ngài hay khiến cho hai mươi tám vị Tinh Tú vui vẻ

_ASTANAM MAHÀ GRAHÀNÀM VIDHVAMSANA KARÌM: Ngài hay tòi hoại tám phiền não lớn

_SARVA 'SATRÙ NIVÀRANÌM: Ngài hay chặn đứng tất cả oan gia

_GURÀM DUHSVAPNANÀM CANÀ'SANÌM: Ngài hay loại bỏ các giấc mộng xấu nặng nề

_VISA, 'SASTRA, AGNI, UDAKA UTTRANÌM: Ngài hay cứu
 thoát mọi tai nạn về: chất độc, dao gậy, lửa, nước...
 _APARAJÌTA AGURÀ: Vô Năng Thắng Khinh An Mẫu
 _MAHÀ BALÀ CANDÀNÀM: Đại Lực Sân Nộ Mẫu
 _MAHÀ DÌPTÀM: Đại Uy Quang Mẫu
 _MAHÀ TEJÀM: Đại Uy Diệu Mẫu
 _MAHÀ 'SVETA JVALA: Đại Bạch Quang Diễm Mẫu
 _MAHÀ BALÀ SRÌYA: Đại Lực Cát Tường Mẫu
 _PANDARAVASINÌM: Bạch Y Mẫu
 _ÀRYA TÀRÀ: Thánh Cứu Độ Mẫu
 _BHRKUTÌM: Phẫn Nộ Mẫu
 _CIVA VIJAYA VAJRA MALATI VI'SRÙTÀM: Phổ Mãn Tối
 Thắng Kim Cương Man Mẫu
 _PADMA AGMAM: Liên Hoa Chiến Tướng Mẫu
 _VAJRA JIHVAKAH: Kim Cương Thiệt Mẫu
 _MÀLA CIVA APARAJITAH: Anh Lạc Phổ Mãn Vô Năng Thắng
 Mẫu
 _VAJRA DANDI VI'SALAKA: Kim Cương Bồng Thiên Thần Lực
 Sĩ Mẫu
 _'SÀNTÀ VAIDEHÀ PÙJITAH: Nhu Thiện Hảo Tướng Cúng
 Dường Mẫu
 _SAUMI RÙPA MAHÀ 'SVETÀ: Thiện Hảo Sắc Tướng Đại Bạch
 Mẫu
 _ÀRYA TÀRÀ MAHÀ BALÀH: Thánh Cứu Độ Đại Lực Mẫu
 _APARA VAJRA 'SA KARA CIVAH: Tối Thượng Kim Cương Tỏa
 Phổ Mãn Mẫu
 _VAJRA KAUMÀRÌH KULANDHÀRÌ: Kim Cương Đồng Nữ Trì
 Tính Nữ Mẫu
 _VAJRA HASTAKA: Kim Cương Thủ Mẫu
 _VIDYA KAMPANA MÀLIKAH: Minh Chú Niệm Châu Mẫu
 _KUSUMBHA RATNA CIVA: Uất Kim Hương Bảo Phổ Mãn Mẫu
 _VAIROCANA CODÀRTHA USNÌSA: Biến Chiêu Thắng Nghĩa
 Lợi Đỉnh Kế Mẫu

_ IJRMBHA MÀNADA VAJRA: La Sát Thần Nữ Kim Cương Mẫu
_ KANAKA PRABHÀ LOCANÀH: Kim Quang Nhãn Mẫu
_ VAJRA TUNDÌKA: Kim Cương Chúc Mẫu
_ 'SVETAKA: Bạch Sắc Mẫu
_ KAMALÀKSA: Liên Hoa Nhãn Mẫu
_ 'SA 'SI PRABHÀ: Nguyệt Quang Mẫu
_ ITYETE MUDRA GANAH SARVE RAKSAM_KURVATTU
MAMASYA: Hết thấy Án Chúng như vậy hãy ủng hộ, thủ hộ cho chúng con
_ INDHANA MAMASYA: Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

II. HỘI THỨ HAI:

_ OM RSÌGANA, PRA'SASTRA TATHÀGATA USNÌSÀM_HÙM TRÙM: Quy mệnh chúng tử HÙM, TÒ-RU-UM của Tiên Chúng Thiện Quý Như Lai Đỉnh Kế
_ JAMBHANA_HÙM TRÙM: Với HÙM TRÙM thường nghiền nát mọi nghiệp tội
_ STAMBHANA_HÙM TRÙM: Với HÙM TRÙM thường uy trấn hộ trì thân căn
_ PARAVIDYÀ SAMBHAKSANA KARA_HÙM TRÙM: Với HÙM TRÙM thường hoàn thiện các Minh Chú khác
_ SARVA DUSTAM STAMBHANA KARA_HÙM TRÙM: Với HÙM TRÙM thường trấn ngự các điều ác
_ SARVA YAKSA RÀKSASA GRAHÀNÀM VIDHAVAMSANA KARA_HÙM TRÙM: Với HÙM TRÙM thường tở hoại tất cả loài Dạ Xoa, La sát gây phiền não
_ CATUR A'SÌTÌNÀM GRAHÀ KARA_HÙM TRÙM SAHASRÀNÀM VIDHAVAMSANA: Với HÙM TRÙM thường tở hoại tám mươi bốn ngàn phiền não
_ RAKSA RAKSA: Hãy ủng hộ, ủng hộ cho con với tất cả chúng sinh

- _ **BHAGAVAM: Đức Thế Tôn**
- _ **STATHÀGATA USNÌSA: Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Kế Mẫu**
- _ **PRATYU GIRE: Điều Phục Mẫu**
- _ **MAHÀ SAHASRA BHÙJE: Đại Thiên Tý Mẫu**
- _ **SAHASRA 'SIRSAI: Thiên Đầu Mẫu**
- _ **KOTI 'SATA SAHASRÀ NETRE: Úc Bách Thiên Nhãn Mẫu**
- _ **ABHEDYA JVALI TANATADÀKA MAHÀ VAJRODÀRA: Nội
Diễm Cự Chủng Tướng Đại Kim Cương Phúc Mẫu**
- _ **TRBHUVANA MANDALA: Tam Hữu Đàn tràng Mẫu**
- _ **OM_SVASTIR BHAVATU: Hãy khiến cho đạt được sự phồn vinh
thịnh vượng tốt lành!**
- _ **INDHANA MAMASYA: Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng
cho chúng con**

III. HỘI THỨ BA:

- RÀJA BHAYA: Nạn vua chúa**
- CORA BHAYA: Nạn giặc cướp**
- AGNI BHAYA: Nạn lửa thiêu đốt**
- UDAKA BHAYA: Nạn nước cuốn trôi**
- VISA BHAYA: Nạn thuốc độc**
- 'SASTRA BHAYA: Nạn dao gậy**
- PARACAKRA BHAYA: Nạn quân binh**
- DURBHIKSA BHAYA: Nạn đói khát**
- A'SANI BHAYA: Nạn sấm sét**
- AKÀLA MRTYU BHAYA: Nạn chết không đúng thời**
- DHARANI BHUMI KAMPA BHAYA: Nạn động đất**
- ULKOPÀTI BHAYA: Nạn trên đường đi nguy hiểm**
- RÀJA DANDA BHAYA: Nạn bị hình phạt của vua chúa**
- NÀGA BHAYA: Nạn do loài Rồng gây hại**
- VIDYU BHAYA: Nạn sét đánh**
- SUPARNI BHAYA: Nạn do loài Kim Xí Điểu gây ra**
- YAKSA GRAHÀ: Hàng Dạ Xoa gây ra điều ma quái (Dạ Xoa Túy)**

RÀKSASA GRAHÀ: Điều ma quái của hàng La Sát (La Sát Túy)

PRETA GRAHÀ: Ngạ Quỷ Túy

PI'SÀCA GRAHÀ: Thực Huyết Nhục Quỷ Túy

BHÙTA GRAHÀ: Hóa Sinh Quỷ Túy

KUMBHANDA GRAHÀ: Ung Hình Quỷ Túy

PUTANA GRAHÀ: Xú Quỷ Túy

KATA PUTANA GRAHÀ: Kỳ Xú Quỷ Túy

SKANDA GRAHÀ: Điều ma quái của loài Quỷ vẹo môi (Thiên Thần Quỷ Túy)

APASMÀRA GRAHÀ: Kiện Vong Quỷ Túy

UNMÀDA GRAHÀ: Điên Cuồng Quỷ Túy

CCHÀYÀ GRAHÀ: Ảnh Quỷ Túy

REVATI GRAHÀ: Não Nhi Quỷ Quý

ÛRJA AHÀRINYÀ: Loài ăn tinh khí

GARBHA AHÀRINYÀ: Loài ăn bào thai

RUDHIRA AHÀRINYÀ: Loài ăn máu huyết

MÀMSA AHÀRINYÀ: Loài ăn thịt

MEDA AHÀRINYÀ: Loài ăn thảo mộc có chất như mỡ

MAJJA AHÀRINYÀ: Loài ăn xương tủy

JATA AHÀRINYÀ: Loài ăn sinh khí

JÌVITA AHÀRINYÀ: Loài ăn Thọ Mệnh

VÀNTA AHÀRINYÀ: Loài ăn hơi thở ra vào

VA'SA AHÀRINYÀ: Loài ăn thứ đồ dơ của sự sinh đẻ

A'SUCYA AHÀRINYÀ: Loài ăn thứ bất tịnh

CITTA AHÀRINYÀ: Loài ăn tâm thức

**TESÀM SARVESÀM_SARVA GRAHÀNÀM VIDYÀM C-
CHINDHA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được
Chú Ngữ của tất cả loài gây phiền não thuộc tất cả loại như thế
_PARIBRÀJAKA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA
YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bọn giặc
Ngoại Đạo**

_DÀKINÌ KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Không Hành Mẫu

_MAHÀ PA'SUPATI, RUDRA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Thú Chủ Tự Tại Thiên

_NÀRAYANA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Na La Diên Thiên

_TATVA GARUDA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Cũng như vậy. Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của loài Kim Xí Điểu

_MAHÀ KÀLA MÀTRGANA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của Đại Hắc Thiên với chúng Quỷ Mẫu

_KÀPALIKA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Độc Lâu Ngoại Đạo

_JAYA KARA, MADHU KARA, SARVÀRTHA SÀDHANA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Tác Thắng, Tác Mật, Thành Tự Tất cả Nghĩa Lợi

_CATUR BHAGINÌ KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của bốn chị em Thần Nữ

_BHRMGIRITIKA, NANDIKE'SVARA, GANAPATI SAHEYA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của hàng Đâu Chiến Quỷ, Hỷ Tự Tại Thiên, Hoan Hỷ Thiên cùng với quyền thuộc của họ

_NAGNA 'SRAMANA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngữ của nhóm Ngoại Đạo Lỏa Thể

_ARHANTA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI:
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của hàng Sát Tặc

_VETÀLAGANA KRTÀM VIDYÀM CCHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI:
Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của chúng Khởi Thi Quý

_AJRAPÀNI GUHYAKA ADHIPATI KRTÀM VIDYÀM C-CHINDA YÀMI, KÌLA YÀMI: Con xin cắt đứt và ngăn cấm được Chú Ngũ của Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ.

_RAKSA RAKSA MÀM_BHAGAVAM: Con xin Đức Thế Tôn hãy ủng hộ, ủng hộ cho con

_INDHANA MAMASYA: Nguyên hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

IV. HỘI THỨ TƯ:

_BHAGAVAM STATHÀGATA USNÌSA SITÀTAPATRA NAMO STUTE: Quy mệnh kính lễ Nhất Thiết Như Lai Đỉnh Bạch Tán Cái Thế Tôn

_ASITA ANALA ARAKÀH PRABHA SPHUTA VIKACA SITÀTA-PATREH_JVALA JVALA DARA DARA VIDARA VIDARA CCHINDA CCHINDA_HÙM HÙM HÙM HÙM HÙM_PHAT PHAT PHAT PHAT PHAT_SVÀHÀ

_ASITA ANALA ARAKÀH PRABHA SPHUTA VIKACA SITÀTAPATREH JVALA JVALA: Ngọn lửa linh thiêng màu trắng lóe, ánh sáng thẳng tắp, tròn đầy, lóng lánh, rục rờ, là ánh lửa của Bạch Tán Cái phóng tỏa chiếu sáng.

_DARA DARA: Giáng phục

_VIDARA VIDARA: Giáng phục khắp

_CCHINDA CCHINDA: Cắt đứt sự trói buộc bên trong và bên ngoài

_HÙM HÙM HÙM HÙM HÙM: Chúng tử chỉ sự khủng bố các chướng ngại

_PHAT PHAT PHAT PHAT PHAT: Phá bại Tham Sân Si Mạn Nghi

_SVÀHÀ: Quyết định thành tựu

_ HEHE PHAT: Hô Triệu phá bại

_ AMOGHÀYA PHAT: Bất Không Thiên Sứ phá bại

_ APRATIHATÀYA PHAT: Phá bại không chướng ngại

_ VARA PRADÀYA PHAT: Nguyên ban cho phá bại

_ASURA VIDARAPAKÀYA PHAT: Phá bại sự đốt cháy hủy hoại của A Tu La (Phi Thiên)

_ SARVA DEVE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả Thiên Chúng

_ SARVA NÀGE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Rồng

_ SARVA YAKSE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Dạ Xoa

_SARVA GANDHARVE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Càn Thát Bà (Hương Thực Thần)

_SARVA ASURE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng A Tu La (Phi Thiên)

_SARVA GARUDE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Kim Xí Điểu

_SARVA KIMNARE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Khẩn Na La (Nghi Thần)

_SARVA MAHORAGE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Ma Hầu La Già (Đại Phúc Hành Thần)

_SARVA RÀKSASE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng La Sát

_SARVA MANUSYE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả loài Nhân

_SARVA AMANUSYE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Phi Nhân

_SARVA PUTANE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Xú Quỷ

_SARVA KATAPUTANE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Kỳ Xú Quỷ

_SARVA DURLAMGHYE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Ngộ Tưởng Quá (kẻ có lỗi do tưởng sai lầm)

_SARVA DUSPREKSITE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Ngộ Kiến Quá (Kẻ có lỗi do nhìn thấy sai lầm)

_SARVA JVARE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Nhiệt Bệnh Quý

_SARVA APASMÀRE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Kiện Vong Quý

_SARVA 'SRAMANE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Trì Chú

_SARVA TÌRTHIKE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Ngoại Đạo

_SARVA UNMÀDE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Điên Cuồng Quý

_SARVA VIDYÀ RÀJA CÀRYE BHYAH PHAT: Phá bại tất cả chúng Minh Vương Hạnh

_JAYA KARA, MADHU KARA, SARVÀRTHA SÀDHANE BHYAH PHAT: Phá bại hàng: Tác Thắng, Tác Mật, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu

_VIDYÀ CÀRYE BHYAH PHAT: Phá bại chúng Minh Hạnh

_CATUR BHAGINÌ BHYAH PHAT: Phá bại chúng của 4 chị em Thần Nữ

_VAJRA KAUMARÌKE BHYAH PHAT: Phá bại chúng Kim Cương Đồng Nữ

_VAJRA KULANDHÀRÌ BHYAH PHAT: Phá bại chúng Kim Cương Trì Tính Nữ

_VIDYÀ RÀJE BHYAH PHAT: Phá bại chúng Minh Vương

_MAHÀ PRATYU GIRE BHYAH PHAT: Phá bại chúng Đại Điều Phục

_VAJRA SA KARÀYA PHAT: Phá bại hàng Kim Cương Tỏa

_MAHÀ PRATYU GIRA RÀJÀYA PHAT: Phá bại hàng Đại Điều Phục Vương

_MAHÀ KÀLÀYA, MÀTRGANA NAMAHSKRTÀYA PHAT: Phá bại hàng Đại Hắc Thiên, nơi kính lễ của chúng Âm Mẫu

_VISNAVÌYE PHAT: Phá bại hàng Tỳ Nữ Mẫu Thiên

_BRAHMÌNÌYE PHAT: Phá bại hàng Phạm Thiên Phi

_AGNÌYE PHAT: Phá bại hàng Hỏa Thiên Phi

_MAHÀ KÀLÌYE PHAT: Phá bại hàng Đại Hắc Thiên Phi
_KÀLA DANDÌYE PHAT: Phá bại hàng Quỷ Sứy Hắc Ao Thần Nữ
_AINDRIYE PHAT: Phá bại hàng Đế Thích Thiên Nữ
_CAMUNDÌYE PHAT: Phá bại hàng Nộ Thần Nữ
_RAUDRÌYE PHAT: Phá bại hàng Phần Nộ Thần Nữ
_KÀLA RÀTRÌYE PHAT: Phá bại hàng Hắc Dạ Thần Nữ
_KÀPALÌYE PHAT: Phá bại hàng Độc Lâu Thần Nữ
_ADHIMUKTOKA 'SMA'SANA VASINÌYE PHAT: Phá bại hàng Âm Nữ vui thích ở gò má và chốn hoang vắng
_INDHANA MAMASYA: Nguyện hãy ban ân soi đường chiếu sáng cho chúng con

V. HỘI THỨ NĂM:

_YEKE CITTÀ SATVA MAMA: Phàm có Hữu Tình khởi tâm đối với ta
_DUSTA CITTÀ: Tâm độc ác
_RAUDRA CITTÀ: Tâm phần nộ

ÛRJA AHÀRÀ: Loài ăn tinh khí
GARBHA AHÀRÀ: Loài ăn bào thai
RUDHIRA AHÀRÀ: Loài ăn máu huyết
MAJJA AHÀRÀ: Loài ăn Xương tủy
JATA AHÀRÀ: Loài ăn sinh khí
JÌVITA AHÀRÀ: Loài ăn thọ mệnh
BALYA AHÀRÀ: Loài ăn sức lực
GANDHA AHÀRÀ: Loài ăn mùi thơm
PUSPA AHÀRÀ: Loài ăn bông hoa
PHALA AHÀRÀ: Loài ăn quả trái
SASYA AHÀRÀ: Loài ăn hạt giống

PÀPA CITTÀ: Tâm tội lỗi
DUSTA CITTÀ: Tâm độc ác
RAUDRA CITTÀ: Tâm giận dữ
AMAITRA CITTÀ: Tâm không hiền lành

YAKSA GRAHÀ: Dạ Xoa Túy
RÀKSASA GRAHÀ: La Sát Túy
PRETA GRAHÀ: Ngạ Quỷ Túy
PI'SÀCA GRAHÀ: Xí Trung Quỷ Túy
BHÙTA GRAHÀ: Hóa Sinh Quỷ Túy
KUMBHÀNDA GRAHÀ: Ung Hình Quỷ Túy
SKANDA GRAHÀ: Thiên Thần Quỷ Túy
UNMÀDA GRAHÀ: Điên Cuồng Quỷ Túy
CCHÀYÀ GRAHÀ: Anh Quỷ Túy
APASMÀRA GRAHÀ: Kiện Vong Quỷ Túy
DÀKA DÀKINÌ GRAHÀ: Không Hành Quỷ Túy
REVATI GRAHÀ: Nã Nhi Quỷ Túy
JA GHKA GRAHÀ: Như Linh Dương Quỷ Túy
'SAKUNI GRAHÀ: Điều Hình Quỷ Túy
NANDIKÀ GRAHÀ: Như Gia Cầm Hình Quỷ Túy
LAMBIKA GRAHÀ: Như Kê Hình Quỷ Túy
KANTAPÀNÌ GRAHÀ: Loài ma của hàng quỷ có bàn tay đầy gai
JVARA: Quỷ gây bệnh nóng sốt
EKÀHIKÀ: Một ngày phát bệnh một lần
DVAITYAKÀ: Hai ngày phát bệnh một lần
TRETYAKÀ: Ba ngày phát bệnh một lần
CATURTHAKÀ: Bốn ngày phát bệnh một lần
NITYÀ JVARA: Luôn luôn nóng sốt cao
VISAMA JVARA: Bệnh nóng sốt gây nguy hiểm
VÀTIKÀ: Phong bệnh
PAITTIKÀ: Bệnh vàng da
'SLESMIKÀ: Bệnh đàm rãi
SÀMNIPATIKÀ: Bệnh do mọi thứ hòa hợp

SARVA JVARÀ: Tất cả bệnh nóng sốt
'SIRORTTI: Bệnh đau nhức đầu (Đầu thống)
ARDHÀVABHADAKA: Bệnh đau nhức nửa đầu
AROCAKA: Bệnh chẳng ăn được
AKSI ROGAM: Bệnh đau mắt
MUKHA ROGAM: Bệnh đau miệng
HRDROGAM: Bệnh đau toàn thể con người
GRAHÀ 'SÙLAM: Đau nhức do Ma Quỷ gây ra
MARMAN 'SÙLAM: Đau buốt xương
PÀR'SVA 'SÙLAM: Đau hông sườn
PRSTA 'SÙLAM: Đau lưng
UDARA 'SÙLAM: Đau bụng
KATI 'SÙLAM: Đau eo lưng, đau mông đít
VASTI 'SÙLAM: Đau mắt cá chân
ÙRU 'SÙLAM: Đau bắp đùi
JAMGHA 'SÙLAM: Đau ống chân
HASTA 'SÙLAM: Đau bàn tay
PÀDA 'SÙLAM: Đau bàn chân
SARVAGA PRATYU GIRA 'SÙLAM: Đau buốt tất cả chi thể trên thân không thể chữa khỏi
BHÙTA VETÀLA: Hóa Sinh Khởi Thi Quỷ
DÀKINÌ: Không Hành Nữ
JVARA: Nhọt do bị thiêu đốt
DATRÙ: Nhọt do cùi hủi
KANTYU: Nhọt ghẻ mọc đầy như gai
KITTI: Nhọt do dờn ăn, nhọt do ở bẩn
BHAILOTÀVAI: Đinh Sang
SARPALOHÀ: Xâm Dâm Sang
LI GA: Xích Sang
'SOSATRÀ: Nhọt do da khô nứt
SAGARÀ: Nhọt trĩ
VISAYOGA: Cổ Độc
AGNI: Lửa

UDAKA: Nước

MÀRAVELAKÀNTÀRA: Vườn rừng gây sự chết chóc (Tử Viên Lâm)

AKÀLA MRTYU: Chết yếu không đúng thời

TRAIMUKHA: Loài trùng có 3 cái miệng

TRAILÀTAKA: Một loài mòng

VR'SCIKA: Bò cạp

SARPA: Rắn

NAKULA: Một loài chồn ở Bengal là kẻ thù của chuột và rắn

SIMHA: Sư tử

VYÀGHRA: Cọp

RIKSA: Gấu ngựa

TARARIKSA: Gấu heo

CAMARA: Loài bò Yak, loài trâu Yak ở Tây Tạng

JIVIKA: Loài sống dưới nước

**_TESÀM SARVESÀM_SITÀTAPATRA MAHÀ VAJRA
USNÌSÀM MAHÀ PRATYU GIRAM:** Tất cả tai nạn bệnh tật như
trên, dùng Bạch Tán Cái Đại Kim Cương Đại Điều Phục khiến cho
chúng tự nhiên lui tan

_YÀBA DVÀDA'SA YOJANA ABHYANTARÌNA: Trong vòng 12
Do Tuần tất cả tật nạn ấy không thể nào xâm phạm được.

_VIDYA BANDHAM KARA UMI: Tôi kết buộc Minh Chú

_TEJA BANDHAM KARA UMI: Tôi kết buộc nhóm ánh sáng

_PRAVIDYA BANDHAM KARA UMI: Tôi kết buộc Năng Thắng
Minh

**_TADYATHÀ: OM_ANALE VI'SUDDHE_VÌRA VAJRADHÀRI_
BANDHA BANDHANI_VAJRAPÀNI PHAT_HÙM TRÙM
PHAT_SVÀHÀ_OM HÙM VISUDDHE SVÀHÀ**

Tadyatha: Liền nói Chú là
Anale: Ngọn lửa linh thiêng, năng lực siêu phàm
Vi'suddhe: Khiến cho thanh tịnh
Vìra: Tinh tiến dũng mãnh
Vajradhàri: Trì Kim Cương
Bandha: Cột trời, cột buộc
Bandhani: Cột trời
Vajrapàni: Kim Cương Thủ
Phat: Phá bại
Hùm: Chủng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề
Trùm: Chủng tử biểu thị cho nghĩa Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp
xa lìa bụi dơ kiêu mạn
Phat: Phá bại
Svànhà: Quyết định thành tựu
Om: Ba Thân quy mệnh
Hùm: Tâm Bồ Đề
Visuddhe: Khiến cho thanh tịnh
Svànhà: Thành tựu cát tường.

ĐOẠN III - KHAI THỊ XUẤT SINH CHƯ PHẬT, HÀNG PHỤC TÀ MA, RỘNG BAN ƠN CHO CHÚNG SINH.

"A Nan, những câu nhiệm màu, những kệ bí mật "Tất đất đa bát đất ra" của hóa thân nơi hào quang đỉnh Phật, sinh ra tất cả chư Phật thập phương. Thập phương Như Lai nhân tâm chú này, thành được Vô Thượng Chính Biến Tri Giác. Thập phương Như Lai nắm tâm chú này, uồn dẹp các ma, chế phục các ngoại đạo. Thập phương Như Lai vận tâm chú này, ngồi hoa sen báu, ứng hiện trong các cõi nước như số vi trần. Thập phương Như Lai ngậm tâm chú này, nơi cõi nước như số vi trần, xoay bánh xe Pháp lớn. Thập phương Như Lai giữ tâm chú này, có thể nơi mười phương xoa đỉnh thọ ký, tự mình quả vị chưa thành, cũng có thể nơi mười phương nhờ chư Phật thọ ký. Thập phương Như Lai nương tâm chú này, có thể nơi mười phương cứu vớt các khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm; các khổ oán tăng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thịnh; những tai nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát; nạn giặc, nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn gió, lửa, nước, cho đến đói khát bần cùng, liền được tiêu tan. Thập phương Như Lai theo tâm chú này, có thể nơi mười phương, phụng sự thiện tri thức, trong bốn uy nghi, cúng dường được như ý; trong Pháp hội hằng sa Như Lai, được suy tôn là vị Đại Pháp Vương tử. Thập phương Như Lai dùng tâm chú này, có thể nơi mười phương, nhiếp thụ các nhân thân, khiến cho các hàng Tiểu thừa nghe tạng bí mật, không sinh lòng kính sợ. Thập phương Như Lai tụng tâm chú này, thành đạo Vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ đề, vào Đại niết bàn. Thập phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ rồi, phó chúc Pháp sự của Phật, được trụ trì rất ráo; giới luật nghiêm tịnh, thầy đều trong sạch."

ĐOẠN IV - KHAI THỊ CHÚ TÂM, NÓI RỘNG KHÔNG HẾT

"Nếu tôi nói chú "Phật Đỉnh Quang Tự bát đất ra" này, từ sáng đến tối, các tiếng nói nhau, trong đó những chữ, những câu cũng không trùng điệp, trải qua kiếp số như cát sông Hằng, rốt cuộc không thể hết được. Chú này cũng gọi tên là Như Lai Đỉnh."

ĐOẠN V - KHAI THỊ SỨC CỦA THẦN CHÚ THÀNH TỰU ĐƯỢC THẾ GIAN VÀ XUẤT THẾ GIAN, THÊM TRÍ TUỆ, TIÊU NGHIỆP CHƯỚNG

"Hàng hữu học các ông chưa hết luân hồi, phát lòng chí thành tu chúng quả A la hán, nếu không trì chú này, khi ngồi đạo tràng, mà khiến thân tâm xa rời được các ma sự, thì không thể được.

A Nan, nếu trong các thế giới, có những chúng sinh, tùy cõi nước mình sinh ra, nào vỏ cây hóa, nào lá cây bối, nào giấy trắng, nào bạch điệp, dùng để viết chép chú này, đựng trong túi thơm; nếu người đó tối tăm chưa tụng, chưa nhớ được, mà hoặc đeo trên mình, hoặc viết trong nhà ở, thì nên biết người ấy, trọn đời tất cả các thứ độc không thể hại được.

A Nan, nay tôi vì ông tuyên lại chú này, cứu giúp trong thế gian được đại vô úy và thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sinh.

Nếu sau khi tôi diệt độ rồi; chúng sinh trong đời Mạt Pháp, có người biết tự mình tụng, hoặc dạy người khác tụng chú này, nên biết những chúng sinh trì tụng như vậy, lửa không đốt được, nước không đắm được, độc lớn, độc nhỏ không thể hại được, cho đến các hàng thiên, long, quỷ, thần, tinh, kỳ, ma, mị có những chú dữ, đều không làm gì được. Tâm người ấy được chính thọ; tất cả chú trớ, yểm cổ, thuốc độc, kim độc, ngân độc và độc khí muôn vật như cỏ, cây, sâu, rắn vào miệng người ấy đều thành vị Cam lộ.

Tất cả ác tinh với các quỷ thần, lòng dữ hại người, đối với người ấy, cũng không thể khởi ra ác niệm; Tỳ Na Dạ ca và các quỷ vương dữ khác, cùng với quyền thuộc, đều lĩnh ơn sâu, thường gìn giữ ủng hộ.

A Nan, nên biết chú này, thường có 84.000 na do tha hằng hà sa câu chi chủng tộc Kim Cương Tạng Vương Bồ tát, mỗi mỗi đều có những chúng Kim Cương làm quyền thuộc, ngày đêm theo hộ trì. Giả sử có chúng sinh, với tâm tán loạn, chứ không phải Tam ma đề, tâm nhớ niệm trì chú này; thì các Kim Cương Vương đó, cũng thường theo bên thiện nam tử kia, hướng nữa, là những người có tâm Bồ đề quyết định; đối với những người này, các vị Kim Cương Tạng Vương Bồ tát đó, dùng tịnh tâm thâm xúc tiến, phát huy thần thức; người ấy liền khi đó, tâm nhớ lại

được 84.000 hăng ha sa kiếp, rõ biết cùng khắp, được không nghi hoặc. Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng, đời đời người ấy không sinh vào các loài được xoa, la sát, phú đàn na, ca tra phú đàn na, cru bàn trà, tỳ xá già, vân vân..., cùng các loài nạ quý, có hình, không hình, có tướng, không tướng và những chỗ dữ như thế. Thiện nam tử đó, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc viết, hoặc chép, hoặc đeo, hoặc giữ, hoặc cúng dường nhiều cách chú này, thì kiếp kiếp không sinh vào những nơi bần cùng hạ tiện, không thể ưa thích.

Các chúng sinh đó, dù cho chính mình không làm việc phúc, thập phương Như Lai có các công đức đều cho họ hết, do đó, họ được trong những kiếp hăng sa vô số, không thể nói, không thể nói hết, thường cùng chư Phật đồng sinh một chỗ; vô lượng công đức nhóm lại như trái ác xoa, đồng một chỗ huân tu, hăng không phân tán. Vậy nên, có thể khiến người phá giới, mà giới căn cũng được thanh tịnh; người chưa được giới, khiến cho được giới; người chưa tinh tiến, khiến cho tinh tiến; người không trí tuệ, khiến được trí tuệ; người không thanh tịnh, mau được thanh tịnh; người không giữ trai giới, tự thành có trai giới.

A Nan, thiện nam tử ấy, khi trì chú này, giả sử có phạm cấm giới khi chưa thọ trì, thì sau khi trì chú, các tội phá giới, không luận nặng nhẹ, một thời, đều tiêu diệt, dù đã uống rượu, ăn thứ ngũ tân và các thứ không sạch, tất cả chư Phật, Bồ tát, Kim Cương, Thiên tiên, Quỷ thần không cho là có lỗi; dù mặc y phục rách nát không sạch, thì một cái đi, một cái đứng, thấy đồng như thanh tịnh; dù không lập đàn, không vào đạo tràng, cũng không hành đạo mà tụng trì chú này, thì công đức cũng như vào đàn, hành đạo, không có khác vậy;

Dù gây những tội nặng ngũ nghịch, vô gián và phạm những tội tứ khí, bát khí của tử khuru và tử khuru ni, thì khi tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đồng cát, những nghiệp nặng như vậy, đều diệt trừ hết, không còn chút mảy may. A Nan, nếu có chúng sinh, từ vô lượng vô số kiếp đến nay, có tất cả những tội chướng nhẹ, nặng mà trong các đời trước, chưa kịp sám hối, nếu biết đọc, tụng, viết, chép chú này, giữ đeo trên thân mình hay để nơi chỗ ở, như trang, trạch, viên, quán, thì những nghiệp chướng nhóm từ trước như vậy, đều tiêu tan như nước sôi tiêu tuyết, chẳng bao lâu, đều ngộ được vô sinh nhẫn.

ĐOẠN VI - KHAI THỊ TRÌ CHÚ THÌ ĐƯỢC MÃN NGUYỆN VÀ ĐƯỢC SINH VÀO NƠI TỐT

"Lại nữa, A Nan, nếu có người đàn bà chưa sinh con trai, con gái, mong cầu có thai, mà biết chí tâm nhớ niệm chú, hoặc ở trên mình đeo chú Tất đất đa bát đất ra này, thì liền sinh những con trai, con gái có phúc đức trí tuệ; người cầu sống lâu, thì được sống lâu, người cầu quả báo mau được viên mãn, thì mau được viên mãn, cho đến về thân mệnh, sắc lực, thì cũng được viên mãn như vậy; sau khi mệnh chung, tùy nguyện được vãng sinh trong thập phương quốc độ, chắc chắn không sinh nơi biên địa hạ tiện, huống nữa là các tạp hình.

ĐOẠN VII - KHAI THỊ SỨC CHÚ CÓ THỂ TIÊU QUỐC NẠN, DÂN TAI

"A Nan, nếu các cõi nước, các châu, các huyện, các làng xóm bị nạn đói kém, dịch lệ, hoặc ở những nơi có đao binh, tặc nạn, đánh nhau, cãi nhau và tất cả những nơi có ách nạn khác, viết thần chú này, để trên bốn cửa thành, cùng các tháp hay trên các thoát xà và khiến chúng sinh hiện có trong cõi nước, kính rước chú này, lễ bái cung kính nhất tâm cúng dường, khiến trong nhân dân, mỗi mỗi người đeo chú trong mình, hoặc để nơi chỗ ở, thì tất cả tai ách thấy đều tiêu diệt. A Nan, chúng sinh trong cõi nước, chỗ nào có được chú này, thì thiên long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui; lại có thể trấn được tất cả ác tinh, nó tùy nơi, biến ra những điều quái dị; tai chướng không khởi lên, người không hoạn tử, chết yếu, gông cùm, xiềng xích không dính vào mình, ngày đêm ngủ yên, thường không ác mộng. A Nan, cõi Sa bà này có 84.000 ác tinh tai biến, 28 đại ác tinh làm thượng thủ, lại có 8 đại ác tinh làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình trạng, có thể sinh ra các tai nạn dị kỳ cho chúng sinh; chỗ nào có chú này, thì tất cả đều tiêu diệt, lấy 12 do tuần làm vòng kết giới, các tai biến hung dữ, hẳn không thể vào được.

ĐOẠN VIII - BẢO HỘ HÀNG SƠ TÂM RỜI MA CHƯỞNG, CHỐNG KHAI NGỘ

"Vậy nên Như Lai tuyên dạy chú này, bảo hộ cho những người tu hành sơ học, trong đời vị lai, vào Tam ma đề, thân tâm thư thái, được đại an ổn, không còn tất cả các ma, quỷ thần, và những oan khiên đời trước, nghiệp cũ, nợ xưa, từ vô thủy tới nay, đến khuấy hại nhau. Ông với những người hữu học trong chúng và những kẻ tu hành đời vị lai, y như lời dạy của tôi mà lập đàn tràng, đúng theo Pháp mà trì giới, gặp được tăng chúng thanh tịnh chủ trì việc thọ giới, đối với tâm chú này, không sinh lòng nghi hối; những thiện nam tử như thế, chính nơi cái thân cha mẹ sinh ra, mà không được tâm thông, thì thập phương Như Lai bèn là vọng ngữ".

ĐOẠN IX - KIM CƯƠNG THIÊN THẦN TRONG HỘI PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ RỘNG RÃI

Phật dạy lời ấy rồi, vô lượng trăm ngàn Kim Cương trong Hội, một thời đứng trước Phật, chấp tay đỉnh lễ mà bạch Phật rằng: "Như lời Phật dạy, chúng tôi phải thành tâm bảo hộ những người tu đạo Bồ đề như vậy".

Khi bấy giờ, Phạm vương và Đế thích, Tứ thiên đại vương cũng ở trước Phật, đồng thời đỉnh lễ mà bạch Phật rằng: "Xét có người lành tu học như vậy, chúng tôi phải hết lòng chí thành bảo hộ, khiến cho trong một đời, tu hành được như nguyện".

Lại có, vô lượng Đại tướng được xoa, các vua La sát, vua Phú đan na, vua Cưu bàn trà, vua Tỳ xá già, các Đại quý vương như Tỳ Na Dạ Ca, và các Quý xoái, cũng ở trước Phật, chấp tay đỉnh lễ mà bạch Phật rằng: "Chúng tôi cũng thệ nguyện hộ trì cho người đó, khiến cho tâm Bồ đề mau được viên mãn".

Lại có, không lường Nhật, Nguyệt thiên tử, Phong sư, Vũ sư, Vân sư, Lôi sư cùng với Điện bá và các Niên tuế tuần quan, chư tinh và quyền thuộc, vân vân..., cùng ở trong Hội, đỉnh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng: "Chúng tôi bảo hộ người tu hành ấy, lập ra đạo tràng, được không e sợ".

Lại có, vô lượng Sơn thần, Hải thần, tất cả tinh kỳ, đất đai muôn vật, thủy, lục, không, hành, với Phong thần vương và Chư thiên Vô sắc giới, ở trước Như Lai, đồng thời cúi đầu bạch Phật rằng: "Chúng tôi cũng bảo hộ người tu hành ấy, được thành Bồ đề, hẳn không ma sự".

Khi bấy giờ, 84.000 na do tha hằng hà sa Câu chi Kim Cương Tạng Vương Bồ tát, ở trong đại Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Thế Tôn, như bọn chúng tôi, công nghiệp tu hành, đã thành đạo Bồ đề lâu rồi, mà không nhận lấy Niết bàn, thường theo chú này, cứu giúp những người chân chính tu hành Pháp Tam ma đề trong đời Mạt Pháp.

Bạch Thế Tôn, những người tu tâm vào chính định như thế, dù ở đạo tràng, hay là những lúc kinh hành, cho đến khi tán tâm đi chơi trong làng xóm, đồ chúng chúng tôi thường phải đi theo thị vệ người ấy, dù cho Ma vương, Đại tự tại thiên muốn được phương tiện khuấy phá, cũng không thể được; các quỷ thần nhỏ, phải cách xa người lành ấy, ngoài 10 do tuần, trừ khi, họ phát tâm thích người tu thiền. Bạch Thế Tôn, những ác ma như thế, hay quyến thuộc của ma, muốn đến xâm lấn khuấy phá người lành ấy, chúng tôi dùng bảo xứ đập nát cái đầu như vi trần, thường khiến cho người ấy tu hành được như nguyện."

**MỤC VI - KHAI THỊ NHỮNG VỊ TRÍ TU CHỨNG TRƯỚC SAU
ĐOẠN I
ÔNG A NAN XIN KHAI THỊ VỀ
NHỮNG DANH MỤC THỨ BẠC TU HÀNH**

Ông A Nan, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đỉnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Chúng tôi ngu độn, ưa tuệ đa văn, đối với các tâm hữu lậu, chưa cầu thoát ly, nhờ Phật từ bi dạy bảo được lối huân tu chân chính, thân tâm khoan khoái, được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, những người tu chứng Pháp Tam ma đề của Phật như thế, chưa đến Niết bàn, thì thế nào gọi là Càn tuệ địa, trong 44 tâm, đến thứ bậc nào, mới được danh mục tu hành, đến phương sở nào, mới gọi là Thập địa, thế nào, gọi là Đăng giác Bồ tát?" Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, trong đại chúng đều nhất tâm, chăm chú mong đợi từ âm của Phật.

**ĐOẠN II
KHEN NGỢI VÀ HỨA SẼ CHỈ TRƯỚC CHO**

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ông A Nan rằng: "Lành thay! Lành thay! Các ông lại biết, vì cả đại chúng và hết thầy chúng sinh tu Tam ma đề, cầu Pháp Đại thừa trong đời Mạt Pháp, xin tôi chỉ trước đường tu hành vô thượng chân chính từ phàm phu đến Đại niết bàn; nay ông hãy nghe cho chín, tôi sẽ vì ông mà nói".

Ông A Nan và đại chúng chấp tay sạch lòng, yên lặng thọ giáo.

**ĐOẠN III
KHAI THỊ HAI CÁI NHÂN ĐIÊN ĐẢO**

Phật dạy: "A Nan, nên biết diệu tính là viên minh, rời các danh tướng, bản lai không có thể giới chúng sinh. Nhân cái vọng mà có sinh, nhân cái sinh mà có diệt, sinh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chân, ấy gọi là hai hiệu chuyển y Vô Thượng Bồ đề và Đại niết bàn của Như Lai.

A Nan, nay ông muốn tu Pháp Chân tam ma đề, đến thẳng Đại niết bàn của Như Lai, trước hết, phải biết hai cái nhân điên đảo của thế giới và chúng sinh này; điên đảo không sinh, đó là Chân tam ma đề của Như Lai.

A Nan, thế nào gọi là điên đảo về chúng sinh? Do cái tâm bản tính là minh và tính minh ấy viên mãn cùng khắp, nên nhân tính minh phát ra hình như có tính; mà vọng kiến nhận là có tính sinh ra, từ chỗ rốt ráo là không, lại thành rốt ráo là có. Có cái sở hữu như thế, là do phi nhân làm nhân và những tướng năng trụ, sở trụ rốt ráo không có cội gốc. Rồi gốc nơi cái vô trụ đó, mà kiến lập ra thế giới và các chúng sinh.

Vì mê, không nhận được tính viên minh sẵn có, nên sinh ra hư vọng, tính hư vọng không có tự thể, không phải thật có chỗ nương đứng. Hầu muốn trở lại chân tính, thì cái muốn chân đó, đã không phải là tính chân như chân thật. Cầu trở lại không đúng chân lý, thì hiện thành ra những phi tướng: Không phải sinh gọi rằng sinh, không phải trụ gọi rằng trụ, không phải tâm gọi rằng tâm, không phải Pháp gọi rằng Pháp.

Xoay vần phát sinh và sinh lực phát huy, huân tập thành ra nghiệp báo; đồng nghiệp thì cảm với nhau, nhân đó, lại cảm ra các nghiệp diệt nhau, sinh nhau, do đó, mới có điên đảo về chúng sinh.

A Nan, thế nào gọi là điên đảo về thế giới? Do có cái sở hữu đó, nên từng phần, từng đoạn giả dối sinh ra, vì thế, mà không gian thành lập; do phi nhân làm nhân, không có năng trụ, sở trụ, nên đời đời mãi, không có năng trụ, sở trụ, nên đời đời mãi, không an trụ, vì thế, mà thời gian thành lập. Ba đời bốn phương, hòa hợp can thiệp cùng nhau, chúng sinh biến hóa thành 12 loài. Vậy nên trong thế giới, nhân động có tiếng, nhân tiếng có sắc, nhân sắc có hương, nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị biết Pháp, sáu vọng tướng cần loạn thành ra nghiệp tính, do đó, 12 cách đối hiện xoay vần mãi mãi. Vậy nên trong thế gian, những thanh, hương, vị, xúc biến đổi cùng tột, đến 12 lần xoay trở lại.

Dựa trên những tướng điên đảo, xoay vần đó, nên trong thế giới có những loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng.

A Nan, nhân trong thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, nên hòa hợp với khí, thành ra 84.000 loạn tướng bay lặn, vì vậy, nên có mầm trướng trôi lăn trong cõi nước; cá, chim, rùa, rắn, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, nên hòa hợp với tư, thành ra 84.000 loạn tướng ngang dọc; vì vậy, nên có bọc thai trôi lăn trong cõi nước; người, súc, rồng, tiên, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có chấp trước luân hồi, điên đảo về thú, nên hòa hợp với noãn, thành ra 84.000 loạn tướng nghiêng ngửa vì vậy, nên có tế thi thấp sinh trôi lăn trong cõi nước; nhưng nhúc, quậy động, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, nên hòa hợp với xúc, thành ra 84.000 loạn tướng mới cũ; vì vậy, nên có yết nam hóa sinh trôi lăn trong cõi nước; chuyển thoái, phi hành, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có lưu ngại luân hồi, điên đảo về chướng, nên hòa hợp với trước, thành ra 84.000 loạn tướng tinh diệu; vì vậy, nên có yết nam sắc tướng trôi lăn trong cõi nước; hư cứu, tinh minh, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về hoặc, nên hòa hợp với ám, thành ra 84.000 loạn tướng thâm ẩn, vì vậy, nên có yết nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước; không tán tiêu trầm, các loại đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có vọng tượng luân hồi, điên đảo về ảnh, nên hòa hợp với ức, thành ra 84.000 loạn tướng tiềm kết; vì vậy, nên có yết nam hữu tướng trôi lăn trong cõi nước; thần quỷ tinh linh, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si, nên hòa hợp với ngoan, thành ra 84.000 loạn tướng khô cảo; vì vậy, nên có yết nam vô tướng trôi lăn trong cõi nước; tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có tương đãi luân hồi, điên đảo về ngụy, nên hòa hợp với nhiễm, thành ra 84.000 loạn tướng nhân y; vì vậy, nên có yết nam, không phải có sắc mà có sắc, trôi lăn trong cõi nước; những giống thủy mẫu, dùng tâm làm mắt, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có tương đẫn luân hồi, điên đảo về tính, nên hòa hợp với chú, thành ra 84.000 loạn tướng hô triệu; vì vậy, nên có yết nam, không phải vô sắc mà vô sắc, trôi lăn trong cõi nước, chú trớ, yếm sinh, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về vọng, nên hòa hợp với dị, thành ra 84.000 loạn tướng hồi hổ; vì vậy, nên có yết nam, không phải có tướng mà có tướng, trôi lăn trong cõi nước; những giống tò vò, mượn chất khác thành cái thân của mình, các loài đầy rẫy.

Nhân trong thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát, nên hòa hợp với quái, thành ra 84.000 tư tướng ăn thịt cha mẹ; vì vậy, nên có yết nam, không phải vô tướng mà vô tướng, trôi lăn trong cõi nước; như con thỏ kiêu, áp khối đất làm con, và chim phá kính; áp quả cây độc làm con, con lớn lên, thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loài đầy rẫy.

Ấy gọi là mười hai chủng loại chúng sinh.

QUYỂN TÁM

ĐOẠN IV KẾT LUẬN VỀ BẢN NHÂN CỦA ĐIÊN ĐẢO ĐỂ KHỞI MỐI CHO Ý NGHĨA TIỆM THỨ TU TẬP

"A Nan, như thế, chúng sinh trong mỗi mỗi loài, cũng đều đủ hết 12 thứ điên đảo. Cũng như dụi con mắt, thì hoa đốm đủ thứ phát sinh ra, chân tâm diệu viên trong sạch sáng suốt mà điên đảo, thì đầy đủ những tư tưởng càn loạn giả dối như vậy. Nay, ông tu chứng Tam ma đề của Phật, thì đối với những tư tưởng càn loạn, làm nguyên nhân cội gốc của các điên đảo, nên lập ra ba tiệm thứ mới trừ diệt được, cũng như, trong khí mảnh trong sạch, trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và các thứ chất tro, chất thơm rửa sạch khí mảnh rồi, về sau, mới đựng nước Cam lộ.

ĐOẠN V KHAI THỊ BA TIỆM THỨ

"Thế nào gọi là ba tiệm thứ? Một là tu tập, trừ các trợ nhân; hai là chân tu, nạo sạch chính tính; ba là tăng tiến, trái lại hiện nghiệp.

Thế nào là trợ nhân? A Nan, 12 loài chúng sinh đó trong thế giới, không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà an trụ, nghĩa là, nương theo đoạn thực, xúc thực, tư thực và thức thực; vậy nên Phật bảo tất cả chúng sinh, đều nương với cái ăn mà an trụ.

A Nan, tất cả chúng sinh, ăn thức lành thì sống, ăn thức độc thì chết; vậy, các chúng sinh, cầu Tam ma đề, nên dứt bỏ năm thứ rau cay trong thế gian. Năm thứ rau cay này, ăn chín, thì phát lòng dâm, ăn sống, thì thêm lòng giận. Những người ăn rau cay đó, trên thế giới, dù biết giảng nói 12 bộ kinh, thiên tiên 10 phương, hiềm vì nó hôi nhớp, đều tránh xa cả; các loài ngạ quỷ, vân vân... nhân trong lúc người kia ăn rau cay, liếm môi mép của người đó; người ấy thường ở với quỷ một chỗ, phúc đức ngày càng tiêu, hăng lâu không được lợi ích. Người ăn rau cay đó, tu phép Tam ma đề, Bồ tát, Thiên tiên, Thiện thần thập phương không đến giữ gìn ủng hộ; Đại lực Ma vương được phương tiện đó, hiện ra thân Phật, đến thuyết Pháp cho người kia, chê phá cấm giới, tán thán dâm dục, nóng giận, si mê; đến khi mệnh chung, tự mình người ấy làm quyền

thuộc của Ma vương; khi hưởng thụ phúc ma hết rồi, thì đọa vào ngục Vô gián. A Nan, người tu đạo Bồ đề, phải đoạn hẳn năm thứ rau cay; ấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Thế nào là chính tính? A Nan, chúng sinh như vậy vào Tam ma đề, cốt yếu trước hết, phải nghiêm chỉnh giữ giới thanh tịnh, đoạn hẳn lòng dâm, không dùng rượu, thịt, chỉ ăn đồ ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. A Nan, người tu hành đó, nếu không đoạn dâm dục và sát sinh, mà ra khỏi được ba cõi, thì thật không có lẽ như vậy. Nên xem sự dâm dục như là rắn độc, như thấy giặc thù. Trước hết, phải giữ tứ khí, bát khí của giới luật Thanh văn, nắm giữ cái thân không lay động; về sau, hành trì luật nghi thanh tịnh Bồ tát, nắm giữ cái tâm không móng lên. Cấm giới đã thành tựu, thì ở trong thế gian, hẳn không còn những nghiệp sinh nhau, giết nhau; đã không làm việc trộm cướp, thì không còn mắc nợ nhau và cũng khỏi phải trả các nợ kiếp trước trong thế gian. Con người thanh tịnh ấy, tu phép Tam ma đề, chính nơi nhục thân cha mẹ sinh ra, không cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được thập phương thế giới, thấy Phật nghe Pháp, chính mình vâng lĩnh thánh chỉ của Phật, được phép đại thần thông, đi khắp thập phương thế giới; tức mạng được thanh tịnh, không còn những điều khó khăn nguy hiểm; ấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai.

Thế nào là hiện nghiệp? A Nan, người giữ gìn cấm giới thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm, không hay rong ruổi theo lục trần ở ngoài; thân không rong ruổi, tự xoay lại về tính bản nguyên; trần đã không duyên, thì căn không ngẫu hợp với đầu nữa; trở ngược dòng về chỗ toàn nhất, sáu cái dụng không hiện hành, cõi nước mười phương sáng suốt thanh tịnh, ví như ngọc lưu ly, có mặt trăng sáng treo ở trong ấy. Thân tâm khoan khoái, tính diệu viên bình đẳng, được đại an ổn, tất cả mặt viên tịnh diệu các Đức Như Lai đều hiện trong đó; người ấy liền được Vô Sinh Pháp Nhẫn. Từ đó, lần lượt tu tập, tùy cái hạnh phát ra mà an tập các thánh vị, đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

ĐOẠN VI AN LẬP CÁC THÁNH VỊ

Chi I. Càn tuệ địa.

"A Nan, thiện nam tử ấy, lòng dục ái khô cạn, căn và cảnh không ngẫu hợp, thân tàn hiện tiền, không còn tiếp tục sinh nữa, nắm cái tâm rỗng sáng, thuần là trí tuệ; tính trí tuệ sáng suốt cùng khắp, soi thấu thập phương thế giới; chỉ có cái tuệ khô khan ấy, nên gọi là Càn tuệ địa, tập khí ngũ dục mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước Pháp của các Đức Như Lai.

Chi 2. Thập tín.

- Tức lấy cái tâm ấy, chính giữa chính giữa lần vào, tính viên diệu mở mang, từ chỗ chân diệu viên lại phát ra chân diệu. Tính diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, trung đạo được thuần chân, gọi là Tín tâm trụ.
- Chân tín tỏ rõ, tất cả đều viên thông, ba thứ ám, giới, nhập không thể làm ngăn ngại; như thế, cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân đều hiện ra trước mặt, thiện nam tử ấy đều có thể nhớ nghĩ được, không quên mất gì; gọi là Niệm tâm trụ.
- Tính diệu viên thuần chân, chân tinh phát hóa ra, các tập khí vô thủy đều thông vào một tính tinh minh, chỉ dùng tinh minh ấy, tiến đến chỗ chân tịnh; gọi là Tinh tiến tâm.
- Tâm tinh hiện tiền, thuần dùng trí tuệ; gọi là Tuệ tâm trụ.
- Nắm giữ trí tuệ sáng suốt, lặng đứng cùng khắp, tính tịch diệu thường đứng lại; gọi là Định tâm trụ.
- Định quang phát minh, đi sâu vào tính sáng suốt, chỉ có tới, chứ không lui; gọi là Bất thoái tâm.

- Tâm an nhiên đi tới, giữ gìn không mất, giao tiếp với khí phần thập phương Như Lai; gọi là Hộ Pháp tâm.
- Giữ gìn tính giác minh, có thể dùng diệu lực xoay từ quang của Phật về nơi mình và hướng về Phật mà an trụ, cũng như hai gương sáng đối nhau, trong đó các bóng nhiệm màu lớp lớp lồng nhau; gọi là Hồi hướng tâm.
- Tự tâm thâm xoay Phật quang trở về, được Vô Thượng diệu tịnh thường trụ của Phật, an trụ nơi vô vi, được không bỏ mất; gọi là Giới tâm trụ.
- Tự tại an trụ nơi giới, có thể đi khắp mười phương, tùy nguyện mà đi; gọi là Nguyện tâm trụ.

Chi 3. Thập trụ

- A Nan, thiện nam tử đó, dùng phương tiện chân chính phát được mười cái tâm ấy, tâm tinh đã phát huy, mười cái dụng ấy xen lẫn với nhau, viên thành một tâm; gọi là Phát tâm trụ.
- Trong tâm phát ra sáng suốt, như ngọc lưu ly trong sạch, ở trong hiện ra vàng ròng; dùng cái diệu tâm trước kia, sửa sang thành chỗ nương đứng; gọi là Trì địa trụ.
- Tâm địa biết khắp, đều được rõ ràng, đi cùng mười phương, được không ngăn ngại; gọi là Tu hành trụ.
- Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật như thân trung ấm tự cầu cha mẹ, âm tín thâm thông vào giống Như Lai; gọi là Sinh quý trụ.
- Đã vào đạo thai, chính mình nhờ được sự nuôi nấng của tính giác, như cái thai đã thành, tướng người không thiếu; gọi là Phương tiện cụ túc trụ.
- Hình dáng như Phật, tâm tướng cũng vậy; gọi là Chính tâm trụ.

- Thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng; gọi là Bất thoái trụ.
- Linh tướng mười thân, một thời đầy đủ; gọi là Đồng chân trụ.
- Hình đã thành, ra khỏi thai, chính mình làm Phật tử; gọi là Pháp vương tử trụ.
- Nghi biểu đã thành người lớn, như khi một quốc vương, phân công ủy nhiệm cho thái tử các việc nước, thì quốc vương kia, lúc thái tử trưởng thành, bày ra lễ quán đảnh; gọi là Quán đảnh trụ.

Chi 4. Thập hạnh

- A Nan, thiện nam tử đã thành Phật tử rồi, đầy đủ diệu đức vô lượng của Như Lai và tùy thuận mười phương; gọi là Hoan hỉ hạnh.
- Khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sinh; gọi là Nhiêu ích hạnh.
- Tự giác và giác tha, được không chống trái; gọi là Vô sân hận hạnh.
- Theo các chủng loại mà hiện ra sắc thân cùng tột vị lai, ba đời đều bình đẳng, mười phương được thông suốt; gọi là Vô tận hạnh.
- Tất cả đều hợp về đồng, nơi các thứ Pháp môn, được không sai lầm; gọi là Ly si loạn hạnh.
- Rồi ở trong đồng, hiện ra các cái khác, nơi mỗi mỗi tướng khác, mỗi mỗi đều thấy là đồng; gọi là Thiện hiện hạnh.
- Như vậy, cho đến mười phương hư không, đầy khắp vi trần và trong mỗi mỗi vi trần hiện ra thập phương thế giới; hiện vi trần, hiện thế giới, không ngăn ngại nhau; gọi là Vô trước hạnh.
- Các thứ hiện tiền, đều là Đệ nhất ba la mật đa; gọi là Tôn trọng hạnh.

- Viên dung như vậy, có thể thành tựu quy tắc của chư Phật mười phương; gọi là Thiện Pháp hạnh.
- Mỗi mỗi đều là Nhất chân vô vi Thanh tịnh vô lậu, vì tính bản nhiên là như vậy; gọi là Chân thật hạnh.

Chi 5. Thập hồi hướng

- A Nan, thiện nam tử đó đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự rồi, toàn là một tinh chân thuần khiết, xa các lỗi lầm, chính khi hóa độ chúng sinh mà diệt tướng năng độ, sở độ, xoay tâm vô vi hướng về đường Niết bàn; gọi là Cứu hộ nhất thiết chúng sinh, Ly chúng sinh tướng hồi hướng.
- Diệt hoại tất cả cái gì có thể diệt hoại, viễn ly các sự ly; gọi là Bất hoại hồi hướng.
- Tính bản giác đứng lặng, giác ngộ bằng Phật; gọi là Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.
- Tinh chân phát ra sáng suốt, tâm địa như Phật địa, gọi là Chí nhất thiết xứ hồi hướng.
- Thế giới và Như Lai, dung hợp vào nhau, được không ngăn ngại; gọi là Vô tận công đức tạng hồi hướng.
- Nơi đồng với Phật địa, trong ấy phát sinh ra các nhân thanh tịnh, nương nhân ấy mà phát huy, đi đến đạo Niết bàn; gọi là Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng.
- Chân căn đã thành tựu, thập phương chúng sinh đều là bản tính của mình, bản tính viên mãn thành tựu, không bỏ mất chúng sinh; gọi là Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng.
- Tức tất cả Pháp, ly tất cả tướng, cả tức và ly, hai cái đều không dính; gọi là Chân như tướng hồi hướng.

- Thật được như như, mười phương không ngăn ngại; gọi là Vô phược giải thoát hồi hướng.
- Tính đức viên mãn thành tựu, lượng của Pháp giới diệt; gọi là Pháp giới vô lượng hồi hướng.

Chi 6. Tứ gia hạnh.

A Nan, thiện nam tử đó, tu hết 41 tâm thanh tịnh ấy rồi, thì lại thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên:

- Tức lấy Phật giác, dùng làm tâm mình, như ra nhưng chưa ra, ví như dùi cây để cho ra lửa mà đốt cái cây; gọi là Noãn địa.
- Lại lấy tâm mình, thành chỗ đứng của Phật, hình như nương, nhưng không phải nương, ví như người lên chóp núi cao, thân đã vào hư không, nhưng ở dưới còn chút ngăn ngại; gọi là Đỉnh địa.
- Tâm và Phật là đồng, khéo được trung đạo, ví như người biết nhịn, không phải ôm vào, nhưng cũng không phải phát ra; gọi là Nhẫn địa.
- Số lượng đều tiêu diệt, mê, giác và trung đạo, cả hai đều không có gì; gọi là Thế đệ nhất địa.

Chi 7. Thập địa

- A Nan, thiện nam tử đó thông suốt đúng đắn đạo Đại bồ đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tốt cảnh giới của Phật; gọi là Hoan hỉ địa.
- Tính khác nhập với đồng, tính đồng cũng diệt; gọi là Ly cấu địa.
- Thanh tịnh cùng tốt, sáng suốt sinh ra; gọi là Phát quang địa.
- Sáng suốt tốt, giác viên mãn; gọi là Diệm tuệ địa.

- Tất cả cái đồng, cái khác, không thể đến được; gọi là Nan thắng địa.
- Bản tính thanh tịnh vô vi, chân như tỏ lộ; gọi là Hiện tiền địa.
- Tột bờ bến chân như; gọi là Viên hành địa.
- Một tâm chân như; gọi là Bất động địa.
- Phát cái dụng chân như; gọi là Thiện tuệ địa.
- A Nan, các Bồ tát đó, từ đây về trước, công hạnh tu tập đã xong, công đức được viên mãn, cũng gọi địa này là Tu tập vị; bóng từ, mây diệu, trùm bể Niết bàn; gọi là Pháp vân địa.

Chi 8. Kết thúc bằng hai quả vị Đẳng giác và Diệu giác.

- Như Lai ngược dòng trở lại, vị Bồ tát đó thuận dòng đi tới, giác ngộ vào chỗ giao tiếp với nhau; gọi là Đẳng giác.
- A Nan, từ tâm Càn tuệ đến Đẳng giác rồi, giác đó mới bắt đầu được Sơ càn tuệ địa trong tâm Kim Cương; như vậy lớp lớp tu đơn, tu kép 12 vị mới cùng tột Diệu giác, thành đạo Vô Thượng.

Các thứ địa ấy, đều lấy trí Kim cương quán sát mười thứ ví dụ như huyền sâu xa, trong Xa ma tha, dùng phép Tỳ bà xá na của các Đức Như Lai mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt đi sâu vào.

A Nan, như thế, đều dùng ba tiệm thứ tăng tiến, nên khéo thành tựu 55 vị trong đường Bồ đề chân thật. Làm cái quán như vậy, gọi là chính quán; nếu quán cách khác, gọi là tà quán".

MỤC VII - CHỈ DẠY TÊN KINH

Khi bấy giờ, ngài Văn Thù sư lợi Pháp vương tử, ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Nên gọi Kinh này là gì? Tôi và chúng sinh phải phụng trì thế nào?"

Phật bảo ngài Văn Thù sư lợi: "Kinh này tên là "Đại Phật đĩnh tất đất đa bát đất ra, Vô Thượng Bảo Ấn, thập phương Như Lai thanh tịnh hải nhân". Cũng gọi tên là "Cứu hộ thân nhân, độ thoát A Nan cập thử Hội trung Tịch tử khuru ni, đắc Bồ đề tâm, nhập biến tri hải". Cũng gọi tên là "Như Lai mật nhân, tu chứng liễu nghĩa". Cũng gọi tên là "Đại phương quảng diệu liên hoa vương, thập phương Phật mẫu đà la ni chú". Cũng gọi tên là "Quán đĩnh chương cú, chư Bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm". Các ông nên phụng trì".

MỤC VIII - NGHE PHÁP ĐƯỢC TĂNG TIẾN

Phật nói lời ấy rồi, liền khi đó, ông A Nan và cả đại chúng được nhờ Đức Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn Bát đất ra, lại nghe được những tên gọi liễu nghĩa của kinh này, liền ngộ được Diệu lý tăng thượng đề tu tiến vào các Thánh vị trong Thiên na; tâm niệm rộng trông đứng lặng, ông đoạn trừ 6 phẩm phiền não vi tế trong tư hoặc tam giới.

CHƯƠNG IV - PHÂN BIỆT KỸ CÀNG CÁC NGHIỆP QUẢ, PHÂN TÍCH RẠCH RÒI VỀ TÀ MA NGOẠI ĐẠO MỤC I - HỎI VỀ NHỮNG TẬP KHÍ VỐN CÓ, SINH KHỞI RA LỤC ĐẠO

Ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đĩnh lễ nơi chân Phật, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn, có uy đức lớn, phát ra từ âm không ngăn ngại, khéo khai ngộ những lỗi lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sinh, khiến cho chúng tôi ngày nay, thân tâm khoan khoái, được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, nếu cái chân tâm diệu minh trong sạch nhiệm mầu, bản lai cùng khắp viên mãn, như thế, cho đến bản tính chân như của đất liền, cỏ cây, các loài máy động, tức là chân thể thành Phật của Như Lai. Thể tính của Phật đã là chân thật, làm sao, lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tu la, loài người và trời. Bạch Thế Tôn, những đạo đó lại là bản lai tự có, hay là do tập khí giả dối của chúng sinh sinh khởi ra?"

MỤC II - HỎI VỀ VIỆC BÁC KHÔNG CÓ NHÂN QUẢ, BỊ SA MÃI VÀO ĐỊA NGỤC VÀ VỀ NGHIỆP CHUNG, NGHIỆP RIÊNG

"Bạch Thế Tôn, như Tỳ khưu ni Bảo liên hương giữ Bồ tát giới, lén lút làm việc dâm dục, lại nói càn rằng làm việc dâm dục không phải giết người, không phải trộm cắp, không có nghiệp báo; phát ra lời nói ấy rồi, trước hết nơi nữ căn sinh ra ngọn lửa hồng lớn, về sau từng đốt, từng đốt, bị lửa đốt cháy, sa vào địa ngục Vô gián.

Như đại vương Lưu ly; tử khưu Thiện tinh; Lưu ly vì giết họ hàng Cù đàm, Thiện tinh vì nói càn tất cả các Pháp đều rỗng không mà thân sống sa vào địa ngục A tỳ.

Các địa ngục ấy, lại là có chỗ nhất định, hay là tự nhiên khi các người kia gây nghiệp, thì mỗi người, mỗi người chịu riêng? Xin Phật rủ lòng đại từ, khai ngộ cho kẻ ngây thơ, khiến cho tất cả chúng sinh trì giới, nghe nghĩa quyết định, vui mừng tôn trọng kính cẩn giữ gìn không phạm".

MỤC III - KHAI THỊ VỀ PHẬN TRONG, PHẬN NGOÀI CỦA CHÚNG SINH

ĐOẠN I NÊU CHUNG

Phật bảo ông A Nan: "Lành thay lời hỏi đó, khiến cho các chúng sinh không mắc tà kiến. Nay ông hãy nghe cho chín, tôi sẽ vì ông mà nói.

A Nan, tất cả chúng sinh, thật vốn chân tính thanh tịnh, nhân những vọng kiến, mà có tập khí hư vọng sinh ra; vì thế, chia ra có phận trong và phận ngoài.

ĐOẠN II PHẬN TRONG

"A Nan, phận trong, tức là ở trong phận của chúng sinh. Nhân các lòng ái nhiễm phát khởi ra vọng tình, tình chứa mãi không thôi, có thể sinh ra ái thủy; vậy nên chúng sinh, tâm nhớ thức ăn ngon, thì trong miệng nước chảy ra; tâm nhớ người trước, hoặc thương, hoặc giận, thì trong con mắt lệ tràn; tham cầu của báu, thì trong tâm phát ra ái diên, cả mình đều trơn sáng; tâm dính vào việc dâm dục, thì hai căn nam nữ tự nhiên dịch khí chảy ra. A Nan, các cái ái đó, tuy khác nhau, nhưng kết quả chảy nước là đồng; thấm ướt không lên được, tự nhiên theo đó mà sa đọa, ấy gọi là phận trong.

ĐOẠN III PHẬN NGOÀI

A Nan, phận ngoài, tức là ngoài phận của chúng sinh. Nhân các lòng phát ngưỡng, phát minh ra những lý tưởng; tưởng chứa mãi không thôi, có thể sinh ra những thắng khí; vậy nên chúng sinh, tâm giữ cấm giới, cả mình nhẹ nhàng, trong sạch; tâm trì chú ấn, con mắt ngó hùng dũng nghiêm nghị; tâm muốn sinh lên cõi trời, chiêm bao thấy bay lên; để tâm nơi cõi Phật, thánh cảnh thàm hiện ra; thờ vị thiện tri thức, tự khinh rẻ thân mệnh mình. A Nan, các tưởng đó tuy khác, nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau; cất bay không chìm xuống, tự nhiên vượt lên, đó là phận ngoài.

ĐOẠN IV PHÂN BIỆT TÌNH, TƯỚNG NHẸ NẶNG

A Nan, tất cả thế gian, sống chết nối nhau, sống thuận theo tập quán, chết thì đổi sang dòng khác, khi gần mệnh chung, chưa hết hơi nóng, thiện ác một đời đồng thời liền hiện ra; cái nghịch của chết, cái thuận của sống, hai tập khí giao xen lẫn nhau.

Thuần là tưởng, thì liền bay lên, chắc sinh trên các cõi trời; nếu trong tâm bay lên, gồm có phúc đức, trí tuệ cùng với tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được khai ngộ, thấy tất cả tịnh độ thập phương chư Phật, theo nguyện mà vãng sinh.

Tình ít, tướng nhiều, cất lên không xa, thì làm phi tiên, đại lực quý vương, phi hành dạ xoa, địa hành la sát, đi khắp bốn cõi trời, không bị ngăn ngại.

Nếu có nguyện tốt, tâm tốt, hộ trì Phật Pháp, hoặc hộ trì cấm giới, theo người trì giới, hoặc hộ trì thần chú, theo người trì chú, hoặc hộ trì thiên định, giữ yên Pháp nhẫn, thì những hạng đó, chính mình được ở dưới Pháp tọa Như Lai.

Tình và tướng cân nhau, không bay lên, không đọa xuống, thì sinh nơi nhân gian; tướng sáng suốt nên thông minh, tình u ám nên ngu độn.

Tình nhiều, tướng ít, đi vào các loại hoành sinh, nặng làm giống có lông, nhẹ làm giống có cánh.

Bảy phần tình, ba phần tướng, chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi mé hỏa luân chịu khí phần của lửa hồng, thân làm ngọc quý, thường bị đốt cháy, vì nước có thể hại mình, nên trải trăm nghìn kiếp, không ăn không uống.

Chín phần tình, một phần tướng, xuống thấu qua hỏa luân, và giữa giao giới phong luân và hỏa luân, nhẹ thì sinh vào Hữu gián, nặng thì mình vào Vô gián, hai thứ địa ngục.

Thuần là tình, thì chìm sâu vào ngục A tỳ; nếu trong tâm chìm sâu đó, lại có hủy báng Đại thừa, phá cấm giới của Phật, lừa dối nói Pháp để tham cầu tín thí, lạm nhận cung kính hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng thì lại còn sinh vào địa ngục A tỳ thập phương.

Theo ác nghiệp gây ra, tuy tự chuốc lấy quả báo, nhưng trong đồng phận chung, vẫn có chỗ sẵn.

MỤC IV - CHỈ RA MƯỜI TẬP NHÂN VÀ SÁU GIAO BÁO

ĐOẠN I TÓM NÊU DANH MỤC

"A Nan, những điều như thế, đều do nghiệp báo các chúng sinh kia, tự chiêu cảm lấy, như gây mười Tập nhân, thì chịu sáu Giao báo.

ĐOẠN II KHAI THỊ MƯỜI TẬP NHÂN

"Thế nào là mười Tập nhân? A Nan, một là, tập quán dâm dục, giao tiếp cùng nhau, phát sinh cọ xát lẫn nhau; cọ xát mãi không thôi, như thế, nên trong ấy có ngọn lửa hồng lớn nổi lên; ví như, có người lấy hai bàn tay cọ xát lẫn nhau, thì cảm giác nóng hiện ra. Hai cái tập khí đốt nhau, nên có những việc giường sắt, trụ đồng. Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương nhận xét việc dâm dục, đồng gọi là lửa dục; Bồ tát đối với dâm dục, tránh như hàm lửa.

Hai, là tập quán tham lam, so đo hơn thiệt, phát sinh hấp thụ lẫn nhau; hấp thụ ôm ấp mãi không thôi, như thế, nên chứa hơi lạnh bên trong thành giá cứng, làm cho nề nứt; ví như, có người hút hơi gió vào, thì có cảm xúc lạnh. Hai tập khí lẫn nhau, nên có những sự tra tra, ba ba, la la, thanh liên, xích liên, bạch liên, hàn băng, vân vân... Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương nhận xét việc tham cầu quá nhiều, đồng gọi là nước tham; Bồ tát đối với lòng tham, tránh như biển độc.

Ba, là tập quán ngã mạn, lấn lướt lẫn nhau, phát sinh ý thế với nhau. Rong ruổi không thôi, như thế, nên có sự bồn ba, sôi nổi, chứa lại thành nước; ví như, có người miệng lưỡi tự chép, làm cho nước bọt chảy ra. Hai tập khí chọi nhau, nên có các việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy vân vân... Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai mười phương nhận xét lòng ngã mạn, đồng gọi là uống nước si mê; Bồ tát đối với ngã mạn, tránh như vực thẳm lớn.

Bốn, là tập quán nóng giận, xung đột cùng nhau, phát sinh chông đời lẫn nhau; chông đời mãi không thôi, tâm nổi nóng, phát ra lửa, nấu cái khí thành kim thuộc, vì thế, nên có núi dao, đòn sắt, cây gươm, bánh xe

gươm, những búa, những vót, những thương, những cưa; ví như, có người bị hàm oan, thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đập nhau, nên có các sự thiên, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đập, đánh. Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương nhận xét sự nóng giận, đồng gọi là dao gươm bén; Bồ tát đối với lòng nóng giận, tránh như tránh chém giết.

Năm, là tập quán giả dối, dụ dỗ theo nhau, phát sinh lôi kéo lẫn nhau; dẫn dắt mãi không thôi, như thế, nên có giây, dây, thòng lọng, căng nọc; ví như, nước thấm ruộng thì cỏ cây lớn lên. Hai tập khí kéo nhau, nên có các sự gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, qua, bổng. Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương nhận xét sự giả dối, đồng gọi là sàm tặc; Bồ tát đối với sự gian dối, sợ như beo sói.

Sáu, là tập quán lừa gạt, lừa dối với nhau, phát sinh phỉnh gạt lẫn nhau; phỉnh gạt mãi không thôi, phát tâm gây điều gian dối; như thế, nên có bụi, đất, đại tiện, tiểu tiện, các đồ nhơ nhớp không sạch; như bụi theo gió, không thấy lẫn nhau. Hai tập khí dìm nhau, nên có những sự chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn. Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương nhận xét sự lừa gạt, đồng gọi là cướp giết; Bồ tát đối với sự lừa gạt, như giẫm rắn độc.

Bảy, là tập quán thù oán, hiềm khích lẫn nhau, phát sinh ôm ấp lòng giận, như thế, nên có quăng đá, ném gạch, hộp nhốt, xe cũi, bình đựng, dây bọc, như người hiềm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau, nên có những sự ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, gieo, ôm. Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương nhận xét sự thù oán, gọi là quỷ Vi hại; Bồ tát đối với sự thù oán, như uống rượu độc.

Tám, là tập quán ác kiến, tranh cãi với nhau, như ngã kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và các nghiệp tà ngộ, phát sinh chống trái lẫn nhau; như thế, nên có quan lại chứng thực, nắm giữ giấy tờ, đông như người đi đường, qua lại gặp nhau. Hai tập khí giao nhau, nên có các sự khám hỏi, mưu mẹo, khảo cứu, tra tấn, đòi hỏi, gạn xét, cứu tra cho rõ và những đồng tử thiện ác, tay cầm sổ sách, biện bạch cãi vã. Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương nhận xét ác kiến, đồng gọi là kiến khanh; Bồ tát đối với những thiên chấp hư vọng, như đứng bên hồ độc.

Chín, là tập quán vu vạ, làm hại cho nhau, phát sinh sự vu báng, như thế, nên có hợp sơn, hợp thạch, cối nghiền, cối xay; ví như, kẻ sàm tặc, áp bức vu oan người lương thiện. Hai tập khí bài xích lẫn nhau, nên có các sự áp giải, đè đập, ép huyết, tuốt mình. Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương, nhận xét sự vu vạ, đồng gọi là sàm hồ; Bồ tát đối với sự vu vạ, như bị sấm sét.

Mười, là tập quán kiện thưa, cãi vã lẫn nhau, phát sinh sự che đậy; như thế, nên có gương soi, đuốc chiếu, như giữa ban ngày, không giấu bóng được. Hai tập khí phô bày lẫn nhau, nên có ác hữu, nghiệp kính, hỏa châu phơi bày nghiệp xưa đối nghiệm các việc. Vậy nên, tất cả các Đức Như Lai thập phương nhận xét sự che đậy, gọi là giặc ngầm; Bồ tát đối với sự che đậy, như đội núi cao, lợi trong biển lớn.

ĐOẠN III TÓM NÊU SÁU GIAO BÁO

"Thế nào là sáu Giao báo? A Nan, tất cả chúng sinh, sáu thức gây nghiệp, nên ác báo chuốc lấy, đều từ sáu căn mà ra."

ĐOẠN IV KHAI THỊ SÁU GIAO BÁO

"Các ác báo từ sáu căn ra như thế nào?"

Một, là giao báo về thấy, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp thấy ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lửa hồng đầy khắp 10 phương; thần thức người chết bay rơi theo khói vào ngục Vô gián, phát ra hai tướng: Một là thấy sáng, thì khắp thấy nhiều thứ vật dữ, sinh ra khiếp sợ vô cùng; hai là thấy tối, lặng vậy không thấy gì sinh ra hoảng hốt vô hạn. Lửa thấy như thế, đốt cái nghe, thì có thể làm vạc dầu sôi, làm nước đồng chảy; đốt hơi thở, thì có thể làm khói đen, lửa đỏ; đốt cái nếm, thì có thể làm viên tròn nung đỏ, làm cơm sắt; đốt cảm xúc, thì có thể làm tro nóng, lò than; đốt tâm ý, thì có thể sinh ra sao lửa rưới khắp, làm rung động cả cõi hư không.

Hai, là giao báo về nghe, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp nghe ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất; thần thức người chết, sa xuống theo dòng vào ngục Vô gián, phát ra hai tướng: Một là nghe tỏ, nghe các thứ ồn ào, tinh thần rối loạn; hai là điếc hẳn, lặng lẽ, không nghe gì, thức thần chìm lịm. Sóng nghe như thế, rót vào cái nghe, thì có thể làm trách, làm hỏi; rót vào cái thấy, thì có thể làm sấm, làm thét, làm hơi độc dữ; rót vào hơi thở, thì có thể làm mưa, làm mù, rưới các sâu độc đầy khắp thân thể; rót vào các vị, thì có thể làm mù, làm huyết, các thứ như nhớp; rót vào cảm xúc, thì có thể làm con súc, làm con quỷ, làm phân, làm nước tiểu; rót vào ý nghĩ, thì có thể làm chớp, làm mưa đá, đập nát tâm thức.

Ba, là giao báo về ngửi, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp ngửi ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy rẫy xa gần; thần thức người chết, từ dưới đất trời lên, vào ngục Vô gián, phát hiện ra hai tướng: Một là ngửi thông, bị các hơi dữ xông tột bực, làm cho tâm rối loạn; hai là ngạt mũi, hơi thở ngạt không thông, nằm chết giắc dưới đất. Hơi ngửi như thế, xông vào hơi thở, thì có thể làm thông, làm ngạt; xông vào cái thấy, thì có thể làm lừa, làm đước; xông vào cái nghe, thì có thể làm chìm ngập, làm chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi; xông vào cái vị, thì có thể làm đói, làm ngấy; xông vào cái cảm xúc, thì có thể làm xấu, làm nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý nghĩ, thì có thể làm tro, làm chương khí, làm gạch đá bay lên đánh nát thân thể.

Bốn, là giao báo về vị, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp vị ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy lưới sắt nung đỏ che khắp thế giới; thần thức người chết từ dưới tung lên, mắc lưới treo ngược đầu xuống, vào ngục Vô gián, phát ra hai tướng: Một là nuốt vào, thì kết thành giá lạnh, làm nứt nẻ thân thể; hai là mưa ra, thì bay lên thành lửa hồng, đốt rụi xương tủy. Vị báo như thế, qua cái nếm, thì có thể làm nhận, làm chịu; qua cái thấy, thì có thể làm các thứ kim thạch đốt cháy; qua cái nghe, thì có thể làm binh khí sắc bén; qua hơi thở, thì có thể làm lồng sắt lớn che khắp cõi nước; qua cảm xúc, thì có thể làm cung, làm tên, làm mỏ, làm bắn; qua ý nghĩ, thì có thể làm sắt nóng bay, từ trên không rưới xuống.

Năm, là giao báo về xúc, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp xúc ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy núi lớn bốn mặt hợp lại, không còn

đường ra; thần thức người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, hùm sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, la sát đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lừa vào cửa thành, hướng về ngục Vô gián, phát ra hai tướng; Một là hợp xúc, thì núi kẹp ép mình, xương thịt nát ra máu; hai là ly xúc, thì dao gươm chạm vào mình, tim gan cắt xẻ. Xúc báo như vậy, qua cái xúc, thì có thể làm đao, làm quán, làm sảo, làm án; qua cái thấy, thì có thể làm đốt, làm nung; qua cái nghe, thì có thể làm đập, làm đánh, làm đâm, làm bắn; qua hơi thở, thì có thể làm trùm, làm đẩy, làm tra, làm trói; qua cái nếm, thì có thể làm cày, làm kiếm, làm chém, làm chặt; qua ý nghĩ, thì có thể làm rơi, làm bay làm nấu, làm nướng.

Sáu, là giao báo về ý nghĩ, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp ý ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi nát cõi nước, thần thức người chết bị thổi lên trên không xoay rơi theo gió, sa vào ngục Vô gián, phát ra hai tướng: Một là không biết, tội mê, thì hoang mang, ruồi chạy không thôi; hai là không mê, hay biết, thì khổ, bị đốt cháy không cùng, đau buốt không chịu nổi. Ý báo như thế, kết vào ý nghĩ, thì có thể làm phương, làm sở; kết vào cái thấy, có thể làm gương soi, làm chứng cứ; kết vào cái nghe, thì có thể làm đại hợp thạch, làm giá, làm sương, làm đất, làm mù; kết vào hơi thở, thì có thể làm xe lửa lớn, làm thuyền lửa, cũi lửa; kết vào cái nếm, thì có thể làm kêu la to, làm ăn năn, làm khóc lóc; kết vào cái cảm xúc, thì có thể làm lớn, làm nhỏ, làm cho một ngày muôn lần sống, muôn lần chết, làm nghiêng, làm ngửa.

ĐOẠN V
KẾT LUẬN NÓI VỀ TẬP NHÂN, GIAO BÁO KHI TOÀN,
KHI KHUYẾT VÀ ĐÁP LẠI LÀ GÂY NGHIỆP RIÊNG
MÀ CÓ ĐỒNG PHẬN CHUNG

"A Nan, thế gọi là 10 nhân và 6 quả của địa ngục, nhân quả ấy đều do mê vọng của chúng sinh tạo ra.

Nếu các chúng sinh, sáu căn đồng tạo nghiệp dữ, thì vào ngục A tỳ, chịu khổ vô cùng trong vô lượng kiếp; nếu từng mỗi căn tạo ra và nghiệp dữ đã làm gồm cả cảnh và căn thì người ấy vào 8 ngục Vô gián. Nếu cả thân, khẩu, ý làm việc sát, đao, đâm, thì người ấy vào Thập bát địa ngục; không đủ cả ba nghiệp thân, khẩu, ý, làm việc sát, đao, đâm, thì người ấy vào Thập bát địa ngục; không đủ cả ba nghiệp thân, khẩu, ý, hoặc

trong ấy chỉ làm một việc sát, hoặc một việc đạo, thì người ấy vào trong Tam thập lục địa ngục; chỉ có một căn, riêng làm một việc, thì người ấy vào Nhất bách bát địa ngục.

Do những chúng sinh ấy riêng gây ra nghiệp, nên vào chỗ đồng phận trong giới ấy; đó đều do vọng tưởng phát sinh ra, không phải bản lai tự có.

ĐOẠN VI KHAI THỊ CÁC DU BẢO

"Lại nữa, A Nan, các chúng sinh đó, nếu không phải gây tội chê phá luật nghi, phạm Bồ tát giới, hủy báng Niết bàn của Phật, mà chỉ phạm những nghiệp phức tạp khác nhau, thì sau khi bị đốt cháy nhiều kiếp, đền tội hết rồi, thì chịu những hình quý.

Nếu nơi bản thân, do tham vật mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp vật thành hình gọi là Quái quý; do tham sắc mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp gió thành hình, gọi là Bạt quý; do tham dôi trá mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp giống súc thành hình, gọi là My quý; do tham nóng giận mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp con sâu thành hình, gọi là Cổ độc quý; do tham thù oán mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp vận suy kẻ thù mà thành hình, gọi là Lệ quý; do tham ngã mạn mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp khí thành hình, gọi là Ngạ quý; do tham lừa gạt mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp u ẩn thành hình, gọi là Áp quý; do tham ác kiến mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp tinh hoa thành hình, gọi là Vọng lượng quý; do tham vu vạ mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp linh hiển thành hình, gọi là Dịch sử quý; do tham bè phái che giấu mà làm ra tội, thì người ấy đền tội hết rồi, gặp con người thành hình, gọi là Truyền tống quý.

A Nan, những người đó đều vì thuận tình phải đọa lạc, khi lửa nghiệp đốt sạch rồi, thì lên làm quý; như thế đều do cái nghiệp vọng tưởng tự mình chuốc lấy; nếu ngộ được tính Bồ đề, thì nơi tính Diệu viên minh, vốn không có gì.

Lại nữa, A Nan, khi nghiệp quý đã hết, tình và tướng cả hai đều thành không, thì mới ở nơi thế gian, cùng với người mắc nợ cũ, oán đối gặp nhau; thân làm súc sinh để trả nợ cũ.

Quái quỷ theo vật, vật tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kiêu. Bạt quỷ theo gió, gió tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm tất cả những loài cừu trung kỳ dị. My quỷ theo súc, súc chết báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hồ. Cổ quỷ theo sâu, sâu diệt báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài có độc. Lệ quỷ theo vận suy, suy tột báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun. Nga quỷ theo khí, khí tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cung cấp thịt ăn. Áp quỷ theo u âm, u âm tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cung cấp đồ mặc. Vọng lượng quỷ theo tinh hoa, tinh hoa tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài chim mùa. Dịch sử quỷ theo sự linh hiển, linh hiển diệt báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm tất cả các loài hươu trung. Truyền tông quỷ theo người, người chết báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài quần quít bên người.

A Nan, bọn ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sinh ra loài súc, trả hết nợ cũ; như thế, đều do những nghiệp hư vọng của tự mình chuốc lấy; nếu ngộ được tính Bồ đề, thì các vọng duyên đó vốn không có gì.

Như lời ông nói, bọn Bảo liên hương, Lưu ly vương, Thiện tinh tử khuru đều vốn tự mình gây ra nghiệp dữ; nghiệp ấy không phải từ trên trời sa xuống, từ dưới đất phát ra và cũng không phải do người khác đưa tới, mà chính do vọng tưởng của tự mình gây ra, rồi tự mình phải chịu quả báo; nơi tâm Bồ đề, đó chỉ là sự kết đông của vọng tưởng giả dối.

Lại nữa, A Nan, các súc sinh ấy đền trả nợ trước, nếu trong lúc trả nợ, trả quá nợ cũ, thì những chúng sinh ấy, trở lại làm người, đòi lại chỗ thừa. Nếu bên kia có súc, lại có cả phúc đức, thì ở trong loài người, không rời bỏ thân người, mà hoàn lại chỗ thừa đó; còn nếu không phúc đức, thì phải làm súc sinh đền lại chỗ thừa.

A Nan, nên biết, nếu dùng tiền của hoặc sức người ta, thì đền đủ là xong; còn như trong ấy, có giết thân mạng, hoặc ăn thịt kẻ khác, như thế, thì đi đến ăn nhau, giết nhau, trải qua nhiều kiếp, số như vi trần, cũng như bánh xe xoay vần, thay đổi bên cao, bên thấp, không có dừng nghỉ; trừ khi được phép Xa ma tha, hoặc gặp Phật ra đời, thì không thể dừng được.

Nay ông nên biết loài chim kiêu kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngoan cố. Giống cừu trung kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng quái dị. Những loài hồ kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngu dại. Những loài có độc kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng nham hiểm. Những loài giun kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng hèn nhát. Những loài cung cấp thịt ăn kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng nhu nhược. Những loài cung cấp đồ mặc kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng lao lụy. Những loài chim mùa kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng văn hoa. Những loài hươu trung kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông minh. Những loài quần quít theo người kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông đạt.

A Nan, bọn ấy trả hết nợ cũ, trở lại hình người, đều do từ vô thủy đến nay, điên đảo gây nghiệp, vay trả thừa thiếu, sinh nhau, giết nhau; nếu không gặp Như Lai, không nghe Chính Pháp, thì ở trong trần lao, máy móc xoay vần mãi mãi; bọn ấy gọi là thật đáng thương xót.

MỤC V - TU NHÂN RIÊNG BIỆT, THÀNH QUẢ HƯ VỌNG

ĐOẠN I NÊU CHUNG

"A Nan, lại có chúng sinh từ loài người, không nương theo Chính giác tu phép Tam ma đề, lại riêng tu theo vọng niệm, để tâm củng cố hình hài, vào trong rừng núi, những chỗ người ta không đến được, thành mười thứ Tiên.

ĐOẠN II RIÊNG THÀNH MƯỜI THỨ TIÊN

"A Nan, các chúng sinh kia, kiên cố dùng đồ bỏ mà không dừng nghỉ, khi đạo ăn được thành tựu, thì gọi là Địa hành tiên.

Kiên cố dùng cỏ cây mà không dừng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu, thì gọi là Phi hành tiên.

Kiên cố dùng kim thạch mà không dừng nghỉ, khi đạo hóa chất được thành tựu, thì gọi là Du hành tiên.

Kiên cố làm những động tác mà không dừng nghỉ, khi khí tinh được thành tựu, thì gọi là Không hành tiên.

Kiên cố luyện nước bọt mà không dừng nghỉ, khi nhuận đức được thành tựu, thì gọi là Thiên hành tiên.

Kiên cố hấp thụ tinh hoa mà không dừng nghỉ, khi hấp thụ được thành tựu, thì gọi là Thông hành tiên.

Kiên cố làm thuật phù chú mà không ngừng nghỉ, khi thuật Pháp được thành tựu, thì gọi là Đạo hành tiên.

Kiên cố chuyên chú tâm niệm mà không dừng nghỉ, khi chuyên niệm được thành tựu, thì gọi là Chiêu hành tiên.

Kiên cố về thủy hỏa giao cấu mà không dừng nghỉ, khi cảm ứng được thành tựu, thì gọi là Tinh hành tiên.

Kiên cố tập luyện biến hóa mà không dừng nghỉ, khi giác ngộ được thành tựu, thì gọi là Tuyệt hành tiên.

ĐOẠN III - TỔNG KẾT VỀ ĐẠO TIÊN

"A Nan, bọn ấy đều ở trong loài người mà luyện tâm, tuy không tu Chính giác, nhưng riêng được lẽ sống, thọ ngàn vạn tuổi, nghỉ ở trong núi sâu hoặc trên đảo giữa bể cả, cách tuyệt chỗ người ở; đó cũng là vọng tưởng luân hồi lưu chuyển. Nếu không tu phép Tam muội, thì khi quả báo hết rồi, trở lại tẩn vào trong lục đạo.

MỤC VI - CÁC CỠ TRỜI SAI KHÁC ĐOẠN I - DỤC GIỚI

"A Nan, các người thế gian, không cầu đạo thường trụ, chưa có thể rời bỏ được sự ân ái với vợ mình, nhưng tâm không buông lung trong việc tà dâm, do tâm đứng lặng sinh ra sáng suốt, sau khi mệnh chung ở gần với mặt trời, mặt trăng; một loài như thế, gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.

Đôi với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, không được toàn vị, thì sau khi mệnh chung, vượt ánh sáng mặt trời, mặt trăng, ở trên chóp nhân gian; một loài như thế, gọi là Đạo lợi thiên.

Gặp cảnh dục tạm theo, bỏ đi không nhớ nghĩ, ở trong nhân gian, động ít, tĩnh nhiều, thì sau khi mệnh chung, sáng rõ ở yên trong cõi hư không, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không soi đến được; và những người ấy tự mình có ánh sáng; một loài như thế, gọi là Tu diệm ma thiên.

Lúc nào cũng tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến bên mình, chưa chống đối được, thì sau khi mệnh chung, lên trên chỗ tinh vi, không tiếp với những cảnh nhân thiên cõi dưới, cho đến gặp hoại kiếp, tam tai cũng không đến nơi; một loài như thế, gọi là Đâu suất đà thiên.

Chính mình không có tâm dâm dục, chỉ đáp ứng với người khác mà làm, trong lúc phô bày, vô vị như ăn sáp, thì sau khi mệnh chung, vượt lên sinh vào cảnh biến hóa; một loài như thế, gọi là Lạc biến hóa thiên.

Không có tâm thế gian, chỉ đồng với thế gian mà làm việc ngũ dục; trong lúc làm việc ấy, rõ ràng là siêu thoát, thì sau khi mệnh chung, vượt trên tất cả những cảnh biến hóa và không biến hóa; một loài như thế, gọi là Tha hóa tự tại thiên.

A Nan, sáu cõi trời như thế, hình thức tuy khởi động, nhưng tâm tính còn dính dấp; từ các cõi ấy trở xuống, gọi là Dục giới.

QUYỀN CHÍN ĐOẠN II - SẮC GIỚI

"A Nan, tất cả những người tu tâm trong thế gian, không nhờ Thiên na, thì không có trí tuệ.

Người nào giữ được cái thân không làm việc dâm dục, trong lúc đi, lúc ngồi, đều không nghĩ nhớ, lòng ái nhiễm không sinh, không còn ở trong Dục giới, thì bản thân liền được làm phạm lữ; một loài như thế, gọi là Phạm chúng thiên.

Tập quán ngũ dục đã trừ rồi, tâm ly dục hiện ra, vui vẻ thuận theo các luật nghi, thì người đó liền có thể thực hành những Phạm đức; một loài như thế, gọi là Phạm phụ thiên.

Thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, uy nghi không thiếu, cấm giới trong sạch, lại có thêm trí sáng, thì người đó liền được thống lĩnh Phạm chúng, làm Đại Phạm vương; một loài như thế, gọi là Đại Phạm thiên.

A Nan, ba loài tốt đó, tất cả khổ não không bức bách được; tuy không phải chân chính tu phép Tam ma đề của đạo Phật, nhưng trong tâm thanh tịnh, những lầm lạc của Dục giới không lay động được, nên gọi là Sơ thiên.

A Nan, thứ nữa, các hàng Phạm thiên khi thống lĩnh Phạm chúng, lại tu tập Phạm hạnh được viên mãn, làm cho tâm đứng lạng không lay động, và do sự đứng lạng ấy, sinh ra sáng suốt; một loài như thế, gọi là Thiếu quang thiên.

Hào quang sáng suốt thêm nhiều, chói sáng không cùng, ánh vào thập phương thế giới đều thành trong sáng như ngọc lưu ly; một loài như thế, gọi là Vô lượng quang thiên.

Nắm giữ hào quang viên mãn, tạo thành giáo thể, phát ra sự giáo hóa thanh tịnh, ứng dụng không cùng; một loài như thế, gọi là Quang âm thiên.

A Nan, ba loài tốt ấy, tất cả lo buồn không bức bách được; tuy không phải chân chính tu hành phép Tam ma đề của đạo Phật, nhưng trong tâm thanh tịnh, những lầm lạc thô động đã dẹp xuống, nên gọi là Nhị thiên.

A Nan, những loài trời như thế, khi dùng hào quang viên mãn làm việc giáo hóa, do sự giáo hóa càng rõ lẽ nhiệm mầu (có bản dịch ghi là khi ánh sáng hào quang viên mãn thì thành âm thanh), phát ra hạnh tinh tiến, thông với cái vui yên lặng; một loài như thế, gọi là Thiểu tịnh thiên.

Cảnh thanh tịnh hiện tiền, dẫn phát không có bờ bên, thân tâm được khinh an, thành cái vui yên lặng; một loài như thế, gọi là Vô lượng tịnh thiên.

Thế giới và thân tâm, tất cả hoàn toàn thanh tịnh, đức thanh tịnh được thành tựu, cảnh giới thù thắng hiện tiền, dồn về vui yên lặng; một loài như thế, gọi là Biến tịnh thiên.

A Nan, ba loài tốt đó, đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, thân tâm yên lặng, được cái vui vô lượng; tuy không phải chân chính được phép Tam ma đề của đạo Phật, nhưng trong tâm yên ổn, hoan hỷ được đầy đủ, nên gọi là Tam thiên.

A Nan, lại nữa, những loài trời đó, thân tâm không bị bức bách, nguyên nhân của khổ đã hết, lại xét cái vui không phải thường trụ, lâu rồi cũng phải tiêu tan, nên cả hai tâm khổ và vui, đồng thời đều xả bỏ; những tướng thô nặng đã diệt, thì phước thanh tịnh sinh ra; một loài như thế, gọi là Phước sinh thiên.

Tâm xả bỏ được viên mãn, sự nhận hiểu cao xa càng thanh tịnh; trong cái phước không gì trở ngại đó, được sự tùy thuận nhiệm mầu cùng tốt vị lai; một loài như vậy, gọi là Phước ái thiên.

A Nan, từ cõi trời đó, có hai đường rẽ: Nếu dùng cái tâm sáng suốt thanh tịnh vô lượng trước kia, mà tu chứng an trụ nơi phước đức viên mãn sáng suốt, thì một loài như thế, gọi là Quảng quả thiên.

Nếu nơi cái tâm trước kia nhằm chán cả cái khổ và cái vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả bỏ, tiếp tục không ngừng, đi đến cùng tốt sự xả bỏ, thân tâm đều diệt hết, ý nghĩ bất mật, trải qua năm trăm kiếp; song, người ấy đã lấy cái sinh diệt làm nhân, thì không thể phát minh tính không sinh diệt, nên nửa kiếp đầu thì diệt, nửa kiếp sau lại sinh; một loài như thế, gọi là Vô tướng thiên.

A Nan, bốn loài tốt ấy, tất cả những cảnh khổ vui trong thế gian không lay động được; tuy không phải là chỗ bất động chân thật của đạo vô vi; song, nơi cái tâm hữu sở đắc, công dụng đã thuần thực, nên gọi là Tứ thiên.

A Nan, trong đó, lại có năm bậc Bất hoàn thiên, các vị này đã diệt hết tập khí chín phẩm tư hoặc trong cõi dưới rồi, khổ vui không còn, bên dưới không có chỗ ở, nên an lập chỗ ở nơi chúng đồng phận của tâm xả bỏ.

A Nan, khổ vui cả hai đều diệt, không còn tâm niệm ưa ghét; một loài như thế, gọi là Vô phiền thiên.

Tự tại buông xả, không còn năng xả, sở xả; một loài như thế, gọi là Vô nhiệt thiên.

Khéo thấy thế giới mười phương thấy đều đứng lặng, không còn tất cả những câu nhiệm trâm trọng của trần cảnh; một loài như thế, gọi là Thiện kiến thiên.

Tri kiến thanh tịnh hiện tiền, sử dụng được không ngăn ngại; một loài như thế, gọi là Thiện hiện thiên.

Quán sát rõ ráo các cực vi, cùng tội tính của sắc Pháp, vào tính không bờ bến; một loài như thế, gọi là Sắc cứu cánh thiên.

A Nan, những bậc Bất hoàn thiên đó, chỉ riêng bốn vị thiên vương Tứ thiên được có kính nghe, nhưng không thể thấy biết; cũng như hiện nay, có các thánh đạo tràng nơi rừng sâu đồng rộng thế gian, đều là những nơi trụ trì của các vị A la hán, nhưng những người thô thiên thế gian không thể thấy được.

A Nan, mười tám loài trời đó, tâm thường ở trong định, không dính dáng với trần cảnh, song chưa hết cái lụy của hình hài; từ đó trở về, gọi là Sắc giới.

ĐOẠN III - VÔ SẮC GIỚI

"Lại nữa, A Nan, từ chỗ cao nhất của Sắc giới, lại có hai đường rẽ. Nếu nơi tâm xả bỏ, phát minh được trí tuệ, trí tuệ sáng suốt viên thông, thì ra khỏi cõi trần, thành vị A la hán, vào Bồ tát thừa; một loài như thế, gọi là Hội tâm Đại A la hán.

Nếu nơi tâm xả bỏ, khi thành tựu được sự xả bỏ rồi, lại cảm thấy cái thân làm ngăn ngại và tiêu cái ngăn ngại ấy vào hư không, thì một loài như thế, gọi là Không vô biên xứ.

Các chất ngại đã tiêu trừ rồi, nhưng không diệt được cái vô ngại, trong đó chỉ còn thức A lại gia và còn nguyên vẹn phần nửa vi tế của thứ Mạt na; một loài như thế, gọi là Thức vô biên xứ.

Sắc và không đã hết, cái tâm biết là hết ấy cũng diệt trừ, mười phương vắng lặng, không còn gì nữa; một loài như thế, gọi là Vô sở hữu xứ.

Thức tính vốn không lay động, lại dùng cái diệt mà diệt đến cùng; trong chỗ không thể hết, phát minh nhận cho là hết, nên hình như còn, mà không phải còn, hình như hết, mà không phải hết; một loài như thế, gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hạng này xét cùng cái không, nhưng không tột lý không; nếu từ Thánh đạo cõi trời Bất Hoàn mà xét cùng, thì một loài như thế, gọi là Bất hồi tâm độn A la hán.

Nếu từ cõi trời vô tướng và ngoại đạo mà xét cùng cái không, không biết trở về, mê lầm không nghe Chính Pháp, thì sẽ vào trong luân hồi.

A Nan, trên các cõi trời đó, mỗi mỗi đều là những phạm phu hưởng sự báo đáp của nghiệp quả và khi sự báo đáp ấy hết rồi, thì trở vào trong luân hồi.

Thiên vương các cõi kia, thường là Bồ tát, dùng Tam ma đề mà lần lượt tiến lên, hồi hướng về đường tu hành đạo Phật.

A Nan, những cõi trời tứ không đó, thân tâm diệt hết, định tính hiện tiền, không có sắc Pháp của nghiệp quả; từ đó đến cuối cùng, gọi là Vô sắc giới.

Hạng đó, đều do không rõ Diệu giác minh tâm, chứa nhóm cái vọng, mà giả dối phát sinh ra ba cõi, giả dối theo bảy loài trong đó, mà chìm đắm và cá thể thụ sinh cũng theo từng loài.

ĐOẠN IV RIÊNG NÓI THÊM VỀ BỐN GIỐNG A TU LA

"Lại nữa, A Nan, trong ba cõi ấy, còn có bốn giống A tu la.

Nếu từ loài quỷ, do sức bảo hộ Chính Pháp, được thần thông vào hư không, thì giống A tu la này, từ trứng sinh ra, thuộc về loài quỷ.

Nếu từ cõi trời, đức kém phải sa đọa, chỗ ở gần với mặt trời, mặt trăng, thì giống A tu la đó, từ thai sinh ra, thuộc về loài người.

Có Vua A tu la, nắm giữ thế giới, sức mạnh đến chỗ không phải sợ ai, có thể tranh quyền với Phạm vương, Đế Thích và Tứ thiên vương; giống A tu la này, nhân biến hóa mà có, thuộc về loài trời.

A Nan, riêng có một số A tu la thấp kém, sinh trong lòng biển lớn, lặn trong thủy huyết, ban ngày đi chơi trên hư không, tối về ngủ dưới nước; giống A tu la này, nhân thấp khí sinh ra, thuộc về loài súc sinh.

MỤC VII - KHAI THỊ CHỖ HƯ VỌNG CỦA BẢY LOÀI ĐỂ KHUYẾN KHÍCH TU HÀNH CHÍNH PHÁP

ĐOẠN I - KHAI THỊ CHỖ HƯ VỌNG

"A Nan, xét rõ bảy loài địa ngục, ngã quý, súc sinh, người và thần tiên, trời và A tu la như thế, đều là những tướng hữu vi tối tăm, giả dối tướng tượng thọ sinh, giả dối tướng tượng theo nghiệp; đối với tâm tính Diệu viên minh, bản lai không năng tác, sở tác, thì đều như hoa đóm giữa hư không, vốn không dính dáng; chỉ một cái hư vọng, chứ không có cội gốc mạnh mẽ gì.

ĐOẠN II - KHAI THỊ VỀ NGHIỆP NHÂN

"A Nan, những chúng sinh đó, không nhận được tâm tính bản lai, chịu cái luân hồi như thế trong vô lượng kiếp, mà không chứng được chân tính thanh tịnh, đó đều do chúng thuận theo những sát, đạo, dâm, hoặc ngược lại ba cái đó, thì lại sinh ra không sát, không đạo, không dâm; có, thì gọi là loài quý, không, thì gọi là loài trời; có và không thay nhau, phát khởi ra tính luân hồi.

ĐOẠN III - CHỈ TỎ SỰ TU HÀNH CHÂN CHÍNH

"Nếu khéo tu tập phát huy phép Tam ma đề, thì trong bản tính thường diêu, thường tịch, cả hai cái có, cái không đều không và cái không có, không không cũng diệt, còn không có gì là bất sát, bất đạo, bất dâm, làm sao lại còn thuận theo được những việc sát, đạo, dâm.

ĐOẠN IV - TỔNG KẾT VỀ QUẢ BÁO ĐỒNG PHẬN

"A Nan, không đoạn được ba nghiệp, thì mỗi mỗi chúng sinh đều có phần riêng, nhân những cái riêng ấy, mà quả báo đồng phận chung của các cái riêng, không phải là không chỗ nhất định; đó là do vọng kiến của tự mình phát sinh ra; hư vọng phát sinh vốn không có nhân, không thể tìm xét nguồn gốc được.

ĐOẠN V - KHUYÊN ĐOẠN TRỪ

"Ông khuyên người tu hành, muốn được đạo Bồ đề, cốt yếu phải trừ tam hoặc; tam hoặc không hết, thì dầu được thần thông, cũng đều là những công dụng hữu vi của thế gian; tập khí mê lầm đã không diệt, thì lạc vào đường ma; tuy muốn trừ cái vọng, nhưng lại càng thêm giả dối; Như Lai bảo là rất đáng thương xót. Như thế, đều do vọng kiến tự mình tạo ra, không phải là lỗi của tính Bồ đề.

Nói như thế ấy, tức là lời nói chân chính; nếu nói khác thế, tức là lời nói của Ma vương".

MỤC VIII - PHÂN BIỆT CÁC ÁM MA ĐOẠN I - NGUYÊN DO KHỞI RA CÁC MA SỰ

Khi bấy giờ, Đức Như Lai gần chấm dứt thời thuyết Pháp, ở nơi sư tử tọa, vin ghé thất bảo, xoay về Tử Kim Sơn, trở lại dựa nơi ghế, bảo khắp đại chúng và ông A Nan rằng:

"Bọn ông là hàng Duyên giác, Thanh văn hữu học, ngày nay, đã hồi tâm hướng về Vô Thượng Diệu Giác đạo Đại Bồ đề, và tôi cũng đã chỉ dạy phép tu chân chính; nhưng các ông còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm trong lúc tu chỉ, tu quán. Nếu cảnh ma hiện ra, ông không biết được, thì sẽ tu tâm không đúng và mắc vào tà kiến; hoặc bị ma ngũ âm của ông, hoặc bị thiên ma, hoặc mắc quỷ thần, hoặc gặp lợi my, mà trong tâm không rõ, nhận giặc làm con.

Lại nữa, có khi được một ít đã cho là đủ, như Vô văn tử khuru được Đệ tứ thiên, nói ma là chúng bậc thánh; đến khi quả báo chư thiên hết rồi, suy tướng hiện ra, thì phải báng quả A la hán còn phải thọ sinh, nên đọa vào ngục A tỳ. Các ông hãy nghe cho kỹ, nay tôi vì ông mà phân biệt chín chắn".

Ông A Nan đứng dậy, với các hàng hữu học trong Hội, vui mừng đĩnh lễ, kính nghe Phật từ bi dạy bảo.

Phật bảo ông A Nan và cả đại chúng: "Các ông nên biết, mười hai loài chúng sinh trong thế giới hữu lậu, tâm thể giác viên bản giác diệu minh, cùng thập phương chư Phật, không hai không khác. Do vọng tưởng, các ông mê chân lý thành ra lỗi lầm. Si ái phát sinh, sinh mê cùng khắp, nên có hư không; hóa mãi cái mê không thôi, nên có thế giới sinh ra; các cõi

nước số như vi trần ở mười phương, trừ cõi vô lậu, đều do vọng tưởng mê làm kiến lập.

Nên biết, hư không sinh trong tâm ông, cũng như chút mây điểm trên vùng trời, huống nữa là các thế giới ở trong hư không. Một người các ông phát minh chân lý, trở về bản tính, thì hư không thập phương đó thấy đều tiêu mất, làm sao các cõi nước hiện có trong hư không ấy, lại không rung động. Các ông tu thiền định, tra dồi phép Tam ma đề, tâm được thông suốt, ám hợp với các vị Bồ tát và các vị vô lậu Đại a la hán mười phương, thật sự vắng lặng, thì tất cả Ma vương, quỷ thần và loài trời, phàm phu, đều thấy cung điện mình không có gì đổ vỡ, đất liền rung động, các loài thủy lục bay nhảy, thấy đều kinh sợ. Phàm phu tối tăm, không rõ nên nghĩ làm; còn bọn kia đều được năm thứ thần thông, trừ lậu tận thông, đương luyến tiếc cảnh trần lao, làm sao lại để cho ông phá hoại chỗ ở? Vậy nên các loài quỷ thần, thiên ma, vọng lượng, yêu tinh, trong lúc ông tu phép Tam muội đều đến quấy phá.

Song các ma kia, tuy có giận dữ, nhưng bọn chúng ở trong trần lao, các ông ở trong diệu giác, thì cũng như gió thổi ánh sáng, như dao chém nước, hẳn không đụng chạm nhau được; ông như nước sôi, bọn kia như giá cứng, tạm gần hơi ấm, thì không bao lâu sẽ tiêu tan. Chúng nó luống ý thần lực, nhưng chỉ làm người khách; nếu chúng có thể phá rối được, là do người chủ ngủ ấm trong tâm ông, nếu người chủ mê lầm, thì khách được dịp khuấy phá.

Đương lúc tu thiền, giác ngộ không lầm, thì các ma sự kia không làm gì ông được. Khi năm âm đã tiêu trừ, vào tính sáng suốt, thì bọn tà ma kia là kẻ tối tăm, sáng phá được tối, đến gần tự phải tiêu mất, làm sao còn dám ở lại khuấy phá thiền định. Nếu không tỏ ngộ, bị ngũ ấm làm cho mê lầm, thời chính ông là A Nan, lại phải làm con của ma và thành người ma. Như nàng Ma đấng già, sức còn hèn kém, chỉ dùng chú thuật, bắt ông phá luật nghi của Phật; trong tám muôn hạnh chỉ phá một giới; nhưng vì tâm ông thanh tịnh, nên vẫn chưa bị chìm đắm. Bọn ma này, thì phá hoại toàn thân bảo giác của ông, như nhà quan tể thần, bỗng nhiên bị tước hết, tịch hết, linh đình quanh lộn, không thể thương cứu.

ĐOẠN II - KHAI THỊ CÁC ẨM MA

(Phần này lấy từ một bản dịch khác vì ý nghĩa rõ ràng, cô đọng hơn)

Chi I. 10 cảnh thuộc Sắc ẨM

1. THÂN THỂ KHÔNG BỊ CHƯÓNG NGẠI

Này A Nan, người trong khi tu thiền do sức dụng công, nên tâm tánh được nhiệm mầu sáng suốt, tự thấy thân thể mình trong giây phút qua lại tự tại, không bị cái gì làm chướng ngại. Vì dụng công tu luyện, nên tạm hiện ra các việc như vậy, không phải là chứng Thánh; nếu sanh tâm nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

2. LƯỢM BỎ TRÙNG ĐỘC TRONG THÂN

A Nan, hành giả trong lúc dụng công tu thiền, thoát thấy thân thể mình trong suốt, các loài trùng độc, sên bò qua lại, rồi lượm bỏ ra ngoài mà thân không đau đớn. Vì dụng công tu luyện nên tạm hiện ra cảnh như vậy, không phải chứng Thánh. Nếu nghĩ mình chứng Thánh thì bị ma nó cám dỗ.

3. NGHE TRONG HƯ KHÔNG CÓ TIẾNG NÓI PHÁP

Hành giả trong lúc tu thiền, nghe trong hư không có tiếng thuyết pháp, hoặc nghe Thánh, Hiền, Tiên, Phật trong mười phương thế giới đều nói ra nghĩa lý nhiệm mầu. Đây vì hành giả dụng công tu luyện nên tự tâm biến hiện ra cảnh giới như vậy, không phải chứng Thánh, nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma ám ảnh.

4. THẤY PHẬT HIỆN VÀ HOA SEN NỞ

Người tu thiền định, khi tâm thanh tịnh rồi, tự phát ra ánh sáng. Lúc bấy giờ thấy mười phương đều hiện ra sắc vàng, tất cả các vật loại hóa thành Phật cả. Lại thấy Đức Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài thiên quang, các Đức Phật ngồi xung quanh và có vô số hoa sen đồng thời xuất hiện. Đây do hành giả dụng công tu thiền, nên thấy có cảnh tạm hiện ra như vậy, không phải là chứng Thánh; nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

5. THẤY CÁC VẬT BÁU ĐẦY CẢ HƯ KHÔNG

Người trong khi tu thiền thấy mười phương hư không đều thành bảy báu, nào màu xanh, sắc vàng, đỏ, trắng, hiện ra vô số, mà chẳng chướng ngại nhau. Đây do trong lúc tu thiền, vì hành giả dụng công đè nén vọng niệm thái quá, nên nó biến hiện ra cảnh như vậy, không phải chứng Thánh; nếu nghĩa mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

6. THẤY BAN ĐÊM NHƯ BAN

Người tu thiền định, do tâm an tịnh nên phát ra ánh sáng. Lúc bấy giờ mặc dù nửa đêm, ở trong nhà tối mà vẫn thấy rõ hết cả mọi vật, không khác chi ban ngày. Vì hành giả dụng công tu luyện nên tạm hiện ra cảnh như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

7. THÂN THỂ KHÔNG BIẾT

Người tu thiền đến khi tâm tánh được rộng không, thì thân thể chẳng biết đau. Lúc bấy giờ lửa đốt không cháy, dao chặt không đau. Đây là do sức dụng tâm tu luyện của hành giả nên tạm được như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

8. THẤY CẢNH GIỚI PHẬT HIỆN KHẬP

Người tu thiền định do dụng công cùng tốt, nên thấy mười phương núi sông toàn cả thế giới đều biến thành cõi Phật, đủ cả bảy món báu chiếu sáng khắp giáp. Lại thấy hàng sa chư Phật ở trong cung điện tốt đẹp hiện đầy cả hư không. Trông lên trên thì thấy các cung trời, xem trở xuống lại thấy hết các cõi địa ngục đều không có chướng ngại. Đây do lúc tu thiền, vì hành giả ngưng vọng tưởng lâu ngày, nên nó hóa hiện như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị đọa vào đường tà.

9. BAN ĐÊM THẤY, NGHE ĐƯỢC PHƯƠNG

Trong khi tu thiền, do tâm tham cứu sâu xa, nên trong lúc giữa đêm thấy được nào là chợ búa, đường sá, bà con họ hàng ở các phương xa, hoặc nghe được tiếng nói. Đây do hành giả kiềm thúc cái vọng tâm thái quá, nên tạm hiện ra như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị đọa vào đường tà.

10. THÂN HÌNH BIẾN HÓA, NÓI PHÁP THÔNG SUỐT

Trong khi tu thiền, do hành giả dụng tâm tham cứu cùng tột, nên thấy có các vị Thiên tri thức, chỉ trong giây phút mà thân mình biến hóa nhiều cách. Đây do trong khi tu thiền vì hành giả sanh tâm chấp trước, nên bị ma ám ảnh, làm cho người này thông suốt nghĩa mầu, nói pháp vô ngại, không phải chứng Thánh; nếu chẳng chấp trước thì cảnh ma này lần lần tiêu; còn cho mình chứng Thánh thì bị đọa vào cảnh ma.

TÓM LẠI

Này A Nan! Mười cảnh ma này, đều do trong lúc tu thiền, hành giả dụng tâm phá trừ sắc âm, nên nó biến hiện ra các cảnh như vậy. Nếu khi gặp những cảnh ấy, mê lầm không biết, cho mình đã chứng Thánh thì bị ma nó ám ảnh, rồi sanh đại vọng ngữ, nói mình thành đạo chứng quả v.v... sau khi chết rồi đọa vào địa ngục Vô Gián.

Vậy khi ta nhập diệt rồi, các ông nên y lời ta dạy, đem những việc ma này giảng dạy cho người tu hành đời sau, bảo hộ người tu hành đặng đạo quả, chớ để cho họ bị Thiên Ma nhiều hại.

Chi 2. 10 cảnh thuộc Thọ ấm.

1. THẤY LOÀI VẬT, THƯƠNG KHỐC.

Này A Nan, người tu thiền định khi phá trừ sắc ấm rồi, tâm trí sáng suốt; do hành giả dụng công dẫn ép các vọng tưởng thái quá, nên phát sanh lòng thương xót các loài vật vô cùng, cho đến thấy loài mòng, muỗi, thương cũng như con ruột, thương cho đến nổi sa nước mắt khóc ròng. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh ấy lần lần tiêu hết, không có hại chi; còn mê lầm không biết, thì bị ma sâu bi ám ảnh vào tâm, rồi thấy người tự khóc ròng, tâm mất chánh định, sau khi chết rồi đọa vào cảnh ma.

2. CHỈ DỨNG MÃNH BẰNG PHẬT.

Này A Nan, người tu thiền định khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, thấy có nhiều điều linh ứng và những cảnh tốt đẹp hiện ra. Vì trong lòng cảm kích thái quá, nên hành giả phát tâm đại dũng mãnh, lập chí đồng với chư Phật, quyết tu một đời cho thành Phật, không chịu trải qua ba vô số kiếp. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh ấy lần lần tiêu diệt; còn mê lầm không biết, cho mình chứng Thánh thì bị ma nhập tâm, thấy người hay khoe khoang, hồng hách, ngã mạn không ai bằng, cho đến trên thấy không có Phật, dưới thấy không có người, mất chánh định, sau khi chết rồi bị đọa vào ác đạo.

3. TÂM NGHĨ TƯỞNG KHÔ KHAN.

Lại nữa, người tu thiền định, khi địa vị cũ đã qua khỏi, địa vị mới chưa chứng, lúc ấy bơ vơ giữa chừng, vì trí lực suy kém, nên trong tâm sanh ra rất khô khan, tất cả thời nhớ nghĩ vẫn vơ, rồi tự cho đó là tinh tấn. Đây vì trong lúc tu thiền, không có trí tuệ sáng suốt để phán đoán. Nếu hành giả hiểu biết thì không có hại; còn mê lầm không biết, cho mình chứng Thánh thì bị ma ám ảnh vào tâm, sớm chiều bốc quăng trái tim của mình, mất chánh định, chết rồi đọa vào ác đạo.

4. ĐẶNG CHÚT ÍT CHO LÀ ĐẦY ĐỦ.

Người tu thiền định khi sắc ám tiêu, thọ ám hiện bày, vì dùng huệ nhiều hơn định, mất sự thăng bằng, nên gặp những cảnh thù thắng hiện ra, sanh lòng nghi ngờ cho là Đức Tỳ Lô Giá Na Phật, mới đặng chút ít cho là đầy đủ. Nếu hành giả hiểu biết thì không có hại; còn mê lầm không biết cho mình chứng Thánh, thì bị ma ám ảnh, khi gặp người tự xưng: “Ta đặng đạo Vô Thượng Bồ Đề”, sẽ mất chánh định, sau đọa vào đường ma.

5. TÂM BUỒN RẦU VÔ HẠN.

Người tu thiền định, khi cảnh cũ đã mất, địa vị mới chưa chứng, tự thấy bơ vơ; gặp cảnh gian nan nguy hiểm, sanh tâm buồn rầu vô hạn, như ngồi trên chông sắt, như uống thuốc độc, tâm chẳng muốn sống, thường cầu xin người giết giúp thân mạng mình, đặng sớm giải thoát. Đây là do trong khi tu hành, hành giả thiếu phương tiện để bước qua những cảnh ấy. Nếu liễu ngộ thì không hại; còn mê lầm chẳng biết, hành giả cho mình chứng Thánh, thời bị ma ưu sầu ám ảnh, rồi tự cầm gươm đao lóc lấy thịt mình, ưa bỏ thân mạng, thường hay lo rầu hoặc vào ở núi non rừng rú, không muốn thấy người, mất tâm chánh định, sau chết rồi đọa vào đường ma.

6. VUI CƯỜI KHÔNG THÔI.

Người tu thiền định khi tâm được thanh tịnh an ổn rồi, bỗng nhiên sanh ra vui mừng vô hạn không thể ngăn được. Nếu hiểu biết thời không hại; còn mê lầm cho mình chứng Thánh, thì bị ma nhập vào tâm phủ, thấy người cười hoài, đi trên đường sá một mình ca múa, tự cho rằng: “Ta đã đặng vô ngại giải thoát”, mất chánh định, sẽ đọa vào đường tà.

7. SANH ĐẠI NGÃ MẠN.

Người tu thiền định, khi thấy sắc ám tiêu, thọ ám hiện bày, tự cho mình được như thế là đầy đủ rồi, sanh tâm đại ngã mạn, đối với mười phương Chư Phật còn khinh khi, hưởng hồ là Thanh văn, Duyên giác. Nếu hiểu ngộ thì chẳng hại; còn hành giả mê lầm không biết cho là chứng Thánh, thì bị ma đại ngã mạn nó nhập tâm, không lạy Phật Tổ, hủy hoại Kinh, tượng Phật. Hạng người ấy thường nói với tín đồ rằng: “Phật bằng cây, gỗ, đất, đồng, chì; còn Kinh tượng là giấy mực, có gì mà kính lạy; nhục thân này mới là chân thật thường còn, sao chẳng cung kính, thật là điên đảo!”. Tín đồ nghe rồi tin theo, đốt Kinh chôn Phật. Người làm cho chúng sanh nghi lầm như thế, sau khi chết rồi bị đọa vào địa ngục vô gián.

8. TÂM SINH KHINH AN.

Người tu thiền định, khi sắc ám tiêu, thọ ám hiện bày, trong tâm sanh ra vô lượng khinh an, rồi tự cho mình đã chứng Thánh, đặng đại tự tại. Nếu hành giả hiểu biết thì không hại; còn mê lầm không biết thì bị ma nhập tâm, rồi tự cho mình đã đầy đủ, không cần tu tinh tấn, mất chánh định, sau khi chết rồi bị đọa vào đường tà.

9. CHẤP KHÔNG.

Người tu thiền định, khi sắc ám tiêu, thọ ám hiện bày, trong tâm rộng sáng, rồi sanh ra chấp đoạn diệt, bác không nhân quả, không tội phước, tất cả đều không. Nếu hành giả hiểu biết thì không sao, còn mê lầm không biết chấp mình chứng Thánh thì bị ma nhập tâm, rồi chê bai người trì giới cho là tu hạnh Tiểu thừa, tự xưng mình là Bồ tát ngộ chân lý không rồi, không còn trì giới và phạm giới nữa, vẫn ăn thịt, uống rượu làm những việc tà dục. Do thần lực của ma, nó làm cho tín đồ say mê, thương yêu, cung phụng, luôn luôn trung thành, chẳng sanh lòng nghi ngờ hủy báng. Vì ma nhập lâu ngày làm cho điên, đến đời ăn uống những đồ như uế, mà cho cũng như là uống rượu, ăn thịt, phá các giới cấm của Phật, hoàn toàn chấp không, làm mất chánh kiến của mình, sau khi chết rồi bị đọa vào đường tà.

10. VÌ QUÁ THAM ÁI NÊN SANH RA CUÔNG.

Người tu thiền định, khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, sanh ra vô cùng ái dục, đến đổi phát cuồng. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh đó hết dần, còn mê làm không biết cho là chứng Thánh, thì bị ma nhập tâm, rồi khuyến hóa người đời bình đẳng hành dục; bảo họ rằng: “Hành dục là đạo Bồ đề, người hành dâm dục là kẻ duy trì chánh pháp”. Do thần lực của ma làm cho người cuồng kia chinh phục được cả ngàn muôn người, đến chừng ma nhàm chán, bỏ người tu thiền kia rồi, lúc bấy giờ hành giả không còn oai đức gì nữa, bị luật nước giam cầm, đến khi lâm chung đọa vào địa ngục Vô Gián.

TÓM LẠI:

A Nan, mười cảnh ma này, đều do trong lúc tu thiền, hành giả dụng tâm phát trừ thọ ấm, nên tự hiện ra các cảnh như vậy. Nếu hành giả mê làm không biết, cho rằng chứng Thánh, thì bị ma dựa vào, làm nhiều hại đến chết; chết rồi đọa vào địa ngục Vô Gián.

Sau khi Ta nhập diệt, các ông nên đem lời Ta dạy đây mà truyền dạy cho chúng sanh đời sau, bảo hộ người tu hành được thành đạo Bồ đề, chớ để cho họ gặp các loài ma chướng làm hại, mà phải bị đọa vào ác đạo.

Chi 3. 10 cảnh thuộc Tướng ám

1. THAM CẦU DIỆU DỤNG.

A Nan, người tu thiên định, khi phát minh được diệu định rồi, lại khởi tâm tham cầu những việc diệu dụng và linh nghiệm. Khi đó Thiên ma được biết, gặp dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia lại không biết, tự cho mình đặng đạo Vô Thượng Niết Bàn, cũng thường nói ra Kinh, Pháp. Trong giây phút, thân hình người bị nhập kia, biến hiện ra ông thầy, ni cô, vị Đế Thích hay người phụ nữ v.v..., hoặc ở trong nhà tối, từ nơi thân họ chiếu ra hào quang ánh sáng. Người đời lầm cho là Bồ tát thật, rồi tin nghe theo lời ma giáo hóa, sanh tâm buông lung, phá giới luật của Phật, lén làm việc tham dục. Người này ưa nói những điều tai biến lạ lùng, hoặc nói chỗ kia có Phật ra đời, năm nào nổi đao binh giặc giã, năm nào có hỏa hoạn v.v... khủng bố tinh thần dân chúng, khiến cho người hao tài tốn của. Đến khi ma kia nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị giam cầm. Các ông nếu biết trước thời khởi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì đọa vào ác đạo.

2. THAM CẦU DU NGOẠN.

A Nan, hành giả khi tu thiên, trong tâm muốn xuất thần dạo chơi. Lúc bấy giờ Thiên ma Ba tuần hiểu biết, được dịp thuận tiện nhiều hại, nên nó xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia lại không biết, tự nói mình đặng đạo Vô Thượng Niết Bàn, miệng cũng nói Kinh, Pháp thông suốt, làm cho những người nghe đều tự thấy thân mình hóa ra sắc vàng sáng rỡ, ngồi trên tòa sen báu, đặng những điều chưa từng có. Người đời lầm tưởng là Bồ tát thị hiện. Người bị ma nhập kia lại dạy người phá giới luật của Phật, âm thầm làm việc tham dục, miệng ưa nói chuyện chur Phật giáng thế, như: Ở xứ kia, ông đó là Đức Phật nào thị hiện. Người nọ là vị Bồ tát chi thị hiện v.v... làm cho người thấy, nghe sanh lòng khao khát, tâm tà kiến thêm mạnh, giống trí tiêu mòn. Đến lúc ma kia nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập ấy đều bị bắt cả.

Các ông nếu sớm giác ngộ thì khởi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì bị đọa vào địa ngục.

3. CẦU NGỘ CHÂN LÝ.

Lại nữa, người tu thiên định, trong tâm tham cầu ngộ chân lý. Lúc bấy giờ Thiên ma Ba tuần biết được ý muốn, nên xuất hồn nhập vào người, mà người tự không biết, cho rằng ta đặng đạo Vô Thượng Niết Bàn, miệng cũng nói Kinh, Pháp, làm cho thính giả tuy chưa nghe Pháp, mà tâm tự khai ngộ, biết được việc nhiều đời trước, hoặc biết rõ được tâm tánh người, hoặc thấy cả cảnh địa ngục, biết trước những họa phước ở nhân gian, miệng tự đọc Kinh hay nói kệ, mỗi người đều tự vui mừng, cho là đặng những việc chưa từng có. Người đời mê lầm cho là Bồ tát thị hiện. Ma kia lại ưa nói: “Phật có lớn nhỏ, Phật thiệt, Phật giả, Phật nam, Phật nữ, Đức Phật kia là Đức Phật trước, Đức Phật nọ là Đức Phật sau; Bồ tát cũng vậy”, làm cho người mất chánh tín lại sanh tà kiến, tâm tánh buông lung, phá giới luật của Phật, lén làm việc tham dục. Đến khi chúng ma kia sanh tâm nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt. Các ông biết trước thời khỏi bị luân hồi; còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục.

4. MÓNG TÂM MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC CỦA MUÔN LOÀI.

Lại nữa, người tu thiên định, khi ở trong định, móng tâm muốn biết cùng tột căn nguyên của muôn vật, thủy chung sanh hóa thế nào. Khi đó Thiên ma hiểu biết ý muốn, gặp dịp thuận tiện để khuấy nhiễu, nên xuất hồn đến nhập cho người, mà người bị nhập kia lại không biết, cho mình đặng đạo Vô Thượng Niết Bàn, cũng thường nói Kinh, Pháp. Chúng ma kia dùng oai thần nhiếp phục quần chúng, làm cho thính giả tuy chưa nghe Pháp mà trong lòng đã tự kính phục. Chúng ma nói: “Thân thị hiện tiền đây là Bồ đề Niết bàn, là Pháp thân của Phật”. Chúng ma lại nói: “Cha cha con con tiếp nối sanh nhau, đó là Pháp thân thường trụ bất diệt”. Và thường nói: “Mắt, tai, mũi, lưỡi là cảnh tịnh độ, nam căn và nữ căn tức là Bồ đề Niết bàn”. Nhưng người mê lầm không biết tưởng là Bồ tát thị hiện, tin tưởng quy y theo, cho là một đấng hy hữu chưa từng có. Mất tâm chánh tín, phá giới luật của Phật, âm thầm làm hạnh tham dục. Đến lúc ma kia nhàm chán bỏ đi rồi, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt cả. Các ông nếu biết trước thì khỏi bị luân hồi, còn mê lầm tin theo thời bị đọa vào địa ngục Vô Gián.

5. THAM CẦU CẢM ỨNG LINH NGHIỆM.

Người tu thiền định vì móng tâm tham cầu sự cảm ứng linh nghiệm, nên Thiên ma biết được ý muốn, nó xuất hồn đến gá vào người, mà người kia không biết, tự cho mình đặng đạo Vô Thượng Niết Bàn, cũng thường nói Kinh, Pháp. Ma lại dùng thần lực khiến cho những người nghe Pháp đều thấy thân thể người bị nó nhập kia già nua như người trăm ngàn tuổi sanh lòng thương mến, đêm ngày hầu hạ không biết mỏi mệt và tứ sự cúng dường. Nó lại làm cho người người kính trọng là vị Tiên sư hay Thiện tri thức. Đối với người, nó ưa nói việc huyền ảo như: “Đời trước ta tế độ người kia, người nọ. Đời trước người kia là anh em hay vợ con của ta, đời nay ta tế độ, để cùng nhau sẽ sanh về thế giới kia và cúng dường Đức Phật nọ”; hoặc nói: “Có cõi Trời Đại Quang Minh, tất cả các Đức Phật đều ở đó”. Những người mê muội không biết, lầm cho là Bồ tát thị hiện, tin tưởng kính trọng vô cùng, mất tâm chánh tín, phá giới luật của Phật, âm thầm làm việc tham dục. Đến khi chúng ma kia sanh tâm nhàm bỏ, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt. Các ông biết trước thời khỏi vào luân hồi, còn tin tưởng nghe theo thì đọa vào địa ngục vô gián.

6. THAM CẦU Ở CHỖ VẮNG VẼ U TỊCH.

Người tu thiền định, khép mình nơi chỗ khổ hạnh, tham cầu ở chỗ vắng vẻ tĩnh mịch. Khi đó Thiên ma Ba tuần biết được ý muốn, nên xuất hồn nhập vào người, mà người kia không biết, cho mình chứng đạo Vô Thượng Niết Bàn, cũng thường hay nói Pháp. Ma dùng thần lực khiến cho các người nghe đều biết được đời trước của mình. Hoặc trong chỗ đông người, nó chỉ một người nào đó nói rằng: “Người này chưa chết, mà đã thành súc sanh”. Nói rồi, ma nó bảo một người khác đạp cái đuôi, thì người kia biến thành súc sanh, đứng dậy không được, làm cho đồ chúng hết sức kính phục. Có ai vừa móng tâm niệm gì, thì ma nó liền biết và nói ra ngay. Ngoài giới luật của Phật, chúng còn giữ thêm những điều khổ hạnh, phỉ báng các thầy Tỳ-kheo, mắng nhiếc tín đồ, làm tiết lộ bí mật của người mà không sợ người hiềm ghét, thường nói những việc họa phước sắp đến, không sai một mảy. Đến lúc ma kia nhàm bỏ rồi, thì thầy trò bị ma nhập đều bị bắt. Các ông biết trước thời không vào luân hồi; còn mê mờ tin theo thì đọa vào địa ngục vô gián.

7. THAM CẦU BIẾT KIẾP NGƯỜI.

Người trong khi tu thiền định, móng tâm tham cầu biết kiếp trước của mình. Khi đó Thiên ma hiểu biết, gặp dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia không biết, tự cho mình đặng đạo Vô Thượng Niết Bàn, cũng thường nói Kinh, Pháp, hoặc làm cho người tình cờ đặng châu báu. Nó hóa ra một con vật ngậm hột châu hay những vật kỳ quái đem đến đưa cho người. Nó chỉ ăn rau rác đơn sơ, không dùng đồ ngon quý, có khi mỗi ngày chỉ ăn một hột mè, hột bắp, mà thân hình vẫn mập tốt. Chúng thường nói: “Xứ kia có kho báu, chỗ nọ có các vị Thánh Hiền ẩn”. Chúng làm cho người thấy những điều kỳ dị, hoặc nói những việc tham dục, phá giới luật của Phật, âm thầm làm hạnh dâm dục. Đến khi ma kia nhàm bỏ rồi, thầy trò người bị nhập đều bị bắt cả. Các ông biết trước thì khỏi vào luân hồi; còn mê lầm tin theo, thì đọa địa ngục.

8. THAM CẦU THẦN THÔNG.

Người tu thiền định, móng tâm muốn được thần thông biến hóa. Khi đó Thiên ma liền biết, nên xuất hồn nhập cho người, mà người không biết, tự cho rằng: “Đặng đạo Vô Thượng Bồ đề”. Miệng nói Kinh, Pháp và một tay cầm lửa, một tay rút ánh sáng phân phát để trên đầu của thánh giả. Mỗi người đều thấy trên đầu có ánh sáng dài đến vài thước, mà chẳng biết nóng; hoặc đi trên nước hay ngồi trên hư không vẫn tự tại; hoặc vào trong bình, vô trong dẫy (bọc), đi ngang qua vách tường, mà không bị chướng ngại. Chỉ trừ khi đối với binh đao, thì họ không tự tại. Họ tự xưng là Phật mà thân mặc đồ thế gian, thọ các thầy Tỳ kheo lễ bái, chê bai người tham thiền và trì giới, mắng nhiếc đồ chúng, làm tiết lộ việc nhà người mà không sợ người hiềm giận. Họ thường nói với người: “Ta đã đặng thần thông tự tại”; hoặc làm cho người thấy được cõi Phật (ma hiện ra cõi Phật) đem những điều dở hèn làm việc truyền đạo và khen ngợi việc hành dục. Đến lúc ma nhập kia nhàm bỏ, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt cả. Các ông biết trước thời khỏi vào luân hồi; còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục vô gián.

9. THAM CẦU KHÔNG KHÔNG.

Người khi tu thiên định, tâm ưa nhập diệt, tham cầu không không. Khi ấy Thiên ma liền biết, đặng dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập cho người, mà người kia chẳng biết, tự cho mình đặng đạo Vô Thượng Niết Bàn, miệng nói Kinh, Pháp. Hoặc ở trong chỗ đông người, người ấy tự biến mất, không ai thấy được, rồi tình cờ từ trên hư không hiện ra, khi ẩn khi hiện thần diệu vô cùng, hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly, khi duỗi tay chân ra thì thơm nức mùi hương chiên đàn, chề bai giới luật, hủy báng người xuất gia, bác không có nhân quả, cho rằng chết rồi mất hẳn, không có đầu thai, âm thầm làm việc tham dục, khiến cho những người thọ dục, cũng chấp không có nhân quả tội phước v.v... Đến lúc ma nhàm bỏ, thì thầy trò người phải ma nhập kia đều bị bắt cả. Các ông biết trước thì khỏi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì đọa vào địa ngục vô gián.

10. THAM CẦU SỐNG LÂU.

Người tu thiên định, móng tâm tham cầu sống lâu. Lúc bấy giờ Thiên ma hiểu biết, xuất hồn nhập vào người, mà người tự không biết, nói mình đặng đạo Vô Thượng Niết Bàn, miệng thường nói Kinh, Pháp và đi qua lại các thế giới được tự tại không ngăn ngại; mặc dù đường xa muôn dặm, nhưng đi trong nháy mắt đã trở về đến chỗ, lại lấy những vật ở phương xa kia đem về làm tin. Hoặc ở trong một căn nhà nhỏ, nó bảo người đi thiệt mau, từ vách bên này qua vách bên kia, đi mấy năm cũng không đến; hoặc thường nói: “Chúng sanh trong mười phương đều là con của ta, ta sanh ra Chư Phật, ta sanh ra thế giới, ta là Phật đầu tiên tự nhiên có, chẳng nhân tu hành mà được”; hoặc ngời nói lầm bầm một mình như người cuồng, khiến cho người đời tin tưởng là Phật thiệt. Các ông biết trước thì khỏi bị luân hồi; còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục vô gián.

TÓM LẠI:

A Nan, mười món ma tướng âm này, ở trong đời Mạt pháp, sẽ giả làm người xuất gia tu hành trong đạo của ta, hoặc nhập cho người, hoặc tự hiện hình, đều tự xưng rằng: “Đã chứng quả Phật”. Chúng khen ngợi việc dâm dục, phá giới luật của Phật. Ma thầy, ma trò cùng nhau truyền dạy, làm hại cho người đến nhiều đời lắm, khiến người chân tu mất chánh kiến, bị đọa làm bà con quyến thuộc của ma.

Các ông ngày nay đã được độ ra khỏi sinh tử luân hồi rồi, vậy các ông phải khởi lòng đại từ bi, không nên nhập diệt sớm, phải nguyện ở lại đời Mạt pháp để cứu độ những người chân chính tu hành đời sau, khởi bị ma nhiều hại.

Các ông tuân theo lời Ta dạy đây, mới gọi là đền đáp ơn Phật. Các ông gắng bảo hộ người tu hành, nên đem lời nói của ta đây truyền dạy cho chúng sanh đời sau, khiến cho họ hiểu rõ các việc ma, để khởi bị Thiên ma nhiều hại và mau được thành đạo Vô Thượng.

QUYÊN MƯỜI

Chi 4. 10 ma sự thuộc Hành âm

1. CHẤP KHÔNG NGUYÊN NHÂN SANH.

A Nan, người tu thiên định khi tướng âm hết rồi thì tâm được minh chánh, không còn khởi các vọng tưởng tham muốn như trên, nên các Thiên ma không gặp dịp thuận tiện để nhiều hại nữa. Lúc bấy giờ hành giả tự nghiên cứu nguồn gốc của muôn loài, rồi sinh ra hai lối chấp:

- a) Vì chỉ thấy biết được chúng sanh từ tám vạn kiếp trở lại, ngoài tám vạn kiếp thì mù mịt không thấy biết, nên sanh ra chấp: “Chúng sanh từ tám vạn kiếp trở lại tự nhiên có, không có nguyên nhân sinh”.
- b) Hành giả nghiên cứu chỉ thấy người sanh người, chim sanh ra chim, quạ từ hồi nào đến giờ vẫn đen, không phải do nhuộm mà được, cò từ hồi nào tới giờ vẫn trắng, không phải do rửa mới trắng v.v... từ tám vạn kiếp đến nay đã vậy, thì từ đây về sau cũng thế. Hành giả tự nghĩ

ta từ hồi nào đến giờ không thành Bồ đề, thì về sau đâu lại có thành Phật, rồi khởi ra tà chấp: “Các vật tượng ngày nay đều không có nguyên nhân”. Bởi mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh tri kiến, sanh ra hai lối chấp trên, đều đọa về ngoại đạo.

2. BỐN MÓN CHẤP THƯỜNG.

A Nan, người tu thiền định, khi tướng ám hết rồi, tâm được minh chánh, nên ngoại ma không còn thuận tiện để nhiều hại được. Khi đó hành giả tham cứu cùng tột cội gốc của muôn loài, khởi ra bốn món chấp thường:

1. Chấp hai vạn kiếp thường. - Vì hành giả nghiên cứu cùng tột cả tâm và cảnh đều vô nhân, vì sức tu chỉ biết được chúng sanh sanh diệt xoay vần từ hai vạn kiếp trở lại không mất, nên chấp cho là thường.

2. Chấp bốn vạn kiếp thường. - Hành giả tham cứu cùng tột tánh của tứ đại thường còn, do sức tu tập chỉ biết được chúng sanh từ bốn vạn kiếp trở lại, tuy có sanh diệt, mà bản thể nó vẫn thường còn không mất, nên chấp là thường.

3. Chấp tám vạn kiếp là thường. - Hành giả tham cứu cùng tận tám thức, thấy nó thường hằng. Vì thấy từ tám vạn kiếp trở lại chúng sanh xoay vần không mất, nên chấp là thường.

4. Chấp cái không sanh diệt là thường. - Người tu thiền định khi các tướng ám sanh diệt đã hết, nhân đó khởi tâm chấp cái không sanh diệt là thường.

A Nan, người tu thiền định, do mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ đề, khởi ra bốn món chấp thường trên, nên đều đọa về ngoại đạo.

3. CHẤP MỘT PHẦN THƯỜNG, MỘT PHẦN VÔ THƯỜNG.

Người tu thiền định, khi tưởng âm hết, nghiên cứu cùng tột cội gốc của sanh loại, rồi khởi ra bốn lối chấp điên đảo:

1. Chấp tâm là thường, chúng sanh vô thường. - Hành giả khi quán tâm mình yên lặng khắp cả mười phương, các chúng sanh từ trong tâm mình tự sanh và tự chết, rồi chấp tâm ta là thường, chúng sanh vô thường.

2. Chấp thế giới, những chỗ bị hoại là vô thường, những chỗ không hoại là thường. - Người tu thiền định quán sát cả mười phương thế giới, chỗ kiếp hoại (như từ tam thiên trở xuống bị tam tai làm hoại) thì chấp vô thường; những chỗ không hoại thì chấp là thường (từ tứ thiên trở lên, tam tai không làm hoại được, chấp cho là cứu cánh Niết bàn).

3. Chấp cái tâm là thường, còn sinh tử vô thường. - Người tu thiền định, quán sát tâm mình không biến đổi, nó nhỏ nhiệm tinh vi như hạt bụi và lưu chuyển cả mười phương, lại khiến cho thân này sanh và diệt mà nó không không biến đổi; nên chấp cho: “Tâm là thường; tất cả các vật đều từ tâm sanh ra, có sinh tử nên vô thường”.

4. Chấp hành âm thường; sắc, thọ, tưởng là vô thường. - Người tu thiền định, khi thấy sắc, thọ, tưởng ba âm trước đã diệt, nên chấp là vô thường, thấy hành âm lưu chuyển thường còn nên chấp là thường.

Bốn lối chấp trên, đều sai lầm cả, do mê muội tánh Bồ đề, mất chánh kiến, nên đọa về ngoại đạo.

4. CHẤP CÓ BỐN MÓN BIÊN GIỚI.

Người tu thiền định, khi tưởng ám hết rồi, thấy được cùng tột cội gốc của sanh loại, lúc bấy giờ khởi ra bốn lỗi chấp có biên giới:

1. Chấp ba thời. - Người tu thiền định, lúc bấy giờ chấp tâm niệm hiện tại tương tục (hành âm) là vô biên, còn quá khứ và vị lai là hữu biên.

2. Chấp chúng sanh. - Người tu thiền định vì chỉ thấy được chúng sanh trong tám vạn kiếp, nên chấp là hữu biên; còn trước tám vạn kiếp thì tịch tịnh không thấy và cũng không nghe, nên chấp là vô biên.

3. Chấp tâm tánh. - Người tu thiền định khi thấy tâm mình biến khắp và biến ra tất cả người, nên khởi lên chấp tâm ta vô biên. Còn tất cả người đều ở trong tâm ta, là hữu biên.

4. Chấp sanh diệt. - Người tu thiền định, khi cùng tột hành âm, thấy được tâm mình, sanh tâm chấp tất cả chúng sanh và thế giới đều có phân nửa sanh và phân nửa diệt; sanh là hữu biên, diệt là vô biên.

Các lỗi tà chấp trên, đều do trong khi tu thiền mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ đề, nên đều đọa về ngoại đạo cả.

5. BỐN MÓN LUẬN NGHỊ RỐI LOẠN, KHÔNG NHẤT ĐỊNH.

Người tu thiền định, khi tưởng ám hết, liền khởi ra bốn lỗi chấp điên đảo không nhất định:

1. Chấp tám món cũng. - Người tu thiền định, khi quán sát nguồn gốc biến hóa của muôn vật, thấy có chỗ thì biến đổi, có chỗ lại thường còn; có cái sanh, có cái diệt; có pháp tăng, có vật giảm, có cái có, có cái không. Bởi thế nên có ai đến hỏi đạo thì nói rằng: “Cũng biến, cũng bằng, cũng sanh, cũng diệt, cũng tăng, cũng giảm, cũng có, cũng không”. Lúc nào cũng nói rối loạn như vậy, làm cho người không hiểu chi cả.

2. Chấp duy cái “không”. - Người tu thiền định, vì quán cả tâm và pháp đều không; rồi cứ chấp ở nơi cái “không”. Có ai đến hỏi đạo thì họ chỉ đáp một chữ “không”; ngoài cái “không” ra thì không còn chi nói nữa cả.

3. Chấp duy cái “có”. - Người tu thiền định, do quán sát tâm mình biến khắp tất cả, chỗ nào cũng có, rồi cứ chấp ở nơi cái “có”. Có ai đến hỏi đạo, thì họ chỉ nói một chữ “có”; ngoài cái “có” ra thì không còn gì nói nữa cả.

4. Chấp “cũng có” và “cũng không”. - Người tu thiền định vì thấy ở nơi cảnh đã lãng xãng, còn tâm thì rối loạn, nên có người đến hỏi đạo thì đáp rằng: “Cái cũng có” cũng tức là “cái cũng không”; trong cái “cũng không” cũng tức là cái “cũng có”. Lúc nào họ cũng nói rối loạn như vậy, không ai gạn cùng được.

Người tu thiền định vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ đề, khởi ra các lối chấp như vậy, nên đều đọa về ngoại đạo.

6. CHẤP MƯỜI SÁU TƯỚNG CÓ.

Người tu thiền định khi tưởng âm hết, chỉ còn hành âm diệu động, thấy một nguồn sống vô tận; nên sanh tâm chấp cho “chết rồi còn có tướng”.

Chấp về sắc uẩn có bốn:

1. Chấp sắc uẩn là “ta”.
2. Chấp “ta” có sắc uẩn.
3. Chấp sắc uẩn thuộc nơi “ta”.
4. Chấp “ta” ở nơi sắc uẩn.

Còn thọ, tưởng, hành mỗi uẩn cũng đều có bốn lối chấp như vậy, cộng thành mười sáu tướng. Hoặc chấp Phiền não và Bồ đề hai tánh thật có, hết Phiền não mới được Bồ đề; hai tánh không chung gặp nhau.

Vì hành giả trong lúc tu thiền, mất chánh tri kiến, mê mờ tánh Bồ đề, khởi ra các lối tà chấp trên, nên đọa về ngoại đạo.

7. CHẤP TÁM MÓN VÔ THƯỜNG.

Người tu thiền định khi sắc, thọ, tưởng đã diệt rồi, lúc bấy giờ thấy thân hình hiện tiền đây còn không thật có, thì khi chết rồi làm gì lại có các hình tướng. Vì so sánh như vậy, nên chấp chết rồi không có hình tướng.

Chấp sắc ấm như vậy thì thọ, tưởng, hành cũng vậy. (Chấp hiện tại và vị lai đều không tướng), thành ra tám món vô tướng. Hoặc chấp Niết bàn chỉ có cái tên suông, không có nhân quả, rốt ráo đoạn diệt.

Vì hành giả mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh tri kiến, khởi ra các lối tà chấp như vậy, nên đều đọa về ngoại đạo.

8. CHẤP TÁM MÓN CU PHI.

Người tu thiền định, đối với ba ấm: Sắc, Thọ và Tưởng, trước kia thấy có mà nay lại không. Còn đối với hành ấm thiên lưu hiện nay thì có mà về sau lại không. Vì chấp mỗi ấm đều có hai tướng: Chết rồi phi hữu và phi vô, cả bốn ấm thành ra tám tướng. Bởi hành giả mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh tri kiến nên đều đọa về ngoại đạo.

9. CHẤP BẢY MÓN ĐOẠN DIỆT.

Người tu thiền định, khởi ra các chấp: Cõi Dục thì “sắc thân” diệt hết; cõi Sơ thiên các “dục” diệt hết; cõi Nhị thiên các “khổ” diệt hết; cõi Tam thiên các “vui” diệt hết; cõi Tứ thiên các “xả” diệt hết.

Như vậy xoay vần cùng tột cả năm nơi đều chấp hiện tiền tiêu diệt, diệt rồi không sanh trở lại. Vì hành giả mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh tri kiến, sanh các lối tà chấp như vậy, nên đọa về ngoại đạo.

10. CHẤP NĂM MÓN NIẾT BÀN HIỆN TẠI.

Người tu thiền định, khi thọ ấm hết, xét cùng cội gốc của sanh loại, khởi ra chấp năm chỗ Niết bàn:

1. Cháp Dục giới là cảnh Niết bàn.
2. Cháp cõi Sơ thiên là Niết bàn.
3. Cháp Nhị thiên là Niết bàn.
4. Cháp Tam thiên là Niết bàn.
5. Cháp cõi Tứ thiên là Niết bàn.

Vì hành giả mê mờ tánh Bồ đề, chấp năm cảnh vui cõi trời hữu lậu mà cho là Vô vi Niết bàn, nên đọa về ngoại đạo.

TÓM LẠI:

A Nan, mười cảnh ma về hành ấm này, là do hành giả dụng tâm sai lầm nên mới sanh ra như vậy. Vì hành giả mê mờ không biết, tự cho là chứng Thánh, sanh đại vọng ngữ, nên đọa vào địa ngục vô gián. Vậy các ông nên đem các việc ma này, truyền dạy cho chúng sanh đời sau, chớ để cho người tu thiền bị tâm ma khởi lên làm hại đến thế. Các ông phải bảo hộ người tu hành đi thẳng đến đạo Bồ đề, chớ để cho họ gặp con đường chia tẻ.

Chi 5. 10 ma sự thuộc Thức ấm.

1. CHÁP MINH ĐẾ.

Người tu thiền định, khi hành ấm hết, chỉ còn thức ấm, các tướng sanh diệt đã hết, mà tâm thanh tịnh tịch diệt chưa hiện bày. Lúc bấy giờ nếu hành giả móng tâm chấp là chân thường, thì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ đề, thành bè bạn với phái ngoại đạo Ta-tỳ-ca-la, chấp minh đế (sơ tướng A-lại-da) là cái chỗ trở về của vạn vật, trái với thành Niết bàn, đọa về ngoại đạo.

2. CHÁP NĂNG SANH.

Người tu thiền định, khi hành ấm hết, các tướng sanh diệt đã diệt, mà tâm thanh tịnh tịch diệt chưa hiện, khi đó thấy thức tâm mình châu biến, rồi khởi ra cái chấp: “Tất cả chúng sanh đều do ta sanh ra”. Vì sanh tâm chấp như thế, nên mất chánh kiến, mê lầm tánh Bồ đề, thành bà con của trời Đại ngã mạn (Ma-hê thủ la thiên).

3. CHẤP CHÂN THƯỜNG.

Người tu thiên định, khi hành ẩm hết, thức ẩm hiện ra, rồi sanh tâm nghi: “Thân mình và mười phương hư không đều từ thức kia hiện ra, nên sanh tâm chấp cho là Thức vốn chân thường”, mất chánh kiến, mê tánh Bồ đề, thành bè bạn của trời Tự tại.

4. CHẤP CÂY CỎ CŨNG ĐỀU CÓ BIẾT.

Người tu thiên định, khi hành ẩm hết, tướng sanh diệt đã diệt, chân tâm tịch diệt chưa hiện bày, lúc bấy giờ thấy thức ẩm biến khắp tất cả, rồi sanh tâm chấp: “Mười phương cây cỏ cũng đều là hữu tình, cùng với người không khác. Cỏ cây chết làm người, người chết trở lại làm cỏ cây”. Vì mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh kiến, nên sẽ làm bè bạn với hai chúng ngoại đạo Bà tra và Tán ni, chấp tất cả vạn vật đều có tri giác (biết).

5. CHẤP TỨ ĐẠI HÓA SANH.

Người tu thiên định, khi hành ẩm hết, chân tâm chưa hiện, lúc bấy giờ thấy lửa sáng, nước trong, gió động, đất cứng, do bốn món này sanh ra các vật, rồi chấp cho là thường còn, hết lòng cung kính phụng thờ. Như ba anh em ông Ca diếp và phái Bà la môn thờ lửa, thờ nước v.v... để cầu ra khỏi sinh tử, mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh kiến, đọa làm ngoại đạo.

6. CHẤP HƯ VÔ.

Người tu thiên định, khi hành ẩm hết, thấy thức ẩm viên minh, rồi sinh ra chấp cái thức ẩm hư vô, là chỗ nương của muôn vật, tất cả các vật đều về chỗ hư. Vì vậy mà mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ đề nên thành bè bạn với trời Vô tướng, Tứ không và thần Hư không.

7. THAM CẦU SỐNG LÂU.

Người tu thiên định khởi tâm tham cầu thân này thường còn, cố làm cho thân này được sống hoài không chết, nên thành bè bạn của tiên A tư đà, cầu mạng sống lâu, mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh kiến, đọa về ngoại đạo.

8. THAM LUYẾN CẢNH DỤC.

Người tu thiền định, khi hành ẩm hết, lúc bấy giờ thấy thân thể và thức tâm tiêu diệt, cho nên sanh tâm lưu luyến lại cảnh trần, tự biến hóa ra nhiều cảnh báu đẹp và nhiều mỹ nữ, rồi mặc tình vui thú. Vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ đề, nên thành bè bạn của Thiên ma ở cõi trời Tự tại (trên đỉnh cõi Dục).

9. ĐỊNH TÍNH THANH VĂN.

Người tu thiền định, khi hành ẩm hết, các tướng sanh diệt đã diệt, mà chân tâm tịch diệt chưa viên, lúc bấy giờ khởi tâm tham luyến ở chỗ không tịch, chẳng muốn tăng tiến, vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ đề, đọa về hàng Định tính Thanh văn, như ông Vô văn Tỳ kheo, sinh tâm tăng thượng mạn.

10. ĐỊNH TÍNH DUYÊN GIÁC.

Người tu thiền định, khi hành ẩm hết, chỉ thấy một màu thanh tịnh sáng suốt, lúc bấy giờ sanh tâm chấp cho đó là Niết bàn; rồi tham trước ở cảnh này, không cầu tăng tiến, mê mờ tánh Bồ đề, mất chánh kiến, nên đọa về hàng Định tính Duyên giác.

TÓM LẠI:

A Nan, mười món ma này, do người tu thiền, khi dụng tâm phá trừ thức ẩm, nên nó biến hiện ra các cảnh như vậy. Vì mất chánh tri kiến, mê lầm tánh Bồ đề, khởi tâm chấp trước, cho mình đặng thiền, đặng đạo, thành Phật, thành Thánh v.v... có người sanh ra điên cuồng, nên đều đọa về ngoại đạo cả.

Vậy các ông phải gìn giữ nơi lòng, vâng lời Ta dạy: Sau khi Ta diệt độ rồi, các ông phải đem lời Ta dạy đây mà truyền dạy cho chúng sanh đời sau, bảo hộ người tu hành, chớ để cho chúng ma làm hại. Trên đường tu hành, họ được thẳng vào chỗ tri kiến của Phật, chẳng gặp các đường chia tẻ.

Này A Nan, người trong khi tu thiền, gặp ma nó biến hiện ra nhiều cảnh rất là vi tế, nếu các ông hiểu biết, rửa sạch tâm cấu nhiễm, chẳng khởi tà kiến, thì cảnh ma kia lần lần tiêu diệt, các ông sẽ đến đạo Bồ đề.

Còn như đời sau, có chúng sanh nào chẳng biết tu thiền, sợ bị các ma nhiễu hại, thì ông nên khuyên họ nhất tâm trì chú Lăng nghiêm này, để các ma chướng kia chẳng thể hại được, rồi cũng thẳng đến được đạo Bồ đề.

Pháp môn như thế, các Đức Như Lai như số vi trần, trong hằng sa kiếp quá khứ, đều vận dụng nó mà khai ngộ đạo Vô Thượng. Khi Thức ám hết rồi, thì hiện tiền các căn của ông đều được dùng thay lẫn nhau. Từ chỗ các căn dùng thay lẫn nhau, ông sẽ lên bậc Kim Cương Càn Tuệ Bồ tát; cái tâm tinh diệu viên minh phát hóa trong ấy, như mặt trăng báu ở trong ngọc lưu ly trong sạch. Rồi, cứ thế vượt lên các vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ Gia hạnh tâm và Thập địa Kim Cương Bồ tát; tính Đẳng giác được viên minh vào bể Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, viên mãn đạo Bồ đề, về chỗ Vô sở đắc.

Chi 6. Kết luận về tu tâm trừ tà, tuân theo lời Phật dạy.

“Đó là những ma sự vi tế, mà các Đức Phật Thế Tôn, đời quá khứ trước, đã giác ngộ, nghiệm xét và phân tích trong lúc tu chỉ và tu quán. Nếu khi cảnh ma hiện tiền, ông nhận biết được, thì rửa trừ được cấu nhiễm, không mắc các tà kiến; ám ma đều tiêu diệt, thiên ma bị đánh tan, đại lực quỷ thần hoảng hốt chạy trốn, lợi my vọng lượng không sinh ra được, thì đi thẳng đến Bồ đề, không có các điều thiếu sót. Những căn hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với Đại Niết bàn, tâm không mê lầm.

Nếu các chúng sinh ngu độn trong đời Mạt Pháp, chưa hiểu Thiền na, không biết Phật Pháp, mà ưa tu Tam muội, ông e họ mắc vào tà kiến, thì nên một tâm khuyên bảo họ thọ trì chú Phật Đỉnh đà la ni của tôi; nếu chưa tụng được, thì viết nơi thiền đường, hoặc đeo trong thân; như thế, tất cả các ma không thể động đến được. Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về đường tu tiến rốt ráo của thập phương Như Lai”.

MỤC IX - CHỈ RÕ THỨ LỚP TIÊU DIỆT CÁC ÁM VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI CÁC ÁM.

ĐOẠN I - THỈNH HỎI CẦU KHAI THỊ

Ông A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe Phật dạy bảo, đỉnh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót, ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng: “Nhu lời Phật dạy, trong tướng Ngũ âm, có năm thứ hư vọng làm cái tướng cội gốc, chúng tôi bình thường chưa được nhờ Đức Như Lai khai thị tởm như thế. Lại Năm âm ấy, là tiêu trừ một lần hay theo thứ lớp mà hết? Năm lớp như thế, đến đâu làm giới hạn? Xin nguyện Đức Như Lai phát lòng đại từ, làm cho tâm và con mắt đại chúng này được trong sáng, để làm đạo nhãn tương lai cho tất cả chúng sinh trong đời Mạt Pháp”.

ĐOẠN II - ĐỨC NHƯ LAI ĐÁP THẮNG

Phật bảo ông A Nan: “Tính tinh chân là diệu minh, tính bản giác là viên tịnh, không còn để lại những sự sống chết và các trần cấu; cho đến cả cái hư không, cũng đều nhân vọng tưởng mà sinh khởi ra. Tất cả cái ấy, gốc nơi bản giác diệu minh chân tính, vọng phát sinh ra các khí thể gian, như anh Diễm nhã đa mê cái đầu, mà nhận cái bóng. Vọng vốn không có nhân; ở trong vọng tưởng lập ra tính nhân duyên, khi mê tính nhân duyên, thì gọi là tự nhiên. Cả tính hư không kia, còn thật là huyền hóa sinh ra và nhân duyên, tự nhiên đều là những sự so đo của vọng tâm chúng sinh. A Nan, biết do vọng sinh khởi ra, mà nói nhân duyên vọng; nếu cái vọng vốn không, thì nhân duyên vọng đó, vốn không có gì, hướng nữa, không biết mà cho là tự nhiên; vậy nên Như Lai phát minh cho các ông rằng bản nhân của Ngũ âm, đồng là vọng tưởng.

Thân thể của ông trước kia, nhân cái tướng của cha mẹ mà sinh, tâm của ông, nếu không phải là tướng, thì không thể đến gá cái mạng vào trong tướng. Như trước tôi đã nói: Tâm tướng vị chua, trong miệng nước bọt sinh ra; tâm tướng lên cao, trong lòng bàn chân nghe ghê rợn; dốc cao không có, vật chua chua đến, cái thân thể của ông nếu không phải cùng loài hư vọng, thì làm sao nhân nghe nói chua, trong miệng nước bọt lại chảy ra; vậy ông nên biết, sắc thân hiện tiền của ông, gọi là vọng tướng kiên cố thứ nhất.

Tức nơi tâm tưởng tượng việc lên cao, vừa nói trước kia, nó có thể khiến thân ông thật chịu ghê rợn; nhân các thụ sinh ra, có thể xúc động đến sắc thân. Vậy hiện nay, hai thứ thọ thuận ích và vi tổn đang rong ruổi nơi ông, thì gọi là vọng tưởng hư minh thứ hai.

Do những ý nghĩ sai khiến sắc thân của ông; nếu sắc thân không phải cùng loài, thì làm sao thân ông lại theo ý nghĩ sai khiến, nhận các thứ hình tượng, sinh tâm chấp nhận các hình, phù hợp với ý nghĩ; lúc thức là tưởng tâm, lúc ngủ làm chiêm bao. Vậy những vọng tính lay động tưởng nghĩ của ông gọi là vọng tưởng dung thông thứ ba.

Sự chuyên hoá không dừng, xoay vần thâm thâm dòi dòi; móng tay dài, tóc sinh ra, khí lực tiêu, da mặt nhăn, ngày đêm thay đổi, mà không hề hay biết.

A Nan, nếu cái đó không phải là ông, thì làm sao thân ông, lại dòi dòi; nhưng, nếu nó thật là ông, thì sao ông lại không hay biết. Vậy, các hành niệm, niệm không dừng của ông, gọi là vọng tưởng u ẩn thứ tư.

Lại chỗ tinh minh đứng lặng, không lay động của ông, gọi là thường còn, thì nơi thân ông, không ra ngoài những sự thấy, nghe, hay, biết. Nếu nó thật là tính tinh chân, thì không thể huân tập được điều vọng; vì thế nhân gì bợn ông, trong mấy năm trước, đã từng xem một vật lạ; trải qua nhiều năm không hề nghĩ đến; về sau bỗng nhiên thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng, không có thiếu sót; vậy trong tính tinh minh đứng lặng, không lay động ấy, từng niệm từng niệm chịu huân tập, không thể tính toán hết được;

A Nan, nên biết cái đứng lặng đó, không phải thật, như nước chảy gấp, trông như đứng lặng, vì chảy gấp mà không thấy, chứ không phải không chảy. Nếu cội gốc cái đó, không phải vọng tưởng, thì đâu lại chịu để hư vọng huân tập. Nếu sáu căn của ông chưa được tự tại chia hợp, dùng thay lẫn nhau, thì cái vọng tưởng đó không lúc nào diệt được. Vậy nên hiện nay, cái tập khí quán xuyên tập trung những điều thấy, nghe, hay, biết của ông, là cái vọng tưởng điên đảo vi tế, huyễn hóa, rỗng trống thứ năm, trong tính trạm liễu của ông.

A Nan, năm cái âm đó, do năm vọng tưởng tạo thành. Nay ông muốn biết giới hạn sâu cạn, thì chỉ sắc và không là biên giới của Sắc âm, chỉ xúc và lý là biên giới của Thụ âm; chỉ nhớ và quên là biên giới của Tưởng âm; chỉ diệt và sinh là biên giới của Hành âm; đứng lặng vào hợp với đứng lặng là biên giới của Thức âm.

Năm âm ấy vốn trùng điệp sinh khởi; sinh, nhân Thức âm mà có, diệt, từ Sắc âm mà trừ; lý, thì ngộ liền, nhân cái ngộ đều tiêu; sự, không phải trừ liền, theo thứ lớp mà diệt hết.

Tôi đã chỉ cho ông về cái nút khăn Kiếp ba la, có chỗ nào không rõ mà ông phải hỏi lại. Tâm ông cần phải thông suốt về cội gốc vọng tưởng đó, rồi đem truyền bày cho những người tu hành trong đời Mạt Pháp sau này, khiến cho họ biết hư vọng, tự sinh nhàm chán và biết có Niết bàn, không luyến tiếc ba cõi.

PHẦN THỨ BA - PHẦN LƯU THÔNG

CHƯƠNG I - LƯU THÔNG CỦA KINH NÀY

MỤC I - ĐƯỢC PHƯỚC HƠN CẢ

“A Nan, ví như có người đem các thứ thất bảo đầy rẫy hư không cùng khắp mười phương, dâng lên chư Phật như số vi trần, phụng thờ cúng dường, tâm không lúc nào xao lãng; ý ông nghĩ thế nào, người đó, do nhân duyên cúng dường Phật như thế, được phước có nhiều chăng?”

Ông A Nan đáp rằng: “Hư không không hết, trân bảo không cùng; ngày xưa, có chúng sinh cúng Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển Luân Vương; huống nữa, hiện tiền hư không đã cùng hết, cõi Phật đã đầy khắp và đều cúng đồ trân bảo, thì dầu suy nghĩ cùng tột các kiếp, cũng không thể thấu được; phước ấy làm sao còn có bờ bến”.

MỤC II - TIÊU TỘI HƠN CẢ

Phật bảo ông A Nan: "Chư Phật Như Lai, lời nói không hư vọng. Ví như có người gây đủ các tội tứ trọng, thập ba la di, giây lát phải trải qua địa ngục A tỳ phương này phương khác, cho đến cùng tột các địa ngục Vô Gián thập phương, không nơi nào, không phải trải qua; nếu người đó, dùng một niệm đem Pháp môn này, khai thị cho người chưa học trong đời Mạt Pháp thì tội chướng người đó liền được tiêu diệt, biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục, thành cái nhân sinh về Cực Lạc quốc, được phước vượt hơn người thí cúng trước kia, trăm lần, ngàn lần, ngàn vạn ức lần, như thế, cho đến toán số thí dụ không thể nói hết được.

MỤC III - TRỪ MA HƠN CẢ

"A Nan, nếu có chúng sinh, biết tụng Kinh này, biết trì chú này, như tôi nói rộng ra, thì cùng tột các kiếp cũng không hết; nếu nương theo lời dạy của tôi, y như lời dạy mà tu hành, thì thẳng đến đạo Bồ đề, không còn có các ma sự".

CHƯƠNG II - LƯU THÔNG CHUNG

Phật nói Kinh này rồi, các vị tử khuru, tử khuru ni, ưu bà tắc, ưu bà di, tất cả loài Trời, loài Người, loài A tu la thế gian, các vị Bồ tát, Nhị thừa, Thánh tiên, Đồng tử cõi khác và các Đại lực quỷ thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, làm lễ mà lui.

HẾT